

E. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỒ ÁN, KHÓA LUẬN, LUẬN VĂN, LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

1. Khoa Xã hội học

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
1.1	Tiến sĩ	Hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho phụ nữ bị mua bán trở về (Nghiên cứu trường hợp tại huyện Đông văn và huyện Mèo Vạc tỉnh Hà Giang)	Nguyễn Văn Vệ	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	
1.2	Tiến sĩ	Thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục cho học THPT vùng dân tộc thiểu số tại tỉnh Lai Châu	Bùi Thanh Bình	PGS.TS, Hoàng Thu Hương	
1.3	Tiến sĩ	Hỗ trợ cha mẹ trong giáo dục sức khỏe sinh sản cho con ở tuổi THCS tại thành phố Hà Nội	Ngô Thị Thanh Mai	GS.TS. Hoàng Bá Thịnh	
1.4	Tiến sĩ	Hòa nhập xã hội của trẻ em mồ côi tại làng trẻ em SOS và Làng trẻ em Birla, thành phố Hà Nội	Đỗ Thị Thu Phương	GS.TS. Đặng Nguyên Anh	
2	Thạc sĩ				
2.1	Thạc sĩ	Ứng dụng công tác xã hội cá nhân trong hỗ trợ người cao tuổi tại xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	Khuất Đình Đức	GS.TS. Hoàng Bá Thịnh	
2.2	Thạc sĩ	Ứng dụng công tác xã hội cá nhân trong hỗ trợ phụ nữ bị bạo lực trên cơ sở giới tại Ngôi nhà Bình yên	Đỗ Thị Anh Châm	PGS.TS. Trịnh Văn Tùng	
2.3	Thạc sĩ	Ứng dụng công tác xã hội nhóm trong việc hỗ trợ trẻ vị thành niên mồ côi tại làng trẻ SOS biết cách xây dựng tình bạn	Ngô Bình Minh	PGS.TS. Nguyễn Thị Như Trang	
2.4	Thạc sĩ	Ứng dụng công tác xã hội nhóm huy động nguồn lực cộng đồng hỗ trợ hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại phường	Lê Thị Thu Thủy	TS. Nguyễn Thị Kim Nhung	

		Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội			
2.5	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm thanh niên khuyết tật các dân tộc thiểu số ở tỉnh Hòa Bình	Phạm Nguyễn Bình An	PGS.TS. Nguyễn Thị Thái Lan	
2.6	Thạc sĩ	Đánh giá mô hình can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ tại trung tâm giáo dục chuyên biệt Bình Minh, Thành phố Hà Nội	Đoàn Hữu Vinh	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	
2.7	Thạc sĩ	Xây dựng mô hình công tác xã hội tại bệnh viện tuyến huyện (Nghiên cứu trường hợp Trung tâm Y tế huyện Gia Viễn, Ninh Bình)	Phạm Kim Anh	PGS.TS. Nguyễn Hồi Loan	
2.8	Thạc sĩ	Ứng phó với định kiến xã hội của người đồng tính tại quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và một số giải pháp công tác xã hội	Hoàng Diệu Ly	GS.TS. Hoàng Bá Thịnh	
2.9	Thạc sĩ	Hoạt động công tác xã hội đối với tình trạng bạo lực học đường ở học sinh THCS (Nghiên cứu trường hợp Trường THCS Thọ An, xã Thọ An, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội)	Lê Thị Hoài Niệm	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	
2.10	Thạc sĩ	Sự hài lòng của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân đối với dịch vụ công tác xã hội tại bệnh viện Nhi Trung ương hiện nay	Phạm Hà Phương	TS. Đặng Kim Khánh Ly	
3	Đại học				
3.1	Đại học	Tác động của du lịch cộng đồng đến đời sống của người dân nông thôn huyện Con Cuông Nghệ An	Nguyễn Thị Mai An	PGS.TS Nguyễn Tuấn Anh	Tìm hiểu tình hình du lịch tại địa bàn huyện Con Cuông, những vấn đề khó khăn còn tồn đọng chưa được giải quyết, tìm hiểu những tác động tích cực, tiêu cực đến vấn đề kinh tế xã hội văn hóa và môi trường, rút ra những bài học những định hướng giải quyết kiến nghị phù hợp..
3.2	Đại học	Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy trình tuyển dụng tại công ty cổ phần đầu tư 6789	Nguyễn Thị Hằng	PGS.TS Nguyễn Tuấn Anh	Tìm hiểu công tác tuyển dụng của công ty 6789 Land để có thể phân tích, đánh giá thực trạng công tác tuyển dụng của công ty, khuyến nghị một số giải pháp giúp doanh nghiệp cải tiến trong công tác tuyển dụng, nâng cao chất lượng đầu vào cho công ty.
3.3	Đại học	Nhận thức về vệ sinh an toàn thực phẩm của người dân thành phố Hà Nội (NC trường hợp tại quận Hoàn Kiếm – Hà Nội)	Nguyễn Thị Huế	PGS.TS Nguyễn Thị Kim Hoa	NC Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của người dân về vệ sinh an toàn thực phẩm của người dân, đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiểu biết và nhận thức về vệ sinh an toàn thực phẩm.

3.4	Đại học	Ảnh hưởng từ việc tham gia các câu lạc bộ đến vốn xã hội của sinh viên hiện nay (NC trường hợp sinh viên tại Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQGHN)	Trần Hoàng Anh	TS Mai Linh	Tìm hiểu về một loại nguồn lực hữu hiệu cho sinh viên hiện nay như vốn xã hội. Là rõ cơ sở lý luận các lý thuyết xã hội về mạng lưới xã hội, đoàn kết xã hội, cố kết xã hội.... Đánh giá những ảnh hưởng từ việc tham gia câu lạc bộ trong quá trình làm gia tăng vốn xã hội của sinh viên. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp tăng cường vốn xã hội cho sinh viên nhằm đối phó và thích ứng với những biến đổi trong thời đại hiện nay
3.5	Đại học	Vai trò của truyền thông đại chúng đối với vệ sinh an toàn thực phẩm (NC trường hợp tại thị trấn Vân Đình –và Hoàn Kiếm- Hà Nội)	Nguyễn Khánh Linh	TS Mai Linh	Tìm hiểu vai trò của truyền thông đại chúng đối với vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thị trấn Vân Đình –và Hoàn Kiếm- Hà Nội. Từ đó đề xuất khuyến nghị tăng cường sự tác động mạnh mẽ, tích cực hiệu quả của truyền thông đến tiêu dùng thực phẩm sạch của người dân
3.6	Đại học	Nhận thức về việc làm và nhu cầu được đào tạo tại đại học của sinh viên trong thời đại công nghiệp 4.0 (NC trường hợp sinh viên trường ĐHKHXH&NV)	Nguyễn Cẩm Thu	TS Mai Linh	Tìm hiểu nhận thức về việc làm dưới sự tác động của thời đại 4.0 đồng thời chỉ ra nhu cầu được đào tạo tại đại học của sinh viên trong thời đại công nghiệp 4.0, đề xuất một số giải pháp góp phần cải tiến mô hình đào tạo đại học tại VN
3.7		Hành vi tiêu dùng thực phẩm sạch trong các hộ gia đình hiện nay (NC trường hợp tại thị trấn Vân đình - Ứng Hòa và Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội)	Nguyễn Hồng Ngọc	TS Mai Linh	Tìm hiểu hành vi tiêu dùng thực phẩm an toàn của người dân TP Hà Nội nơi khảo sát thông quan hành vi hành vi lựa chọn, chế biến và bảo quản thực phẩm. Tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng thực phẩm sạch của các hộ gia đình. Từ đó đưa ra những khuyến nghị nâng cao nhận thức của người dân và khuyến khích tiêu dùng những thực phẩm sạch trong cộng đồng
3.8	Đại học	Ảnh hưởng của đại dịch Covid -19 đến chất lượng học tập của sinh viên trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN	Nguyễn Thị Hậu	TS. Nguyễn Thị Lan	Tìm hiểu những ảnh hưởng của đại dịch Covid -19 đến chất lượng học tập của sinh viên trường ĐHKHXH&NV – ĐHQGHN. Từ đó đề xuất một số giải pháp để có thể giúp sinh viên học tập và nâng cao chất lượng học tập trong thời kỳ đại dịch
3.9	Đại học	Hành vi sử dụng rượu bia của sinh viên Trường ĐHKHXH&NV hiện nay	Hoàng Mai Linh	TS. Nguyễn Thị Lan	Tìm hiểu hành vi sử dụng rượu bia của sinh viên Trường ĐHKHXH&NV hiện nay, đề xuất những giải pháp nhằm hạn chế việc sử dụng rượu bia của sinh viên.
3.10	Đại học	Đánh giá của người dân về vai trò của các kênh truyền truyền trong phòng chống Covid19 (NC trường hợp tại Văn Quán – Hà Đông – Hà Nội)	Trương Thị Thúy Diễm	TS Đào Thuý Hằng	Là rõ quan điểm của người dân về vai trò của các kênh truyền truyền trong phòng chống Covid19 tại Văn Quán – Hà Đông – Hà Nội, phân tích thực trạng, đề xuất một số giải pháp truyền thông hiệu quả hơn
3.11	Đại học	Kiểm soát xã hội về an toàn thực phẩm tại TP Hà Nội hiện nay (NC trường hợp tại thị trấn Vân đình, Ứng Hòa – Hà Nội)	Nguyễn Hương Mỹ Hoa	TS Đào Thuý Hằng	Là rõ các mô hình lý thuyết áp dụng nghiên cứu đề tài. Đồng thời nhận diện các hình thức kiểm soát xã hội về an toàn thực phẩm, khuyến nghị một số giải pháp về nâng cao an toàn thực phẩm cho người dân
3.12	Đại học	Quan điểm của sinh viên đối với hình ảnh nữ giới trên quảng cáo truyền hình Việt Nam hiện nay (NC trường hợp sinh viên trường ĐHKHXH&NV)	Trần Thị Ngọc Ánh	TS Đào Thuý Hằng	Làm sáng tỏ quan điểm của sinh viên đối với hình ảnh nữ giới trên quảng cáo truyền hình Việt Nam hiện nay
3.13	Đại học	Vai trò của không gian công cộng tâm linh đối với đời sống con người và xã hội ở Hà Nội hiện nay	Bùi Thị Hồng Nhung	PGS.TS Trịnh Văn Tùng	Tìm hiểu vai trò của không gian công cộng tâm linh đối với đời sống con người và xã hội ở Hà Nội hiện nay. Phân tích vai trò của không gian công cộng tâm linh trên các phương diện kinh tế - xã hội, văn hóa tinh thần, trên

					<p> cơ sở đó đư ra những kiến nghị để nâng cao vai trò của không gian công cộng tâm linh đối với đời sống và xã hội ở Hà Nội</p>
3.14	Đại học	Vai trò của không gian công cộng giao thông đối với đời sống của người Hà Nội hiện nay	Hồ Sỹ Tuân	PGS.TS Trịnh Văn Tùng	<p> Tìm hiểu vai trò của không gian công cộng giao thông đối với đời sống của người Hà Nội hiện nay. Phân tích vai trò của không gian công cộng giao thông về phương diện kinh tế - xã hội, an toàn trật tự đô thị, giải trí, văn hóa. Đề xuất những giải pháp cải thiện những bất cập của không gian công cộng giao thông Hà Nội</p>
3.15	Đại học	Trần dung nhóm LGBT trên báo điện tử VNEXPRESS	Ngô Thị Kim Duyên	Ths. Trần Xuân Hồng	<p> Hệ thống hóa một số lý thuyết liên quan đến đề tài, phân tích trần dung nhóm LGBT được khắc họa thông qua các bài báo điện tử Vnexpress. Đồng thời chỉ ra sự khác biệt, sự thay đổi về cảm xúc của nhóm LGBT được truyền tải trên trang báo điện tử nêu trên trong khoảng thời gian 5 năm trở lại đây (2015- 2020). Từ đó đưa ra những nhận định, đánh giá về vấn đề nghiên cứu nhằm phản ánh đúng hình ảnh của nhóm này trên báo chí.</p>
3.16	Đại học	Thực trạng hành vi mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng trên địa bàn TP Thanh Hóa (NC trường hợp tại Phường Điện Biên – TP Thanh Hóa)	Trần Thị Phương Dung	GV.Nguyễn Lan Nguyễn	<p> Tìm hiểu thực trạng mua sắm trực tuyến của nhóm người tiêu dùng sử dụng Internet tại thành phố Thanh Hóa, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng trên địa bàn TP Thanh Hóa. Từ đó đề xuất một số giải pháp chiến lược giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh trực tuyến.</p>
3.17	Đại học	Tiêu chí của nhà tuyển dụng về những kỹ năng cơ bản đối với nhóm ứng viên tốt nghiệp Đại học khối ngành KHXHNV (NC tác tin tuyển dụng trên các trang mạng tuyển dụng Careerbuilder.vn)	Bùi Thị Chuyên	TS.Nguyễn Thị Kim Nhung	<p> Làm rõ những yêu cầu của nhà tuyển dụng về những kỹ năng cơ bản đối với nhóm ứng viên tốt nghiệp Đại học khối ngành KHXHNV qua đó giúp cho ngành giáo dục đại học định hướng tốt hơn trong việc hoạch định chương trình đào tạo phù hợp nhằm đào tạo cho sinh viên những kỹ năng cần thiết đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng.</p>
3.18	Đại học	Hành vi mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng Việt Nam trong bối cảnh dịch bệnh Covid – 19 hiện nay (NC trường hợp tại thị trấn Tây Đặng – Ba Vi – Hà Nội)	Nguyễn Thị Thủy	GS.TS Hoàng Bá Thịnh	<p> NC nhằm làm rõ những khái niệm liên quan đến hành vi mua sắm trực tuyến của người dân trong bối cảnh đại dịch Covid – 19 hiện nay. NC nhằm chỉ ra thực trạng về hành vi mua sắm trực tuyến hiện nay đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid – 19, chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn và tiêu dùng của người tiêu dùng.. trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm, đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh trực tuyến</p>
3.19	Đại học	Lựa chọn ngành học của học sinh lớp 12 trong bối cảnh đại dịch covid19 (NC trường hợp tại trường THPT Kiến Thụy – Hải Phòng)	Đặng Thị Thủy	GS.TS Hoàng Bá Thịnh	<p> Làm rõ những khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu lựa chọn ngành học trong bối cảnh dịch Covid19 hiện nay và hiện trạng, đề xuất khuyến nghị nâng cao hiệu quả của công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông.</p>
3.20	Đại học	Thực trạng mua sắm trực tuyến của sinh viên trường ĐHKHXH&NV trong bối cảnh đại dịch covid19 hiện nay	Vương Thị Mai Hoa	GS.TS Hoàng Bá Thịnh	<p> Xây dựng cái nhìn tổng quan mua sắm trực tuyến, những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến, đề xuất một số giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trực tuyến</p>
3.21	Đại học	Tác động của truyền thông đại chúng tới nhận thức của người dân về an toàn vệ sinh	Nguyễn Thị Thông	GV.Phạm Diệu Linh	<p> - Làm rõ cơ sở lý luận về truyền thông đại chúng và ứng xử xã hội trước vấn đề đảm bảo an toàn thực phẩm</p>

		thực phẩm tại Hà Nội (NC trường hợp tại thị trấn Văn Đình - Ứng Hòa – Hà Nội)			- Làm rõ tác động của truyền thông đại chúng tới sự tiếp nhận thông tin và nhận thức của người dân về bảo quản thực phẩm - Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao nhận thức hiệu quả của truyền thông đại chúng trong bảo quản thực phẩm
3.22	Đại học	Hành vi lựa chọn và sử dụng thực phẩm an toàn của người dân TP Hà Nội hiện nay (NC tại Quận Thanh Xuân - Hà Nội)	Phùng Thị Thanh Thúy	GV.Phạm Diệu Linh	Là rõ hành vi tiêu dùng thực phẩm an toàn của người dân trong việc đảm bảo chất lượng cuộc sống, đồng thời tìm hiểu các yếu tố tác động đến hành vi tiêu dùng. Từ đó tác giả đưa ra những khuyến nghị nhằm giúp người dân có sự lựa chọn đúng đắn thực phẩm cho gia đình, nâng cao chất lượng cuộc sống
3.23	Đại học	Hoạt động học tập của sinh viên Trường ĐHKHXH&NV trong giai đoạn đại dịch Covid19	Lê Thu Thị Thu Trang	TS.Đinh Phương Linh	Tìm hiểu những hoạt động học tập của sinh viên Trường ĐHKHXH&NV trong giai đoạn đại dịch Covid19, phân tích những khó khăn sinh viên gặp phải hiện nay từ đó đề xuất những giải pháp thúc đẩy hoạt động học tập của sinh viên trong trường
3.24	Đại học	Thực trạng sử dụng dịch vụ trực tuyến của du khách nội địa ở Việt Nam hiện Nay (NC trường hợp tại Thị trấn Tam Đảo Vĩnh Phúc)	Vương Ngọc Anh Thư	PGS.TS Nguyễn Thị Thu Hà	Làm rõ thực trạng sử dụng dịch vụ trực tuyến của du khách nội địa ở Việt Nam hiện Nay, đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch trực tuyến của du khách nội địa hiện nay
3.25	Đại học	Nhận thức, hành vi về quan hệ tình dục và xâm hại tình dục của học sinh trung học phổ thông (NC trường hợp tại trường THPT xã Sơn Nam – Sơn Dương – Tuyên Quang)	Phạm Thị Tươi	PGS.TS Nguyễn Thị Thu Hà	Làm rõ thực trạng nhận thức, hành vi về quan hệ tình dục và xâm hại tình dục của học sinh trung học phổ thông xã Sơn Nam – Sơn Dương – Tuyên Quang)
3.26	Đại học	Biến đổi cơ cấu việc làm của hộ gia đình nông thôn trong quá trình CNH, HĐH (NC trường hợp tại tổ 23 phường Thịnh Dân, TP Thái Nguyên)	Lê Thị Hoài Thương	PGS.TS Phạm Văn Quyết	Đánh giá thực trạng biến đổi cơ cấu việc làm của hộ gia đình nông thôn trong quá trình CNH, HĐH và phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu việc làm của người dân tổ 23 phường Thịnh Dân, TP Thái Nguyên
3.27	Đại học	Sự biến đổi cơ cấu nguồn thu nhập của hộ gia đình (NC trường hợp tại Hậu Lộc, Mỹ Lộc – Thanh Hóa)	Lưu Huyền Trang	PGS.TS Phạm Văn Quyết	Mô tả Sự biến đổi cơ cấu nguồn thu nhập của hộ gia đình xã Mỹ Lộc – Hậu lộc- Thanh Hóa. Đề xuất một số giải pháp tạo thêm việc làm tạo thêm thu nhập cho người nông dân.

2. Khoa Thông tin – Thư viện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
1.1	Tiến sĩ	Văn hóa đọc của sinh viên Đại học Quốc Gia HN	Nguyễn Chí Trung	Trần Thị Minh Nguyệt	Nghiên cứu về Văn hóa đọc của sinh viên Đại học Quốc Gia HN
2	Thạc sĩ				

2.1	Thạc sĩ	Phát triển nguồn lực thông tin tại Thư viện Đại học Y Hà Nội	Lê Thị Phương Linh	PGS. TS. Trần Thị Minh Nguyệt	Nghiên cứu về kế hoạch, chiến lược, quy trình phát triển nguồn lực thông tin tại Thư viện Đại học Y Hà Nội
2.2	Thạc sĩ	Nhu cầu tin tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên	Dương Thị Mai	PGS. TS. Trần Thị Quý	Nghiên cứu về nhu cầu tin tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên
2.3	Thạc sĩ	Mô hình dịch vụ mượn liên thư viện cho hệ thống thư viện công cộng Việt Nam	Trần Anh Phương	TS. Đỗ Văn Hùng	Xây dựng Mô hình dịch vụ mượn liên thư viện cho hệ thống thư viện công cộng tại Việt Nam
2.4	Thạc sĩ	Công tác phục vụ người dùng tin tại Trung tâm Thông tin – Tư liệu – Thư viện Trường Đại học Hùng Vương	Phạm Thị Hương Thảo	TS. Nguyễn Thị Kim Dung	Nghiên cứu về Công tác phục vụ người dùng tin tại Trung tâm Thông tin – Tư liệu – Thư viện Trường Đại học Hùng Vương
2.5	Thạc sĩ	Tổ chức và hoạt động thông tin – thư viện tại Thư viện Khoa Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội	Nguyễn Thị Yên	TS. Nguyễn Thị Kim Dung	Nghiên cứu về Tổ chức và hoạt động thông tin – thư viện tại Thư viện Khoa Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
2.6	Thạc sĩ	Tổ chức và hoạt động thư viện thân thiện trong các trường tiểu học ở Hà Nội	Đặng Thị Hợp	PGS. TS. Nguyễn Thị Lan Thanh	Nghiên cứu về Tổ chức và hoạt động thư viện thân thiện trong các trường tiểu học ở Hà Nội
2.7	Thạc sĩ	Thư viện số tại Thư viện Tạ Quang Bửu, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	Nguyễn Thị Ngân	PGS. TS. Trần Thị Quý	Nghiên cứu về tổ chức hoạt động của Thư viện số tại Thư viện Tạ Quang Bửu, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
2.8	Thạc sĩ	Xử lý tài liệu tại Thư viện Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	Đặng Hồng Thúy	TS. Bùi Thanh Thủy	Nghiên cứu quy trình và cách thức Xử lý tài liệu tại Thư viện Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
2.9	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực tại Thư viện Trường Đại học Thủy Lợi	Từ Đức Trung	PGS. TS. Trần Thị Minh Nguyệt	Nghiên cứu tổ chức, hoạt động để Phát triển nguồn nhân lực tại Thư viện Trường Đại học Thủy Lợi
2.10	Thạc sĩ	Thư viện thông minh và khả năng ứng dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện tại Đại học Quốc gia Hà Nội	Ngô Hải Anh	TS. Nguyễn Hoàng Sơn	Nghiên cứu mô hình Thư viện thông minh và khả năng ứng dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện tại Đại học Quốc gia Hà Nội
2.11	Thạc sĩ	Xử lý nội dung tài liệu tại Thư viện Viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam	Phạm Thị Hoa Mai	TS. Bùi Thanh Thủy	Nghiên cứu quy trình và cách thức Xử lý nội dung tài liệu tại Thư viện Viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
2.12	Thạc sĩ	Hoạt động marketing tại Thư viện Hà Nội	Lê Văn Việt	TS. Chu Ngọc Lâm	Nghiên cứu Hoạt động marketing tại Thư viện Hà Nội
2.13	Thạc sĩ	Văn hoá đọc của giảng viên tại Học viện Chính trị khu vực 1	Đỗ Anh Đào	TS. Nguyễn Thị Kim Dung	Nghiên cứu Văn hoá đọc của giảng viên tại Học viện Chính trị khu vực 1
2.14	Thạc sĩ	Ứng dụng phần mềm mã nguồn mở tại các thư viện thành viên của Liên chi hội thư viện Đại học khu vực phía Bắc	Phạm Thị Thu Trang	TS. Nguyễn Huy Chương	Nghiên cứu công tác Ứng dụng phần mềm mã nguồn mở tại các thư viện thành viên của Liên chi hội thư viện Đại học khu vực phía Bắc
2.15	Thạc sĩ	Nguồn nhân lực tại trung tâm Thông tin Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, Thực trạng và Giải pháp	Nguyễn Đức Thái	TS. Nguyễn Huy Chương	Nghiên cứu về Nguồn nhân lực tại trung tâm Thông tin Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, Thực trạng và Giải pháp
2.16	Thạc sĩ	Phát triển nguồn tài nguyên thông tin số tại Trung tâm Lưu trữ và Thư viện Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy	Trịnh Thị Thảo	TS. Nguyễn Thị Kim Dung	Nghiên cứu về việc Phát triển nguồn tài nguyên thông tin số tại Trung tâm Lưu trữ và Thư viện Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy

2.17	Thạc sĩ	Ứng dụng marketing hỗn hợp tại Thư viện Trường Đại học Y Hà Nội	Nguyễn Thị Liên	TS. Bùi Thanh Thủy	Nghiên cứu hoạt động Ứng dụng marketing hỗn hợp tại Thư viện Trường Đại học Y Hà Nội
2.18	Thạc sĩ	Năng lực thông tin của học viên Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy	Nguyễn Thị Thanh Hải	PGS. TS. Trần Thị Minh Nguyệt	Nghiên cứu về Năng lực thông tin của học viên Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy
3	Đại học				
3.1	Đại học	Năng lực nhận biết tin giả trên mạng xã hội của sinh viên	Đỗ Thị Hồng Ánh	TS. Đỗ Văn Hùng	Nghiên cứu năng lực nhận biết tin giả trên mạng xã hội của sinh viên
3.2	Đại học	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin của giảng viên qua hoạt động giảng dạy trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 (Nghiên cứu trường hợp giảng viên tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN)	Nguyễn Hoàng Bảo Phụng	TS. Trần Thị Thanh Vân	Nghiên cứu năng lực sử dụng công nghệ thông tin của giảng viên qua hoạt động giảng dạy trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 (Nghiên cứu trường hợp giảng viên tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN)
3.3	Đại học	Nghiên cứu về nhu cầu sử dụng tài liệu số và tác động của nó tới hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội.	Đinh Thị Hải Yến	TS. Nguyễn Thị Kim Dung	Nghiên cứu về nhu cầu sử dụng tài liệu số và tác động của nó tới hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội.
3.4	Đại học	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong tối ưu hóa quản lý mối quan hệ khách hàng (CRM): Nghiên cứu tình huống doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam	Lương Lê Ngọc Châu	TS. Đỗ Văn Hùng	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong tối ưu hóa quản lý mối quan hệ khách hàng (CRM): Nghiên cứu tình huống doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam
3.5	Đại học	Hành vi thông tin của sinh viên Trường ĐHKHXH&NV	Lê Thị Hằng	TS. Trần Thị Thanh Vân	Nghiên cứu hành vi thông tin của sinh viên Trường ĐHKHXH&NV
3.6	Đại học	Ứng dụng mạng xã hội TikTok tại Tạp chí điện tử VietTimes	Ngô Trí Tài	ThS. Đồng Đức Hùng	Nghiên cứu ứng dụng mạng xã hội TikTok tại Tạp chí điện tử VietTimes
3.7	Đại học	Phát triển hoạt động truyền thông trên Youtube tại Tạp chí điện tử VietTimes	Nguyễn Trung Thành	ThS. Đồng Đức Hùng	Nghiên cứu phát triển hoạt động truyền thông trên Youtube tại Tạp chí điện tử VietTimes
3.8	Đại học	Ứng dụng công cụ lắng nghe xã hội của Công ty cổ phần công nghệ Infore tại Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19	Lại Trường Minh	ThS. Trịnh Khánh Vân	Nghiên cứu ứng dụng công cụ lắng nghe xã hội của Công ty cổ phần công nghệ Infore tại Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19
3.9	Đại học	Văn hóa đọc của thiếu nhi tại Thư viện Hà Nội	Nguyễn Thị Giang	TS. Nguyễn Thị Kim Dung	Nghiên cứu văn hóa đọc của thiếu nhi tại Thư viện Hà Nội
3.10	Đại học	Xúc tiến hỗn hợp tại Thư viện Trường THPT Hoài Đức A, Hà Nội	Phạm Thị Thu Hằng	TS. Bùi Thanh Thủy	Nghiên cứu xúc tiến hỗn hợp tại Thư viện Trường THPT Hoài Đức A, Hà Nội
3.11	Đại học	Tổ chức và hoạt động tại Thư viện Trường THPT Phan Đình Phùng, Hà Nội	Nguyễn Dương Ly	TS. Bùi Thanh Thủy	Nghiên cứu tổ chức và hoạt động tại Thư viện Trường THPT Phan Đình Phùng, Hà Nội

3.12	Đại học	Tìm hiểu văn hóa đọc của học sinh tại Thư viện Trường Tiểu học Giáp Bát	Bùi Minh Lý	TS. Nguyễn Thị Kim Dung	Tìm hiểu văn hóa đọc của học sinh tại Thư viện Trường Tiểu học Giáp Bát
3.13	Đại học	Phát triển văn hóa đọc cho học sinh Trường THPT Quảng Oai	Nguyễn Thị Minh Nhật	ThS. Trần Đức Hòa	Nghiên cứu hoạt động phát triển văn hóa đọc cho học sinh Trường THPT Quảng Oai
3.14	Đại học	Hoạt động Marketing hỗn hợp tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Học viện Ngân hàng	Đặng Hồng Nhung	TS. Bùi Thanh Thủy	Nghiên cứu hoạt động Marketing hỗn hợp tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Học viện Ngân hàng
3.15	Đại học	Nhu cầu tin và khả năng đáp ứng thông tin cho sinh viên, học viên tại Thư viện Đại học Y Hà Nội	Nguyễn Thị Như Quỳnh	ThS. Trịnh Khánh Vân	Nghiên cứu nhu cầu tin và khả năng đáp ứng thông tin cho sinh viên, học viên tại Thư viện Đại học Y Hà Nội
3.16	Đại học	Tổ chức và quản lý hoạt động thông tin tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Nam VCCorp	Nguyễn Thị Thuý Dương	TS. Nguyễn Thị Kim Dung	Nghiên cứu tổ chức và quản lý hoạt động thông tin tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Nam VCCorp

2. Khoa Triết học

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
1.1	Tiến sĩ cấp bằng đợt 1 – 2021	Tư tưởng của Nho giáo tiên Tần về dân và ảnh hưởng của nó trong lịch sử tư tưởng Việt Nam từ thế kỉ XI đến nửa thế kỷ XIX	Trương Thị Thảo Nguyên	PGS.TS Nguyễn Thanh Bình	<ul style="list-style-type: none"> - Luận án làm rõ những nội dung chủ yếu trong tư tưởng về dân của Nho giáo tiên Tần như: phạm trù dân, về vai trò và vị trí của dân trong xã hội, về thái độ và trách nhiệm của nhà vua, người cầm quyền đối với dân. Trên cơ sở đó, luận án chỉ ra những giá trị và hạn chế của nó. - Làm rõ những ảnh hưởng tư tưởng về dân của Nho giáo tiên Tần đến tư tưởng về dân trong lịch sử tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XI đến nửa đầu thế kỷ XIX (qua nghiên cứu ảnh hưởng của nó trong một số nhà vua, nhà Nho, nhà tư tưởng Việt Nam). - Luận án chỉ ra giá trị, hạn chế của tư tưởng về dân trong lịch sử tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XI đến nửa đầu thế kỷ XIX và rút ra ý nghĩa của tư tưởng này ở Việt Nam hiện nay.
1.2	Tiến sĩ Cấp bằng đợt 1 2021	Tư tưởng về nhà nước pháp quyền trong triết học phương Tây cận đại và giá trị tham khảo đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay	Ngô Minh Thương	PGS.TS. Trương Quốc Chính	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ. - Phân tích những điều kiện, tiền đề cho sự ra đời tư tưởng về nhà nước pháp quyền của các nhà triết học phương Tây thời cận đại. - Phân tích một số nội dung cơ bản trong tư tưởng về nhà nước pháp quyền của các nhà triết học phương Tây thời cận đại. - Đánh giá những giá trị, hạn chế trong tư tưởng về nhà nước pháp quyền của các nhà triết học phương Tây thời cận đại và giá trị tham khảo của những tư tưởng này đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay.

1.3	Tiến sĩ Cấp bằng đợt 1 2021	Đổi mới chính trị trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay	Phạm Thị Thùy	GS.TS. Trần Phúc Thăng	<ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới chính trị và hội nhập quốc tế; chỉ ra những nhân tố tác động và các nội dung chủ yếu của đổi mới chính trị trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam. - Đánh giá thực trạng, khái quát một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới chính trị trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam từ năm 1986 đến nay. - Đề xuất một số phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm tiếp tục đổi mới chính trị trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay.
1.4	Tiến sĩ Cấp bằng đợt 1 2021	Đạo hiếu trong tín ngưỡng của người Việt ở đồng bằng Bắc bộ	Nguyễn Thị Phương Hà	PGS.TS Trần Đăng Sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận dưới góc độ Triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, kết hợp với phương pháp liên ngành, luận án đã trình bày có hệ thống về ý thức và thực hành đạo Hiếu trong tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên, thờ Thành hoàng của người Việt thông qua việc làm rõ cơ sở ra đời, những yếu tố tác động như: địa lý - tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa - tư tưởng và sự tồn tại và phát triển của gia đình, dòng họ, làng xã, đất nước đối với việc hình thành đạo Hiếu trong tín ngưỡng của người Việt ở đồng bằng Bắc bộ. - Luận án đã chỉ ra xu hướng vận động, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nhằm phát huy những giá trị và hạn chế những mặt tiêu cực của đạo Hiếu trong tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên, thờ Thành hoàng của người Việt đồng bằng Bắc bộ hiện nay.
1.5	Tiến sĩ Cấp bằng đợt 1 2021	Tư tưởng đạo đức của Arixôt và ý nghĩa của nó đối với việc hoàn thiện đạo đức con người Việt Nam hiện nay	Phạm Trang Quỳnh	PGS.TS Đặng Hữu Toàn	<ul style="list-style-type: none"> - Luận án hệ thống hóa và phân tích điều kiện và các tiền đề cho sự hình thành tư tưởng đạo đức của Arixôt. - Luận án khái quát và trình bày nội dung tư tưởng đạo đức của Arixôt. - Luận án chỉ ra ý nghĩa của tư tưởng đạo đức Arixôt góp phần cùng với những tư tưởng lớn khác đối với việc hoàn thiện đạo đức con người Việt Nam hiện nay.
1.6	Tiến sĩ Cấp bằng đợt 1 2021	Tư tưởng triết học của Karl Raimund Popper	Bùi Lan Hương	GS.TS. Nguyễn Vũ Hào	<ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ sự tác động của điều kiện kinh tế - xã hội cũng như những ảnh hưởng của tiền đề lý luận và khoa học tự nhiên đến sự hình thành tư tưởng triết học của Karl Popper. - Hệ thống hóa và phân tích những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học về khoa học và triết học chính trị - xã hội của K.Popper qua đó chỉ ra được xuất phát điểm trong nghiên cứu của Popper và mối liên hệ giữa hai lĩnh vực tư tưởng này của ông. - Chỉ ra những giá trị, hạn chế trong tư tưởng triết học của K.Popper; đối chiếu một cách có phê phán trên quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tìm ra những “hạt nhân hợp lý” qua đó rút ra ý nghĩa lý luận cho việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của Việt Nam hiện nay.
1.7	Tiến sĩ	Quan hệ sở hữu ở Việt Nam hiện nay	Phạm Đức Thư	PGS.TS. Đặng Thị Lan	<ul style="list-style-type: none"> - Luận án làm rõ và phân tích một số vấn đề lý luận chung nhất về quan hệ sở hữu. - Luận án phân tích và làm rõ những nội dung liên quan đến thực trạng quan hệ sở hữu ở Việt Nam hiện nay.

	Cấp bằng đợt 1 2021				- Luận án đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện, củng cố quan hệ sở hữu ở Việt Nam hiện nay.
1.8	Tiến sĩ Cấp bằng đợt 1 2021	Triết học của Martin Heidegger và ý nghĩa hiện thời của nó	Nguyễn Văn Trường	GS.TS. Nguyễn Vũ Hảo	- Luận án đã làm rõ những điều kiện và tiền đề ra đời triết học của Martin Heidegger. - Luận án đã phân tích một cách hệ thống những nội dung cơ bản của tư tưởng triết học Martin Heidegger. - Luận án đã luận giải làm rõ được ý nghĩa hiện thời trong tư tưởng triết học của M.Heidegger trên cơ sở đánh giá và so sánh có phê phán trên lập trường của chủ nghĩa Mác- Lênin.
1.9	Tiến sĩ Cấp bằng đợt 2 2021	Tư tưởng thực chứng logic của R. Carnap	Phạm Hoàng Minh	PGS.TS. Nguyễn Gia Thọ TS. Phạm Quỳnh	- Luận án nghiên cứu một cách có hệ thống tư tưởng của R. Carnap về cú pháp logic của ngôn ngữ, từ đó làm rõ quan niệm của ông về chân lý logic cú pháp cũng như đánh giá những giá trị và hạn chế trong tư tưởng của ông ở giai đoạn nghiên cứu cú pháp. - Luận án nghiên cứu một cách có hệ thống tư tưởng của R. Carnap về ngữ nghĩa, từ đó làm rõ quan niệm của ông về chân lý logic ngữ nghĩa trên ba bình diện: phân tích – tổng hợp, nội hàm – ngoại diên, tất yếu – khả năng, đồng thời đánh giá những giá trị và hạn chế trong tư tưởng của ông ở giai đoạn nghiên cứu ngữ nghĩa. - Luận án nghiên cứu một cách có hệ thống tư tưởng của R. Carnap về xác suất và logic quy nạp, từ đó đánh giá những giá trị và hạn chế trong tư tưởng của R. Carnap ở giai đoạn này.
1.10	Tiến sĩ Cấp bằng đợt 2 2021	Tư tưởng triết học của Augustino	Vũ Thị Hải	PGS.TS. Nguyễn Quang Hưng	- Luận án làm sáng tỏ những điều kiện và tiền đề hình thành tư tưởng triết học của Augustino. - Luận án phân tích, làm rõ những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học của Augustino trên các vấn đề: bản thể luận, nhân học, nhận thức luận và đạo đức học. - Luận án đánh giá về những giá trị lịch sử và hạn chế trong tư tưởng triết học của Augustino.
1.11	Tiến sĩ Cấp bằng đợt 2 2021	Tư tưởng nhân văn của Nguyễn Du và ý nghĩa hiện thời của nó	Đậu Thị Hồng	PGS.TS. Đỗ Thị Hòa Hối	- Luận án hệ thống hóa, phân tích làm sáng tỏ những điều kiện và tiền đề hình thành tư tưởng nhân văn của Nguyễn Du. - Luận án đã nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính chuyên sâu những nội dung cơ bản trong tư tưởng nhân văn của Nguyễn Du như: quan niệm về con người, tình thương yêu con người, quyền sống của con người, khát vọng giải phóng con người. - Luận án đã chỉ ra được những giá trị và những giới hạn trong tư tưởng nhân văn của Nguyễn Du, đồng thời phân tích ý nghĩa hiện thời của nó.
1.12	Tiến sĩ Cấp bằng đợt 2 2021	Tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến giai cấp công nhân Việt Nam	Phạm Trang Quỳnh	PGS.TS. Nguyễn Chí Hiếu	- Làm rõ thêm một số vấn đề lý luận về giai cấp công nhân, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đặc biệt là tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến giai cấp công nhân Việt Nam. - Phân tích những tác động cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến giai cấp công nhân Việt Nam và những vấn đề đặt ra.

					- Nêu một số quan điểm cơ bản và đề xuất giải pháp chủ yếu nhằm phát huy tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến giai cấp công nhân Việt Nam.
1.13	Tiến sĩ Đã Bv 2021, chưa cấp bằng	Vai trò của Nho giáo trong đời sống chính trị thời Lý- Trần qua bộ <i>Đại Việt sử ký toàn thư</i>	Hoàng Thu Hương	PGS. TS. Nguyễn Thanh Bình	-Khái lược về Nho giáo, đặc biệt là về tư tưởng chính trị- xã hội của Nho giáo, về đời sống chính trị và bộ <i>Đại Việt sử ký toàn thư</i> ; phân tích cơ sở xác lập vai trò của Nho giáo trong đời sống chính trị ở Việt Nam thời Lý- Trần. - Phân tích vai trò của Nho giáo trong một số lĩnh vực của đời sống chính trị quốc gia Đại Việt thời Lý – Trần qua nghiên cứu bộ <i>Đại Việt sử ký toàn thư</i> . - Phân tích những giá trị nổi bật và hạn chế chủ yếu về vai trò của Nho giáo trong đời sống chính trị thời Lý- Trần qua bộ <i>Đại Việt sử ký toàn thư</i> , trên cơ sở đó rút ra một số bài học lịch sử đối với đời sống chính trị ở Việt Nam hiện nay.
1.14	Tiến sĩ Đã Bv 2021, chưa cấp bằng	Ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đến lối sống của thanh niên Việt Nam hiện nay	Đoàn Thu Nguyệt	PGS.TS Lương Đình Hải	- Làm rõ được những vấn đề lý luận về ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đến lối sống của thanh niên; - Chi ra thực trạng và những vấn đề đặt ra từ sự ảnh hưởng của cách mạng khoa học và công nghệ đến lối sống thanh niên Việt Nam hiện nay; - Đề xuất được quan điểm và giải pháp xây dựng lối sống tích cực cho thanh niên Việt Nam trong điều kiện ảnh hưởng của cách mạng khoa học và công nghệ.
1.15	Tiến sĩ Đã Bv 2021, chưa cấp bằng	Tư tưởng trị nước của Minh Mệnh và ý nghĩa lịch sử của nó	Nguyễn Minh Tuấn	PGS.TS Lê Thị Lan	- Phân tích làm rõ và có hệ thống những nội dung chủ yếu trong tư tưởng trị nước của Minh Mệnh như tư tưởng thiên mệnh trong tư tưởng trị nước, tư tưởng trị nước bằng việc xác định rõ vị trí, vai trò trách nhiệm của nhà vua, đội ngũ quan lại trong bộ máy nhà nước, tư tưởng trị nước bằng đạo đức và pháp luật thông qua giáo dục, giáo hóa, trong trị nước và tư tưởng trị nước bằng cải cách hành chính và hoàn thiện bộ máy nhà nước, chính sách ngoại giao trong tư tưởng trị nước. - Chi ra và phân tích những giá trị nổi bật và hạn chế chủ yếu trong tư tưởng trị nước của Minh Mệnh. - Đồng thời, luận án trình bày khái quát ảnh hưởng tư tưởng trị nước của Minh Mệnh đối với triều Nguyễn và những bài học kinh nghiệm rút ra từ tư tưởng ấy đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước hiện nay.
1.16	Tiến sĩ Đã Bv 2021, chưa cấp bằng	Tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất dân chủ của Nhà nước và ý nghĩa của nó trong xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thị Hạnh	PGS.TS. Dương Văn Thịnh	- Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài “Tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất dân chủ của Nhà nước và ý nghĩa của nó trong xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay”. Rút ra nhận xét, đánh giá, xác định các vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu. - Trình bày những vấn đề lý luận chung về bản chất dân chủ của nhà nước và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. - Làm rõ cơ sở hình thành và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất dân chủ của Nhà nước. - Khái quát ý nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất dân chủ của nhà nước trong xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay.

1.17	Tiến sỹ Đã Bv 2021, chưa cấp bằng	Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thị Liên	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, qua đó đã thấy được những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu. - Phân tích một số vấn đề lý luận chung về cách mạng công nghiệp, lực lượng sản xuất, tính tất yếu, nội dung và các nhân tố quy định tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến lực lượng sản xuất. - Trên cơ sở phân tích được thực trạng tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay luận án rút ra những vấn đề cấp thiết đang đặt ra và đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay.
1.18	Tiến sỹ Đã Bv 2021, chưa cấp bằng	Quan niệm của John Rawls về công bằng và ảnh hưởng của nó đến một số nhà triết học chính trị Anh –Mỹ đương đại	Đoàn Thị Quý	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn	<ul style="list-style-type: none"> -Phân tích những điều kiện, tiền đề chủ yếu hình thành nên quan niệm của John Rawls về công bằng - Phân tích, làm rõ những nội dung chính của quan niệm của John Rawls về công bằng trong các tác phẩm chủ yếu của ông, đưa ra những đánh giá về giá trị và hạn chế của quan niệm đó. - Phân tích ảnh hưởng của quan niệm John Rawls về công bằng đến quan niệm của Robert Nozick, Ronald Dworkin, Michael Sandel, Thomas Pogge và Amartya Sen về công bằng
1.19	Tiến sỹ Đã Bv 2021, chưa cấp bằng	Triết lý nhân sinh trong ca dao, tục ngữ với việc giáo dục đạo đức cho thanh niên Việt Nam hiện nay	Hoàng Thị Thảo	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, qua đó đã thấy được những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu. - Phân tích một cách hệ thống các vấn đề lý luận cơ bản về triết lý nhân sinh trong ca dao tục ngữ Việt Nam và vấn đề giáo dục đạo đức cho thanh niên hiện nay. Về cơ bản, cách tiếp cận để xây dựng khung lý thuyết này là hợp lý. - Phân tích những nội dung cơ bản của triết lý nhân sinh trong kho tàng ca dao, tục ngữ Việt Nam. - Rút ra các giá trị của triết lý nhân sinh, từ đó làm sáng tỏ ý nghĩa của triết lý nhân sinh trong kho tàng ca dao, tục ngữ Việt Nam với việc giáo dục đạo đức cho thanh niên hiện nay.
1.20	Tiến sỹ Đã Bv 2021, chưa cấp bằng	Tư tưởng trị nước của Minh Mệnh và ý nghĩa lịch sử của nó	Nguyễn Minh Tuấn	PGS.TS Lê Thị Lan	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích làm rõ và có hệ thống những nội dung chủ yếu trong tư tưởng trị nước của Minh Mệnh như tư tưởng thiên mệnh trong tư tưởng trị nước, tư tưởng trị nước bằng việc xác định rõ vị trí, vai trò trách nhiệm của nhà vua, đội ngũ quan lại trong bộ máy nhà nước, tư tưởng trị nước bằng đạo đức và pháp luật thông qua giáo dục, giáo hóa, trong trị nước và tư tưởng trị nước bằng cải cách hành chính và hoàn thiện bộ máy nhà nước, chính sách ngoại giao trong tư tưởng trị nước. - Chỉ ra và phân tích những giá trị nổi bật và hạn chế chủ yếu trong tư tưởng trị nước của Minh Mệnh. - Đồng thời, luận án trình bày khái quát ảnh hưởng tư tưởng trị nước của Minh Mệnh đối với triều Nguyễn và những bài học kinh nghiệm rút ra từ tư tưởng ấy đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước hiện nay.

2	Thạc sĩ				
2.1	Thạc sĩ Bv 2020	Sự biến đổi đời sống văn hóa của cư dân nông thôn huyện Thường Tín, Hà Nội trong sự nghiệp đổi mới	Nguyễn Thị Mến	PGS.TS. Ngô Thị Phương	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái niệm văn hóa, đời sống văn hóa và cấu trúc đời sống văn hóa. - Trình bày các yếu tố tác động đến đời sống văn hóa của cư dân nông thôn huyện Thường Tín, Hà Nội. - Phân tích những biến đổi cơ bản trong đời sống văn hóa của cư dân nông thôn huyện Thường Tín, Hà Nội. - Đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng và phát triển đời sống văn hóa của cư dân nông thôn ở huyện Thường Tín, Hà Nội.
2.2	Thạc sĩ Bv 2020	Quan niệm về hạnh phúc trong gia đình Việt Nam hiện nay qua khảo cứu ở huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TS. Hà Thị Bắc	<ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ một số vấn đề lý luận về hạnh phúc, quan niệm về hạnh phúc trong gia đình. - Chỉ ra một số yếu tố các tác nhân tác động tới quan niệm về hạnh phúc trong gia đình Việt Nam hiện nay. - Phân tích nội dung quan niệm về hạnh phúc và một số vấn đề đặt ra trong quan niệm về hạnh phúc của gia đình qua khảo cứu ở huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm phát huy những quan niệm tích cực và hạn chế những quan niệm tiêu cực về hạnh phúc trong gia đình ở huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.
2.3	Thạc sĩ Bv 2020	Vai trò của nhà nước đối với việc bảo đảm quyền con người ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thị Thúy	TS. Trương Thị Thanh Quý	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích một số quan điểm cơ bản về quyền con người và bảo đảm quyền con người nói chung và quyền con người trong lĩnh vực kinh tế và văn hóa nói riêng làm cơ sở lý luận. Đồng thời, phân tích tầm quan trọng và những nội dung cơ bản về vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm quyền con người trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa ở nước ta hiện nay. - Đánh giá thực trạng (thành tựu và hạn chế) vai trò của nhà nước đối với bảo đảm quyền con người trong lĩnh vực kinh tế và văn hóa ở nước ta, từ đó chỉ ra nguyên nhân những hạn chế của nhà nước đối với việc bảo đảm quyền con người ở Việt Nam hiện nay trong lĩnh vực kinh tế và văn hóa. - Đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò của nhà nước đối với bảo đảm quyền con người Việt Nam hiện nay trong lĩnh vực kinh tế và văn hóa.
2.4	Thạc sĩ Bv 2020	Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong giáo dục và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn Hoàng Dịu	TS. Vũ Thị Hằng	<ul style="list-style-type: none"> Thứ nhất, luận văn phân tích làm rõ tư tưởng dân chủ trong giáo dục của HCM theo những chuyên khảo, lời phát biểu, ... của Người. Thứ hai, luận văn phân tích thực trạng thực hiện dân chủ trong giáo dục đại học ở nước ta hiện nay theo tư tưởng HCM. Thứ ba, luận văn đưa ra ý nghĩa của tư tưởng dân chủ trong giáo dục của HCM đối với giáo dục đại học nước ta hiện nay.
2.5	Thạc sĩ Bv 2020	Nâng cao ý thức chính trị của học viên hệ quân sự ở Học viện Quân y hiện nay	Nguyễn Thị Thùy Dung	TS. Nguyễn Thanh Tịnh	<ul style="list-style-type: none"> - Thứ nhất, luận văn làm rõ một số vấn đề lý luận về khái niệm, nội dung, vai trò, nhân tố quy định đến việc nâng cao ý thức chính trị đối với học viên hệ quân sự ở Học viện Quân y.

					<p>- Thứ hai, luận văn đánh giá thực trạng nâng cao ý thức chính trị của học viên hệ quân sự ở Học viện Quân y hiện nay.</p> <p>- Thứ ba, luận văn đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao ý thức chính trị của học viên hệ quân sự ở Học viện Quân y hiện nay.</p>
2.6	Thạc sĩ Bv 2020	Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa ở làng Đường Lâm – thị xã Sơn Tây trong giai đoạn hiện nay	Đoàn Thùy Dương	TS. Tạ Thị Vân Hà	<p>Thứ nhất, hệ thống hóa một số quan hóa ở làng Đường Lâm – thị xã Sơn Tây trong giai đoạn hiện nay niệm về bản sắc văn hóa; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa ở làng Đường Lâm.</p> <p>Thứ hai, làm rõ tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa ở làng Đường Lâm trên phương diện kinh tế, văn hóa – xã hội.</p> <p>Thứ ba, nêu thực trạng giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa ở làng Đường Lâm hiện nay, những thành tựu và hạn chế cần khắc phục của thực trạng. Từ đó, đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa ở làng Đường Lâm trong giai đoạn hiện nay.</p>
2.7	Thạc sĩ Bv 2020	Văn hóa ứng xử giữa vợ và chồng trong gia đình ở quận Hà Đông, thành phố Hà Nội hiện nay	Lê Phương Thúy	TS. Lê Văn Hùng	<p>- Thứ nhất, hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về văn hóa ứng xử; văn hóa ứng xử giữa vợ và chồng trong gia đình và các yếu tố tác động đến văn hóa ứng xử giữa vợ và chồng trong gia đình Việt Nam.</p> <p>- Thứ hai, phân tích thực trạng văn hóa ứng xử giữa vợ và chồng trong gia đình ở quận Hà Đông hiện nay; đề xuất một số phương hướng và giải pháp nâng cao văn hóa ứng xử giữa vợ và chồng trong xây dựng gia đình văn hóa.</p>
2.8	Thạc sĩ Thạc sĩ Bv 2020	Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam hiện nay	Ngô Thị Thu Hà	PGS.TS. Đặng Thị Lan	<p>Thứ nhất, hệ thống hóa, bổ sung thêm vào kho tàng lý luận về tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam hiện nay.</p> <p>Thứ hai, góp phần làm rõ biểu hiện tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam hiện nay đối với sự phát triển của đất nước ở một số khía cạnh: kinh tế, giáo dục đạo đức, an sinh xã hội.</p> <p>Thứ ba, làm rõ ý nghĩa tích cực và một số vấn đề còn tồn đọng trong biểu hiện của tinh thần nhập thế đối với sự phát triển của Phật giáo Việt Nam cũng như đời sống của con người Việt trong thời đại mới.</p>
2.9	Thạc sĩ Bv 2020	Tư tưởng đạo đức của John Stuart Mill và giá trị hiện thời của nó	Dương Hồng Ngọc	TS. Nguyễn Hải Hoàng	<p>Thứ nhất, luận văn làm rõ bối cảnh lịch sử, những tiền đề lý luận để hình thành nên tư tưởng đạo đức của John Stuart Mill</p> <p>Thứ hai, luận văn đã chỉ ra cơ sở để hình thành nên tư tưởng đạo đức của John Stuart Mill. Từ đó, luận văn làm rõ nội dung cơ bản trong tư tưởng đạo đức của ông.</p> <p>Thứ ba, luận văn đưa ra những đánh giá về mặt tích cực và hạn chế trong tư tưởng đạo đức của John Stuart Mill, chỉ ra những ý nghĩa hiện thời của nó cho đến thời điểm hiện nay. Đặc biệt, thông qua đó rút ra những bài học cho Việt Nam.</p>
2.10	Thạc sĩ Bv 2020	Quan niệm của Gaston Bachelard về chương ngại nhận thức trong tác phẩm Sự hình thành tinh thần khoa học	Nguyễn Thu Phương	TS. Phan Thành Nhâm	<p>Thứ nhất, luận văn đã làm rõ bối cảnh lịch sử và tiền đề lý luận cho sự hình thành quan niệm của Gaston Bachelard về chương ngại nhận thức.</p> <p>Thứ hai, luận văn đã phân tích và làm rõ những nội dung cơ bản trong quan niệm về chương ngại nhận thức của Gaston Bachelard và những ảnh hưởng của nó đến sự hình thành tinh thần khoa học.</p>

					Thứ ba, luận văn đưa ra một số đánh giá về quan niệm của Gaston Bachelard về chương ngại nhận thức.
2.11	Thạc sĩ Bv 2020	Truyền thống yêu nước và giáo dục truyền thống yêu nước cho học sinh trung học phổ thông qua nghiên cứu ở huyện Thanh Trì, Hà Nội hiện nay	Lương Thị Toàn	PGS.TS. Trần Thị Hạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Thứ nhất, hệ thống hóa một số nội dung về truyền thống yêu nước và vai trò của giáo dục truyền thống yêu nước cho học sinh trung học phổ thông. - Thứ hai, góp phần làm rõ thực trạng giáo dục truyền thống yêu nước cho học sinh trung học phổ thông. Từ đó, chỉ ra một số thành tựu, hạn chế trong việc giáo dục truyền thống yêu nước cho học sinh trung học phổ thông qua nghiên cứu công tác giáo dục ở huyện Thanh Trì, Hà Nội hiện nay. - Thứ ba, đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục truyền thống yêu nước cho học sinh trung học phổ thông qua nghiên cứu ở huyện Thanh Trì, Hà Nội hiện nay.
1.12	Thạc sĩ Bv 2021	Tư tưởng đạo đức của Epicurus và giá trị hiện thời của nó	Nguyễn Ngọc Thúy	TS. Dương Quốc Quân	<ul style="list-style-type: none"> Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp sáng tạo triết học của Epicurus; Phân tích và luận giải những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học đạo đức của Epicurus một cách có hệ thống; Phân tích, đánh giá những giá trị hiện thời trong tư tưởng triết học đạo đức của Epicurus.
2.13	Thạc sĩ Bv 2021	Quan niệm của F.M. Dostoevsky về con người	Trần Xuân Trọng	TS. Lê Thị Vinh	<ul style="list-style-type: none"> Quan niệm về con người của Dostoevsky thể hiện thông qua ba nội dung chính: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu tiên là quan niệm về tự do tinh thần. + Thứ hai là quan niệm về tính phân cực trong bản chất con người. + Thứ ba là quan niệm về mối liên hệ giữa con người và Thượng đế.
2.14	Thạc sĩ Bv 2021	Sự biến đổi của giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay	Lê Đình Trường	TS. Nguyễn Hoàng Giang	<ul style="list-style-type: none"> - Thứ nhất, hệ thống hóa, bổ sung thêm vào hệ thống lý luận về giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. - Thứ hai, phân tích thực trạng và một số vấn đề đặt ra từ tình hình và sự biến đổi của giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. - Thứ ba, đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm phát huy sự biến đổi tích cực, ngăn ngừa và hạn chế biến đổi tiêu cực của giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.
2.15	Thạc sĩ Bv 2021	<i>Quan niệm của Nguyễn Dữ và Nguyễn Du về người phụ nữ</i>	Nguyễn Thị Hồng Tâm	TS. Nguyễn Thị Lan	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, khái quát các điều kiện và tiền đề cho sự hình thành quan niệm của Nguyễn Dữ và Nguyễn Du về người phụ nữ. - Phân tích, làm rõ những nội dung (quan niệm về cuộc đời, số phận và địa vị của người phụ nữ; quan niệm về đức hạnh của người phụ nữ; quan niệm về giải phóng người phụ nữ), giá trị và hạn chế trong quan niệm của Nguyễn Dữ và Nguyễn Du về người phụ nữ.
2.16	Thạc sĩ Bv 2021	Tư tưởng tâm của Vương Dương Minh và những giá trị, hạn chế	Nguyễn Ngọc Vũ Duy	TS. Nguyễn Thị Như	Phân tích làm rõ những nội dung cơ bản tư tưởng tâm của Vương Dương Minh, thông qua đó đưa ra những đánh giá về giá trị và hạn chế của nó.
2.17	Thạc sĩ Bv 2021	Tư tưởng triết học Trần Đức Thảo trong tác phẩm: “ <i>Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng</i> ”.	Bùi Văn Chung	TS. Trần Thị Điều	<ul style="list-style-type: none"> -<i>Thứ nhất</i>, phân tích bối cảnh, tiền đề ra đời tư tưởng triết học Trần Đức Thảo. -<i>Thứ hai</i>, phân tích một số nội dung cơ bản của tư tưởng triết học Trần Đức Thảo trong tác phẩm “<i>Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng</i>”.

					- <i>Thứ ba</i> , đưa ra một số đánh giá về giá trị và hạn chế trong tư tưởng triết học Trần Đức Thảo.
2.18	Thạc sĩ Bv ngày 4/12/2021	Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho học viên ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay	Lê Quốc Việt	PGS, TS. Nguyễn Đình Bắc	- Luận văn làm rõ một số vấn đề lý luận về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho học viên ở Trường Sĩ quan Chính trị. - Luận văn đánh giá thực trạng, chỉ rõ nguyên nhân ưu điểm, hạn chế của hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho học viên ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay. - Luận văn xác định yêu cầu và đề xuất giải pháp chủ yếu giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho học viên ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay.
2.19	Thạc sĩ Bv ngày 4/12/2021	Tư tưởng hiện sinh của Soren Kierkegaard trong tác phẩm “Kính sợ và run rẩy”	Nguyễn Duy Tuân	TS. Phan Thành Nhân	Thứ nhất, phân tích, khái quát các điều kiện và tiền đề hình thành tư tưởng hiện sinh của Soren Kierkegaard. Thứ hai, phân tích, làm rõ tư tưởng hiện sinh của Soren Kierkegaard trong tác phẩm “Kính sợ và run rẩy”. Thứ ba, đánh giá những giá trị và hạn chế trong tư tưởng hiện sinh của Soren Kierkegaard trong tác phẩm “Kính sợ và run rẩy”.
2.20	Thạc sĩ Bv ngày 7/12/2021	Quan niệm về cái chết trong triết học của Trang Tử và Martin Heidegger	Nguyễn Khuông Hồng Ngọc	GS. Nguyễn Vũ Hảo	- <i>Đầu tiên</i> , luận văn làm rõ bối cảnh và những tiền đề tư tưởng cho sự hình thành của quan niệm về cái chết trong triết học của Trang Tử và Martin Heidegger. - <i>Thứ hai</i> , luận văn phân tích, làm rõ những nội dung cơ bản của quan niệm về cái chết trong triết học Trang Tử và Martin Heidegger. - <i>Thứ ba</i> , luận văn tiến hành so sánh quan niệm về cái chết trong triết học Trang Tử và Martin Heidegger, chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt trong quan niệm về cái chết của hai vị triết gia. <i>Cuối cùng</i> , luận văn đánh giá những giá trị, hạn chế và đưa ra một số nhận định chung về quan niệm cái chết trong triết học của Trang Tử và Martin Heidegger.
3	Đại học				
3.1	Đại học	Công cuộc chấn hưng Phật giáo tại Bắc Kỳ giai đoạn 1930-1940	Bùi Hương Anh	TS. Mai K Đa	Từ khi được du nhập vào Việt Nam, đầu kỷ nguyên Kitô giáo cho đến thế kỷ XX, Phật giáo trải qua các thời kỳ phát triển khác nhau đóng vai trò ít nhiều quan trọng trong xã hội. Những năm 20 của thế kỷ XX, các ý kiến đều có chung một nhận xét là sự suy vi của đạo Phật, biểu hiện ở tình trạng thất học, xuống cấp về đạo hạnh của tăng đồ, sự không hiểu biết về các giá trị Phật giáo cũng như thực hành sai lầm của tín đồ. Vì vậy, tăng sĩ và trí thức Việt Nam đã kêu gọi chấn hưng đạo Phật, nhằm làm cho đạo Phật trở nên thanh khiết, đồng thời thích ứng cùng với thế giới hiện đại. Tuy diễn ra trong một thời gian không dài, nhưng kết quả của phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ, tương tự như các vùng miền khác trong cả nước, có tính chất như một cuộc “cách mạng Phật giáo”, chuyển tôn giáo này từ

					truyền thống sang hiện đại. Những kết quả mà phong trào đã đạt được hay một số ý đồ đặt ra chưa thực hiện được như: tư tưởng nhân gian Phật giáo, quan điểm Việt hoá kinh điển, dân tộc hoá nghi lễ Phật giáo, cơ cấu tổ chức xã hội Phật giáo theo mô hình hiệp hội, cách thức sinh hoạt mới của Tăng già, phương pháp mới trong tu tập vào hoàng pháp của tăng sĩ, quan điểm cải sửa Tăng luật cho phù hợp với phong tục Việt Nam, về sự biến đổi của thời đại, vẫn có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
3.2	Đại học	Một số tư tưởng cơ bản trong tác phẩm <i>Lý hoặc luận của Mâu Tử</i>	Phạm Lan Anh	PGS.TS. Trần Thị Hạnh	Lý hoặc Luận của Mâu Tử dẫu rằng trước đó đã rất nhiều thế hệ học giả nổi tiếng trên thế giới nghiên cứu và tranh luận trong suốt khoảng thời gian dài hơn một thế kỷ trở lại đây, thế nhưng cho đến nay, đặc biệt trong tình hình mới, tác phẩm vẫn còn không ít giá trị cần thiết phải thúc đẩy việc nghiên cứu, khai thác. Qua phân tích các tư tưởng cơ bản của Nho giáo và Phật giáo trong tác phẩm, tôi thấy cùng đồng hành với nhau trong chặng đường dài, có xung đột, có dung hòa nhưng Phật giáo luôn tiếp thu và học hỏi những tư tưởng của Nho giáo, không vì thế mà bài trừ. Thông qua các khái niệm, tư tưởng cơ bản của Phật giáo và Nho giáo qua các tác phẩm thời kỳ Bắc thuộc như Lý hoặc luận của Mâu Tử. Từ đó, khóa luận góp phần làm rõ hơn những nội dung liên quan đến Nho giáo và Phật giáo. Thông qua việc làm rõ nội dung và đặc điểm của những tư tưởng điểm chung và khác biệt giữa Nho giáo và Phật giáo thông qua tác phẩm của Mâu Tử, luận án rút ra những ý nghĩa lịch sử bổ ích góp phần thiết thực vào việc gìn giữ, phát huy bản sắc và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam, trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay. Do đó, nội dung và các kết quả nghiên cứu của luận án có thể làm tài liệu tham khảo có ý nghĩa cho những người quan tâm đến văn hóa và triết học văn hóa, Triết học tôn giáo cũng như Lịch sử tư tưởng Việt Nam.
3.3	Đại học	Nho, Phật, Đạo trong tư tưởng của Trần Thái Tông	Vũ Thị Dung	PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình	Nho, Phật, Đạo trong tư tưởng của Trần Thái Tông là kết quả của một quá trình lâu dài, một mặt nó thể hiện những nhu cầu thực tiễn và cấp bách của xã hội Đại Việt bấy giờ, mặt khác, nó cho thấy sự kế thừa, tiếp thu những tư tưởng Nho, Phật, Đạo ở Việt Nam thời kỳ trước, đặc biệt là thời Lý. Trần Thái Tông không chỉ kế thừa và tiếp thu những tư tưởng Nho, Phật, Đạo của các dòng tư tưởng trước đây, ông còn sáng tạo, phát triển thêm để sửa chữa, hoàn thiện những khiếm khuyết của cả những tư tưởng trên, tìm ra những quan điểm chung của những tôn giáo ấy về sự quan tâm và chăm lo đến hạnh phúc của con người, cả phần đạo và đời, cả cuộc sống tâm linh và cuộc đời thực tế trong xã hội, tiếp cận đến chủ nghĩa nhân văn đích thực.

3.4	Đại học	Quan niệm về “ngã” trong tư tưởng Việt Nam giai đoạn Lý Trần	Trần Thanh Mai	PGS.TS Trần Thị Hạnh	Quan niệm về "Ngã" trong lịch sử tư tưởng Việt Nam chịu ảnh hưởng từ nhiều học thuyết triết học, tư tưởng phương Đông. Thứ nhất, sự du nhập và phát triển của Triết học Phật giáo, Kinh upanishad ở nước ta từ rất sớm. Thứ hai, sự du nhập của Nho giáo, Đạo giáo trong thời kỳ Bắc thuộc. Thứ ba, là nhân sinh quan, thế giới quan và các tư tưởng truyền thống ở nước ta. Tất cả đã tạo nên quan niệm về "Ngã" ở Việt Nam, một cách độc đáo, không trộn lẫn, hài hoà và uyển chuyển để đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Trong suốt chiều dài lịch sử của nước ta, quan niệm này không ngừng thay đổi, nhưng tựu chung quan niệm về Ngã mang giá trị nhân văn, vừa đề khảng định vai trò của con người, vừa nhằm giải phóng con người. Điều này được thể hiện vô cùng sâu sắc trong giai đoạn Lý - Trần.
3.5	Đại học	Tư tưởng Nho giáo về gia đình và ảnh hưởng của nó đối với gia đình Việt Nam hiện nay	Nguyễn Hạnh Nga	TS. Nguyễn Thị Lan	Hiện nay, quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đã tạo nên nhiều cơ hội và thách thức đối với Việt Nam. Bên cạnh sự suy thoái về đạo đức cùng với sự du nhập và ảnh hưởng ngày càng sâu của nền văn minh công nghiệp đã tác động mạnh mẽ đến gia đình truyền thống, làm thay đổi sâu sắc về nhận thức và thái độ ứng xử của mỗi người về gia đình. Nho giáo là học thuyết đề cao vai trò của gia đình đối với việc hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng xã hội lý tưởng. Khoá luận tập trung thứ nhất là khái quát điều kiện và tiền đề hình thành tư tưởng Nho giáo về gia đình. Trên cơ sở phân tích làm rõ tình hình kinh tế - chính trị - xã hội. Thứ hai là phân tích ảnh hưởng và biến đổi của tư tưởng Nho giáo về gia đình ở Việt Nam, từ đó chỉ ra những giá trị và hạn chế của tư tưởng này đối với gia đình Việt Nam hiện nay. Quan niệm của Nho giáo với việc đề cao gia đình và các chuẩn mực đạo đức nhân văn của gia đình sẽ là nhân tố rất quan trọng khắc phục những tiêu cực do xã hội hiện đại. Khóa luận bao gồm hai nội dung chính: Chương 1. Tư tưởng nho giáo về gia đình Chương 2. Ảnh hưởng tư tưởng nho giáo về gia đình đối với gia đình Việt Nam hiện nay
3.6	Đại học	Phạm trù vô trong một số tác phẩm kinh điển của triết học phương Đông cổ đại	Lê Hoàng Lộc (CLC)	PGS. TS. Trần Thị Hạnh	Trong Lịch sử triết học Đông Phương, phạm trù “Vô” xuất hiện ở rất nhiều phương diện. Nó không chỉ là câu trả lời mà còn là phương pháp để người phương Đông giải đáp được những câu hỏi trong vũ trụ, đất trời. Vì vậy, “Vô” có địa vị đặc biệt quan trọng khi trình bày quan điểm về vũ trụ quan, nhân sinh quan trong Triết học của người phương Đông. Trong đó, có lẽ

					<p>Trung Quốc và Ấn Độ là hai quốc gia có nền Triết học phát triển rực rỡ nhất, và vì thế họ cũng là nền triết học đề cao phạm trù “Vô” nhất.</p> <p>Phạm trù “Vô” đã cho thấy sự tương đồng nhất định giữa Đạo Giáo và Đạo Bà la môn thông qua hai tác phẩm Đạo Đức Kinh và Upanishad. Sự tương đồng ấy được thể hiện về mặt Bản thể luận khi cho rằng thế giới được tạo ra bởi một thực thể tối cao (Đạo và Brahman) vô thủy, vô chung, vô danh, vô sắc,... Về mặt Nhân sinh quan, hai trường phái triết học đều hướng đến sự đồng nhất với thực thể tối cao thông qua sự tu tập (Vô vi, Vô cầu hay Nhu nhược - Bất tranh và Ân dật – tu đạo).</p> <p>Và tất nhiên, phạm trù “Vô” trong Đạo Đức Kinh và Upanishad cũng cho thấy giữa hai hệ tư tưởng trên không thể không có những điểm khác nhau. Đạo Đức Kinh cho thấy Đạo là một thực thể tuyệt đối chỉ có một dạng thức nhất định và phạm trù Vô cũng chỉ có định trong cách thể hiện Đạo, ngược lại, Brahman lại là một thực thể xuất hiện nhiều dạng thức khác nhau và ở mỗi dạng thức phạm trù “Vô” lại có một nhiệm vụ khác. Khác biệt ở mặt Nhân sinh quan lại càng rõ rệt hơn, khi mà Đạo Đức Kinh lại chưa có những học thuyết triết học nói về Giải thoát hay luân hồi - nghiệp báo. Còn ở Upanishad lại không đề cập hoặc rất ít đề cập đến những vấn đề Quân sự hay Chính trị. Phạm trù “Vô” ở những học thuyết, vấn đề trên đều xuất hiện với vai trò bổ trợ và diễn giải nhưng lại phục vụ cho những mục đích khác nhau. Tóm lại, những sự tương đồng và khác biệt về phạm trù “Vô” giữa hai tác phẩm Đạo Đức Kinh và Upanishad đã mang lại cho chúng ta những cách nhìn khách quan và rõ nét hơn về mối liên kết trong lịch sử triết học phương Đông.</p>
3.7	Đại học	Tư tưởng trị nước của Nho giáo và ảnh hưởng của nó ở Việt Nam thời phong kiến	Tô Tường Vi	PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình	<p>Tư tưởng trị nước là một trong những nội dung cơ bản của học thuyết Nho giáo, ra đời trong điều kiện nhà Chu đang bị suy yếu về địa vị kinh tế và vai trò chính trị. Với mục tiêu cao nhất là tìm kiếm mô hình xã hội lý tưởng thay thế cục diện đương thời, xã hội lý tưởng trong mong ước của các nhà Nho là một xã hội ổn định, trật tự và con người sống có đạo đức. Tư tưởng đó đã được các triều đại phong kiến Trung Quốc sử dụng để xây dựng và duy trì chế độ phong kiến trung ương tập quyền của mình qua hàng nghìn năm lịch sử. Trong đường lối trị nước ấy, những chuẩn mực, những quy phạm đạo đức không chỉ là những chuẩn mực đạo đức chủ yếu nhất của con người và chi phối mọi hành động của con người trong các mối quan hệ cơ bản của con người mà còn là những công cụ, biện pháp chính trị cơ bản nhất để trị nước, trị dân. Bên cạnh những giá trị mà tư tưởng trị nước của Nho giáo để lại thì tư tưởng này cũng vấp phải một số hạn chế nhất định ở chỗ Nho giáo quá đề cao đạo đức và cho rằng, đạo đức là nhân tố duy nhất</p>

					quyết định sự hưng vong, thịnh suy của triều đại mà chưa nhận thức một cách đầy đủ và đúng mức vai trò quyết định của kinh tế, của tồn tại xã hội.
3.8	Đại học	Sự tiếp biến Đông- Tây trong tư tưởng Trần Trọng Kim	Triệu Thị Thúy Chinh	TS. Mai K Đa	<p>Xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX là một xã hội đầy biến động. Từ một quốc gia phong kiến tự chủ, Việt Nam trở thành một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội tồn tại, gắn liền với nhau chi phối mọi lĩnh vực trong đời sống. Đây được xem là một điều kiện cần thiết để hình thành tư tưởng tiếp biến Đông Tây của Trần Trọng Kim. Tư tưởng tiếp biến được ông được thể hiện trong chính các tác phẩm của mình như “Nho giáo”.... Việc nghiên cứu tư tưởng tiếp biến của Trần Trọng Kim là việc làm quan trọng và có ý nghĩa trong việc đánh giá và khẳng định lại những đóng góp của ông cho nền văn hóa nước nhà. Khóa luận bao gồm hai nội dung chính:</p> <p>-Chương 1. Điều kiện, tiền đề cho sự hình thành tư tưởng tiếp biến của Trần Trọng Kim.</p> <p>-Chương 2. Một số nội dung tiếp biến Đông – Tây trong tư tưởng của Trần Trọng Kim gồm tư tưởng kết hợp Nho giáo với khoa học và tư tưởng giáo dục kết hợp Đông – Tây</p>
3.9	Đại học	Tư tưởng chính trị - xã hội của Phan Châu Trinh	Đặng Thị Minh Diễm	GS.TS. Nguyễn Vũ Hào	<p>Nửa cuối thế kỷ XIX chế độ phong kiến Việt Nam đi vào thời kỳ suy tàn, thực dân Pháp đặt ách thống trị trên cả nước ta. Những vấn đề lý luận và thực tiễn lớn về giữ gìn các giá trị truyền thống và tiếp thu các giá trị mới được du nhập; kết hợp giữa các tư tưởng triết học phương Đông và tư tưởng triết học phương Tây. Nền tư tưởng Việt Nam trong giai đoạn này đã diễn ra quá trình tiếp thu, biến đổi phong phú các tư tưởng mới từ bên ngoài vào. Đi đầu trong xu hướng kết hợp tư tưởng Đông Tây ở Việt Nam phải kể đến Phan Châu Trinh, ông đã có những công hiến to lớn cho lịch sử tư tưởng nước nhà. Khóa luận sẽ đi sâu vào tìm hiểu tư tưởng chính trị xã hội của Phan Châu Trinh.</p> <p>Cụ thể:</p> <p>Thứ nhất đó là tư tưởng chính trị về thể chế nhà nước và quản lý nhà nước, về vai trò của đảng phái chính trị, về vai trò của luật pháp. Thứ hai là, tư tưởng dân chủ của Phan Châu Trinh, về những vấn đề cơ bản như: dân trí nước ta đối với vấn đề quân chủ, dân chủ; lược sử chế độ dân chủ, chính thể dân chủ, vấn đề chủ quyền quốc gia và độc lập dân tộc, về phương pháp tiến hành Duy tân chính trị, về vị trí và vai trò của nhân dân, tư tưởng dân chủ gắn liền với độc lập dân tộc, gắn liền với những quyền cụ thể của người dân Việt Nam.</p> <p>Thứ ba là, tư tưởng khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh của ông, nhằm chấn hưng đất nước, khôi phục khí thế hào hùng của dân tộc. Có thể nói rằng, đây là công hiến xuất sắc của Phan Châu Trinh trong quá trình chuyển biến</p>

					tư tưởng chính trị của dân tộc, tư tưởng và hành động của Phan Châu Trinh bao giờ cũng hướng đến vấn đề dân chủ, đến độc lập dân tộc.
3.10	Đại học	Sự chuyển biến trong quan niệm chính trị của Phan Bội Châu	Đào Công Mạnh	PGS.TS Lê Thị Lan	Sự chuyển biến trong thế giới quan chính trị của Phan Bội Châu là lẽ tất yếu khi mà cuộc khủng hoảng đường lối chính trị xuất hiện sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Phan Đình Phùng, trong các điều kiện kinh tế xã hội, và tiền đề tư tưởng đương thời tác động đến ông. Sự chuyển biến trong thế giới quan chính trị của ông thể hiện lập trường vì lợi ích của dân tộc là trên hết. Sự phát triển này được thể hiện khi đi từ quan điểm quân chủ, sau đây là rũ bỏ nó rồi vượt lên lập trường của hệ tư tưởng dân chủ tư sản và tiếp cận tới quan niệm về chủ nghĩa xã hội. Nó thể hiện sự tiến bộ trong thế giới quan chính trị của Phan Bội Châu, tuy rằng hệ tư tưởng tư sản lại không thể lãnh trọng trách lãnh đạo cho cách mạng Việt Nam. Hệ tư tưởng tư sản đã không thể hợp lực được toàn bộ nhân dân lao động cũng như các tầng lớp khác trong xã hội làm cách mạng, điều mà sau này giai cấp vô sản ở nước ta đã làm được. Phan Bội Châu đã có cơ hội tiếp xúc với chủ nghĩa Marx - Lenin trong những ngày ở Trung Quốc, ông say sưa nghiên cứu về triết học của Marx Cách mạng tháng Mười của nước Nga cũng chấn động đến quan điểm chính trị của ông. Tuy giành tình cảm cho chủ nghĩa xã hội, hiểu được các quan điểm chủ yếu trong triết học Marx, nhưng đương thời Phan Bội Châu lại chưa có cơ hội áp dụng được vào tình hình cách mạng ở Việt Nam, chưa nhận ra được giai cấp vô sản trong tương lai sẽ là lực lượng lãnh đạo cách mạng.
3.11	Đại học	Tư tưởng của Phan Bội Châu về Quốc gia - dân tộc	Ngô Bình Minh (CLC)	PGS. TS. Lê Thị Lan	"Tư tưởng quốc gia-dân tộc của Phan Bội Châu là một dấu ấn quan trọng trong diễn tiến phát triển của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Xét về nội dung, tư tưởng quốc gia-dân tộc Phan Bội Châu phản ánh đúng nhu cầu của xã hội Việt Nam đương thời, trong đó, nhiệm vụ, mục tiêu chính trị hàng đầu là phải đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại độc lập chủ quyền cho dân tộc. Về nội dung cơ bản trong tư tưởng quốc gia-dân tộc của Phan Bội Châu, trước hết là, xác định thế nào là một quốc gia để làm cơ sở lý luận. Sau đó, nắm bắt yêu cầu của dân tộc, ông xây dựng quan niệm về phương pháp đấu tranh giải phóng dân tộc, sau khi cách mạng thành công, ông muốn có một quốc gia kiểu mới mà ở đó nhân dân sẽ xác định được quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Song hành cùng với toàn bộ hành trình trên là quá trình bảo vệ những giá trị truyền thống lịch sử và văn hóa của dân tộc, lấy tư tưởng yêu nước, thương dân, tự hào về lịch sử, truyền thống của dân tộc làm nền tảng. Tư tưởng quốc gia-dân tộc của Phan Bội Châu vừa có sự kế thừa, phát huy tư tưởng yêu nước truyền thống, vừa được bổ sung, phát triển với nhiều yếu tố mới của thời đại đã đem lại những giá trị, ý nghĩa to lớn đối với cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX. "

3.12	Đại học	Tư tưởng của Ngô Thi Nhậm về con người	Phùng Thị Thanh Nhân	PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình	<p>Từ xưa đến nay, vấn đề về con người vẫn luôn được xem là yếu tố quan trọng hàng đầu trong quá trình phát triển đất nước. Trong giai đoạn thế kỷ XVII – XVIII, tư tưởng về con người của Ngô Thi Nhậm nổi lên với nhiều đóng góp đặc sắc và tiêu biểu. Với tư cách là một nhà Nho, sinh ra và lớn lên trong thời kỳ Nho giáo còn giữ vị trí độc tôn, nên tư tưởng của ông gắn bó chặt chẽ với Nho giáo. Ông bàn luận về nguồn gốc sinh thành con người, cũng giống như Nho giáo, con người là do trời sinh ra và chịu sự chi phối của con người. Thế nhưng theo ông, con người có thể thay đổi số mệnh của mình nếu có đức sáng. Ngoài ra, Ngô Thi Nhậm còn rất quan tâm đến vấn đề giáo dục con người, ông muốn con người phải có đầy đủ trung hiếu, nhân nghĩa, hạnh lễ. Từ đó mới có thể trở thành một con người chính trị xuất chúng, đóng góp vào công cuộc xây dựng nước nhà. Mặc dù vẫn còn nhiều điểm hạn chế, nhưng không thể phủ nhận những đóng góp to lớn mà tư tưởng của ông đã để lại trong thời kỳ đó. Quan niệm về con người của Ngô Thi Nhậm không chỉ có những ảnh hưởng tích cực trong xã hội đương thời mà còn có giá trị to lớn đối với ngày nay khi chúng ta biết kế thừa và vận dụng linh hoạt vào thực tiễn.</p>
3.13	Đại học	Dung thông tam giáo trong tư tưởng của Nguyễn Du	Lê Thị Phương	TS. Nguyễn Thị Lan	<p>Những tư tưởng của Nguyễn Du có giá trị cả về mặt lý luận và thực tiễn đối với lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam. Thông qua tác phẩm của mình và tiêu biểu là tác phẩm “Truyện Kiều”, Nguyễn Du đã đưa ra những quan điểm khá sâu sắc về : quy luật nhân quả-nghiệp báo, tài mệnh tương đố-quy luật bù trừ, tu tâm –triết lí về con đường giải thoát và thuyết định mệnh. Những quan điểm này mang đậm tính nhân văn sâu sắc và nó cũng đã cho thấy sự vượt trước về mặt tư tưởng của Nguyễn Du so với thời đại bấy giờ. Bên cạnh những giá trị tích cực thì những quan niệm của ông vẫn còn tồn tại nhiều điểm hạn chế do bị quy định bởi bối cảnh xã hội đương thời. Song tư tưởng dung thông tam giáo của Nguyễn Du vẫn phản ánh bước phát triển mới trong lịch sử tư tưởng Việt Nam so với những giai đoạn trước đó.</p>
3.14	Đại học	Sự dung thông Nho - Phật - Đạo của Nguyễn Dữ qua tác phẩm “truyện kỳ mạn lục”	Vũ Hoàng Yến	PGS.TS. Đặng Thị Lan	<p>Dung thông Nho – Phật – Đạo là sự tồn tại hòa bình, là sự kết hợp của gam màu văn hóa dân gian với văn hóa bác học cung đình, hòa trộn vào nhau để hợp sáng thành một thể thống nhất, tác động khác nhau đến ý thức hệ và xã hội Việt Nam. Sự kết hợp Nho giáo với Phật giáo và Đạo giáo trên cơ sở chủ đạo của Nho giáo trong tư tưởng của Nguyễn Dữ mang tinh thần nhập thế sâu sắc của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của Nho giáo trong hoàn cảnh xã hội đang có những diễn biến phức tạp. “Truyện kỳ mạn lục” không chỉ là một tác phẩm văn học thuần túy mà ẩn sâu trong đó còn là những giá trị về mặt tư tưởng, đạo đức, lối sống mà Nguyễn Dữ muốn gửi gắm đến người đọc. Thông qua tác phẩm <i>Truyện kỳ mạn lục</i>, Nguyễn Dữ đã đưa ra những quan điểm khá sâu sắc về thế giới tự nhiên, con người và</p>

					xã hội, từ đó gợi mở một lối ứng xử phù hợp của con người đối với thế giới xung quanh. Những tư tưởng đó đều được xuất phát từ xã hội hiện thực, nó cũng là kết quả của sự kế thừa và phát huy tư tưởng dung thông tam giáo của những thế kỷ trước, đồng thời cũng thể hiện được sự tiến bộ về mặt nhận thức của Nguyễn Dữ nói riêng và những nhà trí thức Việt Nam giai đoạn này nói chung.
3.15	Đại học	Tư tưởng canh tân đất nước của Nguyễn Trường Tộ	Phạm Hà Anh	ThS. Ngô Đăng Toàn	<p>Để tồn tại và phát triển, dân tộc ta đã trải qua quá trình lao động lâu dài dựng nước và giữ nước. Từ nửa sau thế kỉ XIX, vấn đề bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc trước các cuộc xâm lăng đến từ phương Tây trở nên cấp thiết trong chính sách đối ngoại ở các nước phương Đông. Nếu như Trung Quốc, Nhật Bản hay Thái Lan đã cố gắng hòa nhập các giá trị văn hóa, văn minh phương Tây hiện đại để phát triển đất nước thì ở Việt Nam, tình hình diễn ra hoàn toàn trái ngược. Triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã chọn cho mình giải pháp đóng cửa để rồi đất nước từng bước rơi vào tay thế lực ngoại xâm. Trước yêu cầu mới của lịch sử, nhiều Nho sĩ, trí thức với lòng nhiệt thành ái quốc đã đứng ra vận động canh tân đất nước. Trong các đề xướng canh tân đất nước ở nửa sau thế kỷ XIX, Nguyễn Trường Tộ được coi là người có tư tưởng vượt trội hơn bởi tính toàn diện và khả thi, bởi tầm ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài của các bản điều trần, đặc biệt là quan điểm về sự kết hợp giữa canh tân đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Với những lý do trên, tôi quyết định lựa chọn vấn đề "Tư tưởng canh tân đất nước của Nguyễn Trường Tộ" để làm khóa luận tốt nghiệp.</p>
3.16	Đại học	Quan điểm của triết học Mác về phát triển con người và ý nghĩa của nó đối với việc phát triển con người Việt Nam trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0	Nguyễn Thị Như Hoài (CLC)	TS. Trần Thị Diệu	<p>Nhân loại đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp mới - cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong cuộc cách mạng này, vấn đề phát triển đất nước luôn phải gắn liền với mục tiêu phát triển con người thì Đảng và Nhà nước ta mới gặt hái được nhiều thành công. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động nên việc kế thừa và vận dụng sáng tạo những lý luận về vấn đề con người và phát triển con người của Chủ Nghĩa Mác - Lênin là vô cùng cần thiết. Vậy nên, đề tài này không chỉ mang giá trị lý luận mà còn cả giá trị thực tiễn. Trong đề tài, các quan điểm của triết học Mác về phát triển con người đã phân nào được làm sáng tỏ và vai trò của việc phát triển con người Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã được nghiên cứu. Dựa trên nền tảng đó, tác giả đã phân tích thực trạng phát triển con người Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp này và nêu nổi bật một số vấn đề đặt ra trong việc phát triển con người hiện nay. Từ đó, tác giả cũng đã đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm phát triển con người Việt Nam trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư.</p>

3.17	Đại học	Tư tưởng nhà nước của Montesquieu trong tác phẩm bàn về tinh thần pháp luật	Lê Minh Hiếu	PGS.TS Trần Ngọc Liễu	<p>Quá trình xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam trong suốt mấy thập kỷ qua đã đưa lại nhiều kết quả tích cực. Song, những kết quả đạt được là chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. Để có thể thực hiện đường lối đúng đắn của Đảng ta về xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, chúng ta cần phải có một nền tảng tư tưởng lý luận, khoa học sâu sắc, việc nghiên cứu, kế thừa những tư tưởng, có giá trị về nhà nước pháp quyền trong lịch sử cũng như cần học tập những kinh nghiệm lịch sử của các quốc gia trên thế giới đã có thực tế hàng trăm năm xây dựng nhà nước pháp quyền là một trong những nhân tố quan trọng xúc tiến vào quá trình xây dựng ấy.</p> <p>Trong khi đó, Montesquieu nổi lên là một nhà tư tưởng lớn của thời kỳ Khai sáng với tác phẩm tiêu biểu <i>Bàn về tinh thần pháp luật</i>, góp nền móng cho việc xây dựng khoa học chính trị. Khóa luận đi sâu nghiên cứu tìm hiểu hai nội dung chính:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Charles - Louis de Secondat, Baron de Montesquieu và tác phẩm <i>Bàn về tinh thần pháp luật</i> 2. Tư tưởng của Charles - Louis de Secondat, Baron de Montesquieu về nguồn gốc, bản chất và chức năng của nhà nước
3.18	Đại học	Tư tưởng đạo đức của Marcus Aurelius trong tác phẩm “Suy tưởng”	Nguyễn Thị Thúy Ngân	PGS. TS Nguyễn Thị Thanh Huyền	<p>Marcus Aurelius Antoninus (121 - 180) là hoàng đế của La Mã cổ đại, ông đồng thời là một triết gia tiêu biểu của chủ nghĩa khắc kỷ La Mã. Ông được đánh giá là vị vua triết học và là đại diện cuối cùng và hoàn hảo nhất của chủ nghĩa khắc kỷ La Mã. Bằng những trải nghiệm của bản thân, Marcus Aurelius đã đúc kết nên những triết lý sống tiêu biểu cho quan niệm của trường phái khắc kỷ La Mã qua tác phẩm “Suy tưởng”. Việc nghiên cứu tư tưởng của Marcus Aurelius Antoninus trong tác phẩm sẽ góp phần làm sâu sắc và khẳng định giá trị tư tưởng của ông trong dòng chảy triết học phương tây, đặc biệt là triết học La Mã vốn còn ít được nghiên cứu ở nước ta; đồng thời góp phần gợi mở cho chúng ta một cách nhìn về hiện thực đang diễn ra. Khóa luận bao gồm hai nội dung chính:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chương 1. Điều kiện, tiền đề cho sự hình thành tư tưởng đạo đức của Marcus Aurelius Antoninus trong tác phẩm “Suy tưởng”. 2. Nội dung cơ bản của tư tưởng đạo đức của Marcus Aurelius Antoninus trong tác phẩm “Suy tưởng”.
3.19	Đại học	Đạo đức học của Augustino	Đinh Văn Nghiêm	PGS.TS Nguyễn Quang Hưng	<p>Khóa luận với đề tài đạo đức học của Augustinô gồm 3 phần chính. Mở đầu; Chương I: Bối cảnh và tiền đề của đạo đức học Augustino; Chương II: Nội dung cơ bản trong đạo đức học của Augustinô và Kết Luận. Phần Mở đầu giới thiệu về lý do chọn đề tài, tình hình nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, cơ sở lý luận và đối tượng nghiên cứu. Chương I bàn về các vấn đề: Bối cảnh lịch sử đế chế Roma suy tàn, đạo đức học phái khắc kỷ</p>

					<p>và phái Platon mới, Kinh Thánh và cuộc đời và sự nghiệp của Augustino. Chương II gồm các vấn đề về: Tổng quan đạo đức học của Augustinô, quan niệm của Augustinô về thiện và ác, tình yêu và hạnh phúc, cuối cùng là một số đánh giá về đạo đức của Augustinô.</p>
3.20	Đại học	Quan niệm của John Locke về quyền con người	Đồng Thị Giang Thu	PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	<p>John Locke (1632 - 1704) là một nhà triết học, nhà hoạt động chính trị lỗi lạc người Anh. Một mặt, tiếp tục nghiên cứu quan niệm về quyền con người của John Locke sẽ góp phần khẳng định lại giá trị tư tưởng của ông, đồng thời giúp chúng ta nhận thức sâu sắc hơn về quyền con người và vai trò của nhà nước đối với quyền con người. Mặt khác, việc nghiên cứu quan niệm về quyền con người của John Locke sẽ mang đến những giá trị gợi mở trong việc bảo đảm thực hiện quyền con người ở Việt Nam. Khóa luận đã trình bày những điều kiện và tiền đề cho sự ra đời tư tưởng về quyền con người của John Locke; phân tích làm rõ những nội dung cơ bản của quan niệm về quyền con người của ông bao gồm: nguồn gốc, bản chất quyền con người; các quyền cơ bản của con người; cơ chế bảo vệ quyền con người. Trên cơ sở đó, khóa luận đánh giá những giá trị, hạn chế trong quan niệm của John Locke về quyền con người.</p>
3.21	Đại học	Quan hệ sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn Văn Đạt	PGS.TS. Đặng Thị Lan	<p>Trong bất kì xã hội nào, sở hữu luôn là vấn đề hết sức quan trọng, căn bản vì nó tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế - xã hội. Trên cơ sở trình bày quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về sở hữu, Khóa luận tập trung phân tích thực trạng quan hệ sở hữu ở Việt Nam hiện nay và nêu ra những giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện quan hệ sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay. Dựa trên các quan điểm của Mác, Ăngghen và Lênin về quan hệ sở hữu trong tác phẩm của các ông, quan điểm của Đảng ta về đổi mới quan hệ sở hữu, Khóa luận đã phân tích làm rõ hơn một số vấn đề lí luận chung về sở hữu và quan hệ sở hữu ở Việt Nam hiện nay. Căn cứ vào việc phân tích và đánh giá thực trạng, khóa luận đã đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện vấn đề quan hệ sở hữu ở Việt Nam trong giai đoạn tới.</p>
3.22	Đại học	Ảnh hưởng của Phật giáo đối với đời sống văn hóa tinh thần ở Việt Nam hiện nay	Chu Thúy Anh	TS. Phạm Quỳnh Chinh	<p>Phật giáo là một hiện tượng xã hội đã tồn tại và khả năng còn tồn tại phát triển lâu dài bởi lẽ nó có những tư tưởng nhất định, đáp ứng một số nhu cầu nào đó của con người và xã hội. Nó đã được người dân Việt đón nhận và có sự tiếp biến để trở thành tôn giáo truyền thống của dân tộc. Ngày nay với nhiều lý do, Phật giáo ở nước ta đang có sự vận động và biến đổi cùng với sự vận động, phát triển của xã hội Việt Nam. Nó giúp cho đời sống văn hóa tinh thần của người dân được nâng cao, nền văn hóa ngày càng phong phú và đặc sắc. Tuy nhiên, vì là một hình thái ý thức nên tôn giáo này cũng thường xuyên bị các thế lực thù địch lợi dụng lòng tin để gây mất ổn định chính trị, xã hội hoặc vì mục đích thương mại, buôn thần bán thánh...gây ảnh hưởng đến đời sống văn hóa tinh thần của người dân, đến sự phát triển của đất nước. Vì vậy, việc nghiên cứu về Phật giáo và ảnh hưởng của nó đối</p>

					<p>với đời sống văn hóa tinh thần là vấn đề mang tính cấp bách, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn.</p> <p>Xuất phát từ tính cấp thiết nêu trên tác giả lựa chọn đề tài: “Ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống văn hóa tinh thần ở Việt Nam hiện nay.” để làm khóa luận tốt nghiệp, chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học. Khóa luận gồm 2 nội dung chính:</p> <p>1, Một số vấn đề lý luận về Phật giáo và đời sống văn hóa tinh thần ở Việt Nam.</p> <p>2, Ảnh hưởng của Phật giáo đối với đời sống văn hóa tinh thần ở Việt Nam hiện nay- thực trạng và giải pháp.</p>
3.23	Đại học	Quan niệm của người Việt truyền thống về cái chết và nghi thức tang ma ở thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	Trần Tuấn Dương	TS. Phạm Hoàng Giang	<p>Quan niệm về cái chết cũng như nghi thức tang ma có một lịch sử hình thành lâu đời. Chứa đựng những điều thể hiện tính đặc trưng về văn hóa cũng như mang những giá trị nhân văn, giáo dục đời sau một cách sâu sắc. Những quan điểm về cái chết, nghi thức tang ma ở mỗi vùng trong cả nước hay thậm chí những người trong cùng một khu vực cũng có quan niệm khác nhau và ở tại thị trấn Hương Canh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc cũng vậy. Trong số những quan niệm thì có quan điểm đúng và quan niệm còn sai lệch, từ đó dẫn tới hành động khác nhau.</p> <p>Đề tài bao gồm 2 nội dung chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Quan niệm về cái chết và nghi thức tang ma của người Việt -Nội dung quan niệm về cái chết và nghi thức tang ma của người Việt tại thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. <p>Qua phân tích những vấn đề đã nêu đề tài phân ánh cái nhìn nhiều chiều, nêu lên được giá trị văn hóa tốt đẹp, quý báu.</p>
3.24	Đại học	Hương ước làng Mông Phụ và ảnh hưởng của nó đến việc xây dựng đời sống mới ở làng Mông Phụ, xã Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	Nguyễn Công Hân	TS. Phạm Quỳnh Chinh	<p>Làng Mông Phụ, xã Đường Lâm là một ngôi làng đặc trưng cho làng xã đồng bằng Bắc Bộ hiện nay và được nhiều người biết đến bởi nơi đây còn lưu giữ được nhiều hình ảnh quen thuộc, phong tục tập quán mang đậm dấu ấn xưa kia. Để làm được như vậy không thể không kể đến hương ước làng Mông Phụ, chính là một trong những thiết chế quan trọng góp phần vào việc giữ gìn những nét văn hóa đặc sắc đó. Tuy nhiên, trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa hiện nay đã có những tác động không nhỏ đến đời sống của người dân làng Mông Phụ, chính vì thế mà việc nghiên cứu ảnh hưởng của hương ước làng Mông Phụ tới việc xây dựng đời sống mới của người dân nơi đây là một đề tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.</p> <p>Đề tài bao gồm 2 nội dung chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Khái quát về nguồn gốc, giá trị của hương ước nói chung và quá trình ra đời và phát triển của hương ước làng Mông Phụ nói riêng. -Thực trạng ảnh hưởng của hương ước làng Mông Phụ tới việc xây dựng đời sống mới ở làng Mông Phụ, xã Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội và một số giải pháp góp phần phát huy việc xây dựng đời sống mới của người dân nơi đây.

3.25	Đại học	Sự tha hóa con người trong xã hội phong kiến qua tác phẩm “Chí Phèo” của Nam Cao	Bùi Thị Hiền	TS Hà Thị Bắc	Bản về con người hay những vấn đề liên quan tới con người luôn là tiêu điểm của các nhà khoa học, các nhà triết học, các nhà tâm lý, xã hội học, y học... đó là một khách thể hết sức phong phú. Những vấn đề triết học về con người là một nội dung lớn trong lịch sử triết học nhân loại. Thông qua việc nghiên cứu vấn đề con người và sự tha hóa con người theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, đề tài làm rõ các nội dung về sự tha hóa của Chí Phèo trên ba phương diện cụ thể: tha hóa về lao động, tha hóa về nhân hình và tha hóa về nhân tính. Thông qua việc phân tích sự tha hóa của nhân vật Chí Phèo, đề tài nghiên cứu đã đưa ra ý nghĩa của việc nghiên cứu sự tha hóa con người trong bối cảnh hội nhập của Việt Nam hiện nay.
3.26	Đại học	Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế	Bùi Thị Hà Linh	TS. Nguyễn Thị Lan	Sự phát triển của thời đại đòi hỏi văn hóa mỗi dân tộc phải được đa dạng hóa. Do vậy, bản sắc văn hóa dân tộc phải vận động, sáng tạo không ngừng. Chỉ có như vậy bản sắc văn hóa dân tộc sẽ không mâu thuẫn nội tại, tạo nên sức mạnh to lớn. Đó là sức mạnh nội sinh giúp chúng ta xây dựng một Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Trên cơ sở đó, cần làm rõ các vấn đề lý luận về bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay, phân tích thực trạng biến đổi của bản sắc văn hóa dân tộc ở Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
3.27	Đại học	Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học của học viên Học viện Hậu Cần	Nguyễn Thanh Tùng	TS. Ngô Thị Phương	Nghiên cứu khoa học là hoạt động chủ động tích cực có hệ thống của con người nhằm phát hiện ra những tri thức mới, phản ánh bản chất của các sự vật, hiện tượng và mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng trong thế giới. Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học của học viên ở Học viện Hậu cần là quá trình không ngừng hoàn thiện khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề nghiên cứu, trên cơ sở phát huy trình độ tri thức, khả năng tư duy lý luận và tính độc lập, sáng tạo của học viên nhằm góp phần hoàn thành nhiệm vụ NCKH, đáp ứng các yêu cầu của nhà trường đặt ra. Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học của học viên Học viện Hậu cần được thể hiện qua việc phát triển các tiêu chí như trình độ tri thức, khả năng tư duy, tính sáng tạo. Việc phát triển năng lực nghiên cứu khoa học của học viên Học viện Hậu cần phụ thuộc vào nhiều yếu tố như môi trường nghiên cứu, sự quan tâm của chỉ huy, lãnh đạo, sự hướng dẫn của giảng viên và quan trọng nhất ở chính tinh thần, thái độ nghiên cứu của học viên. Chính vì vậy, phát triển năng lực NCKH của học viên cần phải nắm vững quá trình phát triển của các yếu tố cấu thành năng lực NCKH. Đồng thời nắm chắc thực trạng phát triển năng lực NCKH của học viên trong điều kiện đặc thù với môi trường giáo dục và đào tạo của một nhà trường quân sự
3.28	Đại học	Bản sắc văn hóa thành phố Hưng Yên trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Trần Thị Thúy Vân	ThS. Phan Thị Hoàng Mai	Nghiên cứu khoa học bao gồm 2 nội dung chính: Trên cơ sở làm rõ về thực trạng giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa thành phố Hưng Yên trong bối cảnh hội nhập quốc tế từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giữ gìn và phát

					huy bản sắc thành phố Hưng Yên hiện nay. Cụ thể bản sắc văn hóa thành phố Hưng Yên gồm khu di tích Quốc gia đặc biệt gồm 16 di tích, lễ hội văn hóa dân gian Phố Hiến, nghệ thuật ca trù, văn hóa ẩm thực tiêu biểu như Bún thang lươn, chè hạt sen long nhãn, văn hóa làng nghề truyền thống như nghề chế biến long nhãn, nghề làm hương. Dưới tác động của hội nhập quốc tế bản sắc văn hóa thành phố Hưng Yên có thành tựu và hạn chế cụ thể. Trên cơ sở đó tác giả đặt ra giải pháp trong việc xây dựng và giữ gìn bản sắc văn hóa thành phố Hưng Yên trong bối cảnh hội nhập quốc tế.
3.29	Đại học	Triết lý nhân sinh trong ca dao, tục ngữ Việt Nam	Đoàn Thị Thùy	PGS.TS. Phạm Công Nhất	<p>Nghiên cứu về triết lý nhân sinh trong ca dao tục ngữ Việt Nam đó là triết lý nhân sinh trong ca dao, tục ngữ, như sợi chỉ xuyên suốt trong sự đúc kết kinh nghiệm của cha ông ta về tự nhiên, xã hội, con người. Nó mang lại cho chúng ta sự hiểu biết sâu sắc về quan niệm của ông cha ta về lẽ sống, về đạo làm người, về cách ứng xử của con người với tự nhiên và giữa con người với nhau trong xã hội, không những khẳng định lại những giá trị văn hóa của dân tộc mà còn góp phần củng cố niềm tin, lý tưởng sống cho người dân Việt Nam nói chung và một số bộ phận thanh niên Việt Nam trong thời đại ngày nay.</p> <p>Chủ đề bao gồm 2 nội dung chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Triết lý nhân sinh và đặc điểm của triết lý nhân sinh trong ca dao, tục ngữ Việt Nam. Nêu khái quát và quan niệm chung về triết lý nhân sinh. -Các nội dung cơ bản của triết lý nhân sinh trong ca dao, tục ngữ Việt Nam. Khái quát về triết lý nhân sinh về tình yêu giữa con người với con người. Triết lý nhân sinh về tình yêu giữa con người với tự nhiên. Triết lý về bản sắc tâm hồn con người Việt Nam.
3.30	Đại học	Quan niệm của G. W. F. Hegel về triết học pháp quyền trong tác phẩm các nguyên lý của triết học pháp quyền	Nguyễn Quang Minh (CLC)	PGS.TS. Nguyễn Thúy Vân	<p>Hiện nay trong nhiều quan niệm về nhà nước pháp quyền, người ta thường gắn đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền với nguyên tắc thượng tôn pháp luật hay với cơ chế kiểm chế và đối trọng. Trong thực tế, nhà nước pháp quyền không chỉ dừng lại ở những nguyên tắc kể trên mà phức tạp và phong phú hơn nhiều. Điều này đặt ra nhiệm vụ phải có cách tiếp cận mới về pháp quyền, cụ thể hơn là cách tiếp cận triết học về pháp quyền để chỉ ra bản chất cốt lõi của phạm trù này. Một trong những triết gia quan trọng góp phần lớn trong xây dựng triết học pháp quyền chính là Hegel. Hegel đã kế thừa tư tưởng của các triết gia đi trước như Montesquieu, Rousseau, Locke, đồng thời áp dụng phương pháp biện chứng đặc trưng, kiến tạo nên một hệ thống triết học pháp quyền độc đáo. Khóa luận sẽ đi phân tích những vấn đề cơ bản của triết học pháp quyền Hegel, từ tiền đề, phương pháp, đối tượng của triết học pháp quyền, vấn đề Nhà nước, Hiến pháp, quyền lực... và đưa ra một số đánh giá về giá trị và hạn chế của triết học pháp quyền Hegel.</p>
3.31	Đại học	Tìm hiểu bộ “Tư Bản” của K.Marx thông qua các bài nghiên cứu của F.Engels và	Trần Cao Tường	PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn	Tìm hiểu quan điểm của F.Engels về bộ <i>Tư bản</i> của K.Marx, thông qua những bình luận của Engels về bộ <i>Tư bản</i> . Từ đó hiểu thêm cách vận hành,

		đánh giá sự biến đổi của chủ nghĩa tư bản ngày nay			bóc lột của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cũ. Đồng thời qua đó để thấy được sự khác nhau giữa chủ nghĩa tư bản cũ thế kỷ 19, 20 và hình thái chủ nghĩa tư bản mới xuất hiện ở thế kỷ 21. Nhận ra rằng chủ nghĩa tư bản không dần “chết” mà thay vào đó chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến mức, nó không chỉ khiến con người càng lệ thuộc mà còn phải trả tiền cho sự lệ thuộc đó.
3.32	Đại học	Bước đầu khảo cứu hạnh phúc qua phân tích quan niệm của các triết gia phương tây cổ đại và cận đại	Nguyễn Đăng Duy	PGS.TS. Nguyễn Quang Hưng	Trong cuộc sống hàng ngày, hạnh phúc thường được nhìn nhận như một kinh nghiệm của từng cá nhân đơn lẻ. Nó bị chi phối trong hoàn cảnh sống và hệ giá trị của chính con người đó. Tuy nhiên, nhìn nhận một cách tổng quan, chúng ta mặc định hạnh phúc như một giá trị tất yếu của một đời sống con người dù cho bất cứ đâu và hoàn cảnh nào. Tuy nhiên, trong bối cảnh VN hiện nay, nhiều người, nhất là lớp trẻ còn có quan niệm khá mơ hồ về hạnh phúc, sa vào chuyện hưởng lạc, bất cần suy tư tới ý nghĩa cuộc đời, tới nhiều giá trị của cuộc sống. Đó là lý do người viết lấy chủ đề hạnh phúc làm đề tài của khóa luận.
3.33	Đại học	Tư tưởng tự do của Aleksandr Sergeyevich Pushkin	Trần Thu Huyền	PGS. TS Nguyễn Anh Tuấn	Ở thời kỳ khai sáng, Tự do gần như trở thành chủ đề chính được bàn luận trong triết học và văn học. Nhà văn học Nga A.S. Pushkin cũng cho thấy sự ảnh hưởng của trào lưu này khi để lại rất nhiều tác phẩm có chủ đề về Tự do. Điểm nổi bật của A. S. Pushkin là đã chỉ ra được tự do là gì? Đặc điểm của tự do là như thế nào? Tự do được biểu hiện ở đâu? Tương ứng với đó: tự do theo quan niệm của Pushkin là sự giải phóng bản thể của con người ra khỏi những ràng buộc của xã hội; tự do của mỗi cá nhân phải gắn liền với tự do của dân tộc; tình yêu là biểu hiện rõ ràng nhất của sự tự do. Pushkin đã chứng minh những quan điểm của mình một cách cụ thể bằng những dẫn chứng Dù vẫn còn những hạn chế về mặt lý luận nhưng những quan điểm về tự do Pushkin đưa ra đã trở thành chân lý của nhân dân Nga thời kỳ đó.
3.34	Đại học	Quan niệm của Hêghen về chủ thể sáng tạo nghệ thuật trong tác phẩm Mỹ học	Nguyễn Thị Huyền Thương	TS. Nguyễn Duy Cường	Quan niệm về chủ thể sáng tạo nghệ thuật của Hêghen trong tác phẩm Mỹ học là một nội dung quan trọng, được ông phân tích rất đầy đủ và nó chứa đựng các ý tưởng của Hêghen về việc mong muốn xây dựng một bộ môn về triết học sáng tác nghệ thuật. Tuy còn những điểm chưa hợp lý không thể tránh khỏi do điều kiện lịch sử tác động nhưng quan niệm của Hêghen về chủ thể sáng tạo nghệ thuật trong tác phẩm Mỹ học là một quan niệm có giá trị lớn trong nghiên cứu mỹ học hiện nay. Nó làm rõ tính cách của thiên tài nghệ thuật, nó đề ra những chuẩn mực yêu cầu người nghệ sĩ cần đạt được để trở thành thiên tài thực thụ với những tác phẩm đem lại tiếng vang cho muôn đời sau. Nó bóc lộ suy nghĩ, niềm hy vọng đầy chủ ý nhân văn của nhà triết học thiên tài Hêghen về việc đưa nhân loại đi tới “vương quốc của cái đẹp”, “vương quốc của tự do”.

4. Khoa Đông Phương học

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
1.1	Tiến sĩ Trung Quốc học	Đặc điểm của từ ngữ rút gọn trong Báo cáo chính trị các kì đại hội Đảng Cộng Sản Trung Quốc (từ Đại hội lần thứ 12 đến Đại hội lần thứ 18)	Nguyễn Thị Phương	1.GS.TS.Mai Ngọc Chừ 2.TS.Nguyễn Thị Ngọc Hoa	<ul style="list-style-type: none"> - Luận án đã thống kê số lượng từ ngữ rút gọn, tần suất sử dụng, phân tích các đặc điểm về cấu tạo như phương thức cấu tạo, kiểu kết cấu, những nguyên tắc rút gọn trên cơ sở kết quả khảo sát 7 bản báo cáo chính trị Đại hội Đảng Cộng Sản Trung Quốc, từ Đại hội lần thứ 12 đến Đại hội lần thứ 18. - Luận án tiến hành phân loại theo nghĩa và phân tích các đặc điểm về nghĩa của từ ngữ rút gọn trong Báo cáo chính trị các kì Đại hội Đảng Cộng Sản Trung Quốc. - Luận án đã nhận diện một số chính sách kinh tế, xã hội, chính trị, khoa học công nghệ của Trung Quốc được phản ánh qua các từ ngữ rút gọn trong Báo cáo chính trị các kì Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc.
1.2	Tiến sĩ Trung Quốc học	Vấn đề giải phóng phụ nữ trong cuộc vận động Văn hóa mới ở Trung Quốc (Khảo sát trên các ấn phẩm đầu thế kỷ XX)	Trần Trúc Ly	1.PGS.TS. Nguyễn Văn Hồng 2.TS.Nguyễn Thọ Đức	<ul style="list-style-type: none"> -Luận án là nghiên cứu đầu tiên ở Việt Nam khảo sát toàn bộ các tác phẩm báo chí trên hai tạp chí <i>Tân thanh niên</i> và <i>Tân trào</i> cùng một số tác phẩm báo chí đăng trên các tạp chí khác nhằm làm rõ nội dung quan điểm và thực hành giải phóng phụ nữ của cuộc vận động Văn hóa mới - Luận án là nghiên cứu đầu tiên tiến hành nghiên cứu so sánh hai bộ luật <i>Đại Thanh luật lệ</i> và <i>Trung Hoa Dân Quốc dân pháp</i> nhằm làm rõ ảnh hưởng của cuộc vận động Văn hóa mới trong việc chế định các điều luật liên quan đến phụ nữ trong văn bản pháp luật. - Luận án là nghiên cứu đầu tiên tiến hành khảo sát ảnh hưởng của quan điểm và thực hành giải phóng phụ nữ của cuộc vận động Văn hóa mới tại Việt Nam. Thông qua nghiên cứu trường hợp Phan Khôi (1887-1959), luận án đã phát hiện một số chỉ dấu cho thấy ảnh hưởng của cuộc vận động Văn hóa mới tại Việt Nam liên quan đến vấn đề giải phóng phụ nữ.
2	Thạc sĩ				
2.1	Thạc sĩ Châu Á học	Sử dụng lao động nữ tại Nhật Bản giai đoạn 1945 – 1990 trong trường hợp ngành công nghiệp dệt may	Nguyễn Thu Trang	TS.Võ Minh Vũ	Trong chương 1, luận văn nghiên cứu sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản và ngành dệt may cho đến năm 1990. Trong đó, tập trung phân tích những thay đổi trong bối cảnh kinh tế - xã hội của Nhật Bản, từ đó ảnh hưởng tới sự phát triển của ngành dệt may trước và sau chiến tranh thế giới thứ hai theo từng thời kỳ lịch sử. Cụ thể, trong giai đoạn trước chiến tranh, từ một nền kinh tế phát triển, Nhật Bản trở nên kiệt quệ do chiến tranh tàn phá, sau đó lại đạt mức tăng trưởng vượt trội nhờ những cải cách lớn về kinh tế - xã hội vào thời kỳ tăng trưởng cao. Ngành dệt may theo đó cũng được phát triển thịnh vượng trước chiến tranh, bị chiến tranh tàn phá và không được khuyến khích phát triển trong thời chiến, sau đó là tiếp tục phát triển lại, vượt mức trước chiến tranh. Tuy nhiên, vào những năm 1975 – 1990, bước vào giai đoạn cải cách cơ cấu và bong bóng, nền kinh tế lại bắt đầu suy giảm. Được coi là một

					<p>trong những ngành kinh tế trụ cột của Nhật Bản trong suốt nhiều năm qua, trong những năm nay, dệt may cũng bị suy giảm theo, từ một nước xuất khẩu hàng dệt may hàng đầu thế giới trở thành một nước nhập khẩu hàng dệt may. Trong chương 2, luận văn tập trung làm rõ tình hình lao động nữ trong ngành dệt may Nhật Bản từ 1945 – 1990. Theo đó, trong thời kỳ sau chiến tranh (1945 – 1990), lực lượng lao động nữ ngành dệt may Nhật Bản cũng có những thay đổi đáng kể. Vào thời kỳ tái cơ cấu, lực lượng lao động nữ trong ngành ngày càng lớn mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu khôi phục nền kinh tế. Bước sang giai đoạn tăng trưởng cao, đặc biệt vào năm 1965, số lượng lao động nữ trong ngành dệt may Nhật Bản đã tăng lên đỉnh điểm. Sau đó, khi nền kinh tế bước vào thời kỳ cải cách cơ cấu và bong bóng kinh tế bắt đầu xuất hiện, lực lượng lao động nữ của ngành dần giảm xuống. Cùng với sự thay đổi về số lượng, cơ cấu lao động nữ của ngành dệt may Nhật Bản trong giai đoạn này cũng có những thay đổi lớn. Đó là sự thay thế dần dần của lực lượng lao động nữ lớn tuổi không thường xuyên (bán thời gian) và đã lập gia đình. Điều này là hoàn toàn trái ngược với những năm đầu sau chiến tranh khi lực lượng lao động nữ trẻ, chưa lập gia đình luôn chiếm ưu thế trong lực lượng lao động nữ của ngành dệt may Nhật Bản.</p> <p>Chương 3 của luận văn tập trung phân tích thực trạng quản lý lao động nữ trong ngành dệt may Nhật Bản từ 1945 – 1990. Việc quản lý lực lượng lao động nữ của ngành được thể hiện qua các chính sách nổi bật bao gồm tuyển dụng; hệ thống ký túc xá và thời gian biểu; giáo dục và đào tạo nghề; tiền lương và phúc lợi. Qua đó, có thể thấy được chính sách quản lý chặt chẽ và ngày càng trở nên tốt hơn giúp cải thiện đáng kể cuộc sống của lao động nữ ngành dệt may.</p>
3	Đại học				
	Hàn Quốc học				
3.1	Đại học	Sự phân cực thu nhập, bất bình đẳng thu nhập và hệ quả mang tính xác hội tại Hàn Quốc	Đặng Phương Anh	Ths. Nguyễn Thủy Giang	<p>Kể từ cuộc khủng hoảng tài chính thì tình trạng bất bình đẳng thu nhập trong xã hội trên thế giới nói chung và Hàn Quốc nói riêng đã và đang ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn bao giờ hết. Nó ảnh hưởng rất nhiều đến những người lao động và đặc biệt là tầng lớp dân nghèo có thu nhập thấp. Trong bài đã đưa ra hiện trạng, nguyên nhân cũng như hậu quả của tình trạng bất bình đẳng thu nhập này một cách khái quát giúp người đọc hiểu được phần nào tình trạng nghiêm trọng này. Khi tình trạng bất bình đẳng thu nhập bị đẩy đến cực điểm thì sẽ tạo ra sự phân cực thu nhập giữa tầng lớp giàu và nghèo trong xã hội mà nguyên nhân sâu xa của vấn đề này chính là do sự suy giảm nhanh chóng của tầng lớp trung bình trong xã hội. Bất bình đẳng thu nhập đem đến rất nhiều hậu quả tiêu cực cả về kinh tế lẫn xã hội, sức khỏe con người, làm gia tăng tỷ lệ bệnh tật của con người. Từ đó bài đã đưa ra một số</p>

					những giải pháp hạn chế và có liên hệ với Việt Nam về tình trạng cũng như phương hướng giải quyết của Việt Nam.
3.2	Đại học	Hiện trạng du lịch thành phố Seoul giai đoạn 2015 - 2019: tập trung vào đối tượng khách quốc tế	Trần Tiến Anh	Ts. Nguyễn Thị Thu Hương	Khoá luận này nghiên cứu hiện trạng phát triển du lịch quốc tế của Seoul (Hàn Quốc) giai đoạn 2015 – 2019, là giai đoạn nằm giữa hai dịch bệnh MERS 2015 và COVID – 19 (cuối năm 2019 – đầu năm 2020). Đây là giai đoạn thị trường du lịch trải qua nhiều biến động, thăng trầm do chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Tuy nhiên với chính sách phát triển linh hoạt và phù hợp của trung ương và địa phương, du lịch Seoul đã nắm bắt được những thời cơ và khắc phục những nguy cơ, phục hồi và tiếp tục phát triển. Trên cơ sở đó tác giả khái quát những đặc điểm của du lịch quốc tế Seoul giai đoạn này, đánh giá những kết quả đạt được và những vấn đề tồn tại của du lịch Seoul. Căn cứ vào những phân tích đó, tác giả đưa ra dự báo về xu hướng phát triển của du lịch Seoul trong thời gian tới. Khoá luận sử dụng các tài liệu, báo cáo thống kê, điều tra thực tế và các bảng biểu, số liệu được công bố bởi các cơ quan chính phủ và chính quyền Seoul để làm nền tảng phân tích, đánh giá.
3.3	Đại học	Ảnh hưởng của vấn đề “phụ nữ giải khuây” thời Nhật trị đến quan hệ Hàn Quốc - Nhật Bản hiện nay	Nguyễn Thanh Hiếu Chương	Ts. Lê Thị Thu Giang	Khoá luận làm rõ lịch sử của vấn đề “phụ nữ giải khuây” thời kỳ Nhật trị tại Hàn Quốc. Qua lịch sử đó xác định những vấn đề tàn dư vấn đề để lại trên nhiều khía cạnh, gây ảnh hưởng đến nhiều đối tượng. Cuộc đấu tranh cho vấn đề “phụ nữ giải khuây” vẫn còn lẻ tẻ và thiếu đoàn kết để trở thành phong trào mạnh mẽ, nên kết quả thu được không đáng kể. Ở Hàn Quốc có ba lực lượng là chính phủ, nhân dân và tổ chức với những hoạt động đấu tranh khác nhau, nhưng không có sự tương hỗ và chưa có hiệu quả như mong đợi. Dự luận quốc tế cũng ủng hộ phong trào đấu tranh cho các nạn nhân “phụ nữ giải khuây” nhưng còn manh mún, thiếu thốn nhất. Trong mối quan hệ Hàn Quốc – Nhật Bản lại chứa đựng nhiều mâu thuẫn, trong đó vấn đề “phụ nữ giải khuây” là một mảnh ghép quan trọng. Mặc dù mức độ đối đầu trong vấn đề “phụ nữ giải khuây” chỉ là những tranh cãi mâu thuẫn ngoại giao giữa Hàn Quốc và Nhật Bản nhưng trong nhiều trường hợp khác nhau, nó là hệ quả và cũng là nguyên nhân của những mâu thuẫn khác. Đặt trong mối quan hệ với các nguyên nhân gây mâu thuẫn khác, vấn đề “phụ nữ giải khuây” có những ảnh hưởng nhất định. Đứng ở hai vị trí có lợi ích trái ngược nhau, Hàn Quốc và Nhật Bản có tâm thế tiếp nhận và xử lý vấn đề “phụ nữ khác nhau. Nếu như Hàn Quốc đang giữ lợi thế trong cuộc tranh cãi, thì Nhật Bản lại rơi vào thế lưỡng nan khó xử trong vấn đề “phụ nữ giải khuây”. Cuộc đấu tranh của Hàn Quốc cho vấn đề này là cuộc đấu tranh mang tính chính nghĩa và được chính phủ sử dụng nhiều lần như một vũ khí trong những tranh cãi với Nhật Bản để tạo sức ép và đạt được một số lợi ích nhất định. Trong khi đó, Nhật Bản một mặt vừa muốn phủ nhận, né tránh vấn đề “phụ nữ giải khuây” vì đây là một vết nhơ trong lịch sử. Mặt khác, Nhật Bản lại phải xử lý vấn đề này thật thiện chí để tạo hình ảnh tốt với dự luận quốc tế. Vấn đề “phụ nữ

					giải khuây” là vấn đề có sức truyền thông mạnh mẽ nên cả Hàn Quốc và Nhật Bản cần khéo léo để giải quyết.
3.4	Đại học	Vết thương chiến tranh trong văn học hiện đại Hàn Quốc - trọng tâm qua truyện ngắn Hai đời thọ nạn	Lê Thị Dung	Ts. Hà Minh Thành	<p>Khóa luận tìm hiểu về vết thương chiến tranh trong văn học hiện đại Hàn Quốc và cụ thể hóa qua tác phẩm Hai đời thọ nạn. Chiến tranh là nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội. Trong bối cảnh đó, với chức năng phản ánh hiện thực, văn học đã ghi lại, tái hiện, điển hình hóa các sự kiện lịch sử thông qua nhân vật và câu chuyện mà họ trải qua tại thời điểm xảy ra sự kiện đó. Trong số những tác phẩm viết về đề tài chiến tranh thì Hai đời thọ nạn là một trong những minh chứng rõ nét nhất cho nỗi đau chiến tranh. Tác phẩm không tô đậm sự chết chóc hay sự đổ máu ác liệt của chiến tranh, song thông qua hai nhân vật chính, người đọc có thể tưởng tượng rõ nỗi đau mà những nạn nhân chiến tranh đã phải trải qua. Các nghiên cứu về Hai đời thọ nạn chủ yếu được tiến hành ở Hàn Quốc. Ở Việt Nam tính đến nay mới có một đề tài tập trung làm rõ hiện thực tàn khốc của hai cuộc chiến tranh Triều Tiên qua việc phân tích tác phẩm mà chưa khai thác đặc điểm của văn học chiến tranh Hàn Quốc. Bởi vậy, bằng phương pháp thu thập, xử lý, tổng hợp, phân tích tài liệu, phương pháp thực chứng lịch sử và phân tích tâm lý nhân vật, Khóa luận không chỉ tìm hiểu về bối cảnh lịch sử của hai cuộc chiến này mà còn làm rõ một số đặc điểm tiêu biểu của văn học chiến tranh Hàn Quốc, đồng thời cho người đọc cảm nhận được vị trí của Hai đời thọ nạn trong nền văn học chiến tranh Hàn Quốc. Qua đó có thể thấy rõ hơn mối quan hệ chặt chẽ giữa văn học và lịch sử, đặc biệt là dòng văn học chiến tranh với lịch sử.</p>
3.5	Đại học	Định hướng ngoại giao trung gian của chính phủ HQ giai đoạn 2003-2013	Chu Thị Mai	Ts. Lê Thị Thu Giang	<p>Bài viết nghiên cứu và tìm hiểu chính sách ngoại giao trung gian của Hàn Quốc trong giai đoạn 2003-2013, cụ thể là dưới hai đời tổng thống Rho Moo Huyn và Lee Muynng Bak. Để có thể làm rõ vấn đề, bài viết đã dẫn giải và giải thích các thuật ngữ về ngoại giao trung gian, quốc gia hạng trung,...và chỉ ra mối quan hệ của hai thuật ngữ. Bối cảnh khu vực, thế giới và trong nước phản ánh một giai đoạn đầy biến động và cho thấy được những nguyên nhân khách quan và chủ quan tác động tới những định hướng về chính sách ngoại giao trung gian của Hàn Quốc. Theo đó, hướng đi của tổng thống Rho Moo Huyn và Lee Muynng Bak đã thể hiện những quan điểm cá nhân theo hướng khác biệt. Trong khi Rho Moo Huyn chủ trương hướng vào khu vực, quan tâm đến Đông Bắc Á và chủ trương thân thiện với CHDCND Triều Tiên thì Lee Muynng Bak chủ trương đóng vai trò trung gian trên phạm vi toàn cầu, tập trung vào Châu Á và thân Mỹ. Bài viết đã chỉ ra kết quả, những thách thức và liên hệ đến hàm ý cho Việt Nam trong thời đại mới đồng thời chỉ ra những mục tiêu Hàn Quốc cần chú trọng trong tương lai.</p> <p>Để làm rõ những luận điểm trong bài, đề tài đã sử dụng kết hợp nhiều phương pháp như phương pháp tổng hợp tài liệu, phân tích, nghiên cứu lịch sử,</p>

					<p>phương pháp so sánh, phương pháp thống kê bảng biểu,...Áp dụng những phương pháp này để nghiên cứu nhiều nguồn tài liệu khác nhau như các bài phát biểu, diễn văn, văn kiện; các bài thống kê về số liệu của các tổ chức...đã tạo nên tính logic, cụ thể và chi tiết trong bố cục.</p> <p>Đề tài đã phân tích dựa trên cách nhìn khách quan của tác giả đồng thời trích dẫn những đánh giá của các nhà nghiên cứu liên quan.Nhìn chung có thể chính sách của hai đời tổng thống vẫn còn nhiều mục tiêu chưa thực hiện được và thậm chí còn bị đánh giá là một bước lùi so với chính quyền tiền nhiệm. Những thử thách trong tương lai buộc Hàn Quốc phải cứng rắn, tự chủ và dứt khoát trong việc thực hiện vai trò trung gian, từ đó đảm bảo được sự cân bằng và hòa hợp trong khu vực cũng như quốc tế.</p>
3.6	Đại học	Những chuyển biến trong nhận thức của người Hàn Quốc về tổng thống Park Chung Hee	Đào Thị Thiên Lý	Ts. Lê Thị Thu Giang	<p>Khóa luận tìm hiểu về những đánh giá của người Hàn Quốc khi đánh giá về cố tổng thống Park Chung Hee trong những giai đoạn lịch sử khác nhau, từ đó đi đến tìm hiểu sự khác biệt, sự chuyển biến trong các đánh giá đó. Đầu tiên, khóa luận trình bày những chính sách nổi bật nhất của chính quyền Park Chung Hee để giúp người đọc có cái nhìn tổng quát nhất về thời đại 18 năm cầm quyền của ông. Tiếp đến là đi vào tập trung tìm hiểu về những đánh giá của người Hàn Quốc đối với bản thân Park Chung Hee và thời đại Park Chung Hee trong hai giai đoạn lịch sử: từ sau khi Park Chung Hee qua đời (1979) đến cuối thế kỉ XX; và giai đoạn cuối XX đầu XXI khi những bài tái đánh giá về Park Chung Hee đầu tiên xuất hiện. Cuối cùng, thông qua phân tích, so sánh để rút ra những sự chuyển biến trong đánh giá về Park Chung Hee của người Hàn Quốc trong 2 bối cảnh thời đại khác nhau.</p>
3.7	Đại học	Tình hình hộ gia đình một người tại Seoul giai đoạn 2010-2020	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Ts. Nguyễn Thị Thu Hương	<p>Bài viết tập trung tìm hiểu về sự xuất hiện của hộ gia đình một người tại Seoul giai đoạn 2010-2020. Ở thủ đô Seoul Hàn Quốc, bên cạnh việc sống theo gia đình truyền thống thì xu hướng sống độc thân cũng trở nên phổ biến và đang trở thành một vấn đề lớn có ảnh hưởng sâu sắc đến khu vực này. bài nghiên cứu sẽ phân tích thực trạng lối sống độc thân ở Seoul qua nhiều khía cạnh của đời sống, từ đó tìm hiểu nguyên nhân tại sao người Hàn Quốc lại lựa chọn sống một mình hơn là việc kết hôn. “ Hộ gia đình một người” đã đem lại không ít thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, xã hội tại Seoul nhưng cũng đem đến những khó khăn nhất định, cần đến các giải pháp tích cực của chính quyền thủ đô Seoul và chính phủ. Qua nghiên cứu, bài viết cũng so sánh liên hệ đến Việt Nam. Việt Nam cũng là một quốc gia đang trên đà phát triển, lối sống độc thân cũng đang có xu hướng tăng, bởi thế nhìn vào những chính sách của chính phủ Hàn Quốc, Việt Nam cũng có thể học hỏi được những điểm tốt và hạn chế được những điểm tiêu cực. Phương pháp chủ yếu được sử dụng trong bài báo cáo là tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và xử lý tài liệu, biểu đồ hóa những con số để có cái nhìn toàn diện và khách quan nhất về vấn đề hộ gia đình một người tại Seoul Hàn Quốc.</p>

	Trung Quốc học				
3.1	Đại học	Tình hình nghiên cứu Mặc Tử ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX (Trường hợp <i>Học thuyết Mặc Tử</i> của Lê Văn Hòè)	Phạm Lê Thùy Anh	TS. Nguyễn Thọ Đức	Mặc Tử là một triết gia có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội Trung Hoa cổ đại. Trải qua hơn 2000 năm tồn tại, triết học Mặc Tử đã để lại những dấu ấn không chỉ trong phạm vi Trung Quốc mà còn trải dài tới các quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Tại Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX, các học giả Việt Nam đã bắt đầu quan tâm và nghiên cứu triết học Mặc Tử một cách có hệ thống, khoa học. Đa số tác phẩm thời kỳ đó chỉ là dịch lại các công trình của các học giả Trung Quốc về Mặc Tử sau đó đăng tải trên <i>Tạp chí Nam Phong</i> , tuy nhiên vẫn có <i>Học thuyết Mặc Tử</i> là cuốn sách được học giả Lê Văn Hòè nghiên cứu một cách công phu trên cơ sở có sự tiếp thu quan điểm của Hồ Thích nhưng vẫn mang dấu ấn cá nhân tác giả. Bài viết giới thiệu thân thế, sự nghiệp, bối cảnh xã hội của Mặc Tử, khái quát tình hình nghiên cứu triết học Mặc Tử của các học giả Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX đặc biệt là tác phẩm <i>Học thuyết Mặc Tử</i> của tác giả Lê Văn Hòè, đồng thời chỉ ra sự giao lưu, học hỏi, sáng tạo giữa học giả Việt Nam và Trung Quốc, qua đó khẳng định vị trí quan trọng của tác phẩm <i>Học thuyết Mặc Tử</i> .
3.2	Đại học	Sức mạnh mềm văn hóa của Trung Quốc thông qua hoạt động ngoại giao văn hóa giai đoạn 2012 đến nay	Trần Thị Ngọc Anh	TS. Nghiêm Thuý Hằng	Sau khoảng thời gian nghiên cứu và triển khai đề tài khóa luận tốt nghiệp “Sức mạnh mềm văn hóa của Trung Quốc thông qua hoạt động ngoại giao văn hóa giai đoạn 2012 đến nay”, khóa luận hướng đến nghiên cứu và đạt được kết quả ở hai khía cạnh chính như sau: Một là phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn để Trung Quốc triển khai sức mạnh mềm văn hóa của mình thông qua nền tảng các tư tưởng của các học giả trên thế giới cũng như của nội bộ đất nước Trung Quốc cùng với các quan điểm của nước này về sức mạnh mềm văn hóa, đặc biệt là hoạt động ngoại giao văn hóa. Hai là phân tích thực trạng phát triển sức mạnh mềm văn hóa của Trung Quốc thông qua hoạt động ngoại giao văn hóa trong giai đoạn 2012 đến nay ở trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng thông qua hệ thống các Học Viện Khổng Tử, các trung tâm văn hóa Trung Quốc tại nước ngoài, các quỹ tài trợ quốc tế và học bổng học tập tại Trung Quốc,... từ đó đưa ra một số kết luận và đánh giá.
3.3	Đại học	越文《佛说盂兰盆经》汉词越译方式初探	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa	在中越语言文化接触的过程中，汉语言文化对越南语言文化产生一定的影响。越南语已经向汉语吸收了相当数量的词语（即汉越词），为越南语词汇系统宝库起着扩充的作用。而这些借词之所以能够引进越南语是因为它们几乎都通过翻译手段。本文从越文《佛说盂兰盆经》入手，对其词语进行考察，再分析此经的汉词越译方式，从而概括出汉词越译的主要方式及其特征。统计与分析结果显示，汉词越译方式包括三种：汉词对译成汉越词、汉词对译成纯越南语词、汉词对译成汉越合璧词。除此之外，译文中还使用一些汉词越译的辅助对译方式（意译、一词多译、简译、加译）。在理论上这些汉词越译翻译

					方式都属于音译、意译两种。本文的研究结果将对汉词越译工作提供一份可靠的语言资料。
3.4	Đại học	Sức mạnh mềm Trung Quốc giai đoạn 2012-2020 và những ảnh hưởng đến Việt Nam	Mai Thị Lam Phương	TS. Nghiêm Thuý Hằng	<p>Khóa luận đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề Trung quốc đã kế thừa và phát huy để triển khai sức mạnh mềm giai đoạn 2012-2020 trên phạm vi toàn thế giới, khu vực châu Á và Việt Nam. Khóa luận cũng đã đưa ra khung lý luận và khung phân tích kế thừa nội hàm sức mạnh mềm của Joseph Nye, các học giả Trung Quốc và tham khảo thêm Vũ Hồng Lâm để làm rõ thực trạng của sức mạnh mềm Trung Quốc giai đoạn 2012-2020. Đồng thời, khóa luận cũng đi sâu phân tích ảnh hưởng của sức mạnh mềm Trung Quốc tại Việt Nam trên các phương diện chính như an ninh, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội, bước đầu đưa ra được một số kết luận đáng chú ý.</p> <p>Trong khuôn khổ khóa luận bậc cử nhân, tôi mạnh dạn đưa ra 3 hàm ý chính sách, 6 điểm cần lưu ý cho Việt Nam để góp phần gia tăng ảnh hưởng tích cực, đối phó hữu hiệu với những sức ép, những kênh chính sách gia tăng sức mạnh mềm lên Việt Nam trên nhiều lĩnh vực. Khóa luận đề xuất thực thi chính sách hòa hiếu, hòa hợp nhưng không hòa tan, đối phó hữu hiệu với các kênh tác động “ân, đức, uy”, các ảnh hưởng tiêu cực đến từ chính sách “Vành đai, con đường”, “ Cộng đồng chung vận mệnh” cùng các chính sách lớn khác của Trung Quốc .</p>
3.5	Đại học	Hình ảnh phụ nữ Trung Quốc trong tác phẩm của Trương Ái Linh (Khảo sát trường hợp hai tập truyện <i>Sắc, giới và Chuyện tình giai nhân</i>)	Trần Thị Cẩm Tú	TS. Nguyễn Anh Tuấn	<p>Tại Trung Quốc, sau phong trào Ngũ Tứ năm 1919, người phụ nữ đã trở thành đề tài sáng tác của nhiều nhà văn. Trong số các tác giả viết về người phụ nữ trong giai đoạn 1919 - 1949, Trương Ái Linh được đánh giá là một trong những cây bút tiêu biểu. Vì thế, khóa luận đã tìm hiểu, tái hiện hình ảnh người phụ nữ Trung Quốc nửa đầu thế kỷ XX trong tác phẩm của Trương Ái Linh thông qua phân tích các nhân vật phụ nữ xuất hiện trong hai tập truyện <i>Sắc, giới và Chuyện tình giai nhân</i>. Qua khảo sát, khóa luận đã chỉ ra ba kiểu phụ nữ Trung Quốc điển hình trong xã hội Trung Quốc nửa đầu thế kỷ XX xuất hiện trong hai tập truyện nêu trên: phụ nữ truyền thống, phụ nữ hiện đại, phụ nữ có sự đan xen giữa truyền thống và hiện đại. Cơ sở của sự phân chia này là tư tưởng và hành động của người phụ nữ. Ở những người phụ nữ truyền thống, tư tưởng và hành động của họ chịu ảnh hưởng nặng nề từ các quan niệm đạo đức Nho gia, trong khi đó, người phụ nữ hiện đại được tiếp thu văn hóa và tư tưởng phương Tây, còn người phụ nữ có sự đan xen giữa truyền thống và hiện đại chịu ảnh hưởng của cả hai yếu tố trên. Bên cạnh đó, mỗi kiểu phụ nữ có những đặc điểm riêng về tuổi tác, hình thức, hoàn cảnh sống, tính cách, tâm lý, số phận. Những người phụ nữ được Trương Ái Linh khắc họa tuy nhỏ bé và rất đời thường trong dòng chảy lịch sử, nhưng qua hình ảnh của họ, người đọc có thể thấy không khí của một thời đại đầy biến động của xã hội Trung Quốc nửa đầu thế kỷ XX.</p>

3.6	Đại học	Phát triển của dữ liệu lớn (Big data) tại Trung Quốc và một số gợi mở cho Việt Nam	Nông Thị Vân	TS. Hà Thị Hồng Vân	Dữ liệu lớn (Big data) là một trong những trụ cột tất yếu của nền kinh tế số, cũng như đóng vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng kinh tế. Tại Trung Quốc, khi chiến lược quốc gia về dữ liệu lớn được hình thành, việc phát triển dữ liệu lớn ở Trung Quốc ngày càng được coi trọng. Xuất phát từ những quan niệm và đặc trưng của dữ liệu lớn, bài viết đã phân tích khái quát tình hình phát triển ngành công nghiệp dữ liệu lớn tại Trung Quốc, sau đó tiến hành làm rõ thực trạng ứng dụng của dữ liệu lớn tại Trung Quốc trong ba lĩnh vực chính bao gồm thương mại điện tử, y tế và giáo dục. Cuối cùng từ kết quả phân tích thực trạng phát triển dữ liệu lớn tại Trung Quốc, bài viết đã đưa ra một số bài học kinh nghiệm và giải pháp nhằm thúc đẩy việc phát triển dữ liệu lớn tại Việt Nam.
	Ấn Độ học				
3.1	Đại học	Tầm quan trọng của địa chính trị và ý nghĩa của chiến dịch khám phá tiềm năng du lịch của Jammu và Kashmir	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. Nguyễn Mạnh Cường	Tóm tắt: Ấn Độ là một quốc gia rộng lớn và có dân số đông nhất ở khu vực Nam Á, họ đã trở thành một cường quốc lớn ở châu Á và trên toàn thế giới. Ấn Độ còn mang trong mình cái nôi của nền văn minh nhân loại - là một trong những nền văn minh cổ xưa nhất thế giới; là một quốc gia đa dạng về văn hóa bản địa, sắc tộc, ngôn ngữ phong phú và tôn giáo gốc. Đặc biệt là khu vực Jammu và Kashmir có những tiềm năng to lớn về du lịch và lữ hành, được đánh giá là có thể mạnh nhất là du lịch nghỉ dưỡng. Nhưng do nằm ở một vị trí địa chính trị trọng yếu nên Jammu và Kashmir luôn rơi vào trong giao tranh căng thẳng giữa ba nước Ấn Độ, Trung Quốc và Pakistan. Bài viết tập trung vào những điều kiện và tiềm năng phát triển du lịch tại Jammu và Kashmir, những chính sách đầu tư, nguồn vốn, các dòng tiền được chuyển vào nền du lịch tại khu vực cũng như những chính sách mà Trung Quốc và Pakistan nhắm vào nền du lịch tại Jammu và Kashmir để có thể giành lại vùng đất này. Từ đó, bài viết đưa ra những đánh giá chung về tình hình du lịch tại Jammu và Kashmir cũng như tiềm năng du lịch của khu vực nói riêng và Ấn Độ nói chung trong tương lai. Từ khóa: địa chính trị, quan hệ hợp tác, chính sách phát triển, tiềm năng du lịch, vốn đầu tư, khám phá.
3.2	Đại học	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong giáo dục đại học Ấn Độ và một số gợi ý cho Việt Nam	Hoàng Thị Minh Anh	PGS.TS Đỗ Thu Hà	Tóm tắt: Bài khóa luận này trình bày việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào lĩnh vực giáo dục ở Ấn Độ. Từ việc nghiên cứu một quốc gia phát triển mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông như Ấn Độ có thể đem lại một số bài học để giúp Việt Nam phát triển việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong cấp giáo dục đại học. Trước hết, nghiên cứu đưa ra cơ sở lý thuyết của việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong lĩnh vực giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng ở Ấn Độ làm cơ sở nền tảng, khái quát tổng quan về giáo dục đại học ở Ấn Độ và nêu ra một số định hướng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong giáo dục. Từ đó có một cái nhìn tổng quan nhất và thấy được sự tính khả thi giữa bối cảnh giáo dục đại học ở Ấn Độ và sự phù hợp của những

					<p>định hướng mà họ đã đưa ra. Đưa ra một số đặc điểm thực trạng về việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong giáo dục đại học về công cụ tiếp cận chính, hoạt động của giảng viên với việc ứng dụng và hoạt động của sinh viên Ấn Độ đối với công nghệ thông tin và truyền thông. Từ định hướng của quốc gia đến thực trạng thực tế mà Ấn Độ có thể đúc kết được những điểm mà Ấn Độ đã làm được, những điều còn gây ra khó khăn và thách thức trong quá trình nỗ lực của Ấn Độ. Từ những vấn đề của Ấn Độ có thể thấy được phần nào các vấn đề mà Việt Nam cũng đang gặp phải khi đưa công nghệ thông tin và truyền thông vào giáo dục đại học. Theo những khó khăn mà Ấn Độ trải qua cũng như những điểm họ đã đạt được, Việt Nam có thể học hỏi, ứng dụng những gì mà Ấn Độ đã làm được với quốc gia của họ, đồng thời cũng rút ra được những bài học, thách thức để Việt Nam hoạch định chính sách đúng đắn cho giáo dục đại học nói riêng và nâng cao chất lượng lao động có tay nghề, có trình độ cao, sẵn sàng tiếp cận với xã hội ngày càng tiên tiến.</p> <p>Từ khoá: công nghệ thông tin và truyền thông; giáo dục đại học Ấn Độ; giáo dục đại học Việt Nam</p>
3.3.	Đại học	Nữ quyền và chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ giai đoạn 1915-1947	Ba Thị Thùy Linh	TS. Nguyễn Trần Tiến	<p>Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự phát triển kinh tế - xã hội và sự thay đổi mạnh mẽ của gia đình và xã hội đã đem lại nhiều thay đổi về chất của vấn đề giới và phụ nữ. Những đóng góp của phụ nữ không chỉ tạo ra một xã hội tiến bộ, văn minh mà còn phát triển chính bản thân người phụ nữ. Tuy nhiên, trên thế giới hiện nay vẫn còn sự chênh lệch khá lớn giữa vai trò và vị thế xã hội của phụ nữ, đặc biệt ở Ấn Độ. Vì vậy, đề tài tạo ra sự cân bằng giữa vị trí và vai trò của phụ nữ, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về giới và vấn đề bình đẳng giới để xóa dần khoảng cách giới ở quốc gia này. Thông qua việc nghiên cứu đề tài luận văn này, phần nào giải đáp được khái niệm về nữ quyền trong bối cảnh xã hội Ấn Độ, phong trào nữ quyền ở Ấn Độ dưới và sau thời kỳ thực dân Anh. Hơn nữa, khóa luận văn cũng làm rõ chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ, các phong trào nữ quyền cũng như sự tác động đến chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ 1915-1947.</p> <p>Từ khóa: Nữ quyền, phong trào nữ quyền, chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ.</p>
3.4.	Đại học	Chênh lệch giàu nghèo ở Ấn Độ, Nghiên cứu trường hợp Mumbai	Hoàng Thị Ly	ThS. Đinh Thị Phương Thảo	<p>Tóm tắt: Kể từ giữa những năm 1980, Ấn Độ đã từ từ mở cửa thị trường thông qua tự do hóa kinh tế. Sau những cải cách năm 1991 và đổi mới vào những năm 2000, Ấn Độ tiến tới một nền kinh tế thị trường tự do. Hiện nay kinh tế Ấn Độ được biết đến là một nền kinh tế thị trường công nghiệp mới đang phát triển. Tự do hóa nền kinh tế đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhưng các quy định kinh doanh không linh hoạt, tham nhũng phổ biến và tình trạng nghèo đói dai dẳng đặt ra những thách thức đối với việc mở rộng liên tục quy mô của các ngành kinh tế. Khoảng cách giàu nghèo tại Ấn Độ nói chung và Mumbai nói riêng còn tương đối lớn. Tình trạng đói nghèo cùng với sự bất bình đẳng dai dẳng ở Ấn Độ vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng. Đề tài tập</p>

					<p>trung chỉ ra sự chênh lệch giàu nghèo tại Ấn Độ cũng như Mumbai trên các phương diện bất bình đẳng tiêu dùng, bất bình đẳng thu nhập, bất bình đẳng về các nhu cầu cơ bản như y tế, giáo dục, điều kiện sinh hoạt,... trong thời gian từ năm 1980 đến năm 2012. Bên cạnh đó đề tài cũng đưa ra nguyên nhân dẫn đến sự bất bình đẳng kinh tế, chính sách mà Ấn Độ và Mumbai thực hiện để giải quyết tình trạng bất bình đẳng kinh tế, đói nghèo và nhà ở cho người dân.</p> <p>Từ khóa: Bất bình đẳng, chênh lệch giàu nghèo.</p>
3.5.	Đại học	Nông nghiệp biến đổi gen và tác động của nông nghiệp biến đổi gen đến nền nông nghiệp thế giới – Nghiên cứu trường hợp bông Bt tại Ấn Độ	Ma Thị Hương	ThS. Đinh Thị Phương Thảo	<p>Tóm tắt: An ninh lương thực đang là một trong những vấn đề được lo ngại toàn cầu khi dân số thế giới ngày càng gia tăng và diện tích đất canh tác ngày càng bị sụt giảm nghiêm trọng. Do đó việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất là việc tất yếu để đáp ứng nhu cầu lương thực toàn cầu. Công nghệ lai tạo cây giống biến đổi gen là phương pháp tân tiến nhất trong việc giải quyết vấn đề này. Mỹ, Ấn Độ, Brazil, Trung Quốc là các quốc gia có diện tích trồng cây biến đổi gen lớn nhất thế giới. Trải qua khoảng thời gian gần 30 năm từ khi thử nghiệm cho đến khi đưa sản phẩm ra thị trường cây giống và sản phẩm của các cây biến đổi gen đã và đang gây ra nhiều vấn đề tranh cãi về mặt hiệu quả cũng như các tác động về kinh tế. Tại Ấn Độ khi cây giống biến đổi gen đầu tiên được trồng thử nghiệm là cây bông Bt có đặc điểm kháng sâu đục thân trên cây bông đã giúp phát triển kinh tế tại một số địa phương tuy nhiên cũng dẫn đến tình trạng người nông dân lâm vào cảnh nợ nần, phá sản và lựa chọn con đường tự sát tại các địa phương khác. Bài viết tập trung phân tích và tìm hiểu những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này còn nằm ở chính sách vay vốn tài chính cũng như sự quản lý không hiệu quả của nhà nước trong việc triển khai trồng cây giống biến đổi gen, đây cũng sẽ là bài học cho Việt Nam trong việc quản lý canh tác giống biến đổi gen và các trường hợp phát sinh sau này.</p> <p>Từ khóa: GMO, biến đổi gen, công nghệ sinh học, bông Bt tại Ấn Độ, nông dân Ấn Độ tự sát</p>
3.6.	Đại học	Phật Giáo trong quan hệ ngoại giao Ấn Độ - Trung Quốc hiện nay	Nông Thị Kim Huyền	TS. Nguyễn Trần Tiến	<p>Tóm tắt: Phật giáo đang được phát triển mạnh mẽ trong chính sách ngoại giao của Trung Quốc và Ấn Độ, cả hai nước đều đưa Phật giáo vào chiến lược “sức mạnh mềm” của mình để cạnh tranh sự ảnh hưởng ở châu Á. Khóa luận này nhận thấy rằng, mặc dù Phật giáo đã giúp kéo hai nước xích lại gần nhau trong mối quan hệ song phương, nhưng việc họ lấy Phật giáo làm cầu nối về nhiều mặt là một sự tái tạo lịch sử. Bài luận cũng cho thấy, Phật giáo cũng là một công cụ cạnh tranh trong ngoại giao, vì Trung Quốc và Ấn Độ cùng tìm kiếm ảnh hưởng ở các quốc gia Phật giáo tại châu Á và giữa các tổ chức Phật giáo quốc tế. Cuối cùng, bài luận này nhận thấy rằng trong khi việc sử dụng Phật giáo của Trung Quốc là chiến thuật đơn giản thì Ấn Độ lại kết hợp các yếu tố tâm linh vào việc sử dụng Phật giáo. Trong tương lai,</p>

					<p>Trung Quốc có thể chuyển từ chiến thuật ngắn hạn sang sử dụng Phật giáo theo quy luật dài hạn trong các kịch bản xã hội hóa quốc tế.</p> <p>Từ khóa: Trung Quốc, Ấn Độ, Phật giáo, chính sách đối ngoại, quyền lực mềm, ngoại giao công chúng</p>
3.7.	Đại học	Kế hoạch xây dựng 100 thành phố thông minh của chính quyền Narendra Modi (2015-2019)	Lưu Thị Huyền	ThS. Nguyễn Mạnh Cường	<ul style="list-style-type: none"> - “Sứ mệnh thành phố thông minh” là một nỗ lực đầy tham vọng cần phải thực hiện trong nhiều năm với mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế, đổi mới công nghệ và tăng trưởng bền vững trên 100 thành phố được công bố dưới thời Thủ tướng Narendra Modi. - Dự án dự kiến sẽ thúc đẩy đầu tư kinh tế đất nước và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân. Đây là một bước nhảy vọt khổng lồ trong việc giải quyết những thách thức của quá trình đô thị hóa nhanh chóng ở Ấn Độ. - Tầm nhìn trọng tâm của Sứ mệnh là phát triển bền vững, tạo ra những “ngọn hải đăng” (1 thành phố phát triển kiểu mẫu, có sức ảnh hưởng tới các khu vực lân cận). - Bộ Phát triển Đô thị Ấn Độ đã ước tính 105 tỷ USD để phát triển trong 20 năm tới. Giai đoạn 5 năm lần thứ nhất (2015 – 2019), đã đầu tư khoảng 1 tỉ 340 triệu USD. Ngoài ra, có vốn đầu tư nước ngoài từ Pháp, Đức, Mỹ, Anh, Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, ... - Dự án có nhiều lợi ích về mặt xã hội cũng như kinh tế, nói chung là nâng cao chất lượng cuộc sống đồng thời tạo ra những cộng đồng kinh tế phát triển. Song hành là những mặt trái mang tính kiểm soát sự riêng tư. Bên cạnh đó, Ấn Độ phải đối mặt với hàng loạt những thách thức to lớn và bất cập của hệ thống cơ sở hạ tầng cũ. - Tiến độ hành dự án khá chậm, hiện tại đã có nhiều dự án nhỏ được thực hiện xong nhưng tiến độ hoàn thành Sứ mệnh còn là một ẩn số ở tương lai xa. - Giải pháp cho Sứ mệnh không phải là điều dễ dàng, cơ bản là đầu tư cơ sở hạ tầng và lắng nghe nguyện vọng của người dân. - Có nhiều phản hồi không mấy tích cực từ nhân dân và truyền thông về Sứ mệnh. <p>Tuy nhiên, một Ấn Độ có kinh nghiệm về xây dựng thành phố thông minh gắn liền với đổi mới công nghệ rất đáng cho Việt Nam học hỏi.</p>
3.8.	Đại học	Quan hệ Ấn Độ với ASEAN dưới thời thủ tướng Narendra Modi giai đoạn 2014-2019	Nguyễn Như Thuần	TS. Phùng Thị Thảo	<p>Tóm tắt: Bước sang thập niên thứ hai của thế kỉ XXI, hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ngày càng phát triển. ASEAN đã tích cực đẩy mạnh hợp tác bên ngoài, chủ động đa dạng hoá các mối quan hệ và hợp tác đa phương với các nước trên thế giới. Trong đó, Ấn Độ là một trong những đối tác có vai trò quan trọng với ASEAN. Mặt khác, từ những năm 90 của thế kỉ XX cho đến nay, chính sách hướng Đông của Ấn Độ coi Đông Nam Á là khu vực hợp tác chiến lược và Việt Nam là một trong những trụ cột để thông qua đó Ấn Độ thúc đẩy hợp tác với ASEAN. Đặc biệt, kể từ khi ông Narendra</p>

					<p>Modi lên làm thủ tướng, chính sách hướng Đông đã chuyển sang giai đoạn “hành động phía Đông”. Điều này đã đưa quan hệ Ấn Độ với ASEAN phát triển ngày càng sâu rộng và toàn diện hơn. Bài viết sau đây chỉ ra những nội dung chính trong quan hệ Ấn Độ với ASEAN trong nhiệm kỳ đầu của Thủ tướng Modi. Bài viết tập trung làm nổi bật mối quan hệ này trên các phương diện: chính trị- ngoại giao; an ninh quốc phòng; kinh tế; văn hoá, giáo dục và khoa học-công nghệ. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra những đánh giá sơ bộ về kết quả đạt được, những cơ hội và thách thức trong quan hệ Ấn Độ với ASEAN dưới thời thủ tướng Narendra Modi giai đoạn 2014-2019.</p> <p>Từ khoá: Quan hệ Ấn Độ với ASEAN dưới thời Thủ tướng Modi, chính sách hướng Đông, hành động phía Đông</p>
3.9.	Đại học	Sự phát triển thái độ - hành vi tiêu dùng của tầng lớp trung lưu Ấn Độ đương đại	Vũ Thị Thu Trang	PGS.TS Đỗ Thu Hà	<p>Tóm tắt: Tầng lớp trung lưu của tất cả các quốc gia là động lực chính của nền kinh tế toàn cầu. Ấn Độ không chỉ được biết đến là một đất nước rộng lớn với một nền văn hóa đa dạng và phong phú, đặc biệt cường quốc đông dân thứ hai thế giới này còn có quy mô lớn về số lượng và chất lượng của tầng lớp trung lưu. Các tầng lớp trung lưu tạo thành một thị trường quan trọng của Ấn Độ cho hầu hết các loại hàng hóa và dịch vụ. Sau khi Ấn Độ giành độc lập vào năm 1947, thông qua việc mở rộng khu vực tư nhân ở đây thông qua tự do hóa, sự tăng trưởng kinh tế đất nước này thay đổi một cách đáng kể, kéo theo đó tầng lớp trung lưu của Ấn Độ cũng có sự tăng trưởng và phát triển rất sâu sắc và mạnh mẽ. Bài viết dưới đây sẽ làm rõ thái độ - hành vi tiêu dùng của tầng lớp trung lưu Ấn Độ đương đại đặc biệt là tầng lớp trung lưu tại thành phố Bangalore và tại thời điểm xảy ra đại dịch COVID – 19 đã gây ra nhiều khó khăn ảnh hưởng đến thái độ tiêu dùng của tầng lớp này. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra những đề xuất và kiến nghị dành cho đề tài này và những nghiên cứu trong tương lai về tầng lớp trung lưu Ấn Độ.</p> <p>Từ khoá: Tầng lớp trung lưu Ấn Độ, thái độ - hành vi tiêu dùng, Tầng lớp trung lưu Ấn Độ tại Bangalore, COVID – 19</p>
	Nhật Bản học				
3.1	Đại học	Chính sách kích cầu du lịch nội địa của Nhật Bản trong mùa dịch SARS COV-2 (Corona)- Nghiên cứu trường hợp chiến dịch “Go to travel”	Trương Thành Đức	TS. Phạm Hoàng Hưng	<p>“Go To Travel” – chiến dịch được thực hiện nhằm kích cầu, khôi phục lại nhu cầu hoạt động du lịch, thông qua hỗ trợ chi phí du lịch giá rẻ dành cho người dân trước tác động của đại dịch SARS CoV - 2 (Corona). Từng được kỳ vọng là một chiến dịch kích cầu du lịch thành công, tuy nhiên trải qua gần 5 tháng kể từ thời điểm triển khai (tháng 7/2020), chiến dịch “Go To Travel” đã buộc phải tạm ngừng trên toàn quốc một thời gian dài trước sự bùng phát mạnh mẽ của đại dịch.</p> <p>Việc thực hiện chiến dịch chiến dịch kích cầu du lịch của Chính phủ đã vấp phải nhiều ý kiến trái chiều, song không thể phủ nhận những giá trị tích cực mang lại. Tuy nhiên, xét trên thời điểm diễn ra chiến dịch “Go To</p>

					<p>Travel” với tình hình dịch bệnh diễn ra tại Nhật Bản, thực sự chiến dịch thực hiện không mang tính hợp lý.</p> <p>Việc giải quyết khó khăn bài toán đặt ra giữa “dịch bệnh” và “du lịch”, hay xa hơn là vấn đề kinh tế nhìn từ góc độ kích cầu du lịch nội địa Nhật Bản cho thấy vì sao chiến dịch này phải tạm ngừng và có nguy cơ thất bại. Những yếu tố như phủ sóng vaccin và vấn đề kiểm soát lây nhiễm có thể sẽ chính là những điểm mấu chốt trong việc giải quyết bài toán ở trên.</p> <p>Từ khóa: Chiến dịch “Go To Travel”, đại dịch SARS CoV - 2 (Corona), vaccin</p>
3.2	Đại học	Giáo dục đạo đức tại tiểu học Nhật Bản-trường hợp môn Đạo đức và so sánh với Việt Nam	Đỗ Thị Huyền	TS. Phạm Lê Huy	<p>Nhật Bản – đất nước nổi tiếng với nền giáo dục đạo đức phát triển, con người lễ phép và uy tín hàng đầu thế giới. Giáo dục đạo đức tiểu học Nhật Bản không chỉ kết hợp việc giảng dạy trên lớp bằng lý thuyết thông qua môn Đạo đức mà còn giáo dục đạo đức toàn diện thông qua tất cả các môn học, cũng như mọi hoạt động trong đời sống. Nội dung giáo dục đạo đức Nhật Bản thông qua môn Đạo đức liên quan đến 4 nhóm: bản thân mình, người khác, cộng đồng - xã hội, và tự nhiên.</p> <p>Khi so sánh tương quan giữa nền giáo dục đạo đức của hai nước Việt Nam và Nhật Bản, chúng ta có thể thấy được 5 điểm giống nhau về vai trò, mục tiêu, nội dung, cách thức lựa chọn sách và tiêu chuẩn đánh giá. Bên cạnh những điểm tương đồng, giáo dục đạo đức Việt Nam có 5 điểm khác biệt so với Nhật Bản về cách thức tổ chức giáo dục đạo đức thông qua thực tiễn đời sống hàng ngày của học sinh, mục tiêu cụ thể, sách giáo khoa, nội dung và cách thức đánh giá.</p>
3.3	Đại học	Hình phạt tử hình trong pháp luật hiện hành của Nhật Bản	Phạm Đoàn Hương Ly	TS. Nguyễn Phương Thuý	<p>Tử hình là mức hình phạt cao nhất trong khung hình phạt dành cho các tội phạm nghiêm trọng trong pháp luật hình sự, cũng là trung tâm của những cuộc tranh luận bất phân thắng bại ở trong và ngoài Nhật Bản. Trong khi Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền và Hiến pháp Nhật Bản đều khẳng định quyền sống và cấm xử phạt tàn bạo bất kì ai thì hình phạt tử hình tước đoạt mạng sống của kẻ phạm tội mà Nhật Bản đang áp dụng có vi phạm quyền con người và Hiến pháp không? Trong khi hạn chế và tiến tới xóa bỏ tử hình đang là xu hướng chung của thế giới, Nhật Bản vẫn tiếp tục duy trì hình phạt này và đang phải đối mặt với áp lực không nhỏ từ dư luận quốc tế. Trước tình thế ấy, Nhật Bản nên xóa bỏ hay duy trì tử hình? Trên cơ sở đó, bài viết giới thiệu sự hình thành và phát triển của hệ thống hình phạt tử hình tại Nhật Bản, đồng thời phân tích, đánh giá về những vấn đề còn tồn tại và các ý kiến tranh luận liên quan dưới nhiều góc độ như Chính phủ, người dân, quốc tế,... Việc tìm hiểu về hình phạt tử hình và các luận điểm xoay quanh sự tồn tại của nó có thể trở thành tài liệu tham khảo cho một quốc gia cũng đang duy trì nó như Việt Nam.</p> <p>Từ khóa: Tử hình; duy trì và xóa bỏ; pháp luật hiện hành; Nhật Bản; hình phạt</p>

3.4	Đại học	Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam	Vũ Thị Hồng Loan	TS. Võ Minh Vũ	<p>Trong những năm gần đây, thiếu hụt nhân lực là bài toán của nhiều doanh nghiệp Nhật Bản. Để đảm bảo phát triển kinh doanh, Nhật Bản đầu tư và mở rộng hoạt động sang nước ngoài như Việt Nam. Tuy nhiên, thị trường Việt Nam được đánh giá có nguồn nhân sự dồi dào, trẻ, tiếp thu nhanh, chi phí lao động thấp khi các công ty Nhật sang làm việc có gặp những khó khăn, thử thách nào không? Bài khoá luận này tổng hợp, so sánh các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp Nhật Bản từ góc độ quản trị nhân lực để từ đó thấy được cách làm việc, phong cách thu hút nhân tài, chế độ lương, chính sách đãi ngộ, đảm bảo năng suất của nhân viên hai nước khác nhau như nào. Phần cuối của khoá luận lấy Honda là một ví dụ về công ty Nhật ở Việt Nam lâu năm, cách họ quản trị nhân lực người Việt và định hướng quản lí của họ có những nét Nhật Bản và thay đổi thêm để phù hợp với môi trường nước bản địa.</p>
3.5	Đại học	Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong giáo dục tại Nhật Bản giai đoạn 2000 – 2020	Nguyễn Thị Thu Trang	TS. Nguyễn Phương Thúy	<p>Trên cơ sở khai thác các nguồn tài liệu, kết quả nghiên cứu của Khóa luận đã thể hiện những điểm mới sau:</p> <p>Thứ nhất, khái quát về những luật, chính sách của Chính phủ Nhật Bản về việc thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục một cách có hệ thống và tương đối đầy đủ.</p> <p>Thứ hai, nêu ra được thực trạng thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong giáo dục tại Nhật Bản giai đoạn trước và sau năm 2000 trên các khía cạnh: gia đình, nhà trường và xã hội; bao gồm thành tựu và hạn chế. Từ đó, đưa ra một số nguyên nhân cản trở còn tồn đọng.</p> <p>Thứ ba, trên cơ sở đánh giá thực tiễn, đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quy định của nhà nước nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục nói riêng và xã hội bình đẳng giới nói chung trong các năm tiếp theo tại Nhật Bản.</p>

3.6	Đại học	Lao động trẻ em trong lĩnh vực công nghiệp Nhật Bản từ năm 1868 đến 1945 - trường hợp lao động trẻ em trong ngành kéo sợi	Phạm Thị Kim Dung	TS. Võ Minh Vũ	Trên cơ sở tổng hợp, phân tích các nguồn tài liệu và xử lý số liệu thống kê, khóa luận trình bày một cách có hệ thống về thực trạng lao động trẻ em trong lĩnh vực công nghiệp của Nhật Bản thời kỳ cận đại. Mặt khác, bằng việc phân tích trường hợp ngành kéo sợi, tác giả làm rõ sự biến đổi về thực trạng và môi trường lao động của trẻ em trong ngành nghề này. Ngoài ra, bài khóa luận còn phân tích nội dung của các bộ luật mà chính phủ Nhật Bản đã đưa ra nhằm điều chỉnh vấn đề lao động trẻ em trong lĩnh vực công nghiệp, qua đó đánh giá hiệu quả của các chính sách của chính phủ trong việc giảm thiểu lao động trẻ em, góp phần rút ra bài học kinh nghiệm cho các nước chậm phát triển trong quá trình xây dựng luật liên quan đến vấn đề này. Như vậy, đây là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị đối với sinh viên ngành Nhật Bản nói riêng cũng như ai quan tâm đến vấn đề lao động trẻ em nói chung.
3.7	Đại học	Ảnh hưởng của COVID-29 đến hoạt động kinh doanh của nhà hàng ở Nhật Bản-Phân tích trường hợp chuỗi Matsuya gyudon	Nguyễn Khánh Quỳnh	TS Phạm Hoàng Hưng	Trước tình hình COVID-19 diễn biến phức tạp Nhật Bản cũng như toàn thế giới phải gồng mình để bảo vệ người dân cũng như nền kinh tế trong nước. COVID-19 khiến kinh tế Nhật Bản bị ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt là ngành dịch vụ nhà hàng là ngành chịu tác động mạnh mẽ, trực tiếp nhất. Đối diện với COVID-19 các doanh nghiệp nhà hàng Nhật Bản đã có những động thái vừa để tăng doanh thu, vừa ngăn chặn sự lây lan của COVID-19. Tuy nhiên, các biện pháp còn chưa triệt để, chưa mang tính lâu dài, số ca nhiễm vẫn cao, một số doanh nghiệp vẫn có nguy cơ phá sản. Việc cấp thiết hiện tại là cần phải triển khai tiêm vaccine thật sớm và đồng bộ. Qua bài nghiên cứu này tôi muốn chỉ ra những ảnh hưởng tiêu cực của COVID-19 đến nền kinh tế Nhật Bản và thế giới cùng phân tích các chính sách của chính phủ, tiếp đến sẽ phân tích ảnh hưởng cụ thể đến một chuỗi nhà hàng- Matsuya, cuối cùng phân tích những ứng phó của Matsuya trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp
3.8	Đại học	Tang lễ Phật giáo Nhật Bản	Lưu Đỗ Khánh Linh	PGS.TS Phan Hải Linh	Tang lễ Phật giáo là một trong những nét đặc trưng của Phật giáo Nhật Bản, ra đời từ thời Trung thế và phát triển cực thịnh trong hai thời kỳ Edo và Meiji. Đặc trưng của tang lễ Phật giáo gắn với sự giao hòa giữa Phật giáo và Thần đạo bản địa trong quan niệm về linh hồn và thế giới sau cái chết. Những nghi

					thức, quy trình được thực hiện cũng mang đậm màu sắc tâm linh của Phật giáo. Sự phát triển của tang lễ Phật giáo đã mở ra con đường thế tục hóa, xã hội hóa cho Phật giáo Nhật Bản, song mặt khác nó khiến chức năng truyền đạo của Phật giáo suy giảm. Trước những khó khăn của các tự viện Phật giáo, tang lễ Phật giáo cho thấy vai trò của mình trong việc duy trì các tự viện đó. Nhưng hiện tại, khi vai trò xã hội của tang lễ Phật giáo có phần suy giảm, giới Phật giáo Nhật Bản cần thiết phải tìm ra hướng đi mới để phục hồi và phát triển bên cạnh việc duy trì chức năng xã hội của tang lễ Phật giáo.
3.9	Đại học	Từ ngữ dịch thuật trong tác phẩm 「文明論之概略」 (Khái lược văn minh luận)	Đào Thị Thu Hương		Bài khóa luận “Từ ngữ dịch thuật trong tác phẩm 「文明論之概略」 (Khái lược văn minh luận)” đã sử dụng các phương pháp phân tích, so sánh, đối chiếu tài liệu để làm sáng rõ những kiến thức cơ bản về sự hình thành, phương pháp và vai trò quan trọng của dịch thuật cũng như từ ngữ dịch thuật trong quá trình tiếp thu, truyền bá tri thức, văn minh phương Tây tại Nhật Bản từ cuối thời kỳ Edo đến đầu thời kỳ Minh Trị. Từ đó, khóa luận đã liệt kê, phân tích một số từ ngữ dịch thuật được sử dụng trong tác phẩm “Khái lược văn minh luận” của Fukuzawa Yūkichi thông qua việc đối chiếu, so sánh đối với một số cuốn từ điển được xuất bản cùng thời và một số bài nghiên cứu của các học giả. Các từ ngữ dịch thuật được Fukuzawa vận dụng trong tác phẩm đã giúp truyền tải những luận thuyết về văn minh phương Tây của ông, đóng góp cho sự vận động xã hội Nhật Bản, góp phần thúc đẩy quá trình học tập phương Tây.
3.10	Đại học	Giáo dục phòng chống thiên tai cho học sinh tiểu học tại Nhật Bản hiện nay-Trường hợp trường Tiểu học Inada và trường Tiểu học Nakanoshima, tỉnh Kanagawa	Bùi Thị Thu Hương	TS. Nguyễn Phương Thuý	Khoá luận có hai nội dung nghiên cứu quan trọng sau: (1) Làm rõ khái niệm, kiến thức cơ bản về thiên tai ở Nhật Bản và ảnh hưởng của thảm họa kép năm 2011 đến trường tiểu học Okawa. Qua đó, đánh giá thiệt hại của thiên tai ở mức độ cao nhất đã từng xảy ra, và việc thực hiện công tác giáo dục phòng chống thiên tai cho học sinh tiểu học tại Nhật Bản.

					(2) Khóa luận đã đưa ra hiện trạng của giáo dục phòng chống thiên tai tại Nhật Bản một cách tổng thể và đi sâu vào giáo dục phòng chống thiên tai bậc tiểu học thông qua điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn đã được thực hiện tại hai trường tiểu học của tỉnh Kanagawa. Đồng thời khóa luận đã liên hệ với giáo dục phòng chống thiên tai cho học sinh tiểu học ở Việt Nam, làm rõ điểm tương đồng và khác biệt, xem xét một số bài học kinh nghiệm của Nhật Bản nhằm hoàn thiện hơn nữa hoạt động giáo dục phòng chống thiên tai cho học sinh tiểu học trong tương lai.
3.11	Đại học	Thực trạng cô dâu nước ngoài trong xã hội nông thôn Nhật Bản giai đoạn từ năm 1985 đến nay	Hà Kiều Anh	Ths Nguyễn Việt Thi	Khóa luận “Thực trạng cô dâu nước ngoài trong xã hội nông thôn Nhật Bản giai đoạn từ năm 1985 đến nay” được trình bày trong 3 chương, tập trung làm rõ tình hình thực tế của các cô dâu nước ngoài thông qua tổng hợp số liệu và điều tra bảng hỏi. Chương 1 đề cập tình hình số lượng dân cư nông thôn Nhật Bản sụt giảm từ năm 1960 trở đi, gây “thiếu hụt cô dâu” dẫn đến việc gia tăng “nhập khẩu cô dâu nước ngoài”. Chương 2 phân tích hiện trạng khó khăn của cô dâu trong quan hệ với cộng đồng xã hội, tìm kiếm việc làm, đối mặt thành kiến phân biệt đối xử và duy trì mối quan hệ với quê hương, từ đó phân tích quá trình nỗ lực thích ứng xã hội của họ. Cuối cùng, chương 3 chứng minh thay đổi tích cực của xã hội nông thôn Nhật Bản trở nên cởi mở hơn bằng việc hình thành sự chấp nhận cô dâu nước ngoài và thiết lập nhiều biện pháp hỗ trợ cộng đồng quốc tế, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.
3.12	Đại học	Sự phát triển ngành công nghiệp suối nước nóng tại Nhật Bản và những kinh nghiệm ứng dụng cho các khu suối nước nóng tại Việt Nam	Đặng Thị Ngọc Hà	TS. Phạm Lê Huy	Trong bối cảnh ngành công nghiệp suối nước nóng đã phát triển mạnh tại Nhật Bản và manh nha hình thành tại Việt Nam, đề tài được thực hiện nhằm làm rõ các khái niệm liên quan đến ngành công nghiệp suối nước nóng, lý giải sự phát triển của ngành công nghiệp suối nước nóng tại Nhật Bản, từ đó đưa ra những kinh nghiệm ứng dụng cho sự phát triển của ngành công nghiệp suối nước nóng tại Việt Nam nói chung cũng như khu suối khoáng Mỹ Lâm nói riêng. Với đối tượng nghiên cứu là ngành công nghiệp suối nước nóng trong phát triển kinh tế du lịch tại Nhật Bản và Việt Nam, đề tài đưa ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, đề tài sẽ tập trung nghiên cứu một số trường hợp

					cụ thể là ngành công nghiệp suối nước nóng tại thành phố Beppu (Oita, Nhật Bản), khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm (Tuyên Quang, Việt Nam), khu nghỉ dưỡng Yoko Onsen Quang Hanh (Quảng Ninh, Việt Nam).
3.13	Đại học	Hệ thống nô lệ tình dục của quân đội Nhật trong Chiến tranh Thế giới thứ hai và nhận thức lịch sử của Nhật Bản	Vũ Thị Thu Hằng	TS Võ Minh Vũ	<p>Thứ nhất: khóa luận đã làm rõ về vấn đề hệ thống nô lệ tình dục: bối cảnh ra đời, mục đích xây dựng, cách thức hình thành, quản lý hệ thống nô lệ tình dục có sự can dự của chính phủ và sự tham gia trực tiếp của quân đội Nhật. Đồng thời, khóa luận cũng đã thể hiện rằng không phải tất cả những phụ nữ tại các nhà thổ quân đội là nô lệ tình dục bởi trong số đó có những gái mại dâm đến từ Nhật Bản và họ được trả tiền để làm việc này.</p> <p>Thứ hai: khóa luận đã trình bày về cuộc sống của những nô lệ tình dục sau chiến tranh, những khó khăn trong điều tra, tìm kiếm các tài liệu có liên quan và quá trình hệ thống nô lệ tình dục được đưa ra ánh sáng.</p> <p>Thứ ba: khóa luận đã phân tích biểu hiện nhận thức lịch sử của chính phủ Nhật đối với vấn đề nô lệ tình dục sau khi vấn đề này được đưa ra ánh sáng. Đồng thời, cũng tiến hành phân tích nhận thức của người dân Nhật Bản đối với vấn đề nô lệ tình dục và những chính sách mà chính phủ Nhật đưa ra nhằm giải quyết, khắc phục những di chứng chiến tranh.</p>

5. Khoa Việt Nam học

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
2	Thạc sĩ				
2.1	Thạc sĩ	Chính sách đào tạo chuyên gia khu vực ở Việt Nam của tập đoàn Samsung	Yoon Jeong Won	TS. Đặng Hoài Giang	<p>Luận văn gồm 3 chương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 1: Tổng quan vấn đề nghiên cứu - Chương 2: Chính sách đào tạo chuyên gia khu vực của Samsung - Chương 3: Một vài đánh giá bước đầu về chính sách
2.2	Thạc sĩ	Hôn nhân của phụ nữ Việt Nam qua một số tác phẩm văn xuôi Hàn Quốc hiện đại	Ha Yejee	TS. Lê Thị Thanh Tâm	<p>Luận văn nhằm hướng đến việc lý giải, phân tích cái nhìn tiêu cực về hình ảnh những người phụ nữ di cư Việt Nam được tái hiện như là những nạn nhân trong các quyền văn xuôi hiện đại Hàn Quốc. Tuy nhiên, luận văn đi xa hơn và xem xét xu hướng này đang được cải thiện theo hướng tích cực như thế nào. Các tác giả của ba quyền văn xuôi (“Paprika” và <i>Suong</i> của Seo</p>

					Seongran và <i>Wandeuk</i> của Kim Ryeoryung) được phân tích trong luận văn cố gắng vượt qua nhận thức tiêu cực này và có một cái nhìn khách quan hơn. Bằng cách đó, các phụ nữ đó có thể được thể hiện như một con người chủ động cuộc đời mình. Luận văn đi đến kết luận rằng: phụ nữ di cư Việt Nam không phải sống như một nạn nhân thụ động và có thể trở thành chủ thể tích cực.
2.3	Thạc sĩ	Nghiên cứu hệ thống phúc lợi xã hội cho người cao tuổi ở Trung Quốc và Việt Nam hiện nay	Zhang Xiaoyi	TS. Đặng Thị Việt Phương	<p>Luận văn đã nhận định một số xu hướng phát triển đối với phúc lợi xã hội đối với người cao tuổi ở Việt Nam để từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện chính sách:</p> <p>Luận văn đưa ra một số giải pháp hoàn thiện chính sách phúc lợi xã hội cho người cao tuổi tại Việt Nam.</p> <p>Nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp.</p> <p>Thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế cùng với cung cấp bảo trợ xã hội</p> <p>Tăng cường các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.</p> <p>Giải pháp liên quan đến vai trò của các tổ chức.</p> <p>Giải pháp xây dựng cơ sở dữ liệu về người cao tuổi.</p>
2.4	Thạc sĩ	Sự phát triển của thư viện như một dịch vụ công cộng ở Thượng Hải trong thời kỳ cận đại và những gợi ý cho sự phát triển của thư viện ở Hà Nội	Zhang Ziye	TS. Đặng Thị Việt Phương	<p>Luận văn làm rõ những nhân tố lịch sử, kinh tế, xã hội văn hóa, giáo dục tác động lên sự hình thành và phát triển của các thư viện của Thượng Hải thời kỳ cận đại. Làm rõ hoạt động dịch vụ của mạng lưới thư viện của Thượng Hải thời kỳ cận đại trong lịch sử sự nghiệp thư viện Trung Quốc. Làm rõ thực trạng thư viện Hà Nội, Việt Nam; khái quát hoạt động dịch vụ của mạng lưới thư viện Hà Nội, Việt Nam. So sánh hoạt động dịch vụ của mạng lưới thư viện cận đại tại Thượng Hải, Trung Quốc và Hà Nội, Việt Nam. Đưa ra những gợi ý cho sự phát triển hoạt động dịch vụ của sự nghiệp thư viện ngày nay ở Hà Nội, Việt Nam.</p>
2.5	Thạc sĩ	Tín ngưỡng dân gian trong lễ hội truyền thống Việt Nam và Trung Quốc (Trường hợp tỉnh Quảng Tây – Trung Quốc và miền Bắc Việt Nam)	Weng Yi Ying	TS. Lê Thị Thanh Tâm	<p>Đề bàn về vai trò của lễ hội truyền thống trong đời sống văn hóa và tinh thần của người dân bản địa, người nghiên cứu cần đi sâu tìm hiểu nguồn gốc hình thành của các tín ngưỡng dân gian mới có thể hiểu về giá trị tâm linh, văn hóa của khu vực đó. Qua việc nghiên cứu về lịch sử hình thành các lễ hội ở tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) và miền Bắc Việt Nam, luận văn chỉ ra được một số điểm giống và khác nhau trong hình thức thờ tự, đối tượng thờ tự, nội dung và tâm lý thờ tự của các tín ngưỡng dân gian của cả hai nước.</p>
2.6	Thạc sĩ	Hiện trạng Môi trường Đầu tư Thị trường Công trình Điện lực (Nghiên cứu trường hợp của Việt Nam)	Qin Han	PGS.TS Bùi Thành Nam	<p>Nền kinh tế Việt Nam đang phát triển nhanh chóng, nhu cầu tiêu thụ năng lượng ngày càng tăng lên, với các chính sách đầu tư ưu đãi và linh hoạt đã thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Việt Nam có lợi thế địa lý và sẵn sàng phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái, việc phát triển nguồn năng lượng tái tạo ở Việt Nam không chỉ phù hợp với bối cảnh thúc đẩy việc tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường trên thế giới hiện nay mà còn phù hợp với lợi ích cơ bản của Việt Nam và các nước láng giềng.</p>

2.7	Thạc sĩ	So sánh chính sách ngoại giao văn hóa của Việt Nam và Hàn Quốc giai đoạn 2000 – 2020	Nam Jangyeop	TS. Đặng Hoài Giang	Luận văn đã nghiên cứu về các chính sách ngoại giao văn hóa của Hàn Quốc và Việt Nam. Ngoài ra, luận văn so sánh những sự tương đồng và sự khác biệt giữa ngoại giao văn hóa của hai nước trong giai đoạn 2000 – 2020. Thông qua đó, luận văn đã rút ra những nội dung có thể đóng góp vào sự phát triển của ngoại giao văn hóa ở Việt Nam trong tương lai.
2.8	Thạc sĩ	Đặc trưng trong tín ngưỡng thờ Nguyên phi Ý Lan ở Hà Nội	Lê Thị Hồng Liên	TS. Nguyễn Đình Lâm	Tín ngưỡng thờ Nguyên phi Ý Lan là một tín ngưỡng lâu đời của người Việt Nam. Đây là một tín ngưỡng thờ nữ thần có nguồn gốc hoàng tộc. Tín ngưỡng này thể hiện rõ những đặc điểm của tín ngưỡng thờ Nữ thần của Việt Nam như sự cố kết cộng đồng; sự dung hợp giữa Nho, Phật, Lão và thể hiện tính phồn thực, nông nghiệp sâu sắc. Ngoài ra, tín ngưỡng thờ Nguyên phi Ý Lan thể hiện những đặc trưng riêng. Đầu tiên, nó thể hiện ở tên gọi, truyền thuyết. Cuộc đời của bà Ý Lan được dân gian thần thánh hoá giống như cuộc đời của cô Tấm trong chuyện cổ tích. Thứ hai, sự độc đáo được thể hiện rõ trong cấu trúc thờ tự và kiến trúc thờ tự. Việc các nhân vật được thờ trong cơ sở thờ Nguyên phi Ý Lan có liên quan đến vị trí các quan chức trong cung đình. Kiến trúc thờ tự có sự kết hợp hài hoà giữa các yếu tố long, ly, quy, phượng. Đây là một tín ngưỡng thờ nữ thần đặc sắc trong văn hoá Việt Nam. Hiện nay, chưa có nhiều công trình nghiên cứu ở góc độ Việt Nam về tín ngưỡng này.
2.9	Thạc sĩ	Lễ hội làng Keo ở xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.	Phạm Mai Hải Phương	TS. Nguyễn Đình Lâm	Thông qua nghiên cứu trường hợp làng Keo, Gia Lâm, Hà Nội, luận văn góp phần làm rõ mối quan hệ giữa Phật giáo với tín ngưỡng bản địa, giữa ngôi chùa làng với văn hóa làng; sự hỗn dung giữa Phật giáo và tín ngưỡng bản địa trong truyền thống và trong đời sống văn hóa Việt Nam đương đại, từ đó rút ra những vấn đề trong việc gìn giữ và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Luận văn cung cấp luận cứ lý thuyết và thực tiễn cho việc nghiên cứu Việt Nam học góp phần bổ sung hướng tiếp cận đặc trưng một hiện tượng văn hóa cho công tác nghiên cứu, đào tạo và quản lý văn hóa, lễ hội truyền thống của Việt Nam hiện nay.
2.10	Thạc sĩ	Đặc trưng tôn giáo, tín ngưỡng của Chùa Long Tiên thành phố Hạ Long và tiềm năng phát triển du lịch hiện nay	Phạm Hồng Gấm	TS. Nguyễn Đình Lâm	Chùa Long Tiên được xây dựng ngay ven biển Hạ Long vào năm 1941, trên nền ngôi miếu cổ có từ thời Lý. Trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, chùa được xây dựng với kiến trúc độc đáo hiếm thấy mang phong cách của thời nhà Nguyễn, với đặc trưng tiêu biểu là sự kết hợp giữa Phật giáo ngoại sinh với Phật giáo nội sinh (thiên phái Trúc Lâm Yên Tử) và tín ngưỡng bản địa (Đức Thánh Trần, Tín ngưỡng thờ Mẫu) mang đậm sắc thái địa phương... Nghiên cứu chùa Long Tiên từ góc độ tiếp cận của chuyên ngành <i>Việt Nam học</i> nhằm rút ra đặc trưng riêng trong sự hỗn dung, giao thoa của thờ Phật, Thánh và Mẫu, nhất là những giá trị của chùa trong việc tạo tiền đề phát triển du lịch ở Quảng Ninh. Từ những lý do trên, tác giả quyết định lựa chọn đề tài “Đặc trưng tôn giáo, tín ngưỡng của chùa Long Tiên thành phố Hạ Long và tiềm năng phát triển du lịch hiện nay” để thực hiện luận văn thạc sĩ chuyên ngành Việt Nam học.

2.11	Thạc sĩ	Đình làng Kỳ Sơn và Lễ hội rước lợn Ông Bò trong phát triển du lịch ở Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng	Vũ Thị Lượn	PGS.TS Nguyễn Thị Nguyệt	Luận văn đã phân tích rõ các đặc điểm, chức năng và vai trò của kiến trúc và di tích Đình làng Kỳ Sơn và Lễ hội rước lợn Ông Bò nói riêng. Hơn thế nữa, luận văn cũng đã đánh giá những giá trị tiêu biểu của Di tích đình làng Kỳ Sơn và Lễ hội rước lợn Ông Bò, đồng thời luận văn cũng đã nêu lên những thực trạng còn tồn tại trong vấn đề khai thác, phát triển di tích đình làng và lễ hội gắn với hoạt động du lịch. Trên cơ sở những thực trạng đó, luận văn đã đưa ra những hướng khai thác, bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích Đình làng Kỳ Sơn và Lễ hội rước lợn Ông Bò trong phát triển du lịch huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp thêm một tài liệu tham khảo, tư liệu nghiên cứu cho những sinh viên chuyên ngành Văn hóa du lịch. Đồng thời đề tài cũng là một cơ sở khoa học để các cấp, các ngành, các nhà kinh doanh du lịch và các cá nhân liên quan đề ra những giải pháp, chiến lược cũng như những hướng đi khác để góp phần bảo tồn, gìn giữ và phát huy những giá trị của di tích đình làng và lễ hội, khai thác có hiệu quả và bền vững trong hoạt động phát triển du lịch huyện Kiến Thụy.
3	Đại học				
3.1	Đại học	Giáo dục kỹ thuật số tại USSH-VNU: Hiện trạng, kì vọng và định hướng phát triển.	Etienne Mahler	TS. Lê Thị Thanh Tâm	Khóa luận được thực hiện dưới góc nhìn của một sinh viên nước ngoài cung cấp các thông kê về sự quan tâm tới nhu cầu ứng dụng công nghệ kỹ thuật số trong giáo dục đại học của người học và người dạy tại trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn. Từ đó, khóa luận đề xuất những định hướng phát triển giáo dục đại học tại USSH trong tương lai gắn dựa trên/ được hỗ trợ bởi công nghệ kỹ thuật số.
3.2	Đại học	Nghiên cứu tục thờ nữ thần trong Phật giáo ở châu thổ Bắc bộ (qua trường hợp tục thờ Bà Chúa Ba ở Mỹ Đức - Hà Nội với tục thờ Tứ pháp ở Thuận Thành- Bắc Ninh)	Bùi Trung Thành	TS. Nguyễn Đình Lâm	Khóa luận nghiên cứu về tục thờ Nữ thần trong Phật giáo ở Châu thổ Bắc Bộ nhìn từ trường hợp tục thờ Bà Chúa Ba và tục thờ Tứ pháp để rút ra những đặc trưng trong truyền thuyết, lễ hội. Từ đó, khóa luận tiến hành so sánh và khái quát những giá trị và biến đổi của các lễ hội Nữ thần. Khóa luận cũng đặt ra những vấn đề liên quan đến thương mại hóa lễ hội, trần tục hóa lễ hội, ô nhiễm môi trường... và đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao năng lực quản lý và tổ chức các lễ hội Nữ thần nói chung.
3.3	Đại học	Văn hoá âm nhạc Công giáo tại xã Quảng Lạc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình hiện nay	Bùi Thị Thu Trang	TS. Nguyễn Đình Lâm	Khóa luận nghiên cứu về diện mạo, đặc điểm và đặc trưng văn hóa âm nhạc Công giáo ở xã Quảng Lạc, huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình. Đồng thời khóa luận cũng mô tả một số nghi lễ quan trọng của Giáo xứ và âm nhạc được sử dụng trong Thánh lễ ở đây. Với phạm vi nghiên cứu từ năm 1980 đến nay tại hai giáo xứ Đồng Bài và An Ngải, khóa luận cũng chỉ ra những biến đổi của văn hóa âm nhạc Công giáo ở Ninh Bình trong mối tương quan với âm nhạc Công giáo ở Việt Nam.

3.4	Đại học	Khảo sát một số yếu tố văn hoá ảnh hưởng đến năng lực giao tiếp tiếng Việt của học viên nước ngoài	Trần Thị Linh Giang	TS. Vũ Lan Hương	Khóa luận hướng tới đối tượng là các sinh viên nước ngoài đang học tiếng Việt tại khoa Việt Nam học và tiếng Việt, trường ĐH Khoa học Xã hội và nhân văn nhằm khảo sát việc sử dụng tiếng Việt của học viên nước ngoài trong mối liên hệ với các yếu tố văn hóa cụ thể như: khoảng cách – quyền lực và tính cá nhân – tính cộng đồng trong giao tiếp tiếng Việt. Từ đó khóa luận đề xuất một số phương pháp giảng dạy như giảng dạy ngôn ngữ kết hợp các yếu tố văn hóa, tổ chức các chuyến đi thực tế, thực hiện các bài kiểm tra ngắn gắn liền với các hiện tượng văn hóa gần gũi với sinh viên nước ngoài...
3.5	Đại học	Nhà Gươl trong đời sống sinh hoạt cộng đồng của người Cơ Tu tại xã Tà Bhing, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Ma Thị Thương	TS. Nguyễn Thị Thu Trang	Khóa luận tiến hành mô tả về nhà Gươl và vai trò của nhà Gươl trong đời sống cộng đồng của người Cơ Tu ở Quảng Nam. Đây là nơi thờ cúng và tiến hành mọi nghi thức quan trọng của làng, cũng là nơi các sinh hoạt văn nghệ diễn ra. Ngày nay, nhà Gươl đã được đưa vào khai thác du lịch. Đồng thời khóa luận cũng chỉ ra những biến đổi (về số lượng và chất lượng) của các nhà Gươl trên địa bàn Quảng Nam hiện nay, lí giải nguyên nhân và đề ra một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị vốn có của nhà Gươl.
3.6	Đại học	Hôn nhân Công giáo tại miền Bắc Việt Nam – Một cái nhìn so sánh	Nguyễn Thị Phương	ThS. Vũ Thị Xuyên	Khóa luận tập trung tìm hiểu ba nội dung then chốt: Lịch sử hôn nhân Công giáo, Đặc trưng và những giá trị nổi bật hôn nhân Công giáo; Một vài so sánh giữa hôn nhân công giáo và hôn nhân ngoài công giáo. Tuy còn nhiều hạn chế nhưng xét một cách tổng quan hôn nhân Công giáo vẫn chứa đựng nhiều giá trị tích cực, giảm thiểu những thực trạng tiêu cực hơn so với hôn nhân ngoài Công giáo.

6. Khoa Tâm lí học

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
1.1	Tiến sĩ	Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù	Bùi Thị Hồng Hạnh	PGS.TS. Trương Thị Khánh Hà TS. Chu Văn Đức	Luận án đã hệ thống hoá, cập nhật một số vấn đề lý luận có liên quan tới thích ứng và thiết kế khung lý thuyết và bộ công cụ đo lường thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù. So với lý luận về thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT đã nêu ở chương 2 của luận án, số liệu thu được từ thực tiễn đã phản ánh được các mặt như: Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT ở mức trung bình so với giả thuyết phần lớn NCHXAPT thích ứng thấp với tái hòa nhập cộng đồng. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự tiến bộ ở tất cả các lĩnh vực: gia đình, cộng đồng, công việc trên cả 3 mặt: nhận thức, cảm xúc, hành vi ở 2 thời điểm “khi mới ra tù” và “hiện nay”.

1.2	Tiến sĩ	Mối quan hệ giữa thực hiện quyền tham gia của học sinh trung học cơ sở ở trường học và cảm nhận hạnh phúc của các em	Nguyễn Thị Hồng	PGS. TS. Phan Thị Mai Hương PGS.TS. Nguyễn Sinh Phúc	- Luận án đã điem lược những nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến thực hiện quyền tham gia của trẻ em và cảm nhận hạnh phúc của các em. Trên cơ sở kế thừa và hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trước đó, Luận án làm sáng tỏ các khái niệm công cụ liên quan đến thực hiện quyền tham gia của trẻ em, cảm nhận hạnh phúc của học sinh ở trường học và ảnh hưởng của các yếu tố trung gian đến mối quan hệ giữa thực hiện quyền tham gia của học sinh trung học cơ sở ở trường học và cảm nhận hạnh phúc của các em.
1.3	Tiến sĩ	Sự hài lòng tình dục của người trưởng thành	Bùi Thị Phương Thảo	GS. TS. Trần Thị Minh Đức PGS. TS. Nguyễn Văn Lược	Nghiên cứu lí luận, thực trạng sự hài lòng tình dục của người trưởng thành và các yếu tố ảnh hưởng, qua đó luận án đề xuất một số khuyến nghị tăng cường mức độ hài lòng tình dục của người trưởng thành. Sự hài lòng tình dục của người trưởng thành là đánh giá chủ quan và cảm xúc tích cực về bản thân và về bạn tình trong mối quan hệ tình dục của người trưởng thành. Luận án đã đánh giá được mức độ sự hài lòng tình dục của người trưởng thành tham gia nghiên cứu trên khía cạnh hài lòng tình dục nói chung, hài lòng tình dục của bản thân và hài lòng tình dục về bạn tình ở mức “hài lòng phần nhiều”.
2	Thạc sĩ				
2.1	Thạc sĩ	Can thiệp tâm lý cho một trường hợp trầm cảm ở trẻ vị thành niên	Nguyễn Linh Chi	TS. Vũ Thy Cẩm	Luận văn báo cáo quá trình nhà tâm lý làm việc với một trường hợp trẻ vị thành niên có vấn đề trầm cảm. Trong đó, tiếp cận nhận thức - hành vi là tiếp cận được sử dụng làm khung tham chiếu cho quá trình định hình trường hợp, đánh giá vấn đề và can thiệp. Qua 12 buổi làm việc, nhà tâm lý đã cùng thân chủ thực hiện hai mục tiêu là giảm triệu chứng trầm cảm và cải thiện các mối quan hệ. Từ trường hợp này, nhà tâm lý rút ra những bài luận về các vấn đề xoay quanh trị liệu nhận thức – hành vi cho trẻ vị thành niên trầm cảm.
2.2	Thạc sĩ	Can thiệp cho một trường hợp trẻ vị thành niên có sang chấn tâm lý	Lê Thị Thanh Hương	PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hằng	
2.3	Thạc sĩ	Can thiệp tâm lý cho một trường hợp vị thành niên có hành vi tự hại	Nguyễn Thị Hương	PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hằng	Luận văn trình bày cơ sở lý luận, các liệu pháp đánh giá và can thiệp tâm lý cho một trường hợp trẻ vị thành niên có hành vi tự hại. Trên cơ sở đó, luận văn đưa ra các bài luận, khuyến nghị phù hợp với ca lâm sàng.
2.4	Thạc sĩ	Đánh giá và can thiệp một trường hợp trẻ vị thành niên có ý tưởng tự sát	Đặng Minh Khuê	TS. Nguyễn Bá Đạt	Thông qua một trường hợp điển cứu, nghiên cứu trình bày cách đánh giá và can thiệp một trường hợp trẻ em vị thành niên có ý tưởng tự sát, dựa trên thuyết tự chủ và thuyết nhận thức – hành vi gia đình, cụ thể là áp dụng phương pháp phỏng vấn tạo động lực và mô hình SAFETY
2.5	Thạc sĩ	Ứng dụng trị liệu nhận thức hành vi trên một ca rối loạn trầm cảm thanh thiếu niên	Nguyễn Ngọc Linh	PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Hằng	
2.6	Thạc sĩ	Can thiệp tâm lý cho một trường hợp trẻ vị thành niên có rối loạn cảm xúc	Nguyễn Thị Mai Anh	TS. Nguyễn Bá Đạt, ThS. Đoàn Thị Hương	
2.7	Thạc sĩ	Trị liệu rối loạn lo âu cho trẻ em	Đông Thị Phượng	PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hằng	

2.8	Thạc sĩ	Can thiệp tâm lý cho một trường hợp trẻ em có biểu hiện rối loạn hành vi	Đinh Thị Lan	TS. Nguyễn Bá Đạt ThS. Đoàn Thị Hương	
2.9	Thạc sĩ	Mối quan hệ giữa căng thẳng và gắn kết công việc của nhân viên y tế	Nguyễn Thị Nhiên	PGS.TS. Bùi Thị Hồng Thái	Luận văn xây dựng khung lý thuyết và mô hình nghiên cứu về mối liên hệ giữa căng thẳng trong công việc và gắn kết với công việc thông qua các nhân tố căng thẳng như: Đối mặt với cái chết, xung đột với bác sỹ, tâm thế với bệnh nhân, vấn đề với đồng nghiệp, vấn đề với người giám sát, khối lượng công việc, không chắc chắn về hướng điều trị, vấn đề với bệnh nhân và gia đình của họ, bị phân biệt đối xử, và các nhân tố gắn kết với công việc gồm: Sự cống hiến dành cho công việc, sức mạnh và sự say mê.
2.10	Thạc sĩ	Tác động của cha mẹ đi làm xa đến học tập của trẻ	Trịnh Xuân Tuân	PGS.TS. Nguyễn Văn Lượ	
2.11	Thạc sĩ	Sự hài lòng về trường học của học sinh trung học cơ sở	Nguyễn Thị Trang	TS. Trần Thu Hương	Nghiên cứu thực hiện trên 410 học sinh các khối từ 6 đến khối 9 của hai trường THCS Minh Châu và THCS Tân Việt – Hưng Yên. Nghiên cứu chỉ ra mức độ hài lòng của học sinh THCS với trường học nằm ở mức trung bình, học sinh THCS nhận thức và đánh giá cao vai trò của trường học trong các khía cạnh: hoạt động dạy và học trong nhà trường; môi trường cảm xúc học và các mối quan hệ học đường. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ hài lòng giữa các nhóm học sinh thuộc các khối lớp khác nhau và giữa các nhóm học sinh có học lực khác nhau.
2.12	Thạc sĩ	Mối quan hệ cha mẹ - con và sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo	Phạm Thị Thu	TS. Nguyễn Hạnh Liên	Nghiên cứu đã xây dựng một hệ thống cơ sở lý luận về mối quan hệ cha mẹ - con và sự phát triển ngôn ngữ của trẻ với tổng quan vấn đề nghiên cứu, các khái niệm cơ bản của đề tài (mối quan hệ cha mẹ - con, ngôn ngữ, trẻ mẫu giáo) cũng như tổng hợp và đề xuất mô hình nghiên cứu. Các kết quả phân tích thực trạng đối với mẫu nghiên cứu : Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ có quan hệ thuận với chất lượng hay mức độ mối quan hệ cha mẹ - con, mối quan hệ cha mẹ - con càng chặt chẽ, có chất lượng tốt thì kết quả liên quan đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ càng có xu hướng tăng.
2.13	Thạc sĩ	Mối quan hệ giữa hành vi làm cha mẹ và cảm nhận hạnh phúc của trẻ em	Lê Thị Thơm	TS. Trương Quang Lâm	Kết quả nghiên cứu chỉ ra, cha mẹ có hành vi giáo dục cao nhất ở khía cạnh tham gia cùng con trong các hoạt động, quan tâm tích cực đến con, giám sát con. Có sự khác biệt về mặt thống kê đó là: sự tham gia của mẹ trong các hoạt động cùng con cao hơn so với cha; nhóm cha mẹ ở thành thị có hành vi giáo dục cao hơn so với cha mẹ ở nông thôn ở khía cạnh tham gia cùng con, giáo dục con tích cực, kỷ luật con và giám sát con... Những lý giải dưới góc độ văn hóa và tâm lý học đã chỉ ra được sự khác biệt có ý nghĩa này.
2.14	Thạc sĩ	Hỗ trợ tâm lý cho một trường hợp trầm cảm lo âu ở thanh niên	Lưu Ngọc Chinh	TS. Nguyễn Thị Anh Thư	Luận văn nghiên cứu trường hợp thanh niên mắc rối loạn trầm cảm có lo âu. Luận văn nghiên cứu cơ sở lý luận, phương pháp đánh giá và phương pháp trị liệu cho một trường hợp trầm cảm có lo âu. Phương pháp trị liệu dựa trên liệu pháp cảm xúc- hành vi hợp lý, liệu pháp thư giãn và liệu pháp chánh

					niệm. Trên cơ sở đó, luận văn đưa ra bàn luận, khuyến nghị phù hợp với ca lâm sàng.
2.15	Thạc sĩ	Trị liệu tâm lý cho trẻ vị thành niên bị bạo lực gia đình	Phạm Thủy Tiên	GS.TS. Trần Thị Minh Đức	Thông qua một trường hợp trẻ Vị thành niên bị bạo lực học đường, nghiên cứu trường hợp dựa trên lý thuyết sinh thái, lý thuyết gia đình hệ thống và thực hiện can thiệp trị liệu bằng kỹ thuật trị liệu cảm xúc hành vi hợp lý.
2.16	Thạc sĩ	Ứng phó với căng thẳng trong hoạt động học tập của học viên trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I	Đặng Thị Thu Trang	PGS. TS. Trịnh Thị Linh	Nghiên cứu lý luận và thực trạng về cách ứng phó với căng thẳng trong hoạt động học tập của học viên trường Cao đẳng CSND I. Trên cơ sở đó đề xuất một số kiến nghị góp phần giúp học viên trường Cao đẳng CSND I có thể có cách ứng phó phù hợp với những căng thẳng trong hoạt động học tập nảy sinh trong quá trình học tập, rèn luyện tại trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập theo yêu cầu nhà trường đề ra.
3	Đại học				
3.1	Đại học	Mối quan hệ giữa lòng tự trắc ẩn và sức khỏe tâm thần của giáo viên	Ngô Thị Thùy	GS.TS. Trần Thị Minh Đức	
3.2	Đại học	Thái độ của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội đối với việc thực hiện các biện pháp phòng chống COVID-19 của chính phủ hiện nay.	Bạch Thị Thảo Linh	GS.TS. Nguyễn Hữu Thụ	Nghiên cứu lý luận và thực trạng thái độ của sinh viên ĐHQGHN đối với việc thực hiện các biện pháp phòng chống COVID-19 của chính phủ. Phương pháp: Xây dựng một bảng hỏi khảo sát về thái độ đối với việc thực hiện phòng chống COVID-19 trên 187 sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội. Kết quả khảo sát được xử lý dựa trên thống kê mô tả về các biến nhân khẩu học, điểm trung bình các mặt biểu hiện thái độ của sinh viên bao gồm nhận thức, cảm xúc, hành vi.
3.3	Đại học	Trải nghiệm xâm hại cảm xúc trong gia đình và mối quan hệ cặp đôi không an toàn ở người trưởng thành trẻ tuổi	Bùi Huyền Thương	PGS. TS. Bùi Thị Hồng Thái	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu về xâm hại cảm xúc trong gia đình và mối quan hệ cặp đôi không an toàn ở người trưởng thành trẻ tuổi, cùng với các yếu tố trung gian trong mối quan hệ này. Mẫu nghiên cứu là mẫu thuận tiện gồm 668 khách thể là những người trưởng thành trẻ tuổi (19.3% nam, 76.3% nữ), có độ tuổi trung bình là 22 tuổi (SD = 3.02). Kết quả cho thấy phần lớn khách thể đã/ đang là nạn nhân của xâm hại cảm xúc trong gia đình và ở trong mối quan hệ cặp đôi không an toàn.
3.4	Đại học	Mối liên hệ giữa tự che giấu bản thân và cảm nhận hạnh phúc: Vai trò trung gian của lo âu, tương tác xã hội	Vũ Ngọc Hà	PGS.TS Bùi Thị Hồng Thái	
3.5	Đại học	Ứng phó với rối loạn stress hậu sang chấn của người dân sau lũ của vùng hạ lưu Hồ Kẻ Gỗ	Võ Thị Lâm Oanh	PGS.TS Trần Thu Hương	Nghiên cứu thực hiện nhằm tìm hiểu thực tiễn rối loạn stress hậu sang chấn và khả năng ứng phó của người dân sau khi trải qua lũ lụt với rối loạn này, mối quan hệ giữa chiến lược ứng phó với rối loạn stress sau sang chấn và chất lượng cuộc sống ở người dân. Đây là nghiên cứu lát cắt ngang, mẫu khách thể là mẫu thuận tiện bao gồm 141 nhân khẩu trên địa bàn ba xã Cẩm Thành, Cẩm Thạch, Cẩm Duệ thuộc huyện Cẩm Xuyên – tỉnh Hà Tĩnh. Có độ tuổi trung bình là 49.8%, trong đó nam chiếm 42.6% và nữ chiếm 57.4%. Kết quả người dân sau lũ lụt không xuất hiện triệu chứng PTSD, tuy nhiên vẫn có nguy cơ đối với một số đối tượng.

3.6	Đại học	Hành vi làm cha mẹ và phong cách nhận dạng bản sắc, vai trò trung gian của tự điều chỉnh ở sinh viên	Đoàn Thị Hằng	PGS.TS Trần Thu Hương	Nghiên cứu trên 409 khách thể là sinh viên tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội nhằm xem xét mối quan hệ giữa HVLCM đến PCND bản sắc và vai trò trung gian của tự điều chỉnh lên mối quan hệ trên. Nghiên cứu sử dụng ba thang đo gồm thang đo hành vi làm cha mẹ (Parental Bonding Instrument - PBI); bản kiểm kê Phong cách nhận dạng (Identity Style Inventory 5 – ISI 5); và bảng hỏi tự điều chỉnh (Short Self-Regulation Questionnaire -SSRQ). Kết quả nghiên cứu cho thấy hành vi chăm sóc và bảo vệ quá mức của mẹ cao hơn của hành vi chăm sóc và bảo vệ quá mức của bố.
3.7	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên với việc học trực tuyến	Phùng Quỳnh Trang	PGS.TS Trịnh Thị Linh	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu về các yếu tố tác động đến sự hài lòng của sinh viên và thực trạng hài lòng của sinh viên đối với việc học trực tuyến tại trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Mẫu nghiên cứu là mẫu thuận tiện bao gồm 203 sinh viên đang theo học tại Trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy thực trạng hài lòng của sinh viên với việc học trực tuyến tại trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn ở mức trung bình.
3.8	Đại học	Bản sắc dân tộc của người dân thuộc cộng đồng các dân tộc thiểu số tại huyện Sông Mã - Tỉnh Sơn La	Trần Thị Thu Phương	PGS.TS Trịnh Thị Linh	Nghiên cứu được thực hiện trên mẫu gồm 138 người dân thuộc cộng đồng các dân tộc thiểu số tại Huyện Sông Mã - Tỉnh Sơn La nhằm mục đích tìm hiểu thực trạng bản sắc dân tộc của cộng đồng dân tộc thiểu số, mối quan hệ giữa bản sắc dân tộc và lòng tự trọng, cùng các khó khăn mà họ gặp phải trong cuộc sống
3.9	Đại học	Ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo đến sự căng thẳng của người lao động tại nơi làm việc	Nguyễn Hải Đăng	PGS.TS. Lê Thị Minh Loan	Nghiên cứu này tập trung làm rõ mức độ phổ biến của ba phong cách lãnh đạo, thực trạng căng thẳng của nhân viên, các nguyên nhân chủ yếu gây ra căng thẳng ở nhân viên và ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo đến sự căng thẳng trong công việc. Khách thể của nghiên cứu gồm 200 nhân viên tại các công ty, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội tham gia trả lời bảng hỏi của đề tài. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng nhân viên có mức độ căng thẳng trong công việc khá cao. Đồng thời, sự ảnh hưởng của các phong cách lãnh đạo đến căng thẳng trong công việc của nhân viên cũng được chứng minh. Các kiến nghị được đưa ra nhằm nâng cao nhận thức của các nhà quản lý về phong cách lãnh đạo để họ có thể áp dụng các phong cách lãnh đạo phù hợp hơn. Cùng với đó, nghiên cứu giúp cải thiện sức khỏe tinh thần, hạn chế tình trạng căng thẳng trong công việc của nhân viên.
3.10	Đại học	Ảnh hưởng của trí tuệ cảm xúc đến sự sáng tạo của nhân viên trong tổ chức	Phạm Thùy Trang	PGS.TS. Lê Thị Minh Loan	Nghiên cứu này tập trung làm rõ mức độ phổ biến của ba phong cách lãnh đạo, thực trạng căng thẳng của nhân viên, các nguyên nhân chủ yếu gây ra căng thẳng ở nhân viên và ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo đến sự căng thẳng trong công việc. Khách thể của nghiên cứu gồm 200 nhân viên tại các công ty, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội tham gia trả lời bảng hỏi của đề tài. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng nhân viên có mức độ căng thẳng trong công việc khá cao. Đồng thời, sự ảnh hưởng của các phong cách lãnh đạo đến căng thẳng trong công việc của nhân viên cũng được chứng minh. Các kiến nghị được đưa ra nhằm nâng cao nhận thức của

					các nhà quản lý về phong cách lãnh đạo để họ có thể áp dụng các phong cách lãnh đạo phù hợp hơn. Cùng với đó, nghiên cứu giúp cải thiện sức khỏe tinh thần, hạn chế tình trạng căng thẳng trong công việc của nhân viên.
3.11	Đại học	Mối liên hệ giữa sự không hài lòng về cơ thể và mức độ căng thẳng, lo âu, trầm cảm ở sinh viên: Vai trò trung gian của tính linh hoạt hình ảnh cơ thể	Lê Anh Đức	PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hằng	Sự không hài lòng về cơ thể là một yếu tố dự báo sự gia tăng về mức độ căng thẳng, lo âu và trầm cảm ở sinh viên. Cùng với đó, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng tính linh hoạt hình ảnh cơ thể có mối liên hệ với cả sự không hài lòng về cơ thể cũng như căng thẳng, lo âu, trầm cảm. Nghiên cứu này được tiến hành để xem xét tác động trung gian của tính linh hoạt hình ảnh cơ thể trong mối liên hệ giữa sự không hài lòng về cơ thể và căng thẳng, lo âu, trầm cảm ở sinh viên.
3.12	Đại học	Mối liên hệ giữa kỳ vọng và kiệt sức trong học tập ở thanh thiếu niên: Vai trò trung gian của khả năng phục hồi	Lê Đại Minh	PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hằng	Nghiên cứu có mục đích làm rõ mối liên hệ giữa kỳ vọng và kiệt sức trong học tập, cũng như vai trò của khả năng phục hồi trong mối liên hệ này. Khảo sát được tiến hành trực tuyến và thu thập dữ liệu câu trả lời của 381 khách thể thanh thiếu niên có độ tuổi từ 15 đến 23 ở nhiều tỉnh thành của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 17,8% thanh thiếu niên có kỳ vọng cha mẹ ở mức cao; 14,4% đặt ra những kỳ vọng cao cho bản thân; 16,3% khách thể khảo sát có những chỉ báo gợi ý cho hội chứng kiệt sức trong học tập; 12,9% thanh thiếu niên có khả năng phục hồi ở mức cao, còn lại 87,1% ở mức trung bình thấp. Học sinh có mức độ kiệt quệ cảm xúc, hoài nghi, niềm tin tiêu cực về hiệu quả học tập cao hơn so với sinh viên.
3.13	Đại học	Nhận thức về sự trợ giúp xã hội và sức khỏe tâm thần ở trẻ có bố mẹ đi làm xa	Nguyễn Đức Đạt	PGS.TS. Nguyễn Văn Lượ	Nghiên cứu mô tả thực trạng nhận thức về sự trợ giúp xã hội, sức khỏe tâm thần ở trẻ có bố mẹ đi làm xa và mối liên hệ giữa hai yếu tố này. Nghiên cứu giả định rằng trẻ có gặp các vấn đề về sức khỏe tâm thần, có nhận thức đúng về trợ giúp xã hội. Khách thể nghiên cứu gồm 228 trẻ từ lớp 6 tới lớp 9 tại 2 tỉnh Bắc Ninh và Nghệ An. Nghiên cứu sử dụng thang đo về sức khỏe tâm thần SDQ và thang đo nhận thức về sự trợ giúp xã hội MSPSS (phiên bản tự trả lời)
3.14	Đại học	Mối liên hệ giữa vấn đề ở trường học và sự cô đơn ở trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa	Nguyễn Quế Ly	PGS.TS. Nguyễn Văn Lượ	
3.15	Đại học	Phong cách ứng xử của cha mẹ với con lứa tuổi trung học cơ sở tại Cao Bằng	Hà Thị Mai	PGS.TS. Trương Thị Khánh Hà	
3.16	Đại học	Thái độ của sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội đối với việc tìm kiếm sự trợ giúp tâm lý chuyên nghiệp	Nguyễn Thị Mai Anh	TS. Nguyễn Bá Đạt	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu về thái độ tìm kiếm sự trợ giúp tâm lý chuyên nghiệp cũng như một số biến số khác ở sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội. Mẫu nghiên cứu là mẫu thuận tiện bao gồm 434 sinh viên có độ tuổi trung bình là 20.44 với độ lệch chuẩn là 0.92. Trong đó, nam chiếm 20.0% và nữ chiếm 78.8%. Sinh viên học ngành Tâm lý học là 31.6%, sinh viên học các ngành khác là 68.4%. Các khách thể tham gia nghiên cứu bằng cách trả lời một bảng hỏi gồm các câu hỏi về nhân khẩu học, và các thang đo về thái độ tìm kiếm sự trợ giúp tâm lý chuyên nghiệp, sự đau khổ tâm lý, kỳ thị dịch vụ trợ giúp chuyên nghiệp và nhận thức về nhà tham vấn học đường.

3.17	Đại học	Mối quan hệ giữa hoạt động thể chất và stress ở sinh viên	Nguyễn Đăng Bình	TS. Nguyễn Bá Đạt	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích tìm hiểu về hiện trạng hoạt động thể chất, mức độ stress và mối quan hệ giữa hai biến này trên nhóm sinh viên Việt Nam. Khách thể của nghiên cứu này là những sinh viên đang học tập tại các trường Đại học, độ tuổi trung bình $M = 21.25$, $SD = 1.2$, sử dụng công cụ là bảng hỏi về hoạt động thể chất toàn cầu (GPAQ) và thang đo nhận biết stress (PSS). Kết quả của nghiên cứu cho thấy hoạt động thể chất và stress ở nhóm khách thể ở mức trung bình, giữa hoạt động thể chất (cường độ cao trong công việc, cường độ trung bình và cao trong giải trí) và stress có mối tương quan nghịch ($r = -.209$, $p < .01$), hoạt động thể chất (cường độ cao trong công việc, cường độ trung bình và cao trong giải trí) có tác động nghịch chiều lên stress ($p < .05$).
3.18	Đại học	Mối liên hệ giữa sự tin tưởng và cảm nhận hạnh phúc trong mối quan hệ cặp đôi	Khổng Thị Hòa	TS. Nguyễn Bá Đạt	Nghiên cứu được tiến hành trên mẫu gồm 138 cá nhân đang trong mối quan hệ cặp đôi, trong đó có 29 khách thể nam, 109 khách thể nữ nhằm mục đích tìm hiểu mối liên hệ giữa sự tin tưởng và cảm nhận hạnh phúc trong mối quan hệ cặp đôi của các cá nhân trong độ tuổi từ 18-30 tuổi. Thang đo sự tin tưởng trong mối quan hệ (Trust scale) và thang đo cảm nhận hạnh phúc (Psychological Wellbeing" (18 items)) được sử dụng trong khóa luận này. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng sự tin tưởng có sự khác biệt về các khía cạnh như nghề nghiệp, tôn giáo, thời gian mối quan hệ, tình trạng mối quan hệ.
3.19	Đại học	Mối liên hệ giữa niềm tin vào năng lực bản thân và khả năng phục hồi tâm lý ở thanh thiếu niên Việt Nam	Nguyễn Thị Hương Liên	TS. Nguyễn Thị Anh Thư	Nghiên cứu sử dụng các thang đo niềm tin vào năng lực bản thân dạng tổng thể (GSES), khả năng phục hồi tâm lý ở thanh thiếu niên (APRS) để đo lường các biến số trên 265 thanh thiếu niên. Kết quả: Đa số các khách thể có mức độ niềm tin vào năng lực bản thân và khả năng phục hồi tâm lý trung bình. Nhân tố góp phần lớn nhất trong khả năng phục hồi tâm lý là nguồn hỗ trợ từ gia đình.
3.2	Đại học	Mối liên hệ giữa lo âu xã hội và sử dụng internet tiêu cực của người trưởng thành trẻ tuổi: Vai trò trung gian của hội chứng sợ bị bỏ lỡ	Hoàng Thị Phước	TS. Nguyễn Thị Anh Thư	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu về mối liên hệ giữa lo âu xã hội và sử dụng Internet tiêu cực với vai trò trung gian là hội chứng sợ bị bỏ, cũng như tìm hiểu một số biến số nhân khẩu khác. Mẫu nghiên cứu là mẫu thuận tiện bao gồm 320 người trưởng thành trẻ tuổi có độ tuổi trung bình là 22.53 với độ lệch chuẩn hóa là 3.66. Trong đó, nam chiếm 29.1% và nữ chiếm 70.9%. Các khách thể tham gia nghiên cứu bằng cách trả lời một bảng câu hỏi bao gồm các câu hỏi về đặc điểm nhân khẩu và các thang đo đánh giá sử dụng Internet tiêu cực, hội chứng sợ bị bỏ lỡ và lo âu xã hội. Kết quả phân tích cho thấy lo âu xã hội có tương quan thuận chiều có ý nghĩa thống kê ở mức độ trung bình các khía cạnh của sử dụng Internet tiêu cực.
3.21	Đại học	Mối quan hệ giữa sự cô đơn với niềm tin vào năng lực bản thân và nhận thức hỗ trợ xã hội ở sinh viên	Nguyễn Thị Cẩm Tú	TS. Nguyễn Thị Anh Thư	Nghiên cứu khám phá mức độ cô đơn, mối quan hệ giữa cảm nhận cô đơn với niềm tin vào năng lực bản thân và nhận thức hỗ trợ xã hội ở mẫu bao gồm 257 sinh viên đại học. Thang đo cảm nhận cô đơn UCLA (University of California, Los Angeles Lonliness Scale, phiên bản 3), Thang đo Niềm tin vào năng lực bản thân tổng thể (General Self – Efficacy Scale – GSE) và Thang đo Nhận thức hỗ trợ xã hội đa chiều (The Multidimensional Scale of

					Perceived Social Support – MSPSS) đã được sử dụng. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, đa số các sinh viên đánh giá cảm nhận cô đơn ở mức trung bình, có mối quan hệ nghịch chiều giữa cảm nhận cô đơn ở sinh viên với Niềm tin vào năng lực bản thân và Nhận thức hỗ trợ xã hội, nói cách khác, sự cô đơn ở sinh viên sẽ thấp nếu Niềm tin vào năng lực bản thân cao và cảm nhận được nhiều nguồn hỗ trợ xã hội.
3.22	Đại học	Mối liên hệ giữa chánh niệm và hiệu lực bản thân của sinh viên tại Hà Nội	Hoàng Thị Hồng Duyên	TS. Trần Thu Hương	Mục đích của nghiên cứu này là làm rõ mối liên hệ giữa chánh niệm và hiệu lực bản thân, đồng thời, kiểm tra mức độ hiệu lực bản thân và mức độ chánh niệm của sinh viên trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Khách thể của nghiên cứu gồm 218 sinh viên (75 nam; 143 nữ) đang học tại các trường đại học thuộc Thành phố Hà Nội tham gia trả lời bảng hỏi gồm 2 thang đo: Five Facets Mindfulness Questionnaire-20 (FFMQ-20) và General Self-Efficacy Scale (GSE) cùng một số thông tin về nhân khẩu học. Kết quả phân tích dữ liệu thu được báo cáo về mức độ chánh niệm và hiệu lực bản thân ở mức trung bình. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra có mối tương quan thuận, tương đối chặt giữa chánh niệm và hiệu lực bản thân ở sinh viên.
3.23	Đại học	Mối liên hệ giữa sự quan tâm có điều kiện của cha mẹ và cảm nhận hạnh phúc ở con độ tuổi thanh thiếu niên	Nguyễn Hiền Mai	TS. Trương Quang Lâm	Nghiên cứu tập trung vào mối liên hệ giữa sự quan tâm có điều kiện của cha mẹ và cảm nhận hạnh phúc của con ở độ tuổi thanh thiếu niên. Mẫu nghiên cứu là mẫu thuận tiện bao gồm 298 khách thể là học sinh trường THCS và THPT trên địa bàn một số tỉnh miền Bắc. Trong đó nam chiếm 38,6% và nữ chiếm 61,4%. Nghiên cứu tiến hành cho các khách thể tham gia trả lời một bảng hỏi bao gồm các câu hỏi về đặc điểm nhân khẩu và các thang đo đánh giá nhận thức về sự quan tâm có điều kiện của cha mẹ, mức độ hài lòng với cuộc sống và hạnh phúc tinh thần. Kết quả phân tích cho thấy sự quan tâm tích cực có điều kiện của cha mẹ có tương quan thuận ở mức độ yếu với cảm nhận hạnh phúc ở con. Cùng với đó, nghiên cứu cũng đưa ra kết quả về phần trăm biến thiên của hai nhân tố về cảm nhận hạnh phúc là hài lòng cuộc sống và hạnh phúc tinh thần của con được giải thích bởi sự quan tâm tích cực có điều kiện của cha mẹ lần lượt là 2,8% và 4,8%. Kết quả này có sự khác biệt so với những nghiên cứu trước đây khi chỉ ra sự quan tâm tích cực có điều kiện của cha mẹ có mức tương quan thuận chiều với cảm nhận hạnh phúc ở con cái. Nói cách khác, mức độ quan tâm tích cực có điều kiện của cha mẹ càng cao thì cảm nhận hạnh phúc ở con càng cao. Ngoài ra nghiên cứu cũng đưa ra các kết quả về sự khác biệt giữa mức độ quan tâm tích cực có điều kiện, sự hài lòng cuộc sống với biến nhân khẩu về điều kiện kinh tế gia đình. Những kết quả này đã mở đường cho các nghiên cứu theo sau nhằm làm rõ hơn về mối quan hệ giữa các biến với nhau.
3.24	Đại học	Các cách ứng phó với tình trạng hiếm muộn của người hiếm muộn	Phạm Gia Phương	TS. Trương Quang Lâm	Nghiên cứu này được thực hiện với hai mục tiêu: (1) Làm rõ cách ứng phó được những người đang trải qua hiếm muộn con sử dụng. (2) Tìm hiểu về những yếu tố ảnh hưởng đến cách ứng phó ở người hiếm muộn. Nghiên cứu được tiến hành trên 120 khách thể (39 khách thể nam, 81 khách thể nữ), độ

					tuổi từ 20 đến 45) trả lời các thông tin nhân khẩu và hai thang đo: thang lòng tự trọng của Rosenberge (The Rosenberg SelfEsteem Scale – RSES) và thang Hiếm muộn Tâm lý – Xã hội (Copenhagen Multi-centre Psychosocial Infertility – COMPI) của Schmidt, Christensen, Holstein, (2005).
3.25	Đại học	Mối liên hệ giữa vấn đề ở trường học và sự cô đơn ở trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa	Nguyễn Quế Ly	PGS.TS Nguyễn Văn Lược	Tỷ lệ trẻ bị bỏ lại ở nông thôn để cha mẹ đi làm ăn xa đang ngày càng tăng ở Việt Nam, tuy nhiên chưa có nhiều nghiên cứu xem xét các ảnh hưởng đối của tình trạng này đối với các vấn đề ở trường học và sự cô đơn ở trẻ. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu mối liên hệ giữa các vấn đề ở trường học và sự A đơn ở trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa.
3.26	Đại học	Xung đột trong làm việc nhóm ở sinh viên (Trường hợp trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG Hà Nội)	Bùi Thanh Văn	TS. Trần Thu Hương	Khoá luận tập trung tìm hiểu thực trạng xung đột nhóm trong làm việc nhóm của sinh viên. Kết quả cho thấy, xung đột và xung đột nhiệm vụ không có mối tương quan đáng kể với hiệu quả làm việc nhóm ở sinh viên nhưng xung đột mối quan hệ thì có tương quan nghịch với hiệu quả làm việc nhóm. Đồng thời, nghiên cứu cũng đưa ra một số kết luận và kiến nghị, nhằm phát huy những tác động tích cực và hạn chế tiêu cực của xung đột nhóm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc ở các nhóm sinh viên hiện nay.

7. Khoa Ngôn ngữ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
1.1	Tiến sĩ	Đối chiếu hành động yêu cầu Anh –Việt (dưới góc độ lịch sử)	Nguyễn Văn Khánh	PGS.TS. Nguyễn Văn Độ	Luận án đã tổng kết được 10 yếu tố ngôn ngữ <i>bên trong</i> phổ biến trong tiếng Anh trong khi tiếng Việt chỉ sử dụng 3 yếu tố: <i>Yếu tố ngôn ngữ giảm nhẹ, chỉ tố lịch sử và các câu có tiểu từ tình thái đứng cuối</i> . Luận án cũng bước đầu tìm lời giải thích cho sự không tương thích giữa tiếng Anh và tiếng Việt do sự khác nhau về loại hình ngôn ngữ. Luận án đã tổng kết được 6 yếu tố ngôn ngữ <i>bên ngoài</i> phổ biến cả trong tiếng Anh và tiếng Việt. Trong số các yếu tố này, hình thức hô gọi nói cách khác là sử dụng hệ thống đại từ nhân xưng, các danh từ thân tộc trong phạm vi gia đình và các từ gọi tên trong phạm vi xã hội rất đa dạng, phong phú của tiếng Việt. Hình thức này được coi là yếu tố quan trọng để nâng cao tính lịch sự trong giao tiếp.
1.2	Tiến sĩ	Nghiên cứu văn bản quản lý hành chính nhà nước cấp trung ương từ quan hệ liên nhân và chức năng tác động.	Phan Thị Thu Thủy	GS.TS. Vũ Đức Nghiệu	Nghiên cứu các văn bản quản lý hành chính nhà nước ở cấp trung ương từ quan hệ liên nhân và chức năng tác động từ đó hoàn thiện các văn bản quản lý hành chính Nhà nước.
1.3	Tiến sĩ	Sự thể hiện ý nghĩa ngữ pháp công cụ trong tiếng Việt và Tiếng Nga	Đoàn Hữu Dũng	GS.TS. Vũ Đức Nghiệu	Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên ở Việt Nam về miêu tả, phân tích ở cấp độ một luận án về ý nghĩa ngữ pháp công cụ và mô hình hoá các phương thức thể hiện ý nghĩa ngữ pháp này trong hai ngôn ngữ Việt – Nga, góp phần

					làm rõ thêm việc mô tả ngữ pháp theo hướng tiếp cận của ngữ pháp truyền thống và làm rõ các vấn đề hữu quan dưới góc nhìn của ngữ pháp chức năng hệ thống và cú pháp ngữ nghĩa.
1.4	Tiến sĩ	Đối chiếu và chuyển dịch thành ngữ Anh – Việt nói về sức khỏe.	Trần Huy Sáng	PGS.TS. Nguyễn Văn Chính	<ul style="list-style-type: none"> - Luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về thành ngữ, nghĩa biểu trưng của thành ngữ, phương thức đối chiếu thành ngữ và lý thuyết liên quan đến chuyển dịch và chuyển dịch thành ngữ. - Làm rõ cấu trúc cú pháp và phạm vi biểu hiện ngữ nghĩa của thành ngữ nói về sức khỏe trong hai ngôn ngữ Anh và Việt. Trên cơ sở đó, luận án đối chiếu những điểm tương đồng và khác biệt trong thành ngữ nói về sức khỏe của hai ngôn ngữ. - Phân tích hình ảnh biểu trưng của các thành ngữ nói về sức khỏe trong tiếng Anh và tiếng Việt từ đó đưa ra được những đặc trưng về tư duy của Anh và người Việt liên quan đến vấn đề sức khỏe trong khuôn khổ các thành ngữ nói về sức khỏe trong hai ngôn ngữ. - Luận án đã tìm ra những thành ngữ nói về sức khỏe có thể chuyển dịch tương đương giữa hai ngôn ngữ và gợi ý những phương pháp hợp lý để chuyển dịch những thành ngữ nói về sức khỏe trong tiếng Anh không có dạng tương đương trong tiếng Việt.
1.5	Tiến sĩ	Khảo sát hiện tượng Việt – Hán Việt địa danh làng xã ở đồng bằng Bắc Bộ.	Trương Nhật Vinh	GS.ST. Nguyễn Văn Khang; PGS.TS. Trần Thị Hồng Hạnh (HD2)	<p>Luận án bước đầu đi đến kết luận phương diện ngữ âm là phương diện được đặc biệt chú ý trong quá trình Hán Việt hóa tên Việt làng xã,.. Đứng từ phương diện ngữ âm, quá trình Hán Việt hóa các tên Việt địa danh làng xã phản ánh một số nguyên tắc là: <i>Thứ nhất</i>, có 2 phương thức chính được sử dụng trong quá trình Hán Việt hóa tên Việt đó là phương thức bảo lưu hoàn toàn dạng thức ngữ âm và phương thức tương ứng ngữ âm; <i>Thứ hai</i>, với phương thức tương ứng ngữ âm, cả hai âm tiết hay/hoặc một trong hai âm tiết trong tên Hán Việt sẽ phản ánh sự tương ứng này; <i>Thứ ba</i>, các âm tiết Hán Việt và âm tiết Việt thực hiện mối quan hệ về ngữ âm đa phần trùng nhau ở bộ phận phụ âm đầu và tương ứng với nhau ở bộ phận vần của âm tiết. Nhìn chung, sự tương ứng ngữ âm giữa các tên gọi địa danh làng xã Bắc Bộ không chỉ cung cấp những tri thức về quá trình Hán Việt hóa địa danh làng xã nói riêng, địa danh Việt Nam nói chung mà còn là những bằng chứng phản ánh quá trình biến đổi của ngữ âm lịch sử tiếng Việt theo dòng thời gian.</p>
1.6	Tiến sĩ	Nghiên cứu đối chiếu ca từ trong các bài hát tiếng Anh giai đoạn 1980 – 2000 với bản dịch tiếng Việt (chủ đề tình yêu)	Đoàn Thúy Quỳnh	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Thùy (HD1); PGS.TS. Nguyễn Hữu Đạt (HD2)	<p>Các kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần củng cố và bổ sung thêm một số vấn đề về lý thuyết và phương pháp dịch thuật ca từ, dịch thuật ngôn ngữ nghệ thuật. Ngoài ra, luận án sẽ góp phần thúc đẩy việc nghiên cứu lý thuyết dịch thuật những văn bản nghệ thuật (bài hát) nước ngoài. Kết quả nghiên cứu của luận án là tài liệu tham khảo cho những người nghiên cứu về dịch thuật, dịch ca từ và dịch thơ từ tiếng nước ngoài. Ngoài ra, luận án còn</p>

					là tài liệu tham khảo hữu ích cho việc dạy, học môn dịch thuật trong dạy và học Anh ngữ hiện đại.
2	Thạc sĩ				
2.1	Thạc sĩ	Đề tài: Khảo sát hành vi chê trong tác phẩm phim truyền hình “Người Hà Nội”.	Nguyễn Thị Hương Giang	PGS.TS. Trịnh Cẩm Lan	Luận văn tìm hiểu về hành vi chê trong tác phẩm phim truyền hình “Người Hà Nội” ở hai dạng hành vi chê trực tiếp và hành vi chê gián tiếp nhằm tìm ra những đặc trưng trong sử dụng hành vi chê của người Hà Nội. Ngoài ra chúng tôi còn nghiên cứu các chi tố lịch sự giúp cho việc sử dụng hành vi chê đảm bảo được tính lịch sự và nâng cao được hiệu quả giao tiếp.
2.2	Thạc sĩ	Đặc điểm về cách sử dụng thành ngữ và tục ngữ tiếng Việt trong Hồ Chí Minh toàn tập (trên tư liệu từ tập 4 đến tập 8)	Lưu Thị Vân	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Thùy	Luận văn nghiên cứu các đặc điểm về cách sử dụng các thành ngữ và tục ngữ tiếng Việt trong Hồ Chí Minh toàn tập (trên tư liệu từ tập 4 đến tập 8), qua đó khẳng định giá trị của tác phẩm.
2.3	Thạc sĩ	Khảo sát các biểu thức ngôn ngữ cố định trong một số giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài theo hướng tiếp cận năng lực giao tiếp.	Đào Diệp Hương	PGS.TS. Trịnh Cẩm Lan	Mục tiêu của luận văn này là đánh giá cách phân bố và diễn giải các biểu thức ngôn ngữ cố định tiếng Việt trong các giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài theo ba trình độ sơ cấp, trung cấp và cao cấp. Từ đó, luận văn sẽ tiến hành so sánh cách phân bố và thể hiện các BTNNCĐ trong các giáo trình theo ba trình độ chuyên biệt để thấy được vị thế và vai trò của loại đơn vị ngôn ngữ này trong các giáo trình cũng như để thấy được mục đích biên soạn giáo trình của các tác giả. Cuối cùng, luận văn tiến hành đề xuất một số phương án trình bày và diễn giải các biểu thức ngôn ngữ cố định một cách thích hợp theo hướng tiếp cận năng lực giao tiếp.
2.4	Thạc sĩ	Bước đầu nghiên cứu một vài hiện tượng ngữ pháp Tiếng Châm qua một số bia ký Châm-pa.	Huang Xianmin (Hoàng Tiên Dân)	GS.TS. Trần Trí Dồi	Dựa vào văn khắc bia ký cụ thể, trình bày các hiện tượng trong hệ thống ngữ pháp tiếng Châm (nhất là chú ý đến mối quan hệ giao thoa với tiếng Phạn), bao gồm phân chia từ loại và phương thức cấu tạo câu. Phần cuối, bài viết này có phân tích 3 đoạn bia ký cụ thể (bao gồm chia từ, giải thích nghĩa từ và phân tích ngữ pháp v.v.), vậy thì có thể tạo ra một khái niệm rõ ràng và tri nhận toàn diện về hệ thống ngữ pháp tiếng Châm cho độc giả. Trong phần kết luận, thông qua những trình bày và phân tích ở trên, bài viết này chính thức xác định khái niệm “Hệ thống ngữ pháp Châm-Phạn hỗn hợp”, và tổng kết đặc trưng chung của hệ thống đó.
2.5	Thạc sĩ	Bước đầu nghiên cứu đối chiếu chuyển dịch thuật ngữ chứng khoán Trung – Việt.	Chen Chen	TS. Phạm Thị Thủy Hồng	- Nắm được một cách tương đối hệ thống những quan điểm, khái niệm về lý luận liên quan đến thuật ngữ, cụ thể là thuật ngữ chứng khoán cũng như lý luận liên quan đến đối chiếu và chuyển dịch ngôn ngữ, cụ thể là chuyển dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt. Trong đó lý thuyết tương đương dịch thuật được áp dụng triệt để trong quá trình đối chiếu chuyển dịch 1594 thuật ngữ. - Tiến hành phân loại các TNCK Trung-Việt được khảo sát từ nhiều tiêu chí, góc độ cụ thể như từ góc độ từ vựng, góc độ ngữ âm, đặc biệt là cụm từ (ngữ). Mục đích là nắm được cách sử dụng của TNCK tiếng Trung, đồng thời qua quá trình đối chiếu với những từ ngữ tương đương trong tiếng Việt có thể rút

					ra được một số quy luật về cách thức chuyển dịch thuật ngữ từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. - Rút ra được những điểm tương đồng và khác biệt trong hệ thống thuật ngữ chứng khoán của tiếng Trung và tiếng Việt.
2.6	Thạc sĩ	Đồng hướng và ngược hướng trong hội thoại của ca dao trữ tình Việt Nam.	Yang Jia Rui	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Thùy	Qua việc phân tích một số ca dao trữ tình Việt Nam chúng tôi nhận thấy rằng: Việc chú ý tới cách xây dựng các ý kiến đồng hướng và ngược hướng trong hội thoại là một yếu tố rất quan trọng để tạo nên các mắt xích và khâu chuỗi các mắt xích trong hội thoại. Lý thuyết về vấn đề đồng hướng, ngược hướng trong hội thoại để vận dụng vào việc phân tích những ca dao trữ tình Việt Nam. Góp phần giúp cho sinh viên hiểu được ý nghĩa cụ thể của ca dao trữ tình Việt Nam, hiểu được chiều sâu câu văn hóa Việt Nam qua lăng kính ngôn ngữ.
3	Đại học				
3.1	Đại học	Đối chiếu thành ngữ có từ ngữ biểu hiện hiện tượng tự nhiên trong tiếng Hàn và tiếng Việt	Đoàn Thị Quỳnh Anh	PGS.TS. Nguyễn Hồng Côn	Đối chiếu thành ngữ có từ ngữ biểu hiện hiện tượng tự nhiên trong tiếng Hàn và tiếng Việt
3.2	Đại học	Khảo sát chuyển dịch thành ngữ tiếng Việt trong tác phẩm Dế mèn phiêu lưu ký của Tô Hoài sang tiếng Hàn trong bản dịch của dịch giả Lưu Thị Sinh	Nguyễn Ngọc Ánh	PGS.TS. Hoàng Anh Thi	Khảo sát chuyển dịch thành ngữ tiếng Việt trong tác phẩm Dế mèn phiêu lưu ký của Tô Hoài sang tiếng Hàn trong bản dịch của dịch giả Lưu Thị Sinh
3.3	Đại học	Ân dụ ý niệm trong ca từ của nhạc sĩ Ngô Thụy Miên	Trần Thị Ngọc Ánh	PGS.TS. Trần Thị Hồng Hạnh	Ân dụ ý niệm trong ca từ của nhạc sĩ Ngô Thụy Miên
3.4	Đại học	Bước đầu khảo sát các biểu ngôn quảng bá du lịch trên các trang thương mại điện tử	Đào Hồng Bình	PGS.TS Đinh Kiều Châu	Bước đầu khảo sát các biểu ngôn quảng bá du lịch trên các trang thương mại điện tử
3.5	Đại học	Xây dựng mạng ngữ nghĩa cho một số lớp động từ tiếng Việt	Lê Văn Cường	TS. Nguyễn Thị Minh Huyền	Xây dựng mạng ngữ nghĩa cho một số lớp động từ tiếng Việt
3.6	Đại học	Thanh điệu tiếng Thái Yo qua thông số thực nghiệm	Sầm Công Danh	TS. Nguyễn Ngọc Bình	Thanh điệu tiếng Thái Yo qua thông số thực nghiệm
3.7	Đại học	Khảo sát các phương tiện liên kết trong tập thơ Thơ Thơ của Xuân Diệu	Nguyễn Thùy Linh	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Thùy	Khảo sát các phương tiện liên kết trong tập thơ Thơ Thơ của Xuân Diệu
3.8	Đại học	Bước đầu khảo sát các động từ chạy, đi, nằm trong tiếng Việt (có liên hệ với các vị từ tương ứng trong tiếng Anh)	Cù Nam Phương	PGS.TS. Trần Thị Hồng Hạnh	Bước đầu khảo sát các động từ chạy, đi, nằm trong tiếng Việt (có liên hệ với các vị từ tương ứng trong tiếng Anh)
3.9	Đại học	Khảo sát việc sử dụng các tiểu từ tình thái trong giao tiếp của giới trẻ Hà Nội nhìn từ góc độ giới (Qua bộ phim 5S Online)	Nguyễn Như Quỳnh	PGS.TS. Trịnh Cẩm Lan	Khảo sát việc sử dụng các tiểu từ tình thái trong giao tiếp của giới trẻ Hà Nội nhìn từ góc độ giới (Qua bộ phim 5S Online)

3.10	Đại học	Khảo sát phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung của lời cầu khiến bán nguyên cấp trong truyện ngắn Mắt biếc và Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh	Triệu Thị Mỹ Tiên	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Thùy	Khảo sát phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung của lời cầu khiến bán nguyên cấp trong truyện ngắn Mắt biếc và Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh
3.11	Đại học	Khảo sát chuyển dịch từ tượng hình, từ tượng thanh tiếng Việt trong tác phẩm "Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ" của Nguyễn Nhật Ánh sang tiếng Nhật trong bản dịch của Hiromi Ito và Sakae Kato.	Nguyễn Thị Huyền Trang	PGS.TS. Hoàng Anh Thi	Khảo sát chuyển dịch từ tượng hình, từ tượng thanh tiếng Việt trong tác phẩm "Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ" của Nguyễn Nhật Ánh sang tiếng Nhật trong bản dịch của Hiromi Ito và Sakae Kato.
3.12	Đại học	Khảo sát cách dịch đại từ nhân xưng trong ấn phẩm "Chùm nho phẫn nộ" (The grapes of wrath)	Nguyễn Thị Ngát	PGS.TS. Hoàng Anh Thi	Khảo sát cách dịch đại từ nhân xưng trong ấn phẩm "Chùm nho phẫn nộ" (The grapes of wrath)
3.13	Đại học	Bước đầu khảo sát giá trị phương tiện tu từ từ ngữ trong diễn xướng Châu văn	Đỗ Thành Thái An	PGS.TS. Nguyễn Hữu Đạt	Bước đầu khảo sát giá trị phương tiện tu từ từ ngữ trong diễn xướng Châu văn
3.14	Đại học	Bước đầu khảo sát về xưng hô và vai giao tiếp trong một số văn bản hành chính từ năm 1945 đến 1975	Nguyễn Thị Thanh Hương	PGS. TS Trần Thị Hồng Hạnh	Bước đầu khảo sát về xưng hô và vai giao tiếp trong một số văn bản hành chính từ năm 1945 đến 1975
3.15	Đại học	Khảo sát một số biện pháp nghệ thuật tu từ trong trường ca "Cuộc chiến mười ngàn ngày" của Hữu Đạt	Trần Thị Lan	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Thùy	Khảo sát một số biện pháp nghệ thuật tu từ trong trường ca "Cuộc chiến mười ngàn ngày" của Hữu Đạt
3.16	Đại học	Thuật ngữ xuất bản trong tiếng Việt (đối chiếu với tiếng Trung)	Phạm Kim Ngân	PGS.TS. Phạm Văn Tình	Thuật ngữ xuất bản trong tiếng Việt (đối chiếu với tiếng Trung)
3.17	Đại học	Đối chiếu các phó từ chỉ mức độ trong tiếng Anh và tiếng Việt	Nguyễn Thị Quyên	PGS.TS Nguyễn Hồng Côn	Đối chiếu các phó từ chỉ mức độ trong tiếng Anh và tiếng Việt
3.18	Đại học	Các thuật ngữ và tiếng lóng về cộng đồng LGBT được sử dụng trên chương trình truyền hình "Người Ấy Là Ai"	Dương Thu Thảo	PGS.TS. Đinh Kiều Châu	Các thuật ngữ và tiếng lóng về cộng đồng LGBT được sử dụng trên chương trình truyền hình "Người Ấy Là Ai"
3.19	Đại học	Khảo sát đặc điểm câu thơ chữ Hán thời kỳ trung đại (trên tư liệu một số tập thơ)	Lã Thị Hà Thu	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Thùy	Khảo sát đặc điểm câu thơ chữ Hán thời kỳ trung đại (trên tư liệu một số tập thơ)
3.20	Đại học	Khảo sát ngữ nghĩa của từ ngữ chỉ cảm giác trong một số tác phẩm tiêu biểu của Nam Cao	Vi Hải Yên	TS. Phạm Thị Thúy Hồng	Khảo sát ngữ nghĩa của từ ngữ chỉ cảm giác trong một số tác phẩm tiêu biểu của Nam Cao

8. Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
2	Thạc sĩ				
2.1	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng công tác hành chính văn phòng của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	Nguyễn Minh Chiến	TS. Cam Anh Tuấn	Nghiên cứu hệ thống hoá cơ sở lý luận về công tác hành chính văn phòng, khảo sát đánh giá chất lượng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hành chính văn phòng tại Đại học Kiểm sát Hà Nội
2.2	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động văn phòng tại Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn	Trần Thị Hằng	TS. Cam Anh Tuấn	Nghiên cứu hệ thống hoá cơ sở lý luận về công tác hành chính văn phòng, khảo sát đánh giá chất lượng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hành chính văn phòng tại Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn
2.3	Thạc sĩ	Tổ chức khoa học hoạt động văn phòng tại Công ty Cổ phần Công nghệ lưu trữ - Số hoá HT	Hoàng Thị Hồng	PGS.TS. Vũ Thị Phụng	Nghiên cứu cơ sở lý luận về tổ chức hoạt động văn phòng và khảo sát đánh giá, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức khoa học hoạt động văn phòng tại Công ty Cổ phần Công nghệ Lưu trữ Số hoá HT
2.4	Thạc sĩ	Xây dựng bộ tài liệu để chuẩn hóa hoạt động văn phòng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (qua khảo sát thực tế tại Hà Nội).	Nguyễn Thị Thanh Huyền	PGS.TS. Vũ Thị Phụng	Nghiên cứu cơ sở lý luận về chuẩn hóa hoạt động văn phòng và xây dựng bộ tài liệu phục vụ hoạt động chuẩn hóa tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ
2.5	Thạc sĩ	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn hóa công sở tại Trường Đại học Y Dược (Đại học Quốc gia Hà Nội)	Lê Thị Ngọc Lan	TS. Nguyễn Hồng Duy	Nghiên cứu cơ sở lý luận xây dựng văn hoá công sở và ứng dụng thực hiện xây dựng văn hoá công sở tại Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc gia Hà Nội
2.6	Thạc sĩ	Nghiên cứu văn hóa doanh nghiệp tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Lưu Mỹ Linh	PGS.TS. Đào Đức Thuận	Nghiên cứu cơ sở lý luận về văn hoá doanh nghiệp; đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng văn hoá doanh nghiệp tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội
2.7	Thạc sĩ	Tổ chức hoạt động lễ tân tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	Trần Thùy Linh	TS. Trần Thanh Tùng	Nghiên cứu cơ sở lý luận về tổ chức hoạt động lễ tân và đánh giá thực trạng tổ chức hoạt động lễ tân và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động lễ tân tại Bệnh viện TW Quân đội 108
2.8	Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý hoạt động chính lý tài liệu lưu trữ tại Bộ Tài chính.	Nguyễn Thị Đoàn Minh	TS. Trần Phương Hoa	Nghiên cứu hệ thống hoá cơ sở lý luận về tổ chức, quản lý hoạt động chính lý và đánh giá, đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức quản lý chính lý tại lưu trữ Bộ Tài chính
2.9	Thạc sĩ	Trách nhiệm của Văn phòng trong tổ chức thực hiện văn hóa doanh nghiệp ở Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel - chi nhánh Đông Triều	Trần Thị Hoài Ninh	TS. Trần Phương Hoa	Nghiên cứu cơ sở lý luận về văn hoá doanh nghiệp và ứng dụng xác định trách nhiệm của Văn phòng trong tổ chức thực hiện văn hoá doanh nghiệp tại Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel - chi nhánh Đông Triều
2.10	Thạc sĩ	Vận dụng lý thuyết quản trị trong quản trị văn phòng (qua khảo sát tại Văn phòng UBND một số quận tại Hà Nội)	Nguyễn Trọng Tâm	PGS.TS. Vũ Thị Phụng	Nghiên cứu hệ thống hoá các lý thuyết về quản trị, đánh giá khả năng, hiệu quả ứng dụng các lý thuyết qua khảo sát tại VP UBND một số quận tại Hà Nội

2.11	Thạc sĩ	Chuẩn hóa hoạt động văn phòng tại Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương	Trần Thị Thu Thủy	TS. Cam Anh Tuấn	Nghiên cứu hệ thống hoá cơ sở lý luận về công tác hành chính văn phòng, khảo sát đánh giá chất lượng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hành chính văn phòng tại Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương
2.12	Thạc sĩ	Tổ chức quản lý công tác văn thư, lưu trữ tại Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình điện dân dụng và công nghiệp thành phố Hà Nội.	Đinh Thị Thu Trang	TS. Nguyễn Thị Kim Bình	Nghiên cứu cơ sở lý luận về tổ chức quản lý công tác văn thư, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức quản lý công tác văn thư tại Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình điện dân dụng và công nghiệp thành phố Hà Nội.
2.13	Thạc sĩ	Chuẩn hóa nhân lực chuyên môn làm công tác lưu trữ tại BHXH quận, huyện thuộc thành phố Hà Nội	Đỗ Thị Vân	TS. Nguyễn Thị Kim Bình	Nghiên cứu cơ sở lý luận về chuẩn hoá nhân lực chuyên môn và ứng dụng chuẩn hoá nhân lực chuyên môn trong công tác lưu trữ tại BHXH quận, huyện thuộc thành phố Hà Nội
2.14	Thạc sĩ	Xây dựng nguồn tài liệu khảo vắn về chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam qua hồi ức của các cựu chiến binh (1975 – 1979)	Nguyễn Thị Mỹ Linh	TS. Nguyễn Hồng Duy	Nghiên cứu cơ sở lý luận về tài liệu khảo vắn và thực hiện xây dựng nguồn tài liệu khảo vắn về chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam qua hồi ức của các cựu chiến binh (1975 – 1979)
2.15	Thạc sĩ	Hiện đại hóa công tác lưu trữ tại Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa	Lê Minh Nghiêm	PGS.TS. Đào Đức Thuận	Nghiên cứu cơ sở lý luận về hiện đại hoá công tác lưu trữ và ứng dụng hiện đại hoá công tác lưu trữ tại Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa
3	Đại học				
3.1	Đại học	Tổ chức hoạt động dịch vụ lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I	Nguyễn Đình Lâm	Đào Đức Thuận	Các hoạt động khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ cùng với dịch vụ phục vụ độc giả của hoạt động này tại TTLTQG I
3.2		Quản lý tài liệu kỹ thuật các công trình xây dựng cơ bản tại công ty lưới điện cao thế thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Quyên	Cam Anh Tuấn	Toàn bộ tài liệu kỹ thuật của khối các công trình xây dựng cơ bản của toàn bộ các công ty lưới điện trong toàn thành phố. Xây dựng quy trình quản lý, lưu trữ, bảo quản khối tài liệu đó
3.3		Cải cách hành chính công tại thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh	Nguyễn Bích Hòa	Lê Thị Nguyệt Lưu	Quy trình một cửa tại tp Cẩm Phả, là một bước cải cách hành chính tại tp này giúp người dân được nhanh chóng, tiện lợi về quy trình hành chính giấy tờ.
3.4		Thực trạng công tác thu thập, bổ sung tài liệu vào trung tâm lưu trữ tỉnh Bắc Ninh	Đặng Thị Thu Hương	Trần Thanh Tùng	Mô tả quy trình công tác thu thập về tài liệu lưu trữ vào kho lưu trữ tại TT lưu trữ tỉnh Bắc Ninh, những vấn đề bất cập và hướng giải quyết
3.5		Biện pháp nâng cao chất lượng các sản phẩm lưu trữ tại Chi cục Văn thư-Lưu trữ Hà Nội	Nguyễn Duy Sơn	Nguyễn Văn Ngọc	Đề cập đến các sản phẩm lưu trữ tại chi cục văn thư lưu trữ HN, đây là các sản phẩm có giá trị cao cho các nhà nghiên cứu, vì vậy cần phải đặt ra các biện pháp nâng cao chất lượng để người đọc được biết đến nhiều hơn.
3.6		Nghiên cứu về phương án phân loại tài liệu tại EVN Hà Nội	Hà Thị Ánh	Nguyễn Thị Kim Bình	Tài liệu tại EVN là khối tài liệu khổng lồ, tuy nhiên hàng năm đều có sự chỉnh lý tài liệu nhưng về phương án phân loại tài liệu vẫn còn chưa thống nhất.
3.7		Marketing tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III	Nguyễn Thị Nam	Nguyễn Hồng Duy	Xây dựng chiến lược marketing phù hợp, phục vụ cho nhiệm vụ phát huy giá trị tài liệu lưu trữ và quảng bá hình ảnh cho cơ quan lưu trữ.
3.8		Hiệu quả áp dụng AI (Artificial Intelligence) trong khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III	Hoàng Thị Tuyết	Đỗ Thu Hiền	Việc khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III ngày càng nâng cao hiệu quả sử dụng bằng cách áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, việc áp dụng AI là một trong những bước đột phá của biện pháp này.

3.9		Chuẩn hoá hồ sơ nộp lưu vào lưu trữ cơ quan của trường Đại học Y Hà Nội	Nguyễn Thị Lành	Phạm Thị Diệu Linh	Việc nộp tài liệu lưu trữ vào lưu trữ cơ quan của Trường Đại học y HN phải ngày càng được chuẩn hóa
3.10		Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thực tế ảo tại các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia	Đinh Trung Hiếu	Trần Phương Hoa	Thực tế ảo là một pp công nghệ thông tin được nhiều nước trên thế giới dùng trong nhiều lĩnh vực, vậy tại sao VN không thử áp dụng vào các trung tâm lưu trữ.
3.11		Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ bệnh án	Đặng Thị Diệu Ly	Lê Tuấn Hùng	Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lưu trữ, quản lý về hồ sơ bệnh án tại các cơ sở bệnh viện giúp cho cán bộ giảm tải được rất nhiều công việc hành chính cũng như việc tìm kiếm thông tin được nhanh và chính xác hơn.

9. Viện Đào tạo báo chí và Truyền thông

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
1.1	Tiến sĩ	Truyền hình xã hội (social TV) và khả năng ứng dụng tại Việt Nam	Lê Vũ Điệp	PGS.TS Vũ Duy Thông	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập bức tranh tổng quan về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài ở phạm vi trong và ngoài nước, làm cơ sở cho các vấn đề nghiên cứu tiếp theo. - Luận án hệ thống hóa cơ sở lý luận về mô hình hệ sinh thái truyền hình xã hội (social TV), từ đó, thiết lập khung lý thuyết cho đề tài nghiên cứu và làm rõ các vấn đề lý luận về hệ sinh thái truyền hình xã hội (social TV) trong xu thế hội tụ đa phương tiện trong thời đại Internet. - Thiết lập một mô hình truyền hình mới trên nền tảng Internet- mô hình hệ sinh thái truyền hình xã hội (social TV) với các đặc điểm, chức năng đặc thù, phù hợp với xu thế hội tụ đa phương tiện trong thời đại Internet. - Tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng của truyền hình xã hội (social TV) trên thế giới và Việt Nam qua một số nghiên cứu trường hợp cụ thể. - Nêu những vấn đề cần giải quyết, đề xuất các giải pháp khả thi nhằm nâng cao khả năng ứng dụng mô hình truyền hình xã hội (social TV) tại Việt Nam, hướng tới sự phát triển bền vững của ngành truyền hình Việt Nam trong thời đại Internet.
1.2	Tiến sĩ	Báo chí về tội phạm và vấn đề tính nhân văn của báo chí	Đặng Thị Huyền	PGS.TS Đặng Thị Thu Hương	<p>Luận án là công trình nghiên cứu có hệ thống, chuyên sâu về báo chí viết về tội phạm và tính nhân văn trong báo chí viết về tội phạm tại Việt Nam. Việc tiếp cận nghiên cứu báo chí viết về tội phạm trong mối quan hệ đảm bảo tính nhân văn là hướng đi mới có ý nghĩa đóng góp của luận án.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận án dựng nên một khung lý thuyết để làm cơ sở cho báo chí đảm bảo nguyên tắc nhân văn khi viết về tội phạm, đưa ra bộ tiêu chí để đánh giá chất lượng và tính nhân văn của báo chí viết về tội phạm.

					<ul style="list-style-type: none"> - Luận án đánh giá được thành công, hạn chế của báo chí viết về tội phạm trong mối quan hệ với tính nhân văn của báo chí. - Luận án đề xuất những giải pháp nhằm giải quyết giúp báo chí chuyển tải tới công chúng những thông tin khách quan, chân thực về những vấn đề liên quan đến tội phạm đồng thời, đảm bảo nguyên tắc tính nhân văn của báo chí. - Luận án đề xuất Bộ quy tắc báo chí viết về tội phạm đảm bảo tính nhân văn.
1.3	Tiến sĩ	Báo điện tử với việc quảng bá văn hóa Việt Nam cho người Việt ở nước ngoài	Nguyễn Hoàng Yên	PGS.TS Đinh Thị Thúy Hằng và PGS.TS Lê Thanh Bình	<ul style="list-style-type: none"> - Luận án làm rõ vai trò của báo điện tử trong việc quảng bá văn hoá Việt Nam cho NVONN trong giai đoạn hiện nay. - Luận án khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng cả về nội dung, hình thức và phương thức quảng bá văn hoá Việt Nam cho NVONN trên báo điện tử một cách tương đối toàn diện, có hệ thống. - Luận án kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tác phẩm báo chí quảng bá văn hoá Việt Nam cho NVONN trên báo điện tử.
2	Thạc sĩ				
2.1	Thạc sĩ	Vấn đề chống tự diễn biến, tự chuyển hóa trên sóng truyền hình VTV1 và Truyền hình Quốc phòng	Trần Thanh Hưng	PGS.TS Đặng Thị Thu Hương	Luận văn tập trung đi sâu vào phân tích thực trạng nội dung và hình thức thể hiện của các chương trình đấu tranh chống “Tự diễn biến” và “Tự chuyển hóa” trên sóng truyền hình Việt Nam nhằm đánh giá thành công, hạn chế và từ đó, đề xuất giải pháp, khuyến nghị góp phần nâng cao chất lượng thông tin đấu tranh chống “Tự diễn biến” và “Tự chuyển hóa” trên sóng truyền hình.
2.2	Thạc sĩ	Khai thác và xử lý thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước	Nguyễn Huyền Thị	TS. Trần Bá Dung	Trên cơ sở hệ thống các khái niệm về khai thác và xử lý thông tin, Luận văn nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý thuyết và thực tiễn trong khai thác, xử lý thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước của nhà báo trong quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí. Qua kết quả khảo sát thực tế trên 3 tờ báo in Nhân Dân, Lao Động, Đầu tư và phỏng vấn các nhà báo, phóng viên, biên tập viên, trưởng, phó ban, lãnh đạo các cơ quan báo chí, Luận văn sẽ đánh giá những thành công, hạn chế cần khắc phục. Từ đó, Luận văn chỉ ra một số kinh nghiệm trong quá trình xử lý thông tin, viết tin, bài. Luận văn cũng sẽ đưa ra những kiến nghị, giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng khai thác và xử lý thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước, đối với nhà báo.
2.3	Thạc sĩ	Xây dựng mô hình tòa soạn sản xuất hai phiên bản cho cơ quan báo Đảng địa phương vùng Đông Bắc Bộ	Dương Minh Thanh	PGS.TS Vũ Quang Hào	Mục đích của đề tài này nhằm nghiên cứu đề xuất mô hình tòa soạn sản xuất mô hình tòa soạn sản xuất cùng lúc phiên bản báo in và báo mạng điện tử trong bối cảnh hiện nay ở cơ quan báo Đảng địa phương nói chung và các cơ quan báo Đảng địa phương miền Đông Bắc Bộ nói riêng; đồng thời xây dựng quy trình, làm rõ mối quan hệ trong mô hình bộ máy và việc tổ chức sản xuất thông tin tuyên truyền giữa báo in và báo mạng điện tử ở cơ quan báo Đảng địa phương.

2.4	Thạc sĩ	Hoạt động kinh tế báo chí truyền thông của Thông tấn xã Việt Nam trong kỉ nguyên số	Nguyễn Hà My	PGS.TS Nguyễn Thành Lợi	Trên cơ sở hệ thống hóa những vấn đề về lý luận và thực tiễn của hoạt động kinh tế báo chí truyền thông, luận văn đi đến phân tích thực trạng hoạt động kinh tế báo chí truyền thông tại TTXVN trong kỉ nguyên số; từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế báo chí truyền thông tại TTXVN nói chung và các báo trong diện khảo sát nói riêng trong kỉ nguyên số.
2.5	Thạc sĩ	Vấn đề giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên dân tộc thiểu số trên báo điện tử hiện nay	Lê Thị Hồng Nhung	PGS.TS Dương Xuân Sơn	Mục đích nghiên cứu của đề tài là bổ sung thông tin khoa học và đưa ra các vấn đề còn tồn tại trong việc thông tin về giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên dân tộc thiểu số trên báo chí nói chung và báo điện tử nói riêng. Đưa ra giải pháp khuyến nghị cho báo điện tử về cách thức tổ chức đưa tin, nội dung viết bài, về hình thức thể hiện, về đào tạo phóng viên, biên tập viên chuyên cho giáo dục hướng nghiệp trên các tờ báo điện tử nhằm nâng cao chất lượng, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp của báo điện tử cách hiệu quả nhất.
2.6	Thạc sĩ	Vấn đề Việt hoá các chương trình truyền hình thực tế mua bản quyền của các nước khu vực Đông Bắc Á	Phạm Kim Phượng	TS. Nguyễn Trí Nhiệm	Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về báo chí truyền hình nói chung, về chương trình THTT mua bản quyền ở nước ngoài tại Việt Nam hiện nay nói riêng. Khảo sát, phân tích đánh giá thực trạng việc Việt hóa các chương trình THTT mua bản quyền của các nước khu vực Đông Bắc Á. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng Việt hóa các chương trình THTT mua bản quyền ở nước ngoài nói chung và các nước Đông Bắc Á nói riêng.
2.7	Thạc sĩ	Vấn đề định hướng ngành nghề cho học sinh THPT trên báo điện tử	Đỗ Thị Bích Việt	TS. Nguyễn Thị Thoa	Luận văn đã làm rõ những khái niệm và các cơ sở lý luận liên quan đến vấn đề định hướng ngành nghề cho học sinh THPT trên báo điện tử. Đồng thời, tiến hành khảo sát thực trạng thông tin về vấn đề này trên 3 báo điện tử là: Báo Tuổi trẻ, Báo Dân trí, Báo Giáo dục và Thời đại, từ đó, đề xuất những giải pháp, cách thức cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông về định hướng ngành nghề cho học sinh THPT trên báo điện tử.
2.8	Thạc sĩ	Báo in và báo điện tử với vấn đề phòng, chống trục lợi quỹ Bảo hiểm y tế	Lại Ngọc Yến	TS. Nguyễn Cẩm Ngọc	Luận văn hướng tới việc nghiên cứu nội dung các bài báo đăng tải trên báo in và báo điện tử thông tin về tình trạng trục lợi Quỹ BHYT, qua đó thấy được vai trò của báo in và báo điện tử trong việc phòng, chống trục lợi Quỹ BHYT hiện nay như thế nào. Những ưu điểm và hạn chế trong việc khai thác thông tin về tình trạng trục lợi Quỹ BHYT, giúp cơ quan Bảo hiểm xã hội có định hướng rõ ràng hơn trong việc định hướng cũng như cung cấp thông tin tới báo chí.
2.9	Thạc sĩ	Vấn đề sử dụng đồ họa tương tác trên báo điện tử Việt Nam	Đoàn Duy Anh	TS. Đỗ Anh Đức	Luận văn hệ thống hóa lý luận về thông tin đồ họa nói chung và thông tin đồ họa tương tác nói riêng. Luận văn tiến hành khảo sát thực tiễn để chỉ ra những thành công và hạn chế của việc áp dụng thông tin đồ họa tương tác trên báo điện tử ở Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đồ họa tương tác, trên cơ sở có đối chiếu, so sánh với báo chí nước ngoài.

2.10	Thạc sĩ	Báo chí với vấn đề chống tiêu cực trong kỳ thi THPT 2018	Bạch Lan Anh	PGS.TS Đỗ Chí Nghĩa	Luận văn có ý nghĩa đối với chuyên ngành Báo chí nói chung và đặc biệt là loại hình báo điện tử và Báo in nói riêng. Thứ nhất về giá trị lý luận, luận văn hệ thống cơ bản những vấn đề lý luận xoay quanh nội dung: Báo chí với vấn đề chống tiêu cực trong kỳ thi THPT 2018. Đồng thời, đề tài cũng góp phần đưa ra những giải pháp, cách thức cụ thể nhằm nâng cao sự ảnh hưởng tích cực của báo chí với việc đấu tranh chống tiêu cực trong thi cử. Thứ hai, về giá trị thực tiễn, nội dung luận văn phản ánh thực trạng ảnh hưởng của Báo chí bao gồm cả ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp, ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đối với việc đưa tin về vấn đề chống tiêu cực trong kỳ thi THPT 2018. Bên cạnh đó, luận văn có thể trở thành nguồn tư liệu giúp ích cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý, người làm báo. Đồng thời, luận văn có thể được dùng làm tư liệu để các giảng viên, sinh viên sử dụng trong quá trình học tập cũng như hoạt động chuyên môn của mình.
2.11	Thạc sĩ	Vấn đề xây dựng nếp sống văn hóa trên báo chí Vĩnh Phúc	Đỗ Hoàng Hanh	PGS.TS Dương Xuân Sơn	Trên cơ sở hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến đề tài, luận văn khảo sát thực trạng về vấn đề xây dựng nếp sống văn hóa trên báo chí Vĩnh Phúc, đánh giá thành công, hạn chế vấn đề xây dựng nếp sống văn hóa trên báo chí Vĩnh Phúc, từ đó, đề xuất các giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng thông tin xây dựng nếp sống văn hóa trên báo chí Vĩnh Phúc
2.12	Thạc sĩ	Thông tin đối ngoại quốc phòng trên kênh truyền hình Quốc phòng Việt Nam	Thục Thanh Thủy	PGS.TS Dương Xuân Sơn	Luận văn hệ thống hóa cơ sở lý luận - thực tiễn về thông tin đối ngoại, đối ngoại quốc phòng trên báo chí. Thông qua khảo sát các chương trình trên Kênh truyền hình QPVN từ tháng 1/2020 đến 2/2021 và một số nhóm công chúng, luận văn đưa ra được những phân tích chi tiết cũng như đánh giá thực trạng và đúc rút một số vấn đề đặt ra trong công tác thông tin đối ngoại quốc phòng trên Kênh truyền hình QPVN. Theo đó với vai trò là kênh truyền hình có nhiều chương trình chuyên biệt về quốc phòng và an ninh, kênh Truyền hình QPVN đã cơ bản đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ, mục đích của mình là cơ quan ngôn luận của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng trong công tác thông tin đối ngoại quốc phòng. Tuy nhiên vẫn còn hạn chế về sự trùng lặp đưa tin giữa các format trên kênh, chất lượng các sản phẩm chưa đồng đều, nội dung các chương trình về mảng đề tài này khá phong phú nhưng chưa sâu và toàn diện ở các mặt. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, và phục vụ tốt hơn công tác tuyên truyền và nhu cầu của công chúng thì việc đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng các sản phẩm cũng là vấn đề cấp thiết đối với kênh Truyền hình QPVN.
2.13	Thạc sĩ	Báo điện tử với vấn đề bạo lực học đường (Khảo sát trên 2 báo điện tử Giáo dục & Thời đại và Tuổi trẻ từ tháng 6/2018 đến tháng 12/2019)	Nguyễn Đức Anh	TS. Phạm Hải Chung	Luận văn này góp phần bổ sung nền tảng lý luận cho lĩnh vực luôn nóng đó là giáo dục, cụ thể là vấn đề bạo lực học dưới góc nhìn báo điện tử. Những khía cạnh nào đã được khai thác và được truyền tải tới công chúng? Những góc khuất nào vẫn còn bỏ ngõ? Kết quả khảo sát góp phần đưa ra những góc

					nhìn mới, đa chiều hơn để góp phần củng cố phát triển lý luận thực tiễn cũng như nâng cao chất lượng cho những tác phẩm báo chí khi khai thác về đề tài bạo lực học đường. Với đề tài này, luận văn góp phần bổ sung và phát triển hệ thống lý thuyết, thông điệp về phòng chống bạo lực học đường trên báo điện tử hiện nay. Từ đó luận văn sẽ tạo cơ sở cho những nghiên cứu sâu hơn sau này viết về bạo lực học đường. Trên cơ sở đó, luận văn không chỉ là một tài liệu tham khảo đối với các phóng viên, nhà báo khi khác thác về đề tài này mà đây còn là tài liệu để những người trong ngành giáo dục, các sinh viên sư phạm, các bạn trẻ, học sinh... thấy được vị thế vai trò của mình trong quá trình phát triển đất nước.
2.14	Thạc sĩ	Truyền thông về hoạt động xây dựng pháp luật trên kênh truyền hình Quốc hội Việt Nam	Phạm Thanh Hòa	TS. Trần Bảo Khánh	Đánh giá lại hoạt động sản xuất cũng như hiệu quả của Truyền thông về hoạt động xây dựng pháp luật trên kênh Truyền hình Quốc hội Việt Nam, từ đó đưa ra các khuyến nghị để giảm thiểu những thiếu sót trong quá trình sản xuất, đồng thời phát huy được ưu thế của truyền hình trong hoạt động này
2.15	Thạc sĩ	Truyền hình khu vực Đồng bằng Sông Hồng với vấn đề phát triển nông nghiệp sạch	Lê Văn Học	TS. Nguyễn Trí Nhiệm	Trên cơ sở hình thành khung lý thuyết một số lý luận về vấn đề phát triển nông nghiệp sạch trên sóng truyền hình; khảo sát phân tích tình hình thực tế về vấn đề phát triển nông nghiệp sạch trên sóng truyền hình Đồng bằng Sông Hồng; phân tích thành công và hạn chế, nguyên nhân thành công và hạn chế; đồng thời đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng tuyên truyền về phát triển nông nghiệp sạch trên sóng truyền hình hiện nay.
2.16	Thạc sĩ	Báo chí thủ đô với vấn đề xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh	Vũ Thanh Hà	TS. Trần Bá Dung	Luận văn phân tích, đánh giá vai trò của báo chí thủ đô với vấn đề xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh. Từ đó, tác giả phân tích sự thành công, hạn chế của báo chí trong việc xây dựng văn hóa ứng xử người Hà Nội và đề xuất một số kiến nghị, giải pháp để báo chí Thủ đô thực hiện tốt hơn vai trò của mình trong lĩnh vực nghiên cứu.
2.17	Thạc sĩ	Hình ảnh người chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam trên báo điện tử trong hoạt động phòng, chống dịch Covid-19	Nguyễn Thị Lê	TS. Hoàng Văn Quang	Trên cơ sở hệ thống hoá một số vấn đề lý luận liên quan đến đề tài, luận văn nhận diện, phân tích, đánh giá hình ảnh người chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam trên báo điện tử trong hoạt động phòng, chống dịch Covid - 19, từ đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng tuyên truyền và quảng bá về hình ảnh người chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam trong hoạt động phòng, chống dịch Covid - 19 trên báo điện tử trong thời gian tới; góp phần tăng cường sự thiện cảm và ủng hộ của công chúng đối với người chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam.
2.18	Thạc sĩ	Vấn đề Quảng bá Du lịch Hà Nội trên báo điện tử Anh ngữ (Khảo sát 3 tờ báo : Hanoitimes, Vnexpress International và CNN thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2020).	Nguyễn Diệu Linh	PGS.TS Đặng Thị Thu Hương	Luận văn đã làm rõ được các khái niệm công cụ, thực hiện khảo sát thực tế, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nội dung và hình thức thông tin về quảng bá du lịch Hà Nội trên báo điện tử Anh ngữ. Luận văn cũng khảo sát thực trạng vấn đề quảng bá du lịch Hà Nội trên báo điện tử Anh ngữ, từ đó kết luận rằng thông tin về vấn đề quảng bá du lịch Hà Nội trên báo điện tử Anh ngữ cho thấy nội dung thông tin ở một số khía cạnh vẫn còn thừa

					thốt, chưa thực sự thu hút được mức độ quan tâm của bạn đọc, các bài viết chỉ được xây dựng kế hoạch theo các sự kiện chứ chưa có kế hoạch và định hướng dài hạn. Trong phạm vi nghiên cứu, luận văn cũng đề xuất nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả thông tin về vấn đề quảng bá du lịch Hà Nội trên báo điện tử Anh ngữ.
2.19	Thạc sĩ	“Truyền hình trên nền tảng Internet (OTT) ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn Khánh Linh	PGS.TS Bùi Chí Trung	Luận văn hệ thống cơ sở hóa các lý luận, các thực tiễn về truyền hình trên nền tảng internet tại Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, luận văn còn cung cấp những luận cứ khoa học, dẫn chứng từ các kết quả nghiên cứu khảo sát để làm rõ vai trò của truyền hình internet trong ngành truyền hình tại Việt Nam.
2.20	Thạc sĩ	Phòng chống tác hại của thuốc lá trên báo chí	Nguyễn Thị Diệu Linh	PGS.TS Đặng Thị Thu Hương	Luận văn đã thực hiện khảo sát các tin, bài viết về công tác truyền thông phòng chống tác hại của thuốc lá trên 3 báo: Suckhoedoisong.vn, Vietnamplus.vn và Hà nội mới trong thời gian 2018 - 2020. Qua đó, tìm hiểu các vấn đề lý luận liên quan đến vai trò, chức năng, tác động của báo chí đến công tác truyền thông phòng chống tác hại của thuốc lá; đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của ngành y tế về công tác truyền thông phòng chống tác hại của thuốc lá. Luận văn tập trung phân tích, đánh giá nội dung, hình thức truyền thông phòng chống tác hại của thuốc lá trên 3 báo. Luận văn chỉ ra ưu điểm, nhược điểm về nội dung, hình thức cũng như đánh giá thành công và hạn chế về trong hoạt động truyền thông phòng chống tác hại của thuốc lá trên báo chí. Từ đó, đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò của báo chí trong công tác truyền thông phòng chống tác hại của thuốc lá.
2.21	Thạc sĩ	Thông điệp về bảo hiểm xã hội tự nguyện trên báo điện tử Việt Nam	Lê Thị Ngân	TS. Đinh Thị Xuân Hòa	Luận văn hệ thống hóa các khái niệm, lý thuyết về thông điệp về bảo hiểm xã hội tự nguyện trên báo điện tử Việt Nam. Bên cạnh đó, luận văn tiến hành khảo sát thực tiễn tại ba tòa soạn báo điện tử trong nước để chỉ ra những thành công và hạn chế của thông điệp về bảo hiểm xã hội tự nguyện trên lĩnh vực báo điện tử ở Việt Nam. Từ đó, luận văn gợi mở một số khuyến nghị, giải pháp nâng cao chất lượng thông điệp về bảo hiểm xã hội tự nguyện trong lĩnh vực nghiên cứu.
2.22	Thạc sĩ	Báo quân đội đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về bản chất Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay	Trần Quyết Thắng	PGS.TS Nguyễn Linh Khiếu	Trên cơ sở hệ thống hoá một số vấn đề lý luận liên quan đến đề tài, luận văn phân tích thực trạng tin, bài viết về đề tài đấu tranh phản bác các thông tin sai trái, bịa đặt về bản chất Quân đội nhân dân Việt Nam trên các báo quân đội, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả những tác phẩm mảng đề tài này, qua đó góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong toàn quân.
2.23	Thạc sĩ	Hình ảnh nữ nghệ sỹ Việt Nam trên báo điện tử đương đại	Trần Thị Hồng Vân	PGS.TS Phạm Xuân Thạch	Trên cơ sở hệ thống hoá một số vấn đề lý luận liên quan đến đề tài, luận văn nhận diện, phân tích, đánh giá hình ảnh nữ nghệ sỹ Việt Nam trên báo điện tử đương đại, từ đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng tuyên truyền và quảng bá về hình ảnh nữ nghệ sỹ Việt Nam trên báo điện tử đương

					đại trong thời gian tới; góp phần tăng cường sự thiện cảm và ủng hộ của công chúng đối với các nhân vật nữ nghệ sỹ Việt Nam.
2.24	Thạc sĩ	<i>Báo chí Cách mạng Bến Tre trong sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước (1960 - 1975)</i>	Nguyễn Bé Hợp	TS. Hoàng Văn Quang	<p>Luận văn gồm có 3 chương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 1: Bến Tre mảnh đất quật cường và vai trò của Báo chí Cách mạng. - Chương 2: Hệ thống Báo chí Cách mạng Bến Tre - Chương 3: Bài học kinh nghiệm <p>Qua đó, luận văn đã làm rõ một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài của quân và dân Bến Tre. Kế tiếp đó là Vai trò Báo chí Cách mạng Bến Tre trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc thống nhất đất nước. - Báo chí Bến Tre với phong trào Đồng khởi và cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1960 -1975). Trong đó đã làm rõ nội dung chính của luận văn: Báo chí – Vũ khí sắc bén của cách mạng Bến Tre. - Luận văn đã rút ra 5 bài học kinh nghiệm quý báu. Từ đó, người làm báo hôm nay học tập và kế thừa được nhiều mặt. Đồng thời mở ra triển vọng tươi sáng cho báo chí Bến Tre trong thời đại công nghiệp lần thứ 4.
2.25	Thạc sĩ	Báo chí Đồng Tháp với vấn đề bảo vệ quyền trẻ em	Bùi Hữu Nghĩa	PGS.TS Đinh Văn Hường	<p>luận văn gồm có 3 chương:</p> <p>Chương 1: Cơ sở lý luận của đề tài nghiên cứu</p> <p>Chương 2: Thực trạng báo chí Đồng Tháp trong việc bảo vệ quyền trẻ em ở địa phương hiện nay</p> <p>Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng thông tin của báo chí Đồng Tháp trong việc bảo vệ quyền trẻ em ở địa phương thời gian tới</p> <p>Qua đó, luận văn đã làm rõ một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận văn đã rút ra 5 bài học kinh nghiệm quý báu. Đó là tuyên truyền vấn đề quyền trẻ em sao cho phù hợp với lứa tuổi và tâm sinh lý của trẻ. Trong tuyên truyền quyền trẻ em, cần có sự gắn kết chặt chẽ giữa người làm báo, cơ quan báo chí với ngành chức năng có liên quan... Từ đó, người làm báo ở địa phương có thêm những kinh nghiệm tuyên truyền về quyền trẻ em, sao cho đạt hiệu quả cao cả về nội dung cũng như hình thức thể hiện tin, bài, ảnh.
2.26	Thạc sĩ	Thông điệp về Vĩnh Long trên báo điện tử TW trong bối cảnh hội nhập và phát triển (Khảo sát Báo Nhân dân, Vietnamplus, ietnamnet và Dân trí thời gian từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2019)	Nguyễn Chiến Thành	PGS.TS Phạm Văn Linh	Trên cơ sở hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đề tài, luận văn khảo sát, phân tích thông điệp về hình ảnh của Vĩnh Long được thể hiện trên báo chí Trung ương, từ đó phân tích làm rõ những khía cạnh tích cực và hạn chế trong việc thể hiện hình ảnh Vĩnh Long trên báo chí Trung ương, đề xuất những giải pháp nhằm giúp các cơ quan ban, ngành Vĩnh Long, cũng như phối hợp các cơ quan báo chí thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình.
2.27	Thạc sĩ	Vấn đề xây dựng nông thôn mới trên báo chí Bến Tre	Trần Quốc Tền	PGS.TS Nguyễn thị Thanh Huyền	Nội dung luận văn làm rõ các vấn đề: - Làm rõ khái niệm liên quan đến đề tài luận văn; những nội dung và phương thức tuyên truyền về xây dựng nông

					thôn mới trên báo chí Bến Tre.- Thành công bước đầu của báo chí Bến Tre trong truyền thông về vấn đề xây dựng nông thôn mới; một số vấn đề mà báo chí Bến Tre cần quan tâm trong chuyên tải thông điệp về xây dựng nông thôn mới - Đưa ra những giải pháp hữu hiệu, góp phần thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đúng thực chất.
2.28	Thạc sĩ	Vấn đề bảo đảm an sinh xã hội trên báo chí Cần Thơ	Đoàn Quốc Trường	TS. Dương Văn Thắng	Luận văn gồm có 3 chương -Chương 1: Nội dung chính là phân tích một số khái niệm liên quan đến nội dung nghiên cứu -Chương 2: Tác giả tập trung phân tích thực trạng thông tin vấn đề bảo đảm an sinh xã hội trên Báo Cần Thơ và Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ; phân tích ý kiến khảo sát của công chúng về vấn đề bảo đảm an sinh xã hội trên báo chí thành phố Cần Thơ...Chương 3: Trên cơ sở đánh giá ưu điểm, hạn chế, tác giả đề xuất các giải pháp cụ thể và nêu một số kiến nghị với các tổ chức có liên quan nhằm tăng cường thông tin vấn đề bảo đảm an sinh xã hội trên báo chí thành phố Cần Thơ.
2.29	Thạc sĩ	Hoạt động kinh tế báo chí ở Đài Phát thanh và truyền hình Vĩnh Long, giai đoạn 2013 – 2018.	Lê Nguyễn Phú	PGS.TS Vũ Văn Hà	Những vấn đề cơ bản liên quan đến các hoạt động kinh tế báo chí tại các cơ quan báo chí, cụ thể là các Đài PT&TH, phân tích đặc điểm, các nội dung, yêu cầu của hoạt động kinh tế báo chí, tiêu chí đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh tế báo chí tại các Đài PT&TH. - Thực trạng hoạt động kinh tế báo chí của Đài PT&TH Vĩnh Long hiện nay, từ tổng thể đến cụ thể, nội dung hoạt động kinh tế báo chí, đánh giá hiệu quả, từ đó chỉ ra nguyên nhân khách quan, chủ quan của những thành tựu đạt được cũng như hạn chế còn tồn tại và đúc kết bài học kinh nghiệm từ sự phát triển của THVL. - Những thách thức của truyền hình Việt Nam hiện nay nói chung và của Đài PT&TH Vĩnh Long nói riêng, phân tích sự cần thiết và yêu cầu của việc thực hiện kinh tế báo chí của các Đài PT&TH. Kinh nghiệm hoạt động của các Đài Truyền hình hàng đầu cả nước. Đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế báo chí của Đài PT&TH Vĩnh Long trong giai đoạn 2020-2025.
2.30	Thạc sĩ	Báo chí Trà Vinh (Tiếng Khmer) với công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc	Trần Văn Phương	PGS.TS Đặng Thị Thu Hương	Khu vực đồng bằng sông Cửu Long, nơi có gần 1,3 triệu đồng bào Khmer đang sinh sống, có nhiều tờ báo, chương trình phát thanh - truyền hình tiếng Khmer như Trà Vinh, Sóc Trăng, Cần Thơ... được phát hành, phát sóng. Các cơ quan báo chí này ngày càng thực hiện tốt chức năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc, đưa chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đến với đồng bào. Tuy có nhiều đóng góp trong việc tuyên truyền chính sách dân tộc đến với đồng bào Khmer, nhưng nhìn chung những cơ quan báo chí này chủ yếu bao cấp, chậm cải tiến, chậm thay đổi hình thức, nội dung của nhằm phục vụ tốt hơn nhiệm vụ của mình; một số đơn vị còn bộc lộ nhiều khiếm khuyết thể hiện ở chất lượng thông tin, cách thức tổ chức

					bộ máy và chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên... Từ đó làm hạn chế vai trò của tờ báo trong tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào Khmer. Vì vậy, việc nghiên cứu Báo chí Trà Vinh (Tiếng Khmer) với công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc là một vấn đề cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao.
2.31	Thạc sĩ	Đài phát thanh truyền hình Vĩnh Long với công tác xã hội từ thiện	Hồ Phi Yến	PGS.TS Nguyễn Thành Lợi	<p>Luận văn được trình bày trong 3 chương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 1: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về truyền hình và hoạt động xã hội từ thiện tại Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Vĩnh Long. - Chương 2: Thực trạng các chương trình truyền hình nhân đạo và công tác xã hội từ thiện của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Vĩnh Long. - Chương 3: Giải pháp nâng cao vai trò của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Vĩnh Long trong hoạt động xã hội từ thiện. <p>Qua đó làm rõ được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài: An sinh xã hội, nhân đạo, công tác xã hội từ thiện, truyền hình, chương trình truyền hình, chương trình truyền hình xã hội từ thiện, đặc trưng và vai trò, thế mạnh của truyền hình trong các hoạt động xã hội từ thiện. - Phân tích, đánh giá về ưu điểm, hạn chế của các chương truyền hình nhân đạo và công tác xã hội từ thiện của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Vĩnh Long trong thời gian qua. - Đề xuất một số giải pháp cụ thể để nâng cao vai trò của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Vĩnh Long trong hoạt động xã hội từ thiện.
2.32	Thạc sĩ	Báo in Đồng Bằng Sông Cửu Long với vấn đề giảm nghèo đa chiều cho đồng bào Khmer (Khảo sát trên báo in Bạc Liêu, báo in Sóc Trăng và báo ảnh Đất Mũi từ tháng 1/2018 đến tháng 6/2019)	Lư Trung Dũng	TS. Phạm Tất Thắng	<p>Luận văn đã làm rõ các vấn đề về lý luận, thực tiễn liên quan đến nâng cao chất lượng thông tin về giảm nghèo đa chiều cho đồng bào Khmer trên báo in báo Bạc Liêu, báo Sóc Trăng và báo ảnh Đất Mũi. Trong chương 1 cũng khẳng định vai trò, tầm quan trọng của báo chí trong việc thông tin giảm nghèo đa chiều cho đồng bào Khmer; làm rõ các khái niệm về thông tin và tiêu chí đánh giá chất lượng thông tin, khái niệm về nghèo đa chiều. Cũng như, đã nêu rõ quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của thực hiện chính sách dân tộc, nhất là công tác về giảm nghèo.</p> <p>Trong chương 2, qua khảo sát thực trạng việc tổ chức thông tin về nội dung, hình thức, phương thức đăng tải trên báo in báo Bạc Liêu, báo Sóc Trăng và báo ảnh Đất Mũi từ tháng 1/2018 đến tháng 6/2019, luận văn đã chỉ ra được những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của từng vấn đề trong việc thông tin. Đồng thời, thông qua điều tra công chúng làm rõ thêm các vấn đề về nội dung, hình thức và phương thức thông tin trên báo.</p> <p>Từ khảo sát thực trạng ở chương 2, trong chương 3 tác giả đã đề xuất các giải</p>

					pháp và kiến nghị với Ban Biên tập báo Bạc Liêu, báo Sóc Trăng và báo ảnh Đất Mũi nâng cao chất lượng thông tin trên báo chí cho đồng bào Khmer nói riêng và đồng bào dân tộc thiểu số nói chung với mục tiêu chính là không ngừng nâng cao chất lượng nội dung, hình thức, phương thức trên báo in, nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin trong tình hình mới.
2.33	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng chương trình Thời sự truyền hình trên sóng Đài Phát thanh - Truyền hình Bạc Liêu và Hậu Giang (Khảo sát từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2019)	Trần Thị Thùy Dương	TS. Trần Bá Dung	<p>Kết quả luận văn là:</p> <p>1. Chương I của luận văn đã làm rõ các khái niệm liên quan đến đề tài nghiên cứu, gồm có: khái niệm về truyền hình, chương trình truyền hình, chương trình Thời sự truyền hình. Luận văn cũng đã phân tích vai trò, vị trí của chương trình Thời sự truyền hình trong hệ thống chương trình truyền hình địa phương; những tiêu chí chung đối với chương trình Thời sự truyền hình của các Đài khảo sát.</p> <p>2. Trong chương 2, qua khảo sát thực tế các chương trình Thời sự truyền hình của Đài Phát thanh – Truyền hình Bạc Liêu và Hậu Giang từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2019; nghiên cứu ý kiến của khán giả, những người làm công tác quản lý, những người làm báo trên địa bàn về chất lượng chương trình Thời sự truyền hình trên sóng Đài Phát thanh – Truyền hình Bạc Liêu và Hậu Giang. Luận văn tiến hành đánh giá, phân tích thực trạng, làm rõ nguyên nhân ưu điểm, hạn chế và những vấn đề đặt ra.</p> <p>3. Từ những vấn đề đặt ra, chương 3 của luận văn đã đưa ra một số kiến nghị và giải pháp nâng cao chất lượng chương trình Thời sự trên sóng truyền hình của Đài Phát thanh – Truyền hình Bạc Liêu và Hậu Giang. Mục tiêu chính là làm cho chương trình Thời sự truyền hình ngày càng phong phú về nội dung, đa dạng hình thức thể hiện, đáp ứng nhu cầu thông tin của khán.</p>
2.34	Thạc sĩ	Ứng dụng mạng xã hội trong xây dựng thương hiệu Đài PT-TH Cà Mau	Nguyễn Chí Hải	TS. Nguyễn Công Dũng	<p>Luận văn được trình bày trong 3 chương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 1: Cơ sở lý luận về mạng xã hội và xây dựng thương hiệu Đài PT-TH Cà Mau - Chương 2: Thực trạng ứng dụng mạng xã hội trong xây dựng thương hiệu Đài PT-TH Cà Mau. - Chương 3: Cơ hội, thách thức và giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng mạng xã hội trong xây dựng thương hiệu Đài PT-TH Cà Mau. <p>Qua đó làm rõ được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài: Ứng dụng mạng xã hội trong xây dựng thương hiệu Đài PT-TH Cà Mau... - Phân tích, đánh giá về những ưu, khuyết điểm của mạng xã hội; thực trạng xây dựng thương hiệu Đài PT-TH Cà Mau thời gian qua; cũng như những kết quả đạt được và những hạn chế của việc ứng dụng mạng xã hội trong xây dựng thương hiệu Đài PT-TH Cà Mau.

					- Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị để nâng cao hiệu quả việc ứng dụng mạng xã hội trong xây dựng thương hiệu Đài PT-TH Cà Mau trong thời gian tới.
2.35	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng chương trình thời sự địa phương của Đài truyền thanh cấp huyện Tỉnh Cà Mau (Khảo sát 3 huyện: Ngọc Hiển, Năm Căn, U Minh năm 2018- 2019)	Lê Chí Hiếu	TS. Mai Đức Lộc	Tác giả đã khái quát những khó khăn trong quá trình thể hiện, biên tập, phát sóng của chương trình thời sự địa phương của 03 Đài truyền thanh huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau: Ngọc Hiển, Năm Căn, U Minh. Trong đó, tác giả đã đi sâu phân tích những tồn tại, hạn chế về tin, bài viết, phỏng vấn; quá trình tiếp nhận, phản hồi công chúng đối với chương trình thời sự địa phương. Từng bước xây dựng nội dung hướng đến công chúng, thay dần những tin báo cáo, thông tin nhiều số liệu, đa dạng về các bài viết, gương người tốt, việc tốt để chương trình thời sự địa phương và phương thức truyền tải đến công chúng trên địa bàn huyện.
2.36	Thạc sĩ	Truyền hình Miền Tây Nam Bộ với vấn đề xóa đói giảm nghèo ở địa phương (Khảo sát chương trình truyền hình của Đài PT-TH Cà Mau, Đài PT-TH Kiên Giang từ tháng 01 đến tháng 9/2019)	Phạm Nhật Minh	TS. Nguyễn Trí Nhiệm	Luận văn nghiên cứu vấn đề Truyền hình miền Tây Nam Bộ trên Đài phát thanh truyền hình Cà Mau, Đài phát thanh truyền hình Kiên Giang. Qua phân tích hơn hơn 450 tin, 300 phóng sự và hơn 100 ghi nhanh trên sóng phát thanh truyền hình Cà Mau từ tháng 01 đến tháng 9/2019 và khảo sát ý kiến các chuyên gia báo chí và các lãnh đạo Đài, biên tập viên, phóng viên... Từ đó, rút ra kết luận về các tin bài, phóng sự... truyền tải trên Đài Phát thanh Truyền hình như thế nào, nội dung và hình thức thể hiện có đa dạng, phong phú hay chưa. Với những phân tích thông tin cho thấy được nhưng thành công và những hạn chế của Truyền hình đến sự phát triển của kinh tế, xã hội ở Cà Mau và Kiên Giang. Từ chỗ tiếp cận được thông tin, người dân đã nắm được các chủ trương của Đảng và Nhà nước về các chính sách xóa đói giảm nghèo, các mô hình mới với cách làm hay và sáng tạo góp phần xóa hộ đói, giảm hộ nghèo một cách bền vững.
2.37	Thạc sĩ	Tổ chức sản xuất tin tức trên đài truyền thanh cấp huyện thuộc tỉnh Cà Mau (Khảo sát Đài Truyền thanh Thành phố Cà Mau, Huyện Năm Căn, Huyện Ngọc Hiển năm 2019).	Hồng My	PGS.TS Đinh Thị Thu Hằng	Luận văn đã nêu lên cơ sở lý luận trong chương 1 về những khái niệm và đặc điểm liên quan đến đối tượng khảo sát. Trên cơ sở đó làm tiền đề cho tác giả xây dựng chương 2 về khảo sát thực trạng tổ chức sản xuất tin tức trên đài truyền thanh cấp huyện. Qua đó, đánh giá những hạn chế, thành công, nguyên nhân trong tổ chức sản xuất tin tức của Đài truyền thanh cấp huyện. Chương 3, tác giả sẽ đặt vấn đề và đưa ra những giải pháp về cơ chế, con người, về nội dung, cơ sở vật trang và kiến nghị với các lãnh đạo địa phương và Trường Đài
2.38	Thạc sĩ	Báo Đảng Đồng Bằng Sông Cửu Long với vấn đề sạt lở, xâm nhập mặn (khảo sát Báo Cà Mau, Kiên Giang, Hậu Giang từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2019)	Đào Thị Hồng Nhung	PGS.TS Nguyễn Thành Lợi	Luận văn nghiên cứu vấn đề Báo Đảng Đồng Bằng Sông Cửu Long với vấn đề sạt lở, xâm nhập mặn (khảo sát Báo Cà Mau, Kiên Giang, Hậu Giang từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2019). Qua khảo sát có hơn 292 tin, 260 bài, phóng sự và khảo sát ý kiến các chuyên gia báo chí. Từ đó, rút ra kết luận như các thông tin về sạt lở, xâm nhập mặn được truyền tải trên báo đảng ĐBSCL như

					<p>thể nào, nội dung và hình thức thể hiện có đa dạng, phong phú hay chưa. Thông qua các hình thức khảo sát, phân tích số liệu thực tế, luận văn đưa ra những thành công của công tác tuyên truyền về sạt lở, xâm nhập mặn trên các báo đăng.</p> <p>Qua đó, luận văn đã chỉ ra được nhưng hạn chế trong công tác tuyên truyền vấn đề này trên các báo như: nội dung tuyên truyền về sạt lở, xâm nhập mặn chủ yếu được tuyên truyền với hình thức thông tin, chưa xây dựng được những chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề cụ thể. Các bài viết phân tích chuyên sâu, phỏng vấn của chuyên gia còn hạn chế. Bên cạnh đó, hình ảnh về sạt lở, xâm nhập mặn chưa đưa chú trọng ở một số báo. Chất lượng ảnh chưa cao, chưa đáp ứng nhu cầu thông tin của độc giả.</p>
2.39	Thạc sĩ	Truyền thông giáo dục sức khỏe trên sóng phát thanh truyền hình Cà Mau	Huỳnh Minh Luân	PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Huyền	<p>Luận văn nghiên cứu vấn đề truyền thông giáo dục sức khỏe trên sóng phát thanh truyền hình Cà Mau. Qua phân tích hơn 450 tin, 300 phóng sự và hơn 100 ghi nhanh trên sóng phát thanh truyền hình Cà Mau từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2019 và khảo sát ý kiến các chuyên gia báo chí và chuyên gia ngành Y tế. Từ đó, rút ra kết luận như các thông tin giáo dục sức khỏe được truyền tải trên Đài Phát thanh Truyền hình như thế nào, nội dung và hình thức thể hiện có đa dạng, phong phú hay chưa. Với những phân tích thông tin cho thấy được nhưng thành công và những hạn chế của công tác truyền thông giáo dục sức khỏe. Từ chỗ tiếp cận được thông tin, người dân đã dần nâng cao ý thức chủ động phòng bệnh, biết cách chăm sóc nâng cao sức khỏe, góp phần cùng ngành Y tế kiểm soát và đẩy lùi dịch bệnh. Chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe đã góp phần tạo hiệu ứng xã hội, tác động tích cực đến nhận thức, thái độ và hành vi của công chúng trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe.</p> <p>Qua phân tích, luận văn đã chỉ ra được nhưng hạn chế trong các chương trình truyền giáo dục sức khỏe như: Đài Phát thanh Truyền hình Cà Mau chưa hoàn thành lộ trình chuyển từ phát sóng SD sang HD, nên chất lượng hình ảnh còn bị hạn chế so với các Đài Phát thanh Truyền hình khác trong khu vực. Chưa đáp ứng đầy đủ về truyền hình hiện đại, thông tin còn chậm, chưa mang tính thời sự cao. Số lượng phóng viên, biên tập viên phụ trách lĩnh vực truyền thông giáo dục sức khỏe còn thiếu, do đó không truyền tải hết thông tin về giáo dục sức khỏe đến với công chúng. Công tác phối hợp giữa ngành Y tế với cơ quan báo chí trong truyền thông giáo dục sức khỏe còn hạn chế, nên hiệu quả cung cấp thông tin cho báo chí chưa cao. Nội dung chương trình chưa bám sát với từng đối tượng công chúng...</p>
2.40	Thạc sĩ	Bản sắc văn hóa của đồng bào Khmer Nam bộ trên sóng truyền hình địa phương	Phạm Minh Luân	PGS.TS Đỗ Chí Nghĩa	<p>Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng truyền thông về bản sắc văn hóa của đồng bào Khmer Nam bộ trên sóng truyền hình địa phương. Luận văn đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng truyền thông bản sắc văn</p>

					hóa của đồng bào Khmer Nam bộ trên sóng truyền hình địa phương khu vực đồng bằng sông Cửu Long.
2.41	Thạc sĩ	Vấn đề phát triển kinh tế ngư nghiệp trên sóng phát thanh các Đài PT-TH khu vực Tây Nam Bộ	Huỳnh Thành Hoàng	TS. Trần Thị Tri	<p>Luận văn được trình bày trong 3 chương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 1: Một số vấn đề lý luận liên quan đến việc tuyên truyền kinh tế ngư nghiệp trên sóng phát thanh. - Chương 2: Thực trạng tuyên truyền về phát triển kinh tế ngư nghiệp tại khu vực Tây Nam Bộ. - Chương 3: Giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền kinh tế ngư nghiệp trên sóng phát thanh. <p>Qua đó làm rõ được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài: Ngư nghiệp và kinh tế ngư nghiệp, báo phát thanh, tuyên truyền kinh tế ngư nghiệp trên sóng phát thanh... - Phân tích, đánh giá về nguyên nhân thành công, thực trạng, hạn chế của chất lượng tuyên truyền kinh tế ngư nghiệp trên sóng phát thanh tại các đài trong khu vực Tây Nam Bộ mà cụ thể là Đài PT-TH Bạc Liêu, Đài PT-TH Cà Mau và Đài PT-TH Kiên Giang. - Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị để nâng cao chất lượng tuyên truyền về kinh tế ngư nghiệp trên sóng phát thanh trong thời gian tới.
2.42	Thạc sĩ	Quản trị nội dung thông tin thời sự nội chính trên báo điện tử khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long	Ngô Minh Toàn	PGS.TS Nguyễn Thành Lợi	<p>Luận văn “ Quản trị nội dung thông tin thời sự nội chính trên báo điện tử ở khu vực ĐBSCL” đặt ra những vấn đề có tính cấp thiết về vai trò của công tác quản lý, quản trị nội dung thời sự nội chính trên báo điện tử và kỹ năng nghiệp vụ biên tập, xử lý, cập nhật thông tin trong môi trường truyền thông đa phương tiện của các cơ quan báo Đảng ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Qua đó tác giả đã kiến nghị, đề xuất một số giải pháp cụ thể về công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác quản lý, quản trị nội dung, công tác biên tập ở các trường đào tạo báo chí. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền trên báo điện tử hiện nay.</p>
2.43	Thạc sĩ	Tổ chức Sản xuất Chương trình Tiếng Khmer trên sóng Truyền hình Tây Nam Bộ	Son Thị Sa Thuol	PGS.TS Nguyễn Văn Dũng	<p>Trong chương 1, tác giả đã hệ thống hóa và làm rõ lại những vấn đề lý luận như khái niệm dân tộc Khmer; công chúng truyền hình; chương trình truyền hình; tổ chức; tổ chức sản xuất chương trình truyền hình... Đồng thời chương này còn làm rõ về nguyên tắc và tiêu chí của việc tổ chức sản xuất chương trình truyền hình tiếng Khmer.</p> <p>Trong chương 2, sau khi tiến hành khảo sát và phân tích về việc tổ chức sản xuất chương trình truyền hình tiếng Khmer. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, đa số thính giả đều đánh giá cao về hình thức và nội dung chương trình TH tiếng Khmer của các Đài PT-TH khá đa dạng, phong phú về thể loại, chuyên mục, cách thức đưa tin và thể hiện cũng khá hấp dẫn. Nhờ đó đã thu hút được sự quan tâm của công chúng xem đài. Bằng chứng cho</p>

					<p>thấy, tần suất xem đài của công chúng khá thường xuyên, mức độ xem chương trình từ ½ đến hết chương trình chiếm tỷ lệ khá cao, có khá nhiều chuyên mục được yêu thích như chuyên mục nông nghiệp- nông thôn, giải trí... Ngoài ra, hiệu quả của chương trình còn phản ánh thông qua những đóng góp đối với đời sống của đồng bào Khmer.</p> <p>Mặc dù vậy, nghiên cứu cũng đã phát hiện một số vấn đề đang đặt ra đối với việc tổ chức sản xuất của chương trình tiếng Khmer, đó là nội dung chương trình vẫn còn nhiều tin, bài văn phong còn mang tính nghị quyết, khó hiểu; hình thức thể hiện còn đơn điệu, thông tin còn chậm, đặc biệt các chương trình dịch từ tiếng Việt sang tiếng Khmer; cơ sở vật chất chưa hạn chế, thiếu đội ngũ chuyên nghiệp làm chương trình truyền hình Khmer.</p> <p>Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ rõ về vấn đề đặt ra đối với công chúng là điều kiện sống, trình độ và nhận thức của đồng bào không đồng đều, còn hạn chế cho nên tạo ra áp lực cho người làm chương trình và áp lực trong đầu tư cơ sở vật chất để đảm bảo cơ hội tiếp cận thông tin cho đồng bào Khmer hiện nay.</p> <p>Chương 3 tác giả đã đưa ra hai phương hướng chung và các giải pháp cơ bản. Trong đó, phương hướng đầu tiên là về yếu tố con người, đó là nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị cho những người sản xuất chương trình; phương hướng thứ hai là nâng cao chất lượng nội dung chương trình, trong phương hướng này gồm các vấn đề cơ bản là: kế hoạch định hướng thông tin tuyên truyền, cải tiến nội dung, cải tiến chất lượng hình ảnh và cải tiến quy trình sản xuất chương trình. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất một số giải pháp như đổi mới về cơ chế quản lý và bộ máy hoạt động; tăng thời lượng và chọn thời điểm phát sóng chương trình phù hợp; tổ chức xây dựng và khai thác mạng lưới cộng tác viên cấp huyện, thị,... Đó là những giải pháp cơ bản nhằm không ngừng đổi mới và nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất chương trình truyền hình tiếng Khmer của các đài PT-TH Cà Mau, Sóc Trăng và Kiên Giang hiện nay.</p>
2.44	Thạc sĩ	Vấn đề xây dựng Đảng trên báo in Kiên Giang và Hậu Giang (Khảo sát năm 2018 - 2019).	Lê Quốc Trinh	PGS.TS Vũ Văn Hà	<p>Vấn đề xây dựng Đảng trên báo in Kiên Giang và Hậu Giang (Khảo sát năm 2018 - 2019). Luận văn làm rõ hơn về “Vấn đề tuyên truyền xây dựng Đảng trên báo in Kiên Giang và Hậu Giang”, từ đó đi vào nhận diện tìm hiểu vấn đề, giúp đổi mới nội dung, hình thức truyền tải thông tin, tuyên truyền trên báo in Kiên Giang và Hậu Giang hợp lý để nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, góp phần xây dựng Đảng. Luận văn có giá trị tham khảo về thực tiễn thông qua những cơ sở dữ liệu xác thực, cụ thể về hoạt động truyền thông về xây dựng Đảng, giúp cho cán bộ lãnh đạo, quản lý nói chung và cấp ủy, chính quyền địa phương, các phóng viên, biên tập viên, lãnh đạo báo</p>

					Kiên Giang, báo Hậu Giang, cán bộ, đảng viên và người dân hiểu sâu sắc hơn về tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Từ đó có chủ trương, cơ chế chính sách, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp trong việc tuyên truyền về xây dựng Đảng.
2.45	Thạc sĩ	Vấn đề xây dựng toà soạn 2 phiên bản cho báo Đảng Đồng bằng Sông Cửu Long	Nguyễn Khánh Phương	PGS.TS Nguyễn Thành Lợi	<p>Đề tài “Vấn đề xây dựng toà soạn 2 phiên bản cho báo Đảng Đồng bằng Sông Cửu Long” Luận văn nghiên cứu thực trạng mô hình tổ chức cơ quan báo Đảng Đồng bằng sông Cửu Long có báo in và báo điện tử, từ đó đề xuất một số mô hình tòa soạn có hai loại hình báo in và báo điện tử hoạt động hiệu quả cho các cơ quan báo chí ĐBSCL hiện nay.</p> <p>Luận văn sẽ góp phần hệ thống hoá thêm khung lý luận về công tác quản trị nội dung thông tin trên báo điện tử và báo in nói chung và việc xây dựng tòa soạn hội tụ trong tương lai, là tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng về công tác quản trị nội dung thông tin trên báo điện tử và kỹ năng biên tập tại các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về lĩnh vực truyền thông, báo chí.</p> <p>Luận văn “Vấn đề xây dựng toà soạn 2 phiên bản cho báo Đảng Đồng bằng Sông Cửu Long” Chỉ rõ một số vấn đề đặt ra trong xây dựng mô hình tòa soạn hai loại hình báo in và báo điện tử tại các cơ quan báo Đảng ĐBSCL hiện nay, từ đó đề xuất xây dựng mô hình tòa soạn hai loại hình báo in và báo điện tử cho các cơ quan báo Đảng ở khu vực ĐBSCL trong thời gian tới.</p>
2.46	Thạc sĩ	Xây dựng mô thức thông tin thời sự truyền hình địa phương trong bối cảnh truyền thông hiện đại (Nghiên cứu trường hợp Đài PT –TH Bạc Liêu và Hậu Giang từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2019)	Phú Thị Minh Khai	PGS.TS Nguyễn Văn Dũng	<p>Nội dung Luận Văn, học viên đã tập trung làm rõ các khái niệm về mô thức, mô thức thông tin thời sự cũng như các khái niệm về chương trình thời sự truyền của các đài PT – TH địa phương; môi trường truyền thông hiện nay; các nhu cầu công chúng hiện nay. Ngoài ra trong chương 1, học viên cũng đã nêu khá chi tiết về đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của các tỉnh Nam Sông Hậu, tổng quan về lĩnh vực báo chí nói chung, chương trình thời sự truyền hình của các Đài Nam sông Hậu nói riêng. Từ cơ sở lý luận đến thực tiễn để làm rõ hơn vai trò quan trọng của việc phải xây dựng mô thức thông tin thời sự của Đài PT –TH địa phương trong bối cảnh truyền thông hiện nay. Học viên đã giới thiệu khái quát về lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ và cấu trúc, đánh giá nội dung tin, hình thức thể hiện trong chương trình thời sự của 2 Đài PT-TH Bạc Liêu và Đài PT-TH Hậu Giang. Học viên cũng đã khảo sát chương trình thời sự thực tế của 02 đài THBL và Hậu Giang từ tháng 1 đến tháng 6/2019. Dựa vào các tiêu chí đánh giá chất lượng tác phẩm báo chí, format chương trình thời sự, học viên nhận thấy mỗi Đài địa phương đều có những ưu điểm riêng, đa số đều đáp ứng đủ các tiêu chí và cơ bản đã phần nào đáp ứng được nhu cầu thông tin cho công chúng địa phương. Bên cạnh đó, thông tin trong chương trình thời sự cả 2 Đài truyền hình vẫn</p>

					đang bị giới hạn bởi không gian địa phương, đa phần vẫn bị bó hẹp trong địa bàn địa tỉnh là chủ yếu nên thông tin vẫn chưa thật sự phong phú, vẫn chưa thể đáp ứng hết nhu cầu của công chúng xem truyền hình, đặc biệt là trong bối cảnh cạnh tranh thông tin như hiện nay. Từ những nhận định, phân tích, đánh giá trên là cơ sở để học viên có những đề xuất giải pháp xây dựng mô thức thông tin thời sự của đài THBL nói riêng, các đài truyền hình địa phương trong khu vực nói chung trong bối cảnh truyền thông mới như hiện nay, từ đó tạo tính hấp dẫn, thu hút đông đảo công chúng theo dõi chương trình thời sự của đài.
2.47	Thạc sĩ	Vấn đề quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên Báo Cà Mau	Nguyễn Văn Phú	TS. Nguyễn Thị Thoa	<p>Đề tài “Vấn đề quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên Báo Cà Mau” làm rõ một số khái niệm, xây dựng khung lý thuyết cho vấn đề nghiên cứu; khảo sát thực trạng công tác tuyên truyền trên Báo Cà Mau. Từ đó, chỉ rõ những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền trên Báo Cà Mau về vấn đề quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.</p> <p>Luận văn sẽ góp phần hệ thống hoá thêm khung lý luận về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cũng như quản trị nội dung thông tin trên báo Cà Mau nói chung và báo Đảng địa phương các tỉnh có rừng trong khu vực, là tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng về công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về lĩnh vực truyền thông, báo chí.</p> <p>Luận văn “Vấn đề quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên Báo Cà Mau” đặt ra những vấn đề có tính cấp thiết về vai trò của công tác tuyên truyền trên các loại hình Báo chí và kỹ năng nghiệp vụ của Phóng viên, xử lý, cập nhật thông tin các vấn đề có liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Qua đó tác giả đã kiến nghị, đề xuất một số giải pháp cụ thể về công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tuyên truyền, công tác biên tập ở các trường đào tạo báo chí. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền trên các loại hình báo chí hiện nay.</p>
2.48	Thạc sĩ	Vấn đề tổ chức sản xuất các chuyên mục nông nghiệp của Đài Phát thanh – Truyền hình Bạc Liêu hiện nay (Khảo sát các chuyên mục Khuyến nông, Khuyến ngư từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2019).	Nguyễn Minh Sang	TS. Trần Bảo Khánh	Những vấn đề luận văn nghiên cứu dựa trên cơ sở lý thuyết căn bản từ những tài liệu, sách báo và thực tế công tác tại Đài Phát thanh – Truyền hình Bạc Liêu. Tác giả luận văn đã tổng hợp đánh giá về quá trình phối hợp tổ chức sản xuất các chuyên mục nông nghiệp của Đài Phát thanh – Truyền hình Bạc Liêu trong thời điểm từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 6 năm 2019. Thông qua việc khảo sát các chuyên mục mà Đài Phát thanh – Truyền hình Bạc Liêu tổ chức sản xuất và phát sóng trong thời gian này, tác giả đã làm rõ những ưu điểm cần được phát huy và đưa ra những hạn chế cần phải sớm được khắc phục nhằm để góp phần vào việc tổ chức, sản xuất các chuyên mục nông nghiệp trên sóng Đài Phát thanh – Truyền hình Bạc Liêu trong thời gian tới

					<p>đạt hiệu quả cao hơn. Trong quá trình tìm kiếm thông tin, tổng hợp, phân tích hoạt động tổ chức sản xuất các chuyên mục nông nghiệp tại Đài Phát thanh – Truyền hình Bạc Liêu, tác giả luận văn đã đúc kết cho mình những kinh nghiệm quý báu trong thực tế công việc.</p> <p>Từ những vấn đề thực tế trong quá trình tổ chức sản xuất các chuyên mục tại Đài Phát thanh – Truyền hình Bạc Liêu tác giả đề xuất các giải pháp nhằm giúp cho công tác tổ chức, sản xuất các chuyên mục nông nghiệp trên sóng phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh – Truyền hình Bạc Liêu đạt hiệu quả cao nhất. Hy vọng luận văn sẽ góp phần đáng kể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng chương trình theo xu hướng phát thanh, truyền hình hiện đại của Đài Phát thanh – Truyền hình Bạc Liêu.</p>
2.49	Thạc sĩ	Chương trình văn hoá giải trí trên sóng truyền hình Cà Mau và Vĩnh Long	Nguyễn Thị Hồng Thắm	PGS.TS Vũ Quang Hào	<p>Qua thời gian tìm hiểu nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn nhận thấy, đề tài Chương trình văn hoá giải trí trên sóng truyền hình Cà Mau và Vĩnh Long rất cấp thiết. Ở thời điểm hiện tại, khi công nghệ số phát triển và nhiều loại hình nghệ thuật được sản sinh cùng với sự cạnh tranh quyết liệt của mạng xã hội, mảng văn hoá giải trí càng đòi hỏi khắt khe hơn. Đó là cuộc chiến cam go để giữ chân khán giả trung thành và giữ vững thương hiệu của đài mình. Chúng ta cần tích cực triển khai nhiều hình thức tổ chức sản xuất chương trình văn hoá giải trí để nâng cao giá trị của các chương trình văn hoá giải trí.</p> <p>Hiểu được xu thế của thời đại, những năm qua, Đài Phát thanh và Truyền Cà Mau đã có nhiều đóng góp đáng kể trong sự phát triển của tỉnh nhà nói riêng và của khu vực nói chung. Các kênh truyền hình giải trí đã không ngừng được cải tổ và đổi mới bằng nhiều phương thức khác nhau. Nhờ đó, các chương trình truyền hình giải trí đã được khán giả biết đến nhiều hơn, góp phần mang lại thông tin vui chơi giải trí thiết thực cho người xem trên nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học...trong nước và thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được còn một số tồn tại, hạn chế, nguyên nhân cần được khắc phục trong thời gian tới, như: Chất lượng nội dung của chương trình truyền hình giải trí chưa cao, nội dung sơ sài,...; hình thức thể hiện chương trình truyền hình giải trí chưa theo kịp xu hướng truyền hình giải trí trong nước và quốc tế; tổ chức bộ máy sản xuất truyền hình giải trí trong nước và quốc tế; tổ chức bộ máy sản xuất truyền hình giải trí, do đội ngũ tham gia sản xuất các bản tin, chương trình thuộc các phòng ban khác nhau, cụ thể nhân viên phụ trách khâu nội dung thuộc phòng Biên dịch, nhân viên kỹ thuật thu, dựng hình thuộc phòng Kỹ thuật thể hiện, người dẫn chương trình thuộc phòng Chương trình truyền hình, nên việc quản lý, phối hợp còn bất cập, chồng chéo...</p>

2.50	Thạc sĩ	Truyền hình với hoạt động quảng bá du lịch Tây Nam bộ (Khảo sát VTV1, CTV, Vietnam Journey năm 2019)	Hà Giang	PGS.TS Lê Thanh Bình	Vai trò, thế mạnh của tất cả các loại hình báo chí ngày càng có chiến lược truyền thông dài hạn, tận dụng lợi thế của công nghệ 4.0; đổi mới phương thức truyền thông, nâng cao tính chuyên nghiệp; có sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, sự thống nhất trong truyền thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. Tuy nhiên việc quảng bá du lịch Tây Nam bộ trên sóng truyền hình vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức. Cụ thể qua khảo sát trên ba kênh truyền hình: Kênh truyền hình Quốc gia VTV1, kênh truyền hình địa phương CTV, và kênh truyền hình chuyên biệt Vietnam Journey, có thể thấy việc quảng bá du lịch Tây Nam bộ vẫn còn nhiều hạn chế. Nhưng với những ứng dụng ngày càng hiện đại của công nghệ 4.0, cùng với những thế mạnh của truyền hình, du lịch Tây Nam bộ hứa hẹn sẽ được quảng bá sâu, rộng, hiệu quả đến mọi người cả trong và ngoài nước.
2.51	Thạc sĩ	Phòng chống đại dịch Covid-19 trên báo điện tử Việt Nam	Nguyễn Thị Vân	PGS.TS Nguyễn Thị Trường Giang	Luận văn: Phòng chống đại dịch Covid-19 trên báo điện tử Việt Nam, gồm 3 chương: - Chương 1: Những vấn đề lý luận về phòng chống đại dịch Covid-19 trên báo điện tử - Chương 2: Thực trạng phòng chống đại dịch Covid-19 trên báo điện tử Việt Nam - Chương 3: Vấn đề đặt ra và giải pháp nâng cao phòng chống đại dịch Covid-19 trên báo điện tử trong thời gian tới Luận văn làm rõ một số lý luận về thông tin phòng chống đại dịch Covid-19 trên báo điện tử Việt Nam; vai trò của báo điện tử Việt Nam trong công tác phòng chống đại dịch Covid-19. Tác giả khảo sát 3 báo điện tử Sức khỏe & đời sống; VnExpress, VietnamPlus - Thông tấn xã Việt Nam trong việc thông tin, phản ánh, tuyên truyền phòng chống đại dịch Covid-19. Qua đó, tác giả đánh giá ưu điểm, hạn chế về nội dung, hình thức, tác động đến công chúng và khuyến nghị giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền chủ động, minh bạch, định hướng, hình thành dư luận tích cực, tạo sự đồng thuận trong xã hội cùng tham gia thực hiện phòng chống đại dịch Covid-19, đặc biệt chống lại tin giả gây hoang mang dư luận.
2.52	Thạc sĩ	Thông điệp về văn hóa đọc trên báo điện tử	Nguyễn Thị Kim Ngân	TS. Phạm Hải Chung	Trên cơ sở hệ thống hoá một số vấn đề lý luận liên quan đến những khái niệm về truyền thông thông điệp và văn hóa đọc. Luận văn đã phân tích nội dung và hình thức thông điệp về văn hóa đọc trên báo điện tử. Đồng thời, chỉ ra lợi thế, đặc điểm vai trò, của báo điện tử với thông điệp văn hóa đọc, từ đó đưa ra một số khuyến nghị, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả truyền thông thông điệp về văn hóa đọc trên báo điện tử.

2.53	Thạc sĩ	Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên báo chí Công an nhân dân	Ngô Châu Giang	TS. Nguyễn Tri Thức	Trên cơ sở nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn ấn phẩm báo, tạp chí Công an nhân dân, luận văn đã phân tích, đánh giá kết quả công tác tuyên truyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên báo chí Công an nhân dân, những hiệu quả đem lại đối với lực lượng Công an nói riêng và công chúng nói chung; đồng thời nhận thức và chỉ ra những tồn tại, hạn chế. Qua những nội dung đã nghiên cứu đó, luận văn đề ra một số giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm để không ngừng nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay.
2.54	Thạc sĩ	Báo chí Cà Mau với vấn đề xây dựng nông thôn mới	Đỗ Chí Công	PGS.TS Đặng Thị Thu Hương	<p>Luận văn nghiên cứu nội dung Báo chí Cà Mau với vấn đề xây dựng nông thôn mới (khảo sát Báo Cà Mau, Đài Phát thanh Truyền hình Cà Mau từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2019). Qua khảo sát có hơn 400 tin, trên 200 bài, phóng sự báo in, báo điện tử và hơn 50 chương trình phát thanh, phóng sự truyền hình và khảo sát ý kiến các chuyên gia báo chí về xây dựng nông thôn mới. Thông qua các hình thức khảo sát, phân tích số liệu thực tế, phỏng vấn, ... luận văn đưa ra thực trạng và kết quả công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau.</p> <p>Về kết quả đạt được: Công tác phối hợp tuyên truyền giữa cơ quan báo chí với các cơ quan liên quan; báo chí Cà Mau đã mở chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về nông thôn mới; tần suất tuyên truyền; nội dung và hình thức tuyên truyền; sự tương tác giữa cơ quan báo chí với cơ quan chức năng, độc giả, thính giả, khán giả; hiệu quả công tác tuyên truyền tác động đến kết quả xây dựng nông thôn mới.</p> <p>Về hạn chế: Nội dung và hình thức tuyên truyền về nông thôn mới chậm đổi mới; các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền xây dựng nông thôn mới chưa phong phú; các bài viết phân tích chuyên sâu, phỏng vấn chuyên gia, cơ quan chức năng còn hạn chế; chất lượng ảnh chưa cao, chưa đáp ứng nhu cầu thông tin của độc giả; phóng viên, biên tập viên còn hạn chế về kỹ năng tuyên truyền lĩnh vực nông thôn mới; công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng với cơ quan báo chí trong tuyên truyền về nông thôn mới chưa thường xuyên, không tổ chức đánh giá để rút kinh nghiệm; công tác phát hành báo in còn chậm, làm ảnh hưởng đến tính thời sự của thông tin.</p> <p>Theo đó, luận văn đã đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau thời gian tới.</p>
2.55	Thạc sĩ	Thông tin chỉ đạo, điều hành của chính phủ trên báo chí về phòng, chống dịch Covid-19	Trần Ngọc Minh Anh	TS. Doãn Thị Thuận	Trên cơ sở hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến đề tài, luận văn khảo sát thực trạng thông tin chỉ đạo, điều hành của chính phủ trên báo chí về phòng, chống dịch Covid-19, đánh giá thành công, hạn chế; đề xuất các giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng thông tin chỉ đạo, điều

					hành của chính phủ trên báo chí về phòng, chống dịch Covid-19. 11. Khả năng ứng dụng trong thực tiễn: Luận văn cũng làm rõ được những cách thức, phương pháp sáng tạo cơ bản nhất của thông tin chỉ đạo, điều hành của chính phủ trên báo chí về phòng, chống dịch Covid-19. Thông qua luận văn này, các cơ quan quản lý báo chí sẽ nhìn thấy được thực trạng thông tin chỉ đạo, điều hành của chính phủ trên báo chí về phòng, chống dịch Covid-19 để từ đó có những biện pháp chỉ đạo thích hợp.
2.56	Thạc sĩ	Vấn đề văn hóa doanh nghiệp trên các báo điện tử của Hà Nội	Vương Minh Huệ	PGS.TS Ngô Văn Giá	ấn đề văn hóa doanh nghiệp trên 3 tờ báo điện tử được tiếp cận theo các nhóm đề tài: sự thích ứng và phát triển của các doanh nghiệp trong thời đại mới trước bối cảnh kinh tế, kỹ thuật mới; mối quan hệ giữa văn hóa doanh nghiệp và thương hiệu của doanh nghiệp; tầm quan trọng của phát triển văn hóa doanh nghiệp; đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp. Cả 3 tờ báo điện tử đều dành mức độ quan tâm nhất định đối với vấn đề văn hóa doanh nghiệp qua số lượng bài viết đáng kể. Thực trạng sản xuất hiện của từng thể loại tin bài về văn hóa doanh nghiệp trên báo điện tử là tin, phỏng vấn, phóng sự và bình luận. Trong đó, thể loại tin luôn chiếm tỷ lệ khá cao, trong khi đó phỏng vấn chiếm tỷ lệ thấp nhất. Các yêu cầu đặt ra đối với báo điện tử truyền thông về văn hóa doanh nghiệp cũng tương đối khắt khe: yêu cầu về vấn đề quan điểm, nhận thức của tòa soạn; về chất lượng, nội dung tuyên truyền đối với tác phẩm báo chí điện tử; về yêu cầu đối với đội ngũ phóng viên, nhà báo và cuối cùng là yêu cầu về nền tảng kỹ thuật cho hoạt động báo điện tử... Các tờ báo điện tử cần đa dạng hóa phương thức tuyên truyền trên báo điện tử như tổ chức diễn đàn trực tiếp, trực tuyến; các bài viết tích hợp nhiều yếu tố đa phương tiện. Từ đó phát huy tối ưu những ưu điểm vượt trội của báo điện tử so với các loại hình báo chí truyền thống khác
3	Đại học				
3.1	Đại học	Thông tin y tế, sức khỏe trong chương trình phát thanh vùng tây bắc (Khảo sát Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Yên Bái, Điện Biên thời gian từ tháng 1/2020 đến tháng 6/2020)	Đặng Thị Minh Diễm	ThS. Lê Thu Hà	Báo chí cách mạng Việt Nam ngày càng phát triển về số lượng lẫn chất lượng, đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao của công chúng, độc giả, góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng đất nước. Hòa trong sự phát triển chung đó, các đài PT-TH các tỉnh cũng đã từng bước được trưởng thành. Đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên ngày càng được đào tạo bài bản chính quy, cơ sở vật chất, thiết bị khoa học kỹ thuật được đầu tư mua sắm, nhờ đó chất lượng chương trình ngày càng được nâng lên một cách rõ nét. Từ khi hình thành cho đến nay, đài địa phương các tỉnh nói chung và các đài PT-TH tỉnh Yên Bái và tỉnh Điện Biên nói riêng luôn xứng danh là đội quân xung kích trên mặt trận tư tưởng văn hóa. Tuy nhiên, từ việc khảo sát, nghiên cứu thực tế,

					tác nhận thấy thông tin y tế, sức khỏe trong chương trình phát thanh của đài hai đài Yên Bái và Điện Biên nói riêng và các đài vùng Tây Bắc nói chung cần phải khắc phục một số hạn chế bất cập về nội dung thông tin, hình thức thể hiện chưa thể hiện được sự nhanh nhạy của phát thanh. Bên cạnh sự hạn chế trong quá trình nghiên cứu tác giả cũng đã đề xuất một số những giải pháp thích hợp để nâng cao thông tin y tế, sức khỏe nói riêng và chương trình phát thanh vùng Tây Bắc nói chung.
3.2	Đại học	Hoạt động chấn hưng thực nghiệp của giai cấp tư sản trên báo chí Việt Nam đầu thế kỷ XX (Khảo sát trên Nông cổ mín đàm, Lục tinh tân văn và Thực nghiệp dân báo)	Nguyễn Thị Khuyên	TS. Nguyễn Cẩm Ngọc	Cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa của thực dân Pháp đã làm cho Việt Nam biến đổi sâu sắc trên mọi mặt. Về chính trị nước ta chuyển từ chế độ phong kiến chuyên chế sang chế độ thực dân nửa phong kiến. Trong cùng một thời điểm đồng bào ta phải gánh chịu những hai chế độ bóc lột và kim kẹp của thực dân Pháp và của triều đình phong kiến nhà Nguyễn. Dưới tác động của những chính sách khai thác thuộc địa, kinh tế Việt Nam dần dần biến đổi và phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa. Cùng sự thay đổi về chính trị và kinh tế, xã hội Việt Nam cũng có nhiều chuyển biến mới. Ngoài hai giai cấp cũ của xã hội phong kiến là địa chủ và nông dân đã xuất hiện thêm những giai cấp mới của xã hội tư bản là tư sản, tiểu tư sản và công nhân. Những chuyển biến về chính trị, kinh tế, xã hội, giáo dục và văn hóa đã dẫn đến sự thay đổi trong nhận thức và hành vi của giai cấp tư sản tại Việt Nam. Họ nhận ra rằng ngoài việc đấu tranh vũ trang sử dụng binh khí để đánh đuổi quân xâm lược thì duy tân cũng là một hoạt động yêu nước thiết thực, trong đó đổi mới kinh tế. Đấu tranh để giành giật và bảo vệ lợi ích cho giai cấp mình, dân tộc mình cũng là một hành động thể hiện tinh thần yêu nước. Chấn hưng thực nghiệp là một trong những hoạt động đấu tranh tiêu biểu nhất của giai cấp tư sản, một hoạt động trọng tâm của giới công thương Việt Nam đầu thế kỷ XX.
3.3		Báo chí chiến khu Việt Bắc (Khảo sát trên báo in Lao động và báo in Nhân dân thời gian từ 1945 đến 1954)	Lê Xuân Mạnh	TS. Nguyễn Cẩm Ngọc	Nội dung thông tin trên báo Nhân dân, Lao động thời gian 1945-1954 phản ánh về các vấn đề Tiếp tục tuyên truyền phổ biến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Thông tin phản ánh diễn tiến của Cuộc Kháng chiến chống thực dân Pháp và không khí đoàn kết, quyết tâm của quần chúng nhân dân đấu tranh trên mặt trận chiến trường, Tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Chính phủ Hồ Chí Minh trong công cuộc xây dựng chế độ mới, Tích cực đấu tranh trên mặt trận chính trị - tư tưởng, Thông tin tuyên truyền các hoạt động của Nhà nước, các tổ chức đoàn thể, của nhân dân về vấn đề tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, Thông tin tuyên truyền mặt trận ngoại giao của Đảng, Nhà nước và Chính phủ. Về hình thức truyền tải thông tin, báo chí Chiến khu Việt Bắc đã sử dụng được nhiều thể loại báo chí đa dạng, phong phú trong việc truyền tải thông tin đến nhân dân. Bên cạnh nội dung hay, các tác giả đã trú trọng việc đặt Tít, viết

					Sapo, tăng cường sử dụng thông tin tranh ảnh, áp phích, nhằm tăng tính sinh động, hấp dẫn cho bài viết. Mỗi cơ quan truyền thông đã tạo được những bản sắc riêng biệt, ổn định đối với sản phẩm báo chí của mình.
3.4		Xu hướng phát thanh đồng hành trên kênh vov giao thông - đài tiếng nói việt nam (khảo sát chương trình "Giờ cao điểm")	Lê Mỹ Nhân	ThS. Vũ Trà My	Dưới sự chỉ đạo của Đài Tiếng nói Việt Nam, kênh VOV Giao thông ra đời từ năm 2009 và hoạt động như một kênh phát thanh tương tác. Chương trình "Giờ cao điểm" cũng được bắt đầu từ những ngày đầu của kênh, là người bạn kịp thời của người tham gia giao thông khi tình hình thông tin liên lạc, internet và mạng xã hội vẫn chưa thực sự phổ biến. Trải qua nhiều năm phát triển, từ những nền tảng ban đầu, VOV Giao thông dần chuyển mình, củng cố và hoàn thiện từ cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật đến chất lượng, nội dung và hình thức các chương trình. Kênh cũng gia tăng sự xuất hiện trên các nền tảng internet, mạng xã hội, ... theo xu thế của xã hội hiện nay.
3.5		Truyền thông về phật giáo việt nam trên báo điện tử giác ngộ (khảo sát năm 2019)	Ngô Quang Minh	TS. Phạm Hải Chung	Phật giáo Việt Nam từ lâu đã quan tâm tới hoạt động truyền thông, coi truyền thông tôn giáo là một hoạt động Hoàng Pháp. Với phương châm Phật giáo nhập thế, Phật giáo hiện đại; quá trình hoạt động báo chí truyền thông càng được coi trọng như một phương thức đưa Phật giáo tới gần hơn với xã hội hiện đại. Báo Giác Ngộ qua hơn 45 năm hoạt động là một cơ quan báo chí lớn, uy tín và chuyên nghiệp của Phật giáo Việt Nam. Báo Giác Ngộ đã thông tin đầy đủ về hoạt động Phật giáo tại Việt Nam. Tuy nhiên, với cơ chế giám sát và thông tin của báo chí, việc thông tin về các sự kiện đời sống trong xã hội Việt Nam dưới góc nhìn của Phật giáo chưa thực sự được quan tâm. Các thể loại, hình thức phản ánh chưa thực sự hấp dẫn. Báo Giác Ngộ cần có những phương án cải thiện những vấn đề trên.
3.6		Báo chí trong công tác phòng, chống dịch bệnh covid-19 (Khảo sát báo điện tử Tuổi trẻ, VnExpress, Nhân dân từ tháng 01/2020 - 09/2020)	Lê Thị Hồng Nhi	TS. Trần Duy	Qua các tin, bài của các tờ báo, nhân dân được cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình dịch bệnh, hướng dẫn phòng chống dịch bệnh, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, các tấm gương điển hình trong công tác phòng, chống dịch bệnh. Từ đó thay đổi nhận thức, thay đổi hành vi và định hướng hành động một cách hiệu quả trong nhân dân. Qua khảo sát, tác giả khóa luận nhận thấy, các tờ báo điện tử nói chung và ba tờ báo điện tử được lựa chọn khảo sát (Tuổi trẻ, VnExpress, Nhân dân) đã có những ưu điểm và thành công nhất định, góp phần to lớn trong việc truyền thông, thông tin phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Báo chí đã và đang hoàn thiện mình rất tốt trong công tác truyền thông phòng, chống dịch bệnh. Để phát triển hơn nữa đồng thời khắc phục một số hạn chế còn tồn tại, các tờ báo cần cần nhắc đẩy mạnh, tăng cường đầu tư vào ba yếu tố: con người, công nghệ - thông tin và phương thức làm báo hiện đại. Đảng, Chính Phủ, Nhà nước và toàn thể xã hội cũng nên dành một sự quan tâm nhất định cho việc phát triển báo chí, đặc biệt là báo chí với công tác phòng, chống dịch bệnh.

3.7		Thông điệp về người đồng tính trên báo điện tử vnexpress	Trần Thị Ngọc Tân	ThS. Phan Văn Kiên	<p>Thứ nhất, tác giả khóa luận tìm nguồn tài liệu đáng tin cậy về người đồng tính và những vấn đề liên quan đến người đồng tính, nghiên cứu những tài liệu ấy, so sánh những tài liệu ấy vào những thông tin về người đồng tính mà báo chí đưa tin để có cái nhìn khái quát về thực trạng đưa tin về người đồng tính trên báo chí. Người viết thực hiện trích dẫn những thông tin từ cơ bản nhất như tại sao có người đồng tính, song tính và chuyển giới đến những thông tin về sâu hơn về người đồng tính tức là những vấn đề mà người đồng tính đang gặp phải trong cuộc sống. Việc báo chí đưa tin về người đồng tính có tác động như thế nào đến cuộc sống của họ. Bên cạnh đó, tác giả khóa luận còn đưa ra những lý thuyết về tác phẩm báo chí để có cơ sở vững chắc phục vụ nghiên cứu các tin, bài về người đồng tính.</p> <p>Thứ hai, người viết tiến hành khảo sát và phân tích các tác phẩm viết về vấn đề người đồng tính trên báo điện tử VnExpress của năm 2017 và 2019. Từ đó thấy được chân dung người đồng tính qua các bài viết, chỉ ra được những thay đổi về cách đưa tin và đưa ra những nhận xét, đánh giá về cách thức viết bài, đưa tin của nhà báo trong vấn đề định hướng dư luận xã hội.</p> <p>Cuối cùng, đưa ra những gợi ý, giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng tin, bài đề cập đến vấn đề người đồng tính, tình dục đồng giới, giúp cho công chúng có cái nhìn đúng đắn, khách quan hơn về nhóm này, tôn trọng sự khác biệt, tránh kỳ thị, phân biệt để họ có thể dễ dàng hòa nhập với đời sống cộng đồng.</p>
3.8		Hoạt động PR trong công tác tuyển sinh của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Khảo sát các năm học 2019 - 2020 và 2020 - 2021)	Duong Thị Chang	TS. Nguyễn Thị Diệu	<p>Trong thời kỳ hội nhập hiện nay, sự xuất hiện của các trường tư thục, trường quốc tế, các trường đại học, cao đẳng tăng lên đáng kể. Có thể thấy rằng nhu cầu học tập bậc đại học ngày càng cao. Nhưng chính điều đó đã tạo nên làn sóng cạnh tranh gay gắt trong hoạt động tuyển sinh đầu vào của các trường Đại học, Cao đẳng. Mặc dù là một trường có bề dày truyền thống hơn 75 năm, nằm trong cụm Đại học Quốc Gia Hà Nội và có vị thế hàng đầu cả nước về chất lượng đào tạo, nhưng chính vì thế, hoạt động PR trong công tác tuyển sinh của trường chưa thực sự được chú trọng và còn gặp nhiều hạn chế. Vì vậy, việc nghiên cứu và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động PR trong công tác tuyển sinh của nhà trường là việc làm cần thiết. Dựa trên cơ sở áp dụng những kiến thức đã học tập nghiên cứu vào việc phân tích tình hình thực hiện hoạt động PR trong công tác tuyển sinh của Trường ĐH KHXH&NV, đề tài: “Hoạt động PR trong công tác tuyển sinh của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn” (Khảo sát hoạt động các năm học 2019 - 2020 và 2020 - 2021) nghiên cứu về thực trạng, hiệu quả của hoạt động PR trong công tác tuyển sinh của nhà trường, từ đó nói lên được tầm quan trọng của hoạt động PR trong công tác tuyển sinh, những hạn chế mà hoạt động đang gặp phải. Dựa vào đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp thích</p>

					hợp nhằm phát triển hoạt động PR trong công tác tuyển sinh của Trường ĐH KHXH&NV trong thời gian tới.
3.9			Nguyễn Thị Hồng Thắm	TS. Nguyễn Thị Dịu	<p>Lễ hội là một hoạt động sinh hoạt rất quan trọng trong đời sống của người Việt Nam, tuy nhiên rất ít nghiên cứu về hoạt động truyền thông của các lễ hội, nó chưa được đề cập đến nhiều hay được phân tích chuyên sâu. Hầu hết mọi lễ hội đều được đề cập và nghiên cứu qua góc nhìn văn hóa, du lịch. Giống như mỗi sự kiện, truyền thông lễ hội cũng phải được tiến hành qua ba giai đoạn: trước-trong-sau lễ hội. Đặc biệt, công tác đánh giá hiệu quả truyền thông sau lễ hội cần được chú trọng và có những công cụ, sách lược cụ thể. Bên cạnh đó, trong nội dung về cơ sở lý luận, khóa luận cũng đã đề cập đến những khái niệm và lý thuyết liên quan đến hoạt động truyền thông, tổ chức sự kiện và lễ hội tại các cố đô Việt Nam nhưng khai thác và phân tích kỹ hơn ở những mặt có liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của khóa luận</p> <p>Trong chương 2, người viết khóa luận đã thu thập, phân tích những nội dung, hoạt động trong chiến lược truyền thông của hai lễ hội Festival Huế 2018 và Lễ hội Cố đô Hoa Lư 2018. Người viết kết hợp sử dụng bảng hỏi về mức độ hiểu biết hai lễ hội trên của công chúng trên các phương tiện truyền thông. Kết quả khảo sát đã thể hiện mức độ nhận biết của công chúng trên phương tiện truyền thông về lễ hội, công chúng có thực sự hài lòng về hoạt động truyền thông này, có đóng góp gì về hoạt động truyền thông cho Ban tổ chức lễ hội. Nhờ đó đánh giá chung nhất về các ưu nhược điểm của hoạt động truyền thông về Festival Huế và Lễ hội Cố đô Hoa Lư. Dựa vào kết quả phân tích trên, ở chương 3, người viết chỉ ra những vấn đề chung của hoạt động truyền thông lễ hội, đưa ra những khuyến nghị về hoạt động này nhằm nâng cao chất lượng truyền thông về lễ hội tại các cố đô Việt Nam.</p>
3.10		Hoạt động truyền thông nội bộ của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel gắn với Văn hóa doanh nghiệp	Trần Thùy Dương	PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	<p>Thời mới thành lập, năm 1989, Viettel là một công ty chuyên xây dựng các công trình cột cao như trạm phát sóng cho bu-đi-ên và các đài truyền hình. Các phương tiện truyền thông nội bộ tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội Viettel đã sử dụng như sau: Ấn phẩm truyền thông nội bộ; Kênh truyền thông: quan website, fanpage và group facebook; Chiến dịch truyền thông nội bộ nổi bật: chiến dịch Viettel Stars; Các hoạt động ngoại khóa; Chính sách thu hút và giữ gìn người tài Xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong doanh nghiệp và chuẩn mực người Viettel. Trải qua hơn 30 năm hình thành và phát triển, thương hiệu Viettel đã lớn mạnh cùng với quá trình phổ cập dịch vụ viễn thông ở Việt Nam và sự khẳng định của Viettel tại thị trường quốc tế.</p>
3.11	Đại học	Truyền thông về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh covid-19.	Phan Thị Hải Ly	PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	<p>Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ, MTTQ Việt Nam nhiều doanh nghiệp đã không ngần ngại ủng hộ vật chất và hiện vật có giá trị lên tới hàng chục, hàng trăm tỷ đồng. Những đóng góp này có ý nghĩa vô cùng lớn đối với xã</p>

		(Khảo sát chiến dịch CSR “Học Viện Tiêu Thương”)			<p>hội. Tuy nhiên, nguồn lực của doanh nghiệp có hạn và chính doanh nghiệp đang chịu hậu quả nặng nề do Covid-19 gây ra. Chính vì vậy, ngoài việc thực hiện CSR theo phong trào kêu gọi-hưởng ứng thì doanh nghiệp cần có những hoạt động CSR mang tính chiến lược có lợi cho doanh nghiệp và cho toàn xã hội. Bộ phận CSR cần nghiên cứu rõ những đối tượng CSR liên quan của doanh nghiệp, cân đong đo đếm lợi ích của họ, từ đó có những chiến lược phù hợp nhất. Bên cạnh việc nỗ lực thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội thì doanh nghiệp cũng cần chú trọng hoạt động truyền thông về vấn đề này. Truyền thông về CSR hiệu quả sẽ gây được sự chú ý, niềm tin và sự ủng hộ rất lớn từ phía công chúng, từ đó nâng cao uy tín của thương hiệu.</p>
3.12	Đại học	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp công nghệ FPT trong bối cảnh Covid	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	<p>Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là một trong những chiến lược quan trọng đối với sự phát triển của doanh nghiệp trong dài hạn nhất là trong tình trạng cạnh tranh khốc liệt của các đối thủ như hiện nay. Khóa luận đã khảo sát thực tế trên đối tượng nhân viên và khách hàng Công ty nhằm đánh giá một cách thực tế nhất tình hình thực hiện TNXH tại Công ty căn cứ đánh giá trên 4 tiêu chí: kinh tế, pháp luật, đạo đức và nhân văn để nhận biết được nội dung nào cần phát huy và nội dung nào công ty cần có chính sách cải thiện phù hợp. Báo cáo đã trình bày khái quát về thực trạng trách nhiệm xã hội của tập đoàn FPT trong bối cảnh Covid 19 diễn ra ngày càng phức tạp, khảo sát trên đối tượng nhân viên cũng như một số khách hàng về nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện trách nhiệm xã hội của Công ty. Từ đó, đánh giá được nhân tố nào có tác động mạnh nhất, yếu nhất. Thực hiện những nội dung nào trong nhân tố ảnh hưởng đang còn yếu. Từ đó, nhận xét và đánh giá những tồn tại cũng như đề xuất kiến nghị với ban lãnh đạo và hướng giải pháp thực hiện nhằm giúp Công ty thực hiện trách nhiệm xã hội có hiệu quả hơn.</p>
3.13	Đại học	Hoạt động truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Trung tâm Nghiên cứu & Ứng dụng khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA) 1/1/2020 đến 31/12/2020	Đặng Thuỳ Linh	ThS Dương Ngọc Hoa	<p>Bạo lực gia đình (BLGD) có thể ảnh hưởng vô cùng to lớn đến nạn nhân, gia đình và xã hội. Các nạn nhân có thể bị tổn hại về thể chất, tinh thần và tài chính. Bạo lực còn đe dọa sự bền vững của gia đình và ảnh hưởng tiêu cực đến tất cả các thành viên gia đình, kể cả những trẻ em phải chứng kiến bạo lực và lớn lên trong một môi trường xung đột, không hạnh phúc. BLGD ảnh hưởng tiêu cực đến sự an toàn, sức khỏe và trật tự xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế bởi chi phí y tế, nghỉ ốm và giảm năng suất lao động của nạn nhân. Chính vì thế mà việc tuyên truyền giáo dục từ các tổ chức, chính quyền nhằm cung cấp thông tin và giải tỏa tâm lý cho các nạn nhân là vô cùng cần thiết. Trung tâm Nghiên cứu & Ứng dụng khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA) trong năm 2020 đã đưa ra được những hình thức truyền thông phù hợp với tình hình bối cảnh xã hội. Các dự án của CSAGA bao gồm cả các hình thức online và offline, song hình thức online được phát triển mạnh do những nguyên nhân tới từ dịch bệnh Covid-19 đã</p>

					có những ảnh hưởng nhất định. Bên cạnh những thành công của truyền thông về dự án như đối tượng tham gia, hình thức truyền thông đa dạng thì còn một số hạn chế như nội dung truyền tải đến các nhóm đối tượng còn thiếu tính mới lạ, độc đáo gây ấn tượng mạnh để lại dấu ấn sâu đậm cho công chúng.
3.14	Đại học	Hoạt động truyền thông nội bộ của tập đoàn fpt trong giai đoạn 2018 đến nay (2018-2020)	Nguyễn Thị Tuyết	TS. Đỗ Anh Đức	Tác giả đã tìm hiểu một số lý luận về tổ chức hoạt động của bộ phận QHCC nội bộ trong doanh nghiệp, đồng thời chỉ ra vai trò quan trọng của bộ phận QHCC nội bộ đối với sự phát triển của doanh nghiệp. Chương 2 khóa luận đi vào giới thiệu tổng quan về Tập đoàn FPT, những chiến lược Tập đoàn cùng định hướng truyền thông trong giai đoạn 2018 – 2020. Trong đó, đặc biệt phân tích về mô hình hoạt động truyền thông của Tập đoàn, những chiến dịch điển hình trong giai đoạn 2018 – 2020 và các kênh truyền thông nội bộ của Tập đoàn FPT. Qua đó đánh giá hiệu quả hoạt động truyền thông nội bộ giai đoạn 2018 đến nay bằng khảo sát mức độ hài lòng của CBNV theo thang đo likert cùng những ý kiến đánh giá về một số chương trình CBNV đã tham gia trong giai đoạn này. Qua chương 1 và Chương 2 khóa luận đã chỉ ra những vấn đề đặt ra về hoạt động truyền thông nội bộ Tập đoàn FPT giai đoạn 2018 đến nay, đồng thời đưa ra những khuyến nghị nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động truyền thông nội bộ qua chương 3.
3.15	Đại học	Báo điện tử trong việc đấu tranh chống bạo lực gia đình (Khảo sát trên các báo điện tử Zing.vn, Giadinh.net và Dân trí)	Nguyễn Phương Anh	ThS. Nguyễn Minh	Bạo lực gia đình là vấn nạn của xã hội, gây nhức nhối cho nhân loại, để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng cho con người, nhất là đối với phụ nữ, trẻ em. Ở Việt Nam, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã dành nhiều sự quan tâm tới việc phòng, chống bạo lực gia đình và đã ban hành nhiều đạo luật trực tiếp và gián tiếp như: Hiến pháp, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Bộ luật Dân sự,..và đặc biệt Luật phòng, chống bạo lực gia đình 2007. Những văn bản này đã tạo ra nhiều chuyên biên tích cực trong đời sống xã hội trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình. Khóa luận này đã đưa ra được những vấn đề cơ bản trong việc đấu tranh chống bạo lực gia đình của báo điện tử trên góc độ lý thuyết, thực tiễn và cả những giải pháp ứng phó. Từ đó cho thấy báo điện tử nói riêng và báo chí nói chung nắm giữ một vai trò quan trọng trong công tác phòng chống bạo lực gia đình.
3.16	Đại học	Thực trạng nội dung những bài báo bình luận về các sự kiện thời sự nổi bật năm 2020 trên Tạp chí điện tử Ngày Nay	Trần Hữu Việt Khôi	ThS. Nguyễn Minh	Tạp chí Ngày Nay là cơ quan ngôn luận chính thức của Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam. Ngày Nay được cho là tờ Báo miễn phí duy nhất ở Việt Nam, và cũng là tạp chí điện tử duy nhất ứng dụng nền tảng thu phí bạn đọc tại Việt Nam. Với nguồn lực hữu hạn, trong những năm qua, báo vẫn nỗ lực giữ bản sắc với các bài phóng sự trên báo giấy miễn phí của Đức Hoàng (giai đoạn 2015-2016), các điều tra độc quyền của nhà báo Ngô Nguyệt Hữu tổ

					chức (giai đoạn 2019-2021) hay mục quan điểm do nhà báo Phạm Gia Hiền chủ trì (2020-2021).
3.17	Đại học	Thực trạng đưa tin về covid-19 trên các báo quốc tế	Lê Đình Cảnh	TS. Đỗ Anh Đức	Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp, việc báo chí liên tục cập nhật tin tức về dịch bệnh là rất quan trọng. Các bài báo đóng vai trò cung cấp thông tin, kiến thức về Covid-19 đến toàn thể người dân. Các bài báo cũng đóng vai trò cảnh tỉnh, răn đe người dân trước sự bùng phát dịch bệnh, để người dân biết cách thực hiện cách lệnh cấm từ phía chính quyền, góp phần vào công tác phòng chống dịch bệnh, dù phải hạn chế đi một số quyền tự do cơ bản như tự do đi lại hay quyền riêng tư. Báo chí quốc tế luôn cập nhật tin tức về Covid-19 một cách nhanh nhất, các bài báo về tình hình dịch bệnh luôn được cập nhật hàng ngày. Báo chí quốc tế cũng đã sơ lược được tổng quan tình hình dịch bệnh. Như số người nhiễm mới, khu vực có ca nhiễm hay số ca tử vong trong ngày. Các bài báo vẫn chưa đi vào cụ thể chi tiết như lộ trình di chuyển của F0, hay nhắc tới ca tiếp xúc gần F1, F2. Làm cho sức răn đe của các bài báo chưa đủ mạnh, phần nào khiến người dân còn hồ hững với những quy định phòng dịch. Các hình thức trình bày của các bài báo không có sự mới mẻ, vẫn còn sử dụng những mẫu tin truyền thống và cách trình bày truyền thống bao gồm chữ chính văn và ảnh. Các yếu tố đồ họa khác như Biểu đồ, Infographic vẫn chưa được sử dụng nhiều trong các bản tin.
3.18	Đại học	Vấn đề sử dụng ngôn ngữ trong viết sa-pô báo điện tử hiện nay	Đặng Văn Kiên	TS. Trần Duy	Vấn đề sử dụng ngôn ngữ trên sa-pô báo điện tử là một vấn đề cần phải chú trọng vì tầm quan trọng của bản thân sa-pô trong một bài báo và mức độ phủ sóng của sa-pô đối với công chúng rộng rãi so với nội dung phần chính văn. Việc sử dụng chuẩn mực ngôn ngữ tiếng Việt và đáp ứng được mong muốn của công chúng khi tiếp nhận một sa-pô là tiêu chí để đánh giá sự tốt/không tốt của một tác phẩm báo chí nói chung và sa-pô nói riêng. Nếu xét về sự đo lường giả thuyết chính, sau quá trình khảo sát hoàn toàn những dữ liệu có thể đo lường được giả thuyết. Ngôn ngữ sử dụng trên sa-pô báo chí vẫn chưa đạt đến sự chuẩn mực tiếng Việt và mong muốn của công chúng, có những vấn đề về sử dụng ngôn ngữ còn xảy ra mâu thuẫn trong cùng một trang báo, thậm chí là mâu thuẫn trong cách sử dụng giữa sa-pô và phần chính văn. Sự chưa đồng đều tuy là số ít nhưng không thể phủ nhận nó vẫn còn tồn tại và cho thấy sự thiếu thống nhất với các bài viết trên cùng một trang báo điện tử. Việc sử dụng, dung nạp những từ ngữ mang tính đặc biệt như thuật ngữ, từ mới, từ mang màu sắc biểu cảm; thực tế không phải là lỗi mà là sự chọn lọc của phóng viên, biên tập, các cơ quan báo điện tử. Tuy nhiên, việc lựa chọn phải trả lời được các câu hỏi: Mục đích thông tin là gì? Đối tượng công chúng là gì? Bối cảnh sử dụng là gì? Từ đó, tránh được sự lạm dụng các từ ngữ này. Đồng thời việc lựa chọn sử dụng các nhóm từ này trên sa-pô báo điện tử phải

					dựa trên thị hiếu của công chúng đọc báo. Sáng tạo về sử dụng ngôn ngữ trên sa-pô là điều được hoan nghênh, tuy nhiên phải để ý đến những vấn đề về lỗi, dù chỉ là những lỗi nhỏ nhất như viết hoa, lỗi từ vựng,... Và vẫn phải đảm bảo được tính quy phạm của chuẩn mực ngôn ngữ tiếng Việt được quy định sẵn như: Quy định của Hội đồng Chuẩn hóa chính tả và thuật ngữ, các giáo trình về Ngôn ngữ học, từ vựng học, từ điển ngôn ngữ...
3.19	Đại học	Đặc điểm e- magazine trên báo lao động điện tử	Trần Minh Quang	ThS. Phan Văn Kiên	<p>Có thể thấy đề tài nghiên cứu “Đặc điểm của E-Magazine trên báo điện tử Lao Động” (Khảo sát từ tháng 9/2020 đến tháng 3/2021) đã giải quyết được cơ bản những vấn đề lý luận về siêu tác phẩm báo chí-một xu hướng mới trên báo điện tử ngày nay. Công chúng sẽ có những bước đầu tiếp nhận và biết về đặc điểm của thể loại này. Mega-story là siêu tác phẩm với sự đột phá trong cả nội dung và hình thức so với cấu trúc long-form thông thường và khai thác tối đa các yếu tố đa phương tiện. Thông qua việc khảo sát báo điện tử Lao động, có thể thấy rằng với những ưu điểm của E- Magazine đã mang đến những trải nghiệm mới cho công chúng về những bài báo điện tử với những hiệu ứng và tương tác tuyệt vời.</p> <p>Ngày nay, chúng ta chứng kiến sự ra đời của hàng loạt sản phẩm truyền thông kỹ thuật số, các nền tảng, các thiết bị tiêu dùng, cách thức tiêu dùng mới mẻ. Thời gian gần đây, báo chí hiện đại tiếp nhận thêm những thuật ngữ mới: Báo chí di động, Báo chí Dữ liệu, Báo chí sáng tạo, Báo chí xã hội, Đa nền tảng,... Điều đó cho thấy báo chí thế giới nói chung và báo chí Việt Nam nói riêng càng cần đến tìm tòi sáng tạo trong làm báo. Vì vậy, làm thế nào để Mega-story khắc phục được những hạn chế để phổ biến hơn với nhiều cơ quan báo chí là một bài toán lớn đặt ra đối với các cơ quan báo chí.</p>

10. Khoa Văn học

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
1.1	Tiến sĩ	Văn học Phật giáo Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII: Diện mạo và đặc điểm	Phan Thạnh	GS.TS Trần Ngọc Vương	<p>Khái quát được tình hình kinh tế văn hóa chính trị xã hội, tôn giáo ở Thuận Quảng sau sự chia cắt ranh giới Đàng Trong Đàng Ngoài. Chính quyền chúa Nguyễn là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến sự phát triển và ảnh hưởng sâu rộng của Phật giáo Thuận Quảng.</p> <p>Đã mô tả diện mạo văn học Phật giáo Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII ở các phương diện: lực lượng sáng tác, hệ thống thể loại, hệ thống ngôn ngữ và hệ thống chủ đề đề tài.</p>

					Đặt trên nền tảng so sánh với văn học Đàng Ngoài, văn học phía Nam ở phương diện đồng đại; so sánh với văn học Thuận Quảng ở phương diện lịch đại, Luận án đã trình bày các đặc điểm đặc biệt của văn học Phật giáo Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII ở mặt nội dung tư tưởng và hình thức thể loại như: sự tiếp biến cùng với vai trò trung chuyển của văn học Phật giáo Thuận Quảng, dung hợp các hệ tư tưởng, quan niệm thi ca và xu hướng đời sống hóa tác phẩm văn học Phật giáo... Trên phương diện nghiên cứu địa văn hóa, Luận án đã giải thích ảnh hưởng của đời sống văn hóa xã hội đến tác phẩm văn học và ngược lại, góp phần trong việc nhận diện những yếu tố mang tính bản sắc, đặc thù, đặc trưng của văn hóa vùng. Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu và giảng dạy văn học, Phật học cũng như có ý nghĩa nhất định đối với những công trình nghiên cứu về văn học Phật giáo trong nền văn học Việt Nam.
1.2		Kịch Việt Nam (1945-1985) về đề tài lịch sử - tư duy nghệ thuật và đặc trưng thể loại	Trần Thị Thu	PGS.TS Đoàn Đức Phương	Luận án là công trình khoa học chuyên biệt nghiên cứu về kịch Việt Nam viết về đề tài lịch sử giai đoạn 1945 - 1985 dưới góc nhìn tư duy nghệ thuật và đặc trưng thể loại: luận án làm rõ các khái niệm liên quan đến tư duy nghệ thuật, đặc biệt là tư duy kịch; lí giải những đặc trưng của thể loại kịch nói, cụ thể là kịch bản văn học; lí giải những cách hiểu và tiếp cận khác nhau về lịch sử, đề tài lịch sử trong kịch và những khuynh hướng viết tác phẩm kịch về đề tài lịch sử. Về mặt thực tiễn: Luận án bổ sung một cách nhìn nhận, nghiên cứu mới về kịch lịch sử nói riêng và văn học kịch nói chung; đồng thời cũng chỉ ra những vấn đề thường được đề cập khi nói đến các tác phẩm viết về đề tài lịch sử như: tính chân thật và hư cấu, những khuynh hướng tiếp cận các chất liệu lịch sử. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra những nét đặc trưng của kịch viết về đề tài lịch sử thông qua các yếu tố xung đột, hành động và ngôn ngữ trong kịch viết về đề tài lịch sử giai đoạn 1945 – 1985. Từ đó, đưa ra những nhìn nhận, đánh giá phù hợp, khách quan về mối quan hệ giữa văn học và lịch sử - xã hội trong các giai đoạn phát triển của nó. 12. Khả năng ứng dụng trong thực tiễn: Làm tài liệu tham khảo cho các hoạt động học tập, nghiên cứu và giảng dạy văn học ở trường phổ thông và các trường Đại học, Cao đẳng thuộc khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn; bổ sung thêm tư liệu nhằm thúc đẩy việc phục dựng lại những vở kịch có giá trị cao, cho khán giả trẻ tiếp cận được những tác phẩm kịch lịch sử để có thêm sự hình dung về những vấn đề văn hóa - xã hội - lịch sử Việt Nam những năm sau Cách mạng tháng 8/1945 đến trước thời kỳ Đổi mới của đất nước (1945 – 1985).
1.3		Nghiên cứu văn chương Nôm của tác giả họ Nguyễn ở Tiên Điền, Hà Tĩnh	Nguyễn Thị Hoa Lê	PGS.TS Nguyễn Thị Ngọc. TS. Trần Trọng Dương	Luận án đã minh định một số khái niệm có tính lý thuyết như: dòng văn, dòng văn học, “lưu phái” (文學流派), “văn phái” (文派), văn chương dòng họ (家族文學 gia tộc văn học). Dựa trên các tư liệu bi ký, các tác phẩm Hán Nôm của các dòng họ, luận án cho rằng, “văn phái” là một khái niệm bản địa

					<p>của văn học trung đại Việt Nam, do các nhà Nho Việt Nam sử dụng để tự nhận thức về dòng phái văn học của mình, với nghĩa là “văn chương gia tộc”. Luận án cho rằng, từ quan điểm của chủ thể văn hóa, và từ giá trị văn chương của dòng họ Nguyễn Tiên Điền có cơ sở để nghĩ đến khái niệm “Tiên Điền văn phái” hay rộng hơn là “Hồng Sơn văn phái” như gợi ý của Hoàng Xuân Hãn.- Luận án đã thu thập và hệ thống hóa tác giả và tác phẩm của họ Nguyễn Tiên Điền từ những phát hiện giới thiệu của học giới, nghiên cứu giới năm rải rác trong các sách báo, tạp chí trung ương, địa phương và từ các tài liệu Nôm.</p> <p>- Qua nghiên cứu về tác giả, tác phẩm, văn bản của họ Nguyễn Tiên Điền, luận án đã thu nhận được: Về số lượng tác giả họ Nguyễn Tiên Điền còn thơ văn Nôm có 8 người, trong đó có 1 tác giả nữ. Về số lượng tác phẩm có 25. Có 6 tác phẩm có tồn nghi về tác giả, luận án đã tìm cứ liệu chứng minh và xác định đều là tác phẩm của các tác giả họ Nguyễn Tiên Điền. Trong 25 tác phẩm có 7 tác phẩm hiện chưa tìm thấy văn bản Nôm, 8 tác phẩm thuộc diện độc bản, 10 tác phẩm có dị bản thì Truyện Kiều là tác phẩm có nhiều dị bản nhất (50 dị bản). Qua so sánh, phân tích, luận án đã chỉ ra được vị trí đặc biệt của mảng văn Nôm họ Nguyễn Tiên Điền trong dòng văn học Nôm nói riêng và văn học trung đại nói chung: đó là dòng họ trung tâm đưa đến những thay đổi của văn học dân tộc giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX.</p>
1.4	Thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1986 đến nay	Lê Thị Quế	PGS.TS Trần Khánh Thành	<p>- Luận án xác lập quan niệm về thơ thiếu nhi, chỉ ra những đặc trưng tiêu biểu, khái quát lịch sử hình thành và phát triển của thơ thiếu nhi.</p> <p>- Luận án phân tích tiến trình thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1986 đến nay trên các bình diện đề tài, cảm hứng chủ đạo, những nét sáng tạo độc đáo trong nghệ thuật biểu hiện của các nhà thơ. Từ đó luận án góp phần làm rõ những thành tựu của thơ thiếu nhi và khẳng định vị trí của nó trong lịch sử phát triển của văn học Việt Nam hiện đại cũng như trong nền văn học dân tộc.</p>	
1.5	Vấn đề chuyên hóa liên ký hiệu trong điện ảnh châu Á hiện đại (Trường hợp các phim cải biên từ tác phẩm của Fyodor Dostoevsky)	Lê Thị Tuân	PGS.TS Phạm Gia Lâm TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	<p>Thứ nhất, luận án xác định bản chất của dịch liên ký hiệu, phân biệt dịch liên ký hiệu với các loại/kiểu dịch khác, khẳng định dịch liên ký hiệu là hướng tiếp cận liên ngành, có triển vọng trong nghiên cứu các loại hình nghệ thuật nói chung và văn học-điện ảnh nói riêng.</p> <p>Thứ hai, luận án chỉ ra những đặc điểm dịch liên ký hiệu-liên văn hóa từ tác phẩm của F.Dostoevsky đến phim cải biên trên các phương diện hình tượng thẩm mỹ và loại hình nghệ thuật thông qua ba bộ phim của ba đạo diễn thuộc những nền văn hóa châu Á khác nhau.</p> <p>Thứ ba, luận án xác định các yếu tố chi phối chiến lược dịch chuyển của các đạo diễn, đó là ngữ cảnh văn hóa và các vấn đề xã hội, thị hiếu thẩm mỹ khán giả và phong</p>	

					<p>cách đạo diễn. Cơ chế chuyển dịch là viết lại tự do văn bản nguồn với chiến lược bản địa hóa và tính chất thương thảo văn hóa.</p> <p>Thứ tư, luận án đề xuất mô hình chuyển hóa liên ký hiệu-liên văn hóa với cơ chế hoạt động tương tác của những tham số đa trị. Mô hình này có thể dùng để tham chiếu cho những nghiên cứu sự chuyển dịch tác phẩm thuộc một loại hình nghệ thuật và thuộc về một nền văn hóa sang tác phẩm thuộc một loại hình nghệ thuật khác và thuộc về một nền văn hóa khác.</p>
1.6		Tản Đà trong tiến trình văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX	Nguyễn Hương Ngọc	PGS.TS Phạm Quang Long	<p>Ở Tản Đà rõ ràng tồn tại những mâu thuẫn. Tuy nhiên, khi phân tích văn nghiệp, hành trạng của ông, chúng tôi nhận thấy tất cả những điều đó lại có sự thống nhất với nhau và đi đến thống nhất để tạo nên cá tính sáng tạo nghệ thuật Tản Đà. Những mâu thuẫn này cũng thể hiện sự đa diện của tính cách, quan niệm, cá tính. Những điều này trước đó thường chưa được đánh giá đúng mức. Ở luận án, chúng tôi coi như một dấu hiệu về sự hình thành của cá tính sáng tạo.</p> <p>- Tản Đà là một nhân vật vô cùng đặc biệt, đặc biệt từ tính cách cá nhân, quan điểm sống, ý thức hệ, đến gia đình và các mối quan hệ xã hội khác. Ở mỗi hệ giá trị khác nhau, ông đều bộc lộ sinh động, rõ ràng phẩm cách và suy nghĩ của bản thân. Thật ra, Tản Đà là người sống rất thành thật với con người của chính mình vì thế ở trong hệ giá trị nào, ông cũng bộc lộ được con người cá nhân rất rõ. Điều này vừa gần với Nho gia lại vừa khác. Con người cũng nhà nho được in dấu ấn tinh thần trên văn nghiệp cũng như các mối quan hệ khác nhưng là con người khác ki, đã có sự tu dưỡng, tiết chế rõ ràng. Sự biểu hiện của Tản Đà trong các hệ giá trị khác nhau có cái ngông nghênh của nhà nho tài tử thế hệ trước đồng thời lại có cái tôi cá nhân của thời hiện đại. Nói cách khác, bản thân sự biểu hiện con người ông cũng thể hiện được thể nằm trên lằn ranh của thời đại, nơi mà những giá trị truyền thống và cách tân đan xen, bài trừ lẫn nhau nhưng vẫn đi đến thống nhất. Trong sự thống nhất cuối cùng đó, con người nghệ sĩ hiện đại và cá tính sáng tạo nghệ thuật của ông được thể hiện rất rõ ràng.</p> <p>- Về cơ bản, tác phẩm của ông mang hồn cốt, chất liệu của thơ ca, du ký, thuyết luận theo kiểu nhà Nho trung đại và văn học Việt Nam truyền thống. Về thơ ca, diễn xướng dân gian, ông hầu như không có sự cách tân nào. Về văn xuôi, ông cố gắng tạo nên sự đổi mới nhưng thất bại vì ông mới chỉ tạo ra những thay đổi đơn giản ở hình thức bên ngoài. Với mong muốn được thay đổi trong sáng tạo nghệ thuật, Tản Đà cố gắng học hỏi để tạo nên những thay đổi trong văn chương của mình nhưng điều quan trọng là ông chưa hiểu được bản chất của quá trình thay đổi đó không chỉ nằm ở hình thức bề ngoài mà là nằm ở tinh thần, giá trị bên trong. Ông chưa đạt tới sự khai thác cá</p>

					<p>nhân, cá tính như những nhà thơ mới lãng mạn, nhất là trong thể hiện những cảm xúc cá nhân mạnh bạo, cuồng nhiệt, đắm say như các nhà thơ mới. Chính điều này đã hạn chế khả năng vượt thoát của các tác phẩm của Tản Đà giữ chúng mãi nằm ở ranh giới giữa truyền thống và hiện đại mà chưa thể bước sang bên đối mới hoàn toàn.</p> <p>- Với những đặc điểm, biểu hiện rất riêng biệt, Tản Đà trở thành một gương mặt văn học quan trọng đầu thế kỉ XX. Nói như Hoài Thanh, chính ông chứ không ai khác là người đã “đạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hòa nhạc tân kỳ đương sắp sửa...” (Hoài Thanh, 1999: 255). Những đóng góp của ông trong văn học Việt Nam hiện đại là không thể phủ nhận. Ông là nhà văn đã có sự trải nghiệm phong phú, đa dạng hơn cả về thể loại, về lối viết trong toàn bộ tiến trình vận động của văn học Việt Nam. Ông sáng tác nhiều ở cách thể loại khác nhau và cố gắng đưa nhiều các chất liệu của văn học hiện đại vào sáng tác của mình tuy nhiên những cách tân của ông đều không thành công như mong ước. Sự thất bại ấy trong quá trình cách tân văn học ở Tản Đà là do những hạn chế rất rõ ràng trong nhận thức, tư duy, thể giới quan của chính ông.</p>
2	Thạc sĩ				
2.1		Kiến tạo khuôn mẫu về cộng đồng Hoa kiều trong phim "Crazy Rich Asians" (2018)	Nguyễn Phương Anh	PGS.TS Phùng Ngọc Kiên	<p>Tháng 8 năm 2018, bộ phim Crazy Rich Asians được hãng phim Warner Bros sản xuất và phát hành ra mắt tại Bắc Mỹ và lập tức trở thành một hiện tượng của màn ảnh rộng. Với tư cách là một tác phẩm mang tính thương mại, sự thành công về mặt doanh thu của Crazy Rich Asians cũng như sự chú ý của dư luận dành cho bộ phim đã thể hiện rằng Crazy Rich Asians đáp ứng được thị hiếu của đại chúng Mỹ. Nói cách khác, các khuôn mẫu về người châu Á trong Crazy Rich Asians đã gặp gỡ với tầm đón đợi của công chúng Mỹ về hình ảnh người châu Á. Vì vậy, các khuôn mẫu trong Crazy Rich Asians có thể coi là những biểu đạt về người châu Á được chấp nhận rộng rãi trong thế kỷ XXI. Đáng chú ý hơn là các khuôn mẫu trong Crazy Rich Asians vừa kế tục hệ thống khuôn mẫu có lịch sử lâu đời, vừa nhen nhóm những phá cách khác biệt. Sự vận động liên tục và phức tạp trong kiến tạo khuôn mẫu về người châu Á trong điện ảnh Hollywood là lý do để chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài này. Bằng việc nghiên cứu trường hợp phim Crazy Rich Asians, chúng tôi xem xét các khuôn mẫu về cộng đồng Hoa kiều dưới góc tiếp cận kiến tạo luận; đồng thời đặt các khuôn mẫu này trong sự kế tục và đổi mới trong biểu đạt về người châu Á trong điện ảnh Hollywood. Qua đó, chúng tôi muốn truy nguyên và bóc tách các khuôn mẫu, cũng như giải mã những biểu đạt về người Hoa trong bộ phim. Và sau cùng, định vị giá trị tượng trưng của những khuôn mẫu trong Crazy Rich Asians và đóng góp của</p>

					bộ phim trong quá trình hình thành một hình dung mới về người châu Á trong điện ảnh Mỹ.
2.2		Diễn ngôn về Đông Dương qua các phim "Người tình", và "Đập ngăn Thái Bình Dương"	Nguyễn Minh Tuấn	TS. Nguyễn Thùy Linh	<p>Không gian Đông Dương thông qua cái nhìn của Marguerite Duras qua hai tác phẩm <i>Người tình</i> và <i>Đập ngăn Thái Bình Dương</i> đến sự chuyển hoá thành tác phẩm điện ảnh là cả một quá trình kí ức đầy biến động về những năm tháng khi bà cùng gia đình mình sống ở Đông Dương. Qua các tác phẩm có thể dễ dàng nhận thấy Đông Dương hiện lên một cách vô cùng rõ ràng và sắc nét qua từng khung cảnh, từng trang viết, từng con người, từng nhân vật, từng cử chỉ. Sự kỳ thị văn hoá thuộc địa, sự hoà nhập văn hóa ngoại lai và cái nhìn về số phận con người.</p> <p>Thông qua <i>Người tình</i> và <i>Đập ngăn Thái Bình Dương</i>, Đông Dương hiện lên một cách đầy huyền bí và hấp dẫn bởi sự sơ khai của mình những năm đầu của Thế kỷ XX. Dưới con mắt của một nhà văn, nhà soạn kịch và nhà làm phim M.Duras, Đông Dương là một đề tài thú vị bất tận mà bà có thể khai thác từ hết tác phẩm này đến tác phẩm khác, chỉ trong cùng một câu chuyện, điển hình như <i>Người tình</i>, <i>Người tình Hoa bắc</i> và <i>Đập ngăn Thái Bình Dương</i>. Không chỉ văn học, M.Duras còn thành công cả ở lĩnh vực sân khấu và điện ảnh, với cùng một chất liệu là Đông Dương.</p> <p>M.Duras đã thông qua những tác phẩm của mình, miêu tả một cách chân thực nhất về văn hoá đa sắc tộc với nhiều góc nhìn đa dạng. Và qua đó, thế giới có cái nhìn rõ hơn về Đông Dương, về những con người sống ở đó, với những biến cố mà họ đã trải qua. Người Pháp không chỉ là một dân tộc tinh hoa đi khai phá những vùng đất mới, mang văn minh cho những vùng đất còn tối tăm, mông muội như truyền thông đã nói, mà thực tế, họ còn là những người khổ sở vì bị mắc kẹt lại ở một xứ sở mà có thể với họ là một vùng đất dữ, mà họ hoàn toàn không thuộc về. Để sinh tồn, họ phải chặt vật học cách hoà nhập với người dân và văn hoá bản địa, chịu rất nhiều tủi cực và ảm ức nhưng vẫn phải cố giữ cho mình cái vỏ bọc hào nhoáng bên ngoài, đôi khi vì sĩ diện, đôi khi cũng có thể là vì sự tổn thương vô cùng sâu sắc. <i>Đập ngăn Thái Bình Dương</i> đưa khán giả vào bầu không khí thuộc địa của Đông Dương vào thời điểm đó. Các tầng lớp khác nhau đã tạo nên xã hội: chính quyền tham nhũng đối với tất cả mọi tầng lớp, những người da trắng giàu có kiếm được tài sản ở các thành phố lớn như Sài Gòn, những người da trắng nghèo hơn, như gia đình M.Duras, ở trung tâm lịch sử và ở dưới cùng là những người nông dân địa phương, bị bóc lột và đôi khi làm nô lệ. Hai tác phẩm <i>Người tình</i> và <i>Đập ngăn Thái Bình Dương</i> được làm nên bởi hai nhà đạo diễn một là người Pháp chính gốc, một là người Cambodia nhưng phần lớn cuộc đời là ở Pháp. Đạo diễn phim <i>Người tình</i> là Jean-Jacques</p>

					<p>Annaud (sinh ngày 1 tháng 10 năm 1943) là một đạo diễn phim, biên kịch và nhà sản xuất phim người Pháp. Đạo diễn phim <i>Đập ngăn Thái Bình Dương</i> và Rithy Panh (sinh ngày 18 tháng 4 năm 1964), một đạo diễn và nhà biên kịch phim tài liệu người Campuchia nhưng đã bị Khmer Đỏ trục xuất khỏi Phnom Penh năm 1975. Điều đó cho thấy rằng chất liệu điện ảnh trong văn học của M.Duras là rất dồi dào và hấp dẫn, đủ sức thuyết phục các nhà đạo diễn tài năng chọn đề chuyên thể thành phim, mặt khác nó cũng cho thấy những tâm tư về Đông Dương mà M.Duras gửi gắm trong các tác phẩm của mình đã tìm thấy sự đồng cảm với những người con đất Pháp, người Đông Dương và làm rung động rất nhiều trái tim độc giả trên thế giới khi nói lên số phận của những con người da trắng nơi xứ thuộc địa Đông Dương xa xôi.</p>
2.3		<p>Cải biên "Những người khốn khổ" của Victor Hugo ở Việt Nam: từ tiểu thuyết "Ngọn cỏ gió đùa" (1926) của Hồ Biểu Chánh tới phim điện ảnh (1989) và phim truyền hình (2013) của đạo diễn Hồ Ngọc Xum.</p>	Lương Đức Anh	TS. Nguyễn Thùy Linh	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu sự vận động của <i>Những người khốn khổ</i> từ văn học Pháp đến văn học Việt Nam và điện ảnh Việt Nam. Trong số những sáng tác có tiếp thu văn học phương Tây của Hồ Biểu Chánh, có sự gặp gỡ về tư tưởng giữa nhà văn với thiên tài tiểu thuyết Pháp. Điều đó thể hiện qua những giao điểm chung của hai tác phẩm <i>Những người khốn khổ</i> và <i>Ngọn cỏ gió đùa</i> đã tạo ra sự đặc trưng riêng trong cách thể hiện của mình. - Nghiên cứu tác phẩm văn học <i>Ngọn cỏ gió đùa</i> của Hồ Biểu Chánh và những trăn trở của cuộc đời, một tác phẩm mang đậm văn hóa Nam Bộ, có sức sống bền bỉ, được tái hiện qua các loại hình nghệ thuật. - Điều đặc biệt từ đạo diễn Hồ Ngọc Xum khi là người trực tiếp cải biên tác phẩm văn học của Hồ Biểu Chánh thành 2 phiên bản phim. Đối chiếu 2 bộ phim với tác phẩm nguồn của Hồ Biểu Chánh thông qua các bối cảnh, nhân vật, cốt truyện và sự sáng tạo của kịch bản phim so với tác phẩm văn học gốc. - Luận văn nỗ lực giải quyết một số vấn đề liên quan đến tình hình văn hóa – văn học và sự tiếp biến văn hóa phương Tây trong các tác phẩm <i>Ngọn cỏ gió đùa</i> của Hồ Biểu Chánh, đồng thời đối chiếu sự cải biên từ văn học đến điện ảnh của tác phẩm này - Tính chân thực hiệu quả của một tác phẩm Điện ảnh được cải biên từ tác phẩm văn học thể hiện bằng sự sáng tạo vẫn giữ được tính chân thực của tác phẩm văn học, đặc điểm văn hóa đặc trưng của bối cảnh mà bộ phim khai thác sẽ tạo được sức hút tầm đón đợi của người xem, và tạo sự gần gũi, sinh động, đến gần chạm vào cảm xúc người xem.
2.4		Kịch tính trong phim tài liệu của Thierry Michel	Đỗ Thị Hồng	PGS.TS Phạm Thành Hưng	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm ra những đặc điểm về nghệ thuật xây dựng kịch tính trong phim tài liệu nói chung cũng như của đạo diễn Thierry Michel nói riêng - Tìm ra vai trò của nghệ thuật xây dựng kịch tính trong phim tài liệu; từ đó

					thấy được những đóng góp có ý nghĩa to lớn, sự ảnh hưởng của nhà làm phim Thierry Michel đến thể loại phim tài liệu liên quan đến những vấn đề văn hóa, chính trị, sắc tộc...
2.5		Nghệ thuật sử dụng màu sắc trong phim của đạo diễn Trương Nghệ Mưu	Nguyễn Ngọc Hùng	PGS.TS Phan Thị Bích Hà	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu chức năng của màu sắc trong các bộ phim của Trương Nghệ Mưu, nhằm làm sáng tỏ tính quan trọng của việc sử dụng màu sắc trong nghệ thuật điện ảnh, đồng thời tìm hiểu cơ chế hình thành màu sắc trong các phim của Trương Nghệ Mưu. - Đạo diễn Trương Nghệ Mưu sử dụng màu sắc để làm điểm nhấn, để tạo hình nhân vật và để thể hiện cảm xúc. Màu sắc chính là một yếu tố quan trọng hỗ trợ việc kể chuyện và mở ra một không gian cảm xúc mới mẻ và rộng lớn hơn cho người xem. - Đạo diễn Trương Nghệ Mưu đã biến màu sắc trở thành biểu tượng và phong cách nghệ thuật riêng biệt cho phim của mình. Các tác phẩm của ông với sự đầu tư về màu sắc, đã có ảnh hưởng thực tế trên thị trường phim cũng như các nhà làm phim, làm phong phú trải nghiệm thẩm mỹ của khán giả Trung Quốc và khán giả quốc tế bằng cách phối màu đặc sắc.
2.6		Nghệ thuật kể chuyện của "Mamma Mia" - từ sân khấu đến điện ảnh	Cao Tân Lộc	TS. Đào Lê Na	<p>Qua nghiên cứu đề tài: Nghệ thuật kể chuyện của "Mamma Mia" - từ sân khấu đến điện ảnh, luận văn đã đạt được những kết quả như sau:</p> <p>Thứ nhất, luận văn đã đi sâu và phân tích các vấn đề liên quan đến cải biên học và các hướng áp dụng của lý thuyết này trong nghiên cứu tác phẩm cải biên. Luận văn còn chỉ ra giá trị và tầm quan trọng của lý thuyết tự sự học, một lý thuyết nghiên cứu văn học ra đời vào những năm cuối thế kỷ XX. Từ đó luận văn trình bày các khái niệm bao hàm của lý thuyết này có thể áp dụng nghiên cứu nghệ thuật kể chuyện trong "Mamma Mia" - từ sân khấu đến điện ảnh như không gian, thời gian, nhân vật, điểm nhìn, ngôn ngữ.</p> <p>Thứ hai, nhìn từ cách xây dựng không gian đặc trưng trong từng thể loại, chúng tôi nhận thấy mỗi đạo diễn, mỗi nhà sản xuất có những phương pháp và kỹ xảo nghệ thuật riêng để tạo nên không gian cho nhân vật sống và hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ nghệ thuật. Và một yếu tố quan trọng tạo nên thành công cho vở diễn và bộ phim này chính là hệ thống nhân vật xuất sắc, cá tính và là một mảnh ghép trọn vẹn của bức tranh nghệ thuật thông qua các biện pháp, phương thức xây dựng nhân vật tài tình như xây dựng hành động, xung đột, ngoại hình, tính cách,...</p> <p>Thứ ba, luận văn chỉ ra được giá trị của "Mamma Mia" ở kỹ thuật dựng cảnh, xử lý hình ảnh, kỹ thuật xây dựng bối cảnh để thể hiện điểm nhìn, trang phục, đạo cụ, ... Ngoài ra, chúng tôi còn tiến hành phân tích sâu các phương thức thể hiện ngôn ngữ điện ảnh và ngôn ngữ kịch, đây là nội dung khá quan trọng và có tính chất so sánh tài năng của hai nhà đạo</p>

					<p>diễn, cũng như thấy được tầm quan trọng của việc nhìn nhận, đánh giá tác phẩm cải biên dưới góc nhìn cải biên học. Cuối cùng, với bản chất là nhạc kịch và phim ca nhạc, yếu tố âm nhạc chính là yếu tố quan trọng và giá trị nhất trong bộ phim và vở kịch này. Âm nhạc của ABBA đã trở thành linh hồn và giá trị cốt lõi của hai tác phẩm. Đưa tác phẩm đi sâu vào ấn tượng và tâm trí của người xem.</p>
2.7		Phong cách dựng phim của đạo diễn Seigei Eisenstein	Trần Minh Ngân	PGS.TS Phan Thị Bích Hà	<p>Với đề tài luận văn Phong cách dựng phim của đạo diễn Sergei Eisenstein, kết quả nghiên cứu thể hiện trong toàn bộ kết cấu 3 chương của luận văn, những kết quả mà luận văn đạt được thể hiện những điểm sau: Thứ nhất, luận văn đã nhấn mạnh vai trò của dựng phim trong nghệ thuật điện ảnh. Trong diễn trình từ phim câm cho tới phim có âm thanh, việc bố trí cảnh và sắp xếp ráp nối các hình ảnh trong tác phẩm điện ảnh chịu sự chỉ đạo của người đạo diễn và công tác montage trong phòng dựng phim. Đặc trưng của nghệ thuật điện ảnh là tính tổng hợp, trong đó để đạt được hiệu quả thì sự trợ giúp của nghệ thuật dựng phim như là một trong những phương tiện thể hiện, đồng thời cũng là yếu tố tham gia cấu thành ngôn ngữ điện ảnh. Trong lĩnh vực dựng phim, trên thế giới có một số đạo diễn đã chuyên tâm đi vào nghiên cứu về nghệ thuật và kỹ thuật dựng phim và đã mang lại những hiệu quả lớn cho nghệ thuật điện ảnh. Trong số đó, đạo diễn bậc thầy Sergei Eisenstein (S.Eisenstein) đã nghiên cứu cũng như sử dụng, sáng tạo những phương pháp dựng phim đặc sắc, tạo nên một phong cách dựng phim độc đáo.</p> <p>Thứ hai, điện ảnh Xô Viết của những năm thập niên 20 của thế kỷ XX là trung tâm phim tiền phong - với các đạo diễn nổi tiếng: Sergei Eisenstein, Dziga Vertov, Lev Kuleshov, Vsevolod Pudovkin và Alexander Dovjenko... họ đã là những nhà làm phim quốc tế hàng đầu. Họ phát minh ra Montage Xô Viết. Trong đó, thủ pháp dựng đặc sắc độc đáo của đạo diễn S.Eisenstein - lối dựng phim trí tuệ (Intellectual montage). S.Eisenstein cũng thường hay sử dụng phương pháp ẩn dụ mở rộng (extended metaphor). Ngoài ra, ông còn sử dụng nhuần nhuần các phương pháp dựng song hành (Cross - Cutting), Dựng tương phản (dynamic cutting). Trên cơ sở các phương pháp dựng đặc trưng mang dấu ấn đó, không chỉ đặt nền móng tạo nên linh hồn, diện mạo của các tác phẩm điện ảnh sau này mà nó còn thể hiện phong cách làm phim của ông.</p> <p>Thứ ba, phim truyện điện ảnh Việt Nam tiếp thu những kinh nghiệm của “montage Xô Viết” và các giá trị từ phương pháp dựng phim của đạo diễn S. Eisenstein nhằm đạt được những mục đích sáng tạo trong các tác phẩm. Ngày nay, việc tiếp tục vận dụng sáng tạo các phương pháp dựng phim của S.</p>

					Eisenstein kết hợp với các thiết bị hiện đại là cơ sở quan trọng để tạo ra các tác phẩm điện ảnh có chất lượng và mang giá trị nghệ thuật, mang ý nghĩa của ngôn ngữ tạo hình điện ảnh.
2.8	Âm nhạc trong phim Trần Anh Hùng	Vũ Minh Nghĩa	PGS.TS Phan Thị Bích Hà		<p>Nghệ thuật điện ảnh đã biết tiếp thu những năng lực hàm ý từ các loại hình nghệ thuật khác, trong đó có âm nhạc. Âm nhạc trong phim đồng hành với hình ảnh, góp phần hỗ trợ cho phần hình ảnh của phim để minh họa cho ý tưởng của tác phẩm và chủ đề của tác phẩm.</p> <p>Một trong những yếu tố tạo nên ngôn ngữ điện ảnh duy mỹ, đặc biệt đầy chất thơ của đạo diễn người Pháp gốc Việt Trần Anh Hùng là âm nhạc. Sự độc đáo về cách sử dụng âm nhạc của Trần Anh Hùng đã tạo nên một không khí toàn cầu hóa trong ngôn ngữ điện ảnh của ông rất phù hợp với xu hướng hội nhập của Việt Nam hiện nay.</p> <p>Đây là một đề tài không quá mới nhưng có ít người làm và thực sự chuyên sâu. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần làm rõ hơn hiệu quả của âm nhạc trong phim, vai trò của nó như một yếu tố tạo nên ngôn ngữ điện ảnh của bộ phim. Nghiên cứu đã làm rõ mối quan hệ cũng như quy trình làm việc chặt chẽ giữa đạo diễn - nhạc sĩ - người thiết âm thanh, trong quá trình sáng tạo âm thanh, âm nhạc trong phim, góp phần tạo nên giá trị nghệ thuật của một tác phẩm điện ảnh đương đại.</p>
2.9	Khảo sát phần Luận ngữ trong "Tứ thư tiết yếu"	Nguyễn Hải Anh	TS. Đinh Thanh Hiếu		<p>Phần <i>Luận ngữ</i> trong <i>Tứ thư tiết yếu</i>, hay còn gọi là <i>Luận ngữ tiết yếu</i>, là một tác phẩm được cho là do Bùi Huy Bích biên soạn chuyên phục vụ cho khoa cử. Cuốn sách rất phổ biến trong giáo dục và khoa cử Việt Nam ở triều Nguyễn. Luận văn đã tập hợp và phân tích các văn bản hiện tồn trong một số kho lưu trữ, bước đầu đã khái quát được quá trình truyền bản và đặc điểm từng hệ bản của tác phẩm. Luận văn đã mô tả và phân tích cấu trúc tổng quan, phương thức trình bày cùng cấu tạo một chương <i>Luận ngữ tiết yếu</i> trong tương quan với phần <i>Luận ngữ ở Tam Ngụ đường Tứ thư đại toàn</i>. Dưới lăng kính là tác phẩm chuyên biệt cho lối học khoa cử, luận văn đã phân tích chỉ ra những đặc điểm, tính chất trong nội dung của tác phẩm phục vụ cho các yêu cầu của trường thi.</p>
2.10	Nghiên cứu văn bản "Tây phương hợp luận"	Trần Nguyễn Duận	TS. Đinh Thanh Hiếu		<p>Tây phương hợp luận 西方合論 10 quyển, do cư sĩ Thạch Đầu Viên Hoàn Đạo soạn vào năm Vạn Lịch 27 (1599) đời Minh. Là tác phẩm trình bày về giáo lý Tịnh độ, dung hòa giữa các pháp môn. Giải thích những vấn đề tồn nghi về Tịnh độ.</p> <p>Qua khảo sát, tìm hiểu phát hiện văn bản này có 02 lần san khắc: Lần thứ nhất: Vào niên hiệu Tự Đức 21(1868) Lần thứ hai: Vào niên hiệu Thành Thái 18 (1906).</p>

					<p>Luận văn này đi sâu tìm hiểu về quá trình truyền bản và nội dung. Về mặt văn bản:</p> <p>Luận văn đã nêu ra được 02 hệ bản của văn bản Tây phương hợp luận 西方合論. Sau khi khảo sát, đối chiếu đã chọn ra bản nền, là bản AC.477.</p> <p>Tìm hiểu được nội dung của văn bản là bộ luận dung hòa giáo lý giữa Thiên và Tịnh, đề xướng tất cả mọi căn cơ nên lấy pháp môn Tịnh độ để hành trì.</p> <p>- Luận văn giới thiệu và công bố một phần bản phiên âm, chú thích đầu tiên cho văn bản Tây phương hợp luận 西方合論.</p>
2.11		Nghiên cứu văn bản "Kim cương Bát nhã Ba la mật kinh"	Ninh Văn Đạt	PGS.TS Phạm Văn Khoái	<p>Kinh <i>Kim Cương Bát Nhã</i> do Đức Phật Thích Ca thuyết giáo, Tu Bồ Đề thỉnh vấn, A Nan tôn giả kết tập, nguyên văn bằng Phạn văn, nằm ở hội thứ 9, quyển 577 trong hơn 600 bản kinh thuộc hệ Bát Nhã của Phật giáo Đại thừa. <i>Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh</i> đã được Hòa Thượng Phúc Điền giải quốc âm, được san khắc vào những thập niên giữa thế kỉ XIX, ván được khắc ở chùa Liên Phái tỉnh Hà Nội và chùa Bồ Sơn tỉnh Bắc Ninh hiện đang được lưu trữ trong một tủng thư Phật học có tên chung <i>Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh</i> trong tập sách mang kí hiệu AB. 367 đang được lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Chúng tôi cho rằng nghiên cứu văn bản <i>Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh</i>, nhằm xác định tính tin cậy khoa học về tác giả tác phẩm là mang một ý nghĩa khoa học và giá trị thực tiễn đối với ngành Hán nôm. Đó là một trong những minh chứng cho truyền thống Việt Nam của sự san khắc, lưu hành và giải âm văn bản Hán văn <i>Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh</i>.</p> <p>Luận văn có những đóng góp sau đây:</p> <p>Làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản có tính thông tin tính của văn bản <i>Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật kinh</i> trên một số phương diện như văn bản học, kết cấu và các vấn đề được văn bản hóa để từ đó góp phần làm rõ thêm đời sống của bản dịch Hán văn <i>Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật kinh</i> của Cư Ma La Thập ở Việt Nam, một số phương thức giải quốc âm đã được Hòa thượng Phúc Điền áp dụng.</p> <p>Cung cấp và giới thiệu cho người đọc hiện đại bản phiên Nôm văn bản <i>Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật kinh</i>, cũng như các giá trị thông tin tính của các vấn đề được văn bản hóa có trong văn bản này.</p> <p>Góp phần làm sáng tỏ vấn đề phiên dịch học Hán Nôm có trong lịch sử thông qua việc phiên Nôm văn bản Kinh Kim Cương.</p>
2.12		Nghiên cứu văn bản Bát Nhã tâm kinh chú thích	Nguyễn Thị Hiên	PGS.TS Phạm Văn Khoái	<p>Trên cơ sở sự khái quát về <i>Bát Nhã Tâm kinh</i>- nơi thể hiện tập trung nhất của tư tưởng <i>Bát Nhã</i> của Phật giáo cũng như sự giới thiệu khái quát về hai hệ bản của bộ kinh này khi được dịch sang Hán văn.</p>

					<p>Luận văn hướng vào đề cập đến các vấn đề của văn bản <i>Bát Nhã Tâm Kinh chú thích</i> hiện đang được lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm với kí hiệu AC. 469 trên các phương diện như: cấu trúc sắp đặt; mục đích biên tập và san khắc; xác lập danh mục 30 đơn vị chú thích; mô tả cụ thể 28 đơn vị chú thích cho chính văn kinh trong mối quan hệ với đơn vị cú điệu; đề cập đến tính tổng hợp tương đối của chú thích chính văn kinh trong <i>Bát Nhã Tâm Kinh chú thích</i>; ... để góp phần cho việc tìm hiểu về đời sống của <i>Bát Nhã Tâm Kinh</i> ở Việt Nam.</p>
2.13		<p>Nghiên cứu văn bản " Cao vương kinh chú giải:</p>	<p>Trần Thị Khuyên</p>	<p>TS. Phạm Văn Dung</p>	<p><i>Cao Vương kinh</i> 高王經 được coi là một bộ kinh xuất hiện từ rất sớm, được lưu truyền và có ảnh hưởng rộng rãi trong xã hội Trung Quốc. Bộ kinh này không chỉ được sùng chuộng trong đời sống xã hội từ tầng lớp dân tới vua quan mà còn được nhắc đến trong một số tác phẩm văn học nổi tiếng, được đưa vào trong <i>Phật học từ điển</i>, và được các học giả tiến hành chú giải. Ở Việt Nam, trong phạm vi chúng tôi mới khảo sát được, vào những năm cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, kinh này cũng được khắc in lưu hành. Tuy là một kinh mộng truyền, không phải lời Phật thuyết nhưng bộ kinh này tuân theo ý chỉ của kinh Phật và mang tính ứng dụng thực tiễn. <i>Cao Vương kinh chú giải</i> 高王經註解 mang kí hiệu AC.438 là văn bản được khắc in lại tại đền Ngọc Sơn theo bản khắc in lưu hành từ đời Thanh, hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Văn bản chứa đựng những bài đề tựa qua các lần khắc in phần nào cho thấy tầm ảnh hưởng của <i>Cao Vương kinh</i> ở Trung Quốc, ở Việt Nam cùng như tầm quan trọng của việc chú giải kinh. Thông qua nội dung văn bản có thể tìm hiểu được phương thức chú giải kinh cũng như có thể hiểu được ý nghĩa nội dung, lịch sử nguồn gốc ra đời và sự cảm ứng của kinh. Việc phiên âm, dịch nghĩa, chú giải văn bản cung cấp cho độc giả cũng là việc làm cần thiết. Luận văn có những đóng góp sau đây:</p> <p>Làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản có tính thông tin của văn bản <i>Cao Vương kinh chú giải</i> mang kí hiệu AC.438 được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm như: tình hình văn bản, kết cấu và các vấn đề văn bản hóa để từ đó góp phần làm rõ thêm đời sống của bản văn bản <i>Cao Vương kinh</i> cũng như <i>Cao Vương kinh chú giải</i> ở Trung Quốc và Việt Nam. Luận văn đi sâu vào tìm hiểu về nội dung ý nghĩa của kinh và các phương pháp chú giải <i>Cao Vương kinh</i>.</p> <p>Cung cấp và giới thiệu cho người đọc hiện đại bản phiên âm, dịch nghĩa văn bản <i>Cao Vương kinh chú giải</i>, cũng như các giá trị thông tin của các vấn đề được văn bản hóa trong văn bản này.</p> <p>Phiên âm, dịch nghĩa văn bản <i>Cao Vương kinh chú giải</i>.</p>

					Cung cấp bản photocopy <i>Cao Vương kinh chú giải</i> mang kí hiệu AC.438 hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
2.14		Nghiên cứu văn bản "Tâm kinh chú giải"	Ngô Bảo Ngọc	TS. Phạm Văn Dung	<p><i>Tâm kinh chú giải</i> 心經註解 là tác phẩm do một thiền sư Trung Quốc tên là Đại Điền sáng tác vào thời Đường, chú giải bài <i>Tâm kinh bát nhã</i> của Phật giáo Đại thừa, được hòa thượng Minh Châu Hương Hải dịch Nôm vào khoảng thế kỉ XVII. Hòa thượng Hương Hải là một trong những người đi đầu trong phong trào “Việt hóa” Phật giáo và phục hưng thiền phái Trúc Lâm Yên tử. Bằng những tác phẩm chuyển dịch và sáng tác bằng chữ Nôm của mình, ông đã có những đóng góp vô cùng to lớn cho kho tàng văn học Phật giáo nói riêng và văn học Việt Nam nói chung. Thông qua việc nghiên cứu bản dịch <i>Tâm kinh chú giải</i> của hòa thượng Hương Hải, ta có thể thấy được phần nào quá trình phát triển của chữ Nôm ở nước ta trong thời kì hoàn thiện. Cũng như cách thức mà các nhà hoạt động Phật giáo chuyển dịch các tác phẩm Phật giáo ở nước ta, thể hiện một bước tiến trong lịch sử dịch Nôm các tác phẩm Phật giáo ở Việt Nam. Các thuật ngữ Phật học được phiên dịch trong tác phẩm cũng giúp chúng ta hiểu được những khái niệm, quan điểm, tư tưởng Phật giáo của các nhà sư Đại Việt đương thời. Luận văn có những đóng góp sau đây: Làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản có tính thông tin của văn bản <i>Tâm kinh chú giải</i> mang kí hiệu AB.530 được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm như văn bản học, kết cấu và các vấn đề văn bản hóa để từ đó góp phần làm rõ thêm đời sống của bản dịch Nôm <i>Tâm kinh chú giải</i> của thiền sư Đại Điền ở Việt Nam. Luận văn đi sâu vào tìm hiểu về các phương pháp chú giải trong phần Hán văn của thiền sư Đại Điền, cũng như những phương pháp dịch Nôm được sử dụng trong phần phiên dịch của hòa thượng Hương Hải. Cung cấp và giới thiệu cho người đọc hiện đại bản phiên Nôm văn bản <i>Tâm kinh chú giải</i>, cũng như các giá trị thông tin tính của các vấn đề được văn bản hóa trong văn bản này. Góp phần làm sáng tỏ vấn đề phiên dịch học Hán Nôm có trong lịch sử thông qua việc phiên Nôm văn bản <i>Tâm kinh chú giải</i>. Dịch nghĩa phần Hán văn và phiên Nôm văn bản <i>Tâm kinh chú giải</i>.</p> <p>Cung cấp bản photocopy <i>Tâm kinh chú giải</i> mang kí hiệu AB.530 hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.</p>
2.15		Nghiên cứu tác phẩm "Ngự chế lịch đại sử tổng luận"	Lê Quang Vũ	TS. Đinh Thanh Hiếu	<p>Trên cơ sở khảo cứu trực tiếp tư liệu, luận văn tập trung vào nghiên cứu tác phẩm trên cả phương diện văn bản và nội dung tác phẩm nhằm làm rõ tính chất sử luận và giá trị sử liệu của tác phẩm. Chương 1: Tác giả và những vấn đề văn bản của tác phẩm Ngự chế lịch đại</p>

					<p>sử tổng luận</p> <p>Giới thiệu tổng quát về tác giả - vua Thiệu Trị, quá trình hình lưu hành và hiện trạng các văn bản của tác phẩm. Chương 2: Nội dung và ý nghĩa sử luận của phần Tổng luận Thông qua khảo cứu trực tiếp văn bản nền, luận văn chỉ ra thể tài, cách thức trình bày, cấu trúc chung của tác phẩm. Nêu lên nội dung tóm lược từng đoạn và chỉ ra ý nghĩa sử luận được gửi gắm trong phần tổng luận Chương 3: Nội dung và giá trị sử liệu của phần chú giải Phần này giới thiệu lí lịch của nhóm Nội các nhận trách nhiệm làm chủ giải cho toàn bộ tác phẩm, chỉ ra nội dung các phần chú giải, các phương thức và đánh giá giá trị của phần chú giải.</p>
2.16		<p>Đặc điểm tiểu thuyết các nhà văn quân đội thời hậu chiến (qua <i>Lính trận</i> của Trung Trung Đỉnh, <i>Đồi chiến</i> của Khuất Quang Thụy, <i>Mưa đỏ</i> của Chu Lai)</p>	<p>Nguyễn Đức Hà</p>	<p>PGS.TS Đoàn Đức Phương</p>	<p>Luận văn hướng đến làm rõ đặc điểm tiểu thuyết các nhà văn quân đội thời hậu chiến thông qua <i>Lính trận</i> của Trung Trung Đỉnh, <i>Đồi chiến</i> của Khuất Quang Thụy, <i>Mưa đỏ</i> của Chu Lai. Luận văn sử dụng phương pháp tiếp cận chính là thi pháp học, kết hợp với các phương pháp loại hình, so sánh, lịch sử - xã hội, các thao tác thống kê, phân tích, tổng hợp. Từ đó, chúng tôi đưa ra những nghiên cứu, đánh giá đặc điểm tiểu thuyết nhìn từ nội dung phản ánh thông qua việc làm rõ đề tài, chủ đề, nhân vật và cốt truyện. Đồng thời, luận văn khảo sát những đặc điểm tiểu thuyết nhìn từ phương thức biểu hiện thông qua việc làm rõ ngôn ngữ, nghệ thuật xây dựng nhân vật, thời gian và không gian nghệ thuật. Thông qua đó, chúng tôi đi đến khẳng định những kế thừa và những cách tân, đổi mới của các nhà văn quân đội thời hậu chiến trong tiến trình phát triển của văn học hiện đại Việt Nam nói chung, văn học viết về đề tài chiến tranh cách mạng nói riêng.</p>
2.17		<p>Yếu tố vô thức trong tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương (qua tác phẩm <i>Thoạt kỳ thủy</i> và <i>Kể xong rồi đi</i>).</p>	<p>Lê Thị Thu Trang</p>	<p>PGS.TS Trần Khánh Thành</p>	<p>Luận văn là công trình nghiên cứu chuyên sâu về tác động của yếu tố vô thức đến tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương (qua tác phẩm <i>Thoạt kỳ thủy</i> và <i>Kể xong rồi đi</i>) dưới góc nhìn văn hóa học, tâm lý học, xã hội học.... Luận văn tập trung nghiên cứu 3 vấn đề chính: Một là, khái niệm vô thức và hướng nghiên cứu vô thức trong văn học. Hai là, làm sáng tỏ phần vô thức trong thể giới nhân vật của tiểu thuyết <i>Thoạt kỳ thủy</i> và <i>Kể xong rồi đi</i> để thấy được yếu tố vô thức như một phần không thể thiếu của đời sống mỗi nhân vật. Và ba là, phân tích tác động của yếu tố vô thức trong quá trình xây dựng tác phẩm để khẳng định yếu tố vô thức như một thủ pháp nghệ thuật trong tiểu thuyết <i>Thoạt kỳ thủy</i> và <i>Kể xong rồi đi</i>. Thông qua đó, chúng tôi cũng đi đến kết luận về những cách tân độc đáo của Nguyễn Bình Phương trong tiến trình phát triển văn học hiện đại.</p>
2.18		<p>Chiến ttranh Việt Nam từ góc nhìn của đạo diễn Joris Ivens qua các phim <i>Bầu trời</i> và</p>	<p>Nguyễn Thị Phi Á</p>	<p>PGS.TS Vũ Ngọc Thanh</p>	<p>Thứ nhất: Qua đề tài cho thấy phim tài liệu phản ánh cuộc sống bằng người thực, việc thực là đặc trưng cơ bản nhất của phim tài liệu. Sức hấp dẫn của</p>

		<p>mặt đất (1965), Việt Nam xa xôi (1967), Vĩ tuyến 17 - chiến tranh nhân dân (1967), Đàm thoại với Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969).</p>		<p>phim tài liệu trước hết là ở chỗ nó cho người ta nhìn thấy cuộc sống thực, cuộc sống không bị sắp đặt, dàn dựng, tô vẽ... Phim tài liệu khởi thủy từ sự chân thực. Người làm phim tài liệu cần phải trung thực và có sự phân tích nhạy bén, khả năng khái quát cao trước một vấn đề quan thiết của đời sống.</p> <p>Thứ hai: Phim tài liệu của điện ảnh đã trở thành lĩnh vực có thể quản lý xã hội với tầm nhìn bao quát, chính xác và đặc biệt là đáng tin cậy. Trong những năm chiến tranh, điện ảnh là một bộ phận không thể thiếu được trong đời sống, chiến đấu của nhân dân. Mỗi bộ phim ra đời đều được người xem chào đón nồng nhiệt, bởi đó là nguồn động viên to lớn, giúp người ta vượt qua những gian nan, nguy hiểm của chiến tranh. Hoàn cảnh lịch sử đã tạo điều kiện cho sự thành công của thể loại phim tài liệu với hàng chục bộ phim được giải thưởng lớn tại các Liên hoan phim quốc tế.</p> <p>Thứ ba: Để hoàn thành mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, luận văn đã xuất phát từ cơ sở lý thuyết và thực tiễn, đó là việc phân tích, khái quát các bộ phim tài liệu về Việt Nam của nhà làm phim Joris Ivens - một nhà làm phim tài liệu nổi tiếng người Hà Lan có tầm ảnh hưởng trên thế giới bởi tư tưởng tiến bộ, với tầm nhìn vượt thời đại và tư tưởng tiến bộ ông đã có mặt tại đất nước Việt Nam trong thời kỳ ác liệt của cuộc chiến để thực hiện những bộ phim làm chấn động dư luận thế giới. Giúp nhân dân thế giới hiểu hơn về Việt Nam, một Việt Nam đang bị đế quốc xâm lược.</p> <p>Thứ tư: Việc nghiên cứu 04 bộ phim của đạo diễn Joris Ivens về chiến tranh Việt Nam, luận văn đã cho thấy những kiến giải các luận điểm quan trọng với đề tài về chiến tranh nhân dân, đề tài về các phong trào đấu tranh vì hòa bình trên thế giới, điểm nhìn từ sự quan sát hiện thực, điểm nhìn khi so sánh hiện thực và so sánh sự tương phản, điểm nhìn qua lăng kính nhân vật phim tài liệu, điểm nhìn hay sự bay bổng trong cách tiếp cận đề tài, tiếp cận con người.</p> <p>Với cách thể hiện bằng hình thức ghi hình trực diện được Joris Ivens sử dụng là một hình thức tạo cho người xem nhiều cảm xúc nhất, nhà làm phim sẽ thu vào tất cả mọi sự vật hiện tượng một cách chân thật nhất, với sự tinh tế của người sáng tác thì những thước phim sẽ có một giá trị hiện thực một cách tự nhiên như chính nó. Đó là yếu tố sẽ tạo nên sự mới lạ và sức mạnh mà không hình thức dàn xếp công phu nào có được, đó là sức mạnh của sự thật. Khi nói đến nhà làm phim Joris Ivens thì phương pháp làm phim trực diện vào vấn đề là phong cách tạo nên tên tuổi của ông trong lịch sử điện ảnh tài liệu thế giới.</p> <p>Thứ năm: Luận văn đã luận giải cách kể chuyện trong phim tài liệu, đạo diễn Joris Ivens đã sử dụng nhiều cách kể chuyện như cách kể chuyện thông</p>
--	--	---	--	---

					<p>qua cái tôi trần thuật; thông qua những dẫn chứng thực tế để làm tăng sự thuyết phục và từ đó tăng tính hấp dẫn của câu chuyện; cách kể chuyện chân thật thông qua góc độ của điện ảnh trực diện (cinema direct) hay cách kể chuyện dung dị như cách nói chuyện, sự giản dị của một lãnh tụ... đó là cách kể chuyện thông qua cái tôi trần thuật, cách kể chuyện chân thật thông qua góc độ của điện ảnh trực diện (cinema direct).</p> <p>Thứ sáu: Luận văn đã thể hiện được một số đặc điểm trong phản ánh hiện thực. Đó là phong cách hiện thực lịch sử, phản ánh hiện thực chiến tranh nhân dân, sự lạc quan trong phim chiến tranh của nhà làm phim Joris Ivens đã phần nào nói lên được một tinh thần Việt Nam, tinh thần đoàn kết và bất khuất không chịu chùn bước trước kẻ thù dù họ là một cường quốc.</p>
2.19		Những đặc điểm nội dung và nghệ thuật trong phim tài liệu truyền hình của VTV Cần Thơ (khảo sát qua 5 phim: Người đi gieo lửa, Tiếng vọng 50 năm, Giác mơ sen, Vong thề, Giữa đôi dòng mặn ngọt)	Lê Hải Âu	PGS.TS Vũ Ngọc Thanh	<p>Thứ nhất: Truyền hình là một hình thức của ngôn ngữ báo chí, xuất hiện trong đời sống con người muộn hơn nhiều so với văn học và có nhiệm vụ thông tin kịp thời về cái mới. Đó là những sự việc, sự kiện, tình huống, hoàn cảnh tiêu biểu đang nảy sinh hàng ngày hàng giờ trong đời sống để nhìn thấy người thật việc thật được miêu tả rõ nét trên màn ảnh.</p> <p>Thứ hai: Bằng ngôn ngữ hình ảnh sống động, được thổi vào cái hồn văn chương của lời bình nên phim tài liệu truyền hình thường có sức lay gọi, truyền cảm mạnh mẽ. Những câu chuyện về thân phận con người, về nhân tố điển hình, cùng những chuyện lịch sử và chuyện đời sống đương đại, biểu đạt dưới dạng thức phim tài liệu, càng trở nên hấp dẫn và để lại những ấn tượng sâu sắc trong công chúng, khán giả. Một số phim tài liệu truyền hình đạt tới giá trị tư tưởng thẩm mỹ cao và tạo được ấn tượng, gây được tiếng vang dư luận trong nước, trong đó có phim tài liệu của VTV Cần Thơ.</p> <p>Thứ ba: Để hoàn thành mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, luận văn đã xuất phát từ cơ sở lý thuyết và thực tiễn, đó là việc phân tích, khái lược về phim tài liệu truyền hình. Để có cơ sở thực tiễn, luận văn đã khái quát về văn hóa vùng miền tại đồng bằng Sông Cửu Long và tác giả - tác phẩm phim tài liệu truyền hình của VTV Cần Thơ.</p> <p>Thứ tư: Khi khảo sát các đặc điểm nội dung của VTV Cần Thơ, luận văn đã nghiên cứu và kiến giải các luận điểm quan trọng như đề tài (gồm các đề tài chính; đề tài những con người bình thường, có nhiều đóng góp cho quê hương; hậu chiến; cuộc sống người nông dân; cuộc sống hiện đại; cuộc sống thiên nhiên của miền Tây và đề tài về sinh hoạt văn hóa nghệ thuật, tín ngưỡng dân gian miền Tây Nam Bộ), chủ đề về sự thích nghi và phong cách người miền Tây qua các hình tượng nghệ thuật cụ thể (như sự thích nghi với thiên nhiên, môi trường, sự thích nghi với điều kiện sản xuất nông nghiệp và sự thích nghi thông qua các hình tượng nghệ thuật cụ thể) và nhân vật với</p>

				<p>đặc điểm vùng, miền (gồm tính bộc trực, thẳng thắn với “phong cách miền Tây” và cảm xúc phóng khoáng trong cách thể hiện nhân vật với đặc điểm vùng, miền).</p> <p>Thứ năm: Khảo sát những đặc điểm về nghệ thuật trong phim tài liệu của VTV Cần Thơ, luận văn đã phân tích rõ các luận điểm như phong cách đạo diễn (gồm chọn lựa đề tài, vấn đề; thể hiện tính luận đề, yếu tố cảm xúc, hình ảnh và âm thanh, nghệ thuật dàn cảnh và thủ pháp dựng phim), nghệ thuật quay phim (gồm chọn lựa góc quay, động tác máy, quay lia và thủ pháp sử dụng hệ thống cỡ cảnh) và một số thủ pháp nghệ thuật khác (như lời bình, phỏng vấn, kết cấu, dàn dựng, tái hiện các sự việc, sự kiện, chọn lọc chi tiết và âm nhạc).</p> <p>Thứ sáu: Thực tế cho thấy, bên cạnh những giá trị nội dung và nghệ thuật đã đạt được, phim tài liệu truyền hình của VTV Cần Thơ nói chung còn nặng tuyên truyền, cô đọng, nội dung ôm đồm, sơ lược, thiếu tính triết lý, thiếu tầm tư tưởng, nói triền miên, nhiều khi nhầm lẫn lẫn lẫn hình ảnh. Phần hình ảnh trong phim tài liệu truyền hình ở nhiều bộ phim còn chưa thực sự đóng vai trò quan trọng, với một nội dung đều có thể lấy hình này dựng thay hình khác, chỉ cần có đủ hình để tải lời, đôi khi thiếu hình thì tùy tiện kéo dài ra hay lặp đi lặp lại một cảnh.</p> <p>Thứ bảy: Đề xuất một số giải pháp khả thi để nâng cao chất lượng nội dung và nghệ thuật làm phim tài liệu của VTV Cần Thơ như: Thực hiện đúng format (hình thức làm phim) về mặt thể loại, nâng cao chất lượng nghệ thuật của phim, sau đó phát triển đều các thể loại của phim tài liệu truyền hình. Ngoài ra, để nâng cao chất lượng nội dung phim, các đạo diễn phim tài liệu truyền hình của VTV Cần Thơ cần mở rộng đề tài phản ánh của phim, khai thác những vấn đề mang tính thời sự của cuộc sống, nâng cao giá trị phản ánh hiện thực của tác phẩm, câu chuyện hay, hấp dẫn, thuyết phục, tính luận đề, yếu tố cảm xúc tốt thì mới nâng cao được chất lượng nội dung tác phẩm tài liệu.</p>
2.20	Thể giới nhân vật nữ trong tác phẩm "Kiêu hãnh và định kiến" của Jane Austen	Thái Hoàng Vân	PGS.TS Đào Duy Hiệp	<p>Thứ nhất: Luận văn đã tìm hiểu, nghiên cứu về Kiêu hãnh và định kiến – hai chủ đề chính của tác phẩm giúp người đọc hình dung rõ hơn về những quan niệm của nữ nhà văn Jane Austen đối với tình yêu và hôn nhân của tầng lớp quý tộc nhỏ tại Anh vào đầu thế kỷ 19. Hầu hết những người phụ nữ đều coi hôn nhân là mục tiêu của đời mình và muốn tìm kiếm một người chồng với gia sản thừa kế đủ lớn nhằm đảm bảo cho cuộc sống về sau. Tuy nhiên, trong xã hội ấy vẫn tồn tại những người phụ nữ mạnh mẽ, cứng cỏi, dám đứng lên bảo vệ tình yêu và coi tình yêu chính là tiền đề của một cuộc hôn nhân lâu dài và hạnh phúc. Họ là những cô gái được Jane Austen xây dựng</p>

				<p>nhằm cổ vũ phong trào nữ quyền, qua đó mang lại tình yêu đích thực và sự bình đẳng cho phụ nữ.</p> <p>Thứ hai: Luận văn đã tìm hiểu, nghiên cứu về nhân vật Elizabeth và các nhân vật nữ trong tác phẩm <i>Kiêu hãnh và định kiến</i>. Từ đó cho ta thấy, <i>Kiêu hãnh và định kiến</i> là một cuốn tiểu thuyết tình yêu lãng mạn và nữ nhà văn Jane Austen muốn gửi gắm trong đây những ước vọng tốt đẹp nhất, áp ủ những giấc mộng thiếu nữ cùng những cái kết viên mãn cho tình yêu đẹp đằm hoa kết trái. Tác phẩm trở thành một ngọn đuốc “hy vọng” nhen nhóm thấp sáng ánh lửa tình yêu tốt đẹp và chân thành trong xã hội đương thời và đồng thời cũng là một tác phẩm thể hiện được quan điểm, tư duy hiện đại, coi trói những ràng buộc định kiến cho nữ giới bấy giờ.</p> <p>Thứ ba: Luận văn đã tập trung tìm hiểu, nghiên cứu về nghệ thuật xây dựng nhân vật trong <i>Kiêu hãnh và định kiến</i> qua phương diện: Ngoại hình – Tính cách. Chính nhờ sự kết tinh, kế thừa và phát huy tinh hoa văn chương thế kỷ 18 cùng với sự hòa quện tư duy, suy nghĩ xen lẫn nghệ thuật ngôn ngữ mới mẻ của tác giả trở thành một trong những lá cờ tiên phong cho chủ nghĩa lãng mạn ở thế kỷ 19 đã đem tên tuổi của Jane Austen trở thành một trong những nhà văn có nhiều ảnh hưởng nhất và được trọng vọng trên văn đàn nước Anh. Tóm lại, <i>Kiêu hãnh và định kiến</i> của nữ nhà văn Jane Austen đã xây dựng nên một hệ thống tầng lớp đan xen cùng thế giới nội tâm của rất nhiều nhân vật, đặc biệt là các nhân vật nữ trong truyện. Ở đây mỗi người có một vẻ ngoài cùng tính cách khác nhau, có định kiến và niềm kiêu hãnh khác nhau, có những niềm tin và những xung đột nội tâm khác nhau, tuy nhiên dưới ngòi bút của mình, Jane Austen lại có thể tổng hòa tất cả chúng lại với nhau thành một thể thống nhất, vừa hài hòa, vừa logic lại sống động như thật. Nhờ vậy khiến cho độc giả nhập tâm một cách tự nhiên và bị cuốn vào mạch truyện, mạch cảm xúc của nhân vật nói riêng và của tác giả nói chung; khiến người đọc như chứng kiến được một cảnh tượng nông thôn nước Anh tươi đẹp đầy sức sống, một thành thị London với những con người thuộc giới tầng thượng lưu khác biệt, một xã hội đầy định kiến và cách những con người tồn tại trong xã hội đó thể hiện niềm kiêu hãnh của mình, thể hiện được cách sống của mình, nội tâm, tình yêu và những khao khát hy vọng từ tận sâu đáy lòng. <i>Kiêu hãnh và định kiến</i> tựa như một ngọn đuốc hy vọng soi sáng khoảng thời gian giao thời giữa hai thế kỷ, đầy mâu thuẫn nhưng vẫn thống nhất giữa chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa lãng mạn. Qua đó gửi gắm những nỗi niềm, tâm tư, suy nghĩ và hy vọng của tác giả tới hàng triệu độc giả trong suốt hơn hai trăm năm qua.</p>
--	--	--	--	---

2.21		Đặc điểm tiểu thuyết lịch sử của Lưu Sơn Minh	Nguyễn Hải Ninh	PGS.TS Hà Văn Đức	Thứ nhất: Luận văn tìm hiểu và làm sáng tỏ quan niệm sáng tác tiểu thuyết lịch sử của Lưu Sơn Minh Thứ hai: Luận văn đã tập trung tìm hiểu và chỉ ra những đổi mới của Lưu Sơn Minh trong hai tác phẩm Trần Quốc Toàn và Trần Khánh Dư Thứ ba: Luận văn đã chỉ ra những đặc điểm nổi bật, độc đáo trong cách viết tiểu thuyết của nhà văn Lưu Sơn Minh trên các phương diện nội dung, nghệ thuật. Từ đó có thêm cơ sở để hiểu một cách khái quát về đặc điểm tiểu thuyết cũng như những đóng góp của Lưu Sơn Minh với tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại.
2.22		Thơ Nguyễn Phong Việt như một hiện tượng văn hóa đại chúng.	Nguyễn Ngọc Trâm	TS. Nguyễn Thị Năm Hoàng	Thứ nhất: Luận văn đã khái quát chung về thơ Nguyễn Phong Việt trong bối cảnh văn hóa đại chúng đương đại. Thứ hai: Luận văn đã tìm hiểu những đặc điểm nổi bật, độc đáo trong cách lựa chọn hệ thống đề tài, chủ đề, hình ảnh thơ và những thông điệp dành cho công chúng đương đại. Thứ ba: Luận văn đã chỉ ra những đặc trưng tiêu biểu trong phương thức sáng tác của Nguyễn Phong Việt trên phương diện thể thơ, ngôn ngữ và giọng điệu. Đồng thời chỉ ra cách thức tiếp cận độc giả và lan tỏa thơ của Nguyễn Phong Việt đến với công chúng. Từ đó có thêm cơ sở để hiểu về văn hóa đại chúng cũng như những đóng góp của Nguyễn Phong Việt với thơ Việt Nam đương đại.
2.23		Đặc điểm tân văn Nguyễn Trương Quý	Nguyễn Minh Phương	PGS.TS Hà Văn Đức	Thứ nhất: Luận văn đã tìm hiểu đặc điểm tân văn của Nguyễn Trương Quý. Thứ hai: Luận văn đã nghiên cứu tập trung những cảm hứng chính và đặc điểm nghệ thuật trong năm tân văn của Nguyễn Trương Quý: Ăn phở rất khó thấy ngon (2008), Hà Nội là Hà Nội (2010), Xe máy tiểu ngạo (2011), Còn ai hát về Hà Nội (2013), Mỗi góc phố một người đang sống (2015). Thứ ba: Luận văn đã tập trung tìm hiểu và chỉ ra những đổi mới của Nguyễn Trương Quý khi viết về Hà Nội trong tân văn đề từ đó có cái nhìn khái quát về thể loại tân văn và nhận thấy sự thay đổi không những của thể loại này nhằm phù hợp với nhu cầu của độc giả.
2.24		Cảm quan Phật giáo trong văn xuôi của Nhụy Nguyên	Phan Công Việt	PGS.TS Hà Văn Đức	Thứ nhất: Luận văn đã đề cập một cách khái quát tới vấn đề cảm quan và cảm quan Phật giáo. Đồng thời, luận văn cũng giới thiệu về tác giả mới Nhụy Nguyên, đặc biệt là chỉ ra quan niệm về tư tưởng Phật giáo trong các sáng tác của anh. Qua đó thấy được sự thành công và những đóng góp mới mẻ của Nhụy Nguyên trong văn học Phật giáo nói riêng và văn học Việt Nam nói chung. Thứ hai: Luận văn đã tìm hiểu, nghiên cứu về cảm quan Phật giáo trong văn xuôi Nhụy Nguyên từ các góc độ nội dung tư tưởng, triết lý nhân sinh, văn

					<p>hóa, thông qua việc phân tích cụ thể một số tác phẩm nổi bật của nhà văn như: truyện ngắn Trôi trên dòng thời gian trắng xoá, Bóng thuyền ảnh hiện, tùy bút Ngôi nhà của cô, v.v. Từ đó chúng tôi khẳng định những giá trị tư tưởng Phật giáo trong văn xuôi của Nhụy Nguyễn là đậm chất và liên tục.</p> <p>Thứ ba: Luận văn đã tập trung tìm hiểu những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu, độc đáo của ngôi bút văn xuôi Nhụy Nguyễn trên các phương thức thể hiện: Không gian - thời gian nghệ thuật, ngôn ngữ nghệ thuật, giọng điệu nghệ thuật. Nhờ những tìm tòi, sáng tạo trong nghệ thuật sáng tác nên các tác phẩm văn xuôi của Nhụy Nguyễn không chỉ mang đậm cảm quan Phật giáo mà còn tạo nên dấu ấn riêng trong dòng chảy văn học Việt Nam hiện đại.</p> <p>Tóm lại, với luận văn này chúng tôi đã tìm hiểu, nghiên cứu và phân tích những đặc điểm nổi bật về nội dung tư tưởng, triết lý Phật giáo cùng những bình diện nghệ thuật đặc sắc trong văn xuôi của Nhụy Nguyễn. Các sáng tác của anh đã tạo nên một thế giới văn chương mới mẻ, vừa có chiều sâu về nội dung tư tưởng, vừa có sức hấp dẫn cuốn hút trong nghệ thuật biểu hiện. Có thể khẳng định: “Nhụy Nguyễn là yếu tố đã góp phần làm mới mẻ cho một thời đại của văn học Phật giáo Việt Nam”.</p>
3	Đại học				
3.1	Đại học	Yếu tố huyền thoại trong truyện ngắn Nguyễn Hải Yến	Lại Thu Hương	PGS.TS Phạm Thành Hưng	Phân tích yếu tố huyền thoại trong truyện ngắn Nguyễn Hải Yến
3.2	Đại học	Văn hóa đồng bằng Bắc Bộ trong <i>Thời xa vắng</i> (2004) của Hồ Quang Minh và <i>Cuộc đời của Yến</i> (2015) của Đinh Tuấn Vũ	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Th.S Lê Thị Tuân	Phân tích văn hóa đồng bằng Bắc Bộ trong <i>Thời xa vắng</i> (2004) của Hồ Quang Minh và <i>Cuộc đời của Yến</i> (2015) của Đinh Tuấn Vũ
3.3	Đại học	Chuyên thể tiểu thuyết "Our happy time" (Gong Ji-young, 2005) thành phim "Maundy Thursdat" (Song Hea-sung, 2006) dưới góc nhìn trần thuật học	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Th.S Nguyễn Thị Bích	Phân tích việc chuyển thể tiểu thuyết "Our happy time" (Gong Ji-young, 2005) thành phim "Maundy Thursdat" (Song Hea-sung, 2006) dưới góc nhìn trần thuật học
3.4	Đại học	Phim cải biên truyện của Nguyễn Ngọc Tư từ góc nhìn điện ảnh sinh thái: trường hợp <i>Cánh đồng bất tận</i> (2010) và <i>Nước</i> (2014)	Trình Xuân Phương	TS Hoàng Cẩm Giang	Phân tích các tác phẩm điện ảnh cải biên truyện của Nguyễn Ngọc Tư từ góc nhìn điện ảnh sinh thái thông qua trường hợp <i>Cánh đồng bất tận</i> (2010) và <i>Nước</i> (2014)
3.5	Đại học	Hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống ở Việt Nam, tiếp cận ở góc độ sở hữu trí tuệ	Vũ Thị Thủy	TS Lư Thị Thanh Lê	Phân tích hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống ở Việt Nam, tiếp cận ở góc độ sở hữu trí tuệ
3.6	Đại học	Ca dao xứ Nghệ trong làn điệu dân ca, ví dặm Nghệ Tĩnh qua cách tiếp cận xã hội học	Phạm Thị Hồng Minh	TS Trần Thị Thục	Phân tích ca dao xứ Nghệ trong làn điệu dân ca, ví dặm Nghệ Tĩnh qua cách tiếp cận xã hội học
3.7	Đại học	Văn châu Mẫu Liễu Hạnh trong tín ngưỡng thờ Tam - Tứ phủ nhìn từ mã văn hóa dân gian	Nguyễn Thành Đạt	TS Trần Thanh Việt	Phân tích văn châu Mẫu Liễu Hạnh trong tín ngưỡng thờ Tam - Tứ phủ nhìn từ mã văn hóa dân gian

3.8	Đại học	Tập truyện ngắn <i>Quán thủy thân</i> của Nguyễn Hải Yến từ góc nhìn văn hóa	Hoàng Thủy Tiên	TS Nguyễn Thị Năm Hoàng	Phân tích tập truyện ngắn Quán thủy thân của Nguyễn Hải Yến từ góc nhìn văn hóa
3.9	Đại học	Con người chấn thương trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu (trường hợp truyện ngắn <i>Nhánh mai, Cỏ lau và Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành</i>)	Nguyễn Thị Huyền Trang	NCS Nguyễn Hương Ngọc	Phân tích con người chấn thương trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu qua các truyện ngắn <i>Nhánh mai, Cỏ lau và Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành</i>
3.10	Đại học	Đô thị trong tập truyện <i>Làn gió chầy qua và Nhiệt đới gió mùa</i> của Lê Minh Khuê	Trần Văn Long	NCS Nguyễn Hương Ngọc	Phân tích yếu tố đô thị trong tập truyện Làn gió chầy qua và Nhiệt đới gió mùa của Lê Minh Khuê
3.11	Đại học	Yếu tố văn hóa tâm linh trong thơ Hàn Mặc Tử	Nguyễn Thùy Dương	PGS.TS Hà Văn Đức	Phân tích yếu tố văn hóa tâm linh trong thơ Hàn Mặc Tử
3.12	Đại học	Những ám ảnh sinh thái trong tập thơ <i>Hồn cầm hương</i> của Đặng Bá Tiên	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TS Nguyễn Thị Năm Hoàng	Phân tích những ám ảnh sinh thái trong tập thơ Hồn cầm hương của Đặng Bá Tiên
3.13	Đại học	Góc nhìn của Thích Nhất Hạnh về nhân vật Hoạn Thư (Truyện Kiều) qua <i>Thả một bè lau - Truyện Kiều dưới cái nhìn Thiền quán</i>	Khúc Thị Kim Ngân	GS.TS Trần Nho Thìn	Phân tích góc nhìn của Thích Nhất Hạnh về nhân vật Hoạn Thư (Truyện Kiều) qua <i>Thả một bè lau - Truyện Kiều dưới cái nhìn Thiền quán</i>
3.14	Đại học	Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong các tác phẩm của Chetan Bhagat	Đoàn Thị Vân Anh	TS Nguyễn Phương Liên	Phân tích định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong các tác phẩm của Chetan Bhagat
3.15	Đại học	Tác phẩm <i>Yêu người từ tù</i> của Gong Ji Young: nhìn từ lý thuyết chấn thương	Nguyễn Quỳnh Mai	TS Trần Thị Thục	Phân tích tác phẩm Yêu người từ tù của Gong Ji Young qua lý thuyết chấn thương
3.16	Đại học	Thế giới nhân vật cổ quái trong truyện võ hiệp Kim Dung: trường hợp <i>Anh hùng xạ điêu và Thần điêu hiệp lữ</i>	Phùng Văn Đông	Th.S Nguyễn Thanh Diên	Phân tích thế giới nhân vật cổ quái trong truyện võ hiệp Kim Dung qua Anh hùng xạ điêu và Thần điêu hiệp lữ
3.17	Đại học	<i>Tiếng chim hót trong bụi mận gai</i> của Colleen McCollough dưới góc nhìn luân lý Ki tô giáo hướng đến bàn luận về luật độc thân giáo sĩ Công giáo	Hoàng Văn Thòa	TS Lê Nguyên Long	Phân tích tiếng chim hót trong bụi mận gai của Colleen McCollough dưới góc nhìn luân lý Ki tô giáo hướng đến bàn luận về luật độc thân giáo sĩ Công giáo
3.18	Đại học	Cảm thức đô thị trong <i>Nước Mỹ</i> của F.Kafka	Hoàng Thị Lan	TS Nguyễn Thị Như Trang	Phân tích cảm thức đô thị trong Nước Mỹ của F.Kafka
3.19	Đại học	Giao thoa Văn hóa Đông Tây trong <i>Sóng ngầm</i> của Linda Lê và <i>Người tình</i> của M.Duras	Nguyễn Ngô Thanh Tâm	TS Nguyễn Thùy Linh	Phân tích sự giao thoa Văn hóa Đông Tây trong Sóng ngầm của Linda Lê và Người tình của M.Duras
3.20	Đại học	Tiểu thuyết <i>Mắt biếc</i> của Tony Morrison dưới góc nhìn lý thuyết chấn thương	Trần Văn Duy	Th.S Lê Nguyên Long	Phân tích tiểu thuyết Mắt biếc của Tony Morrison dưới góc nhìn lý thuyết chấn thương
3.21	Đại học	Nghiên cứu văn bản và dịch chú tác phẩm <i>Thông quốc thổ sản</i> của Cao Xuân Dục	Nguyễn Thị Duyên	TS Nguyễn Phúc Anh	Nghiên cứu văn bản và dịch chú tác phẩm Thông quốc thổ sản của Cao Xuân Dục
3.22	Đại học	Khảo cứu và phiên dịch <i>Đạo biện</i> của vua Tự Đức	Doãn Thị Hồng Ngọc	TS Đinh Thanh Hiếu	Khảo cứu và phiên dịch Đạo biện của vua Tự Đức
3.23	Đại học	Nghiên cứu văn bản <i>Khóa hư quốc âm</i> của Phúc Điền Hòa thượng	Phượng Thị Phượng	PGS.TS Phạm Văn Khoái	Nghiên cứu văn bản Khóa hư quốc âm của Phúc Điền Hòa thượng

11. Nhân học

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
1.1	Tiến sĩ	Không gian xã hội của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội	Nguyễn Thuý Gia ng	PGS.TS Nguyễn Văn Sửu	Sử dụng nguồn tài liệu dân tộc học và lý thuyết kiến tạo xã hội về không gian của Henri Lefebvre, luận án Không gian xã hội của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội đã phác họa tương đối toàn diện và công phu quá trình hình thành, phát triển, các hoạt động sinh kế, các mối quan hệ xã hội và đời sống tinh thần của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội giai đoạn 1992-2021. Kết quả nghiên cứu của luận án đã làm rõ một số đặc trưng quan trọng của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội trên các phương diện nhận khẩu, không gian cư trú, sinh kế, quan hệ xã hội, đời sống tinh thần. Luận án khẳng định cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội là một sản phẩm của chính sách và kiến tạo của chính cộng đồng người Hàn Quốc, và đề xuất các giải pháp chính sách đối với chính quyền thành phố Hà Nội cùng các cơ quan liên quan để cộng đồng người Hàn Quốc tại Hà Nội tiếp tục phát triển bền vững, góp phần tạo nên tính năng và đa văn hóa của thành phố thủ đô.
1.2		Biến đổi không gian làng Đồng Kỵ (Từ Sơn – Bắc Ninh)	Chu Thu Hương	PGS.TS Nguyễn Văn Sửu	Từ lăng kính tiếp cận không gian, luận án cho rằng không gian không chỉ đơn giản là những ý nghĩa bề mặt mà còn hàm ý những thực hành và mối quan hệ ẩn trong và dưới bề mặt không gian. Nghiên cứu sự biến đổi không gian ở làng từ góc nhìn của tiếp cận chính trị hàng ngày, quan hệ giữa nhà nước và xã hội, luận án này là một công trình chuyên khảo có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao về làng Đồng Kỵ. Những kết quả nghiên cứu của luận án đã làm rõ quá trình biến đổi của không gian làng, nhất là những biến đổi trong không gian cư trú, không gian sản xuất và không gian thiêng diễn ra từ khi Đổi mới (1986) so với giai đoạn lịch sử trước đó. Được minh họa bằng nguồn tài liệu dân tộc học có tính gốc, cập nhật, phong phú, luận án lập luận rằng những biến đổi không gian làng Đồng Kỵ là kết quả của những tương tác giữa nhà nước và xã hội ở địa bàn nghiên cứu. Trong khi ở một số không gian, chính quyền nhà nước thể hiện rõ sức mạnh, quyền lực và vai trò của mình thì ở không gian khác, thực thể xã hội lại đóng một vai trò quan trọng hơn đối với sự biến đổi không gian. Mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội ở địa bàn nghiên cứu được thể hiện qua những hình thức khác nhau trong các hoàn cảnh cụ thể, bao gồm sự đối thoại trực tiếp, sự thương lượng ngầm, thậm chí có cả sự chống đối ngầm và những phản kháng công khai hợp thức hoặc không hợp thức. Phân tích quan hệ giữa nhà nước và xã hội trong đời sống hàng ngày cho chúng ta thấy không chỉ nhà nước chi phối các thực thể xã hội mà một số thực thể thuộc phạm trù xã hội ở Đồng Kỵ vừa tuân thủ các

					chính sách của nhà nước, vừa có những hành động phản kháng. Hệ quả là những hành động phản kháng này góp phần thúc ép nhà nước điều chỉnh chính sách cụ thể đối với các không gian cư trú, không gian sản xuất và không gian thiêng của làng. Thực tiễn này củng cố lập luận của một số nghiên cứu về mối quan hệ có tính hội thoại giữa nhà nước và các thực thể xã hội ở Việt Nam.
1.3		Chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ các dân tộc Tày, Nùng ở huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn trong lao động xuyên biên giới Việt Nam – Trung Quốc	Hoàng Thị Lê Thảo	PGS. TS. Lâm Bá Nam, PGS. TS. Vương Xuân Tình	<p>Luận án đã tiếp cận vấn đề nghiên cứu từ góc độ lý thuyết giải thích văn hóa và sinh thái văn hóa của Nhân học y tế và dựa vào khung phân tích Di cư – Sức khỏe để phân tích việc chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ Tày, Nùng ở huyện Văn Quan lao động xuyên biên giới Việt Nam – Trung Quốc. Theo đó, các vấn đề sức khỏe và chăm sóc sức khỏe được nhìn nhận từ góc độ văn hóa-xã hội, đặt trong hệ thống y tế đa nguyên và bối cảnh xuyên biên giới.</p> <p>Không chỉ khi ở nội biên, mà trong quá trình lao động xuyên biên giới, các nữ lao động phải đối diện với những vấn đề sức khỏe sinh sản và có nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản. Tuy nhiên, họ gặp nhiều hạn chế xuất phát từ điều kiện lao động, sinh hoạt, cũng như các rào cản trong phong tục tập quán, tâm lý, ngôn ngữ và vị thế pháp lý. Mạng lưới chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ khi lao động ở Trung Quốc có những lỗ trống cấu trúc khiến họ bị lệ thuộc vào người môi giới hoặc chủ Trung Quốc.</p> <p>Việc chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ lao động xuyên biên giới Việt Nam – Trung Quốc chưa được nhận sự hỗ trợ (chính sách đặc thù) của chính quyền cũng như các đoàn thể, tổ chức.</p>
2	Thạc sĩ				
2.1	Thạc sĩ	Ứng dụng của phim Nhân học tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam	Nguyễn Tài Linh	PGS.TS Nguyễn Trường Giang	<p>Trong luận văn này tác giả đã hệ thống lại lịch sử hình thành và quá trình biến đổi các phương pháp làm phim Nhân học tại Việt Nam dựa vào nền tảng cơ sở tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Phân tích ứng dụng của phim nhân học dựa trên những điều kiện thực tế, quan sát, trải nghiệm của công chúng khi đón nhận phim nhân học tại bảo tàng và trường học. Tìm hiểu sự thay đổi, cách nhìn nhận của của công chúng đối với chủ thể được thể hiện trong phim. Từ cơ sở nghiên cứu trên, tác giả cũng đã đưa ra một số nhận định về hiệu quả của việc ứng dụng của phim nhân học tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, cụ thể là phim trưng bày và phim gắn với nghiên cứu Nhân học. Ngoài ra tác giả luận bản một số giải pháp để nâng cao hiệu quả đối với phim nhân học tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam trong tương lai nhằm nâng cao hiệu quả của dòng phim này đến với công chúng.</p>
2.2		Thực trạng và các yếu tố tác động đến việc sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi lợn tại	Mạc Thị Công Lý	TS. Trần Minh Hằng	<p>Nghiên cứu tìm hiểu thực trạng sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi lợn ở tỉnh Bắc Ninh; tìm hiểu kiến thức thái độ, thực hành về sử dụng kháng sinh từ đó phân tích các yếu tố tác động tới hành vi sử dụng kháng sinh của người</p>

		tỉnh Bắc Ninh: Nghiên cứu từ góc nhìn nhân học			chăn nuôi lợn hiện nay. Nghiên cứu góp phần đưa ra các đề xuất, kiến nghị, giải pháp góp phần làm giảm tình trạng lạm dụng kháng sinh trong chăn nuôi.
3	Đại học				
3.1	Đại học	Chuyển cư và thảm họa thiên tai : Nghiên cứu trường hợp người Dao đỏ thôn Tùng Chín II và thôn Tùng Chín III, xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Nguyễn Nhật Anh	TS Phan Phương Anh	Khóa luận thực hiện nghiên cứu và phân tích lịch sử chuyển cư trong tương quan với độ phơi nhiễm và tính dễ bị tổn thương trước các thảm họa thiên tai của nhóm cư dân người Dao Đỏ ở Làng Hán cũ. Trên cơ sở đó khóa luận sẽ phân tích về những yếu tố tác động đến quá trình chuyển cư của nhóm dân cư này trong tương quan thảm họa thiên tai. Những phân tích này từ đó có thể được sử dụng để tham khảo cho các chính sách định canh định cư, bố trí dân cư, tái định cư hay những kế hoạch phòng chống thảm họa thiên tai của Nhà nước.
3.2		Vận tải công nghệ - Lựa chọn cho những người di cư tới Hà Nội	Nguyễn Như Tuấn Anh	TS Nguyễn Vũ Hoàng	Đề tài đóng góp cái nhìn đầu tiên về chân dung những người di cư tự do nông thôn lựa chọn nghề vận tải công nghệ bằng xe máy, con đường đến với nghề này của họ, vai trò của nghề vận tải công nghệ bằng xe máy đối với việc giúp đỡ người du cư ổn định cuộc sống ở đô thị và thỏa mãn những mong muốn của họ trước khi di cư. Bên cạnh đề tài này còn gợi ra những hướng nghiên cứu khác về sự biến đổi vốn xã hội và tác động của nó đến cuộc sống người làm nghề vận tải công nghệ bằng xe máy lâu dài.
3.3		Tác động của đại dịch COVID-19 đến tâm lý trong đời sống sinh hoạt và học tập của du học sinh Việt Nam	Hoàng Nhật Lệ	TS. Trần Minh Hằng	Nghiên cứu tìm hiểu những thay đổi tâm lý trong đời sống sinh hoạt và học tập của du học sinh Việt Nam với bối cảnh đại dịch Covid-19 đang bùng phát trên toàn cầu hiện nay và đề xuất một số giải pháp hỗ trợ tâm lý, nâng cao chất lượng học tập cho sinh viên
3.4		Thói quen sử dụng mạng xã hội và mối quan hệ xã hội với gia đình của giới trẻ (Nghiên cứu trường hợp tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN)	Trần Thị Tùng Lâm	PGS.TS. Lâm Bá Nam TS Phan Thị Ngọc	Nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu về thói quen sử dụng mạng xã hội và tìm hiểu về sự biến đổi mạng lưới xã hội cá nhân thông qua thói quen sử dụng mạng xã hội của đối tượng nghiên cứu. Cụ thể, nghiên cứu tìm hiểu và phân tích thói quen sử dụng mạng xã hội hiện nay của sinh viên trường Đại học KHXH và NV; phân tích đánh giá những tác động của thói quen sử dụng mạng và sự biến đổi mạng lưới xã hội cá nhân của sinh viên; phân tích và đánh giá cách nhìn nhận của sinh viên về sự biến đổi mạng lưới xã hội cá nhân qua thói quen sử dụng mạng xã hội
3.5		Ứng xử trong quan hệ xã hội của các điểm thu mua phế liệu trong hoạt động kinh doanh (nội thành Hà Nội)	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	PGS.TS. Lâm Minh Châu	Nghiên cứu tìm hiểu quan hệ làng xóm láng giềng và chiến lược của các chủ bãi sắt vụn sử dụng không gian vỉa hè phục vụ cho mục đích kinh doanh; tìm hiểu những nhân tố tác động trong việc xây dựng quan hệ làng xóm trong việc sử dụng không gian vỉa hè của người làm bãi. Từ đó chỉ ra những mối quan hệ mà những người làm bãi phế liệu cần xây dựng để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh trên vỉa hè; tìm các yếu tố tác động trong việc xây dựng những mối quan hệ với cộng đồng xung quanh của các chủ bãi phế liệu, nói theo cách khác nghiên cứu phân nào tìm ra một phần trong

					chiến lược sinh tồn của nhóm người dân nhập cư này trong hoạt động ứng xử với cộng đồng
--	--	--	--	--	---

12. Khoa Quốc tế học

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
1.1	Tiến sĩ	Hội nhập khu vực của các nước MERCOSUR từ 1991 đến 2016	Nguyễn Văn Đáp	GS.TS. Nguyễn Thiết Sơn	Xây dựng khung lý thuyết về hội nhập khu vực với nhiều khía cạnh: chủ thể, phương thức, động lực, nội dung và cấp độ. Đồng thời, chỉ rõ những điều kiện, cơ sở thực tiễn đưa đến sự ra đời của tổ chức MERCOSUR; Phân tích nội dung, tác động và lý giải các vấn đề của hội nhập khu vực khối MERCOSUR: thể chế hóa hội nhập, hội nhập kinh tế nội khối, quan hệ kinh tế - thương mại ngoại khối và các vấn đề hội nhập khác; Đánh giá xu hướng vận động của hội nhập khu vực khối MERCOSUR và đưa ra một số so sánh, rút ra bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam và ASEAN.
1.2	Tiến sĩ	Hợp tác Việt Nam-Lào trong lĩnh vực đào tạo cán bộ (2001-2015)	Nguyễn Phương Lê	PGS.TS Nguyễn Duy Dũng	Luận án vận dụng các lý thuyết cơ bản để làm sáng tỏ hơn hợp tác Việt Nam - Lào trong lĩnh vực đào tạo cán bộ (2001-2015), từ đó giúp hiểu rõ mối quan hệ hai nước trong thời gian qua. Thông qua việc phân tích thực trạng hợp tác hai nước Việt Nam – Lào trong đào tạo cán bộ, luận án đưa ra đánh giá về thành tựu, hạn chế, đề nhận diện rõ hơn lĩnh vực hợp tác quan trọng này. Từ thực tiễn hợp tác đào tạo cán bộ giai đoạn 2001-2015, luận án đưa ra các gợi ý giải pháp tăng cường hợp tác trong thời gian tới.
2	Thạc sĩ				
2.1	Thạc sĩ	Quan hệ Campuchia - Nhật Bản giai đoạn 2012-2020	Trương Quốc Huy	TS. Nguyễn Thành Văn	Đề tài tập trung đi sâu nghiên cứu mối quan hệ giữa Vương quốc Campuchia và Nhật Bản giai đoạn từ năm 2012 (khi cựu Thủ tướng Abe lên nắm quyền tại Nhật Bản và Campuchia tập trung thực hiện các kế hoạch phát triển đất nước). Đề tài đã đi sâu nghiên cứu, làm rõ mối quan hệ song phương Campuchia - Nhật Bản trên từng khía cạnh gồm: chính trị-đối ngoại, quân sự-quốc phòng, kinh tế-xã hội, văn hóa...
2.2	Thạc sĩ	Sự triển khai sức mạnh mềm của Trung Quốc ở Đông Nam Á (2002-2020)	Nguyễn Xuân Linh	TS. Lê Tuấn Thanh	Những năm gần đây, Trung Quốc xây dựng và phát triển quyền lực mềm tại Đông Nam Á thông qua việc cải cách mô hình, cải thiện hình ảnh quốc gia, giao tiếp văn hóa, giao lưu và hợp tác văn hóa, hỗ trợ nhân đạo, chống tranh chấp quốc tế, tích cực xây dựng trật tự mới của cộng đồng quốc tế. Những hoạt động này đã thể hiện một sức hút mạnh mẽ. Ngoài ra, do tính đặc thù và phức tạp của Đông Nam Á, Trung Quốc có cả lợi thế và hạn chế trong việc nâng cao sức mạnh mềm ở Đông Nam Á. Điều quan trọng là xác định đúng lợi thế và hạn chế của Trung Quốc trong xây dựng sức mạnh mềm ở Đông Nam Á.

2.3	Thạc sĩ	Chính sách bẫy nợ trong Sáng kiến Vành đai Con đường của Trung Quốc (2013-2018)	Vũ Minh Thắng	PGS.TS. Bùi Thành Nam	mục đích làm sáng tỏ được các sách lược vay nợ của Trung Quốc đang triển khai thực hiện, đưa ra một cái nhìn toàn diện về các “bẫy nợ” của Trung Quốc đối với các nước tại khu vực và trên thế giới, qua đó kiến nghị một số bài học, hàm ý đối với Việt Nam trong quá trình hợp tác với Trung Quốc để phát triển kinh tế, nâng cao năng lực hệ thống cơ sở hạ tầng đất nước. Quá trình thực hiện luận văn, học viên đã tiếp cận đề tài một cách đa chiều thông qua nhiều nguồn tài liệu có liên quan của nhiều tác giả trong và ngoài nước để đưa ra các luận cứ, luận điểm rõ ràng, đánh giá vấn đề “chính sách bẫy nợ” của Trung Quốc ở nhiều khía cạnh khác nhau.
2.4	Thạc sĩ	Xung đột tôn giáo tại miền nam Thái Lan từ năm 2014 đến năm 2020	Nguyễn Thị Ngọc Anh	GS.TS. Hoàng Khắc Nam	Phân tích lịch sử và nguyên nhân xung đột tôn giáo ở miền Nam Thái Lan, bao gồm lịch sử quá trình hình thành xung đột qua hai giai đoạn từ trước năm 2004 và 2004 đến 2014 cùng các nguyên nhân đi kèm; tập trung đi sâu vào nghiên cứu vấn đề xung đột tôn giáo ở miền Nam Thái Lan trong giai đoạn từ năm 2014 đến 2020, thông qua việc thống kê các sự kiện, vấn đề nổi bật đi kèm với sự phát triển của các nhóm Hồi giáo cực đoan, đồng thời phân tích các biện pháp giải quyết vấn đề của chính phủ Thái Lan.
2.5	Thạc sĩ	Hợp tác giáo dục đại học của ASEAN - Trường hợp AUN	Nguyễn Quỳnh Giang	GS.TS. Phạm Quang Minh	các nội dung chính tập trung tới bối cảnh trong nước và quốc tế về lịch sử và tình hình hợp tác quốc tế về giáo dục đại học trong khu vực Đông Nam Á, từ khi thành lập tổ chức ASEAN đến nay; phân tích chiến lược hợp tác giáo dục đại học và kết quả hoạt động hợp tác theo các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực liên ngành trong và cấp thiết trong khu vực ASEAN; và đưa ra một số đề xuất cho công tác hợp tác quốc tế của giáo dục đại học Việt Nam, mà cụ thể là đối với Đại học Quốc gia Hà Nội trong khu vực ASEAN.
2.6	Thạc sĩ	Chính sách của Mỹ đối với Venezuela dưới thời Tổng thống Donald Trump (2017-2020)	La Quang Hưng	TS. Ngô Tuấn Thắng	Luận văn tập trung đi sâu vào nghiên cứu mục tiêu của Mỹ đối với Venezuela. Trên cơ sở đó, Mỹ đề ra những chính sách đối với Venezuela trên từng lĩnh vực cụ thể nhằm lật đổ Tổng thống Nicolas Maduro. Ngoài ra, luận văn chỉ ra những tác động từ chính sách của Mỹ đối với Venezuela đến mỗi nước, khu vực Mỹ Latinh và Việt Nam. Từ đó, đưa ra dự báo về chính sách của Mỹ với Venezuela trong thời gian tới thông qua các kịch bản có thể xảy ra.
2.7	Thạc sĩ	Quan hệ Mỹ - Ấn Độ từ năm 2014 đến năm 2020	Bùi Thọ Khởi	TS. Vũ Văn Anh	Luận văn làm rõ thực trạng quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên các lĩnh vực gồm chính trị, kinh tế và quốc phòng - an ninh giai đoạn 2014 - 2020. Từ đó, đánh giá những thành tựu và hạn chế trong quan hệ song phương giai đoạn 2014 - 2020. Ngoài ra, luận văn đánh giá về triển vọng của quan hệ Mỹ - Ấn Độ cho đến năm 2030; phân tích những tác động của quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2020 tới khu vực và Việt Nam và đề xuất giải pháp của Việt Nam trong quan hệ với Mỹ và Ấn Độ trong thời gian tới.

2.8	Thạc sĩ	Sự điều chỉnh chính sách quốc phòng an ninh của các nước ASEAN giai đoạn 2010-2020	Nguyễn Bá Trọng	TS. Lê Lêna	Luận văn làm rõ những điều chỉnh chính sách quốc phòng an ninh của các quốc gia ASEAN giai đoạn 2010-2020 trong sự đối chiếu với chính sách của các quốc gia giai đoạn trước đó. Từ sự điều chỉnh này, luận văn đánh giá tác động đối với Việt Nam và đưa ra những kiến nghị chính sách cho Việt Nam
2.9	Thạc sĩ	Hợp tác quốc tế về phân định biển giữa Việt Nam và Campuchia từ năm 1982 đến năm 2021	Phạm Xuân Tuân	TS. Nguyễn Thanh Minh	Luận văn đã tập trung đi sâu phân tích, luận giải vấn đề hợp tác quốc tế về phân định biển giữa Việt Nam và Campuchia từ năm 1982 đến năm 2021, nhằm xác định các cơ sở, xu hướng, giải pháp phân định biên giới biển một cách phù hợp giữa hai nước thời gian tới.
2.10	Thạc sĩ	Quan hệ Ba Lan - Liên minh châu Âu (2004-2015)	Nguyễn Thị Hồng Yên	PGS.TS. Bùi Hồng Hạnh	Đề tài phân tích các yếu tố tác động đến quan hệ Ba Lan - EU trong bối cảnh khu vực và thế giới; quan hệ giữa hai chủ thể trước khi gia nhập – tạo tiền đề cho quan hệ sau 2004 và khái quát chính sách của Ba Lan đối với Liên minh châu Âu và ngược lại. Từ đó, luận văn tập trung đi sâu vào nghiên cứu thực trạng quan hệ giữa hai chủ thể trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh - quốc phòng và các lĩnh vực khác trong giai đoạn 2004 - 2015 thông qua việc chọn các sự kiện, vấn đề nổi bật chi phối quan hệ giữa một nước thành viên và một thể chế khu vực.
3	Đại học				
3.1	Đại học	LÒNG TIN XÃ HỘI CHÂU ÂU – TRƯỜNG HỢP CÁC NƯỚC BẮC ÂU	Nguyễn Phương Anh	PGS.TS. Bùi Hồng Hạnh	Đề tài “Lòng tin xã hội Châu Âu - trường hợp các nước Bắc Âu” đi vào phân tích vai trò của lòng tin xã hội ở Châu Âu, đặc biệt ở các nước Bắc Âu trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội từ việc tìm hiểu nguồn gốc hình thành của lòng tin xã hội ở khu vực này, những biểu hiện của lòng tin xã hội là gì để giải thích cho sự phát triển của xã hội Châu Âu và những giá trị tạo ra sự khác biệt cho các nhà nước phúc lợi Bắc Âu được mệnh danh là nhà nước “Chủ nghĩa tư bản vị lợi và chủ nghĩa xã hội vị tha”.
3.2	Đại học	Chiến lược kết nối châu Á của Liên minh châu Âu giai đoạn 2018-2021	Phạm Quang Trung	PGS.TS. Bùi Thành Nam	Thứ nhất, làm rõ được bối cảnh quốc tế và các nhân tố khách quan, nhân tố chủ quan thúc đẩy việc châu Âu hình thành chiến lược này. Thứ hai, phân tích các mục tiêu, các phương thức thực hiện mà EU đã đề ra trong các báo cáo của mình. Và đưa ra được kết quả của chiến lược đã thực hiện được sau khi được công bố trong giai đoạn từ 2018 đến 2021. Thứ ba, KLTN đưa ra đánh giá về những ưu điểm và khuyết điểm của chiến lược này, tính hiệu quả và triển vọng của nó trong thời gian gần tới. Đồng thời, đưa ra các bài học cho Việt Nam để tận dụng các cơ hội phát triển trong tương lai.
3.3	Đại học	Phát triển du lịch bền vững trong bối cảnh đại dịch COVID – 19 (Nghiên cứu trường hợp Sapa)	Phùng Nguyễn Ngọc Hà	GS.TS. Phạm Quang Minh	- nghiên cứu, phân tích làm rõ các yếu tố tác động đến phát triển du lịch bền vững đặc biệt trong bối cảnh đại dịch COVID-19 thông qua trường hợp Sapa, từ đó đưa ra một số khuyến nghị góp phần phát triển du lịch bền vững nói chung, ở Sapa nói riêng.

3.4	Đại học	DU LỊCH NÔNG NGHIỆP TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP DOMINICA.	Lương Thị Thu Giang	TS.Nguyễn Thị Thùy Trang	Giới thiệu tổng quan các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn liên quan đến Du lịch nông nghiệp, Du lịch nông thôn, Du lịch sinh thái, Phát triển bền vững và cơ sở phát triển DLNN ở Dominica.
3.5	Đại học	Chính sách về môi trường đối với rừng Amazon của Brazil dưới thời Tổng thống Jair Bolsonaro	Nguyễn Ngọc Huyền	TS.Vũ Thị Anh Thư	Khóa luận sẽ đưa ra những quan điểm và minh chứng nhằm mục đích phân tích và đánh giá chính sách về môi trường đối với rừng Amazon của Brazil dưới thời Tổng thống Jair Bolsonaro.
3.6	Đại học	Dự án kênh đào Kra và tác động tới khu vực Đông Nam Á	Đặng Vũ Hùng	TS.Ngô Tuấn Thắng	Mục tiêu của nghiên cứu là nhằm tìm hiểu về dự án kênh đào Kra của Thái Lan, từ đó phân tích các tác động kinh tế và chính trị của dự án này lên các quốc gia trong khu vực.
3.7	Đại học	Chính sách của Mỹ đối với người Mỹ bản địa dưới chính quyền của Tổng thống Barack Obama	Trần Thị Thu Hằng	TS.Nguyễn Văn Đáp	Đề tài làm rõ các chính sách về chính trị, kinh tế và an sinh xã hội của chính quyền Barack Obama đối với cộng đồng người Mỹ bản địa
3.8	Đại học	CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHỦNG HOẢNG NHẬP CƯ CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU (2015–2020)	Chu Thị Hải Yến	ThS.Hồ Thu Thảo	Thứ nhất, khái quát về cuộc khủng hoảng nhập cư châu Âu 2015 - 2016; Thứ hai, hệ thống hóa các cơ chế, quy định của Liên minh châu Âu trong việc giải quyết vấn đề nhập cư trong và sau khủng hoảng. Thứ ba, phân tích và nhận xét hiệu quả thay đổi cơ chế giải quyết khủng hoảng nói riêng và vấn đề nhập cư nói chung của Liên minh châu Âu. Từ đó đưa ra một số dự báo về xu hướng nhập cư trong tương lai gần.
3.9	Đại học	THE CONCEPTUALIZATION OF EUROPEAN UNION'S POWER	Trịnh Hạnh Linh	PGS.TS.Bùi Hồng Hạnh	The aim of this thesis is to study the conceptualization of the European Union's power, the definitions and characteristics of suggested EU's powers given by scholars. Furthermore, this literature also aims at analyzing the potentials of the EU in order to figure out the power that represents the EU the most.
3.10	Đại học	Chính sách đối ngoại vị nữ của Thụy Điển giai đoạn 2014-2020	Hoàng Thị Kim Ngân	ThS.Lê Thu Trang	Khóa luận muốn phân tích quá trình triển khai của chính sách, chỉ ra đóng góp của chính sách đối với thế giới cũng như đánh giá những thành tựu hạn chế của chính sách đối ngoại vị nữ Thụy Điển đồng thời đưa ra gợi ý kinh nghiệm cho Việt Nam.
3.11	Đại học	Vai trò của Văn hóa đối với phát triển bền vững	Nguyễn Thị Kim Anh	TS.Nguyễn Thị Thùy Trang	Dựa trên câu hỏi nghiên cứu là “Văn hóa có vai trò như thế nào đối với sự phát triển bền vững?”, mục đích của Khóa luận là trên cơ sở tìm hiểu và phân tích vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững, từ đó rút ra những nhận định đúng đắn về những đóng góp của văn hóa với sự phát triển bền vững và có thể đề xuất văn hóa là trụ cột thứ tư trong mô hình phát triển bền vững hiện nay.
3.12	Đại học	SỬ DỤNG CÔNG BẰNG VÀ HỢP LÝ NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG GIAI ĐOẠN 1995 – 2020: THỰC TRẠNG VÀ THÁCH THỨC	Nguyễn Thùy Anh	TS.Vũ Thị Anh Thư	đánh giá thực trạng sử dụng công bằng và hợp lý nguồn nước sông Mê Công chảy qua sáu nước Trung Quốc, Lào, Myanmar, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam.
3.13	Đại học	CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO Y TẾ CUBA GIAI ĐOẠN 2003-2020	Vũ Quỳnh Trang	TS.Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Đề tài làm rõ những nội dung cốt lõi của chính sách Ngoại giao Y tế Cuba và những tác động của Ngoại giao Y tế Cuba tới bản thân nước này và các

					khu vực khác. Từ đó đưa ra những dự đoán trong tương lai và đề xuất cho Việt Nam những điểm cần học hỏi từ Ngoại giao Y tế Cuba.
3.14	Đại học	Tác động của truyền thông đại chúng tới luật dẫn độ quốc tế giai đoạn 2005 - 2020	Trần Phương Trang	TS.Lê Lêna	Luận văn tập trung nghiên cứu, phân tích và đánh giá các tác động của truyền thông đại chúng tới luật dẫn độ dưới góc nhìn cơ sở lý luận và thực tế. Qua đây, thấy được vai trò, tầm ảnh hưởng của truyền thông đối với luật pháp nói chung và luật dẫn độ nói riêng, cùng vấn đề liên đới như: quan hệ quốc tế. Trên cơ sở đó, đề xuất những kiến nghị mang tính giải pháp, góp phần nâng cao năng lực quản lý, thi hành chính sách dựa trên nền tảng truyền thông của nhà nước. Đồng thời, khóa luận cũng hy vọng sẽ cung cấp thêm những cứ liệu về truyền thông, luật dẫn độ quốc tế và quan hệ quốc tế trong luật pháp.
3.15	Đại học	MÔ HÌNH NHÀ NƯỚC PHÚC LỢI BẮC ÂU: MỘT SỐ SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT	Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS. Hồ Thu Thảo	Đề tài tập trung phân tích mô hình nhà nước phúc lợi xã hội của ba quốc gia Bắc Âu tiêu biểu là Na Uy, Thụy Điển và Đan Mạch. Ngoài ra còn mở rộng ra một số quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu (EU) như: Anh, Pháp, Đức,..Trong quá trình so sánh với mô hình phúc lợi xã hội của Bắc Âu.
3.16	Đại học	QUYỀN LỰC MỀM CỦA CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG ANGELA MERKEL	Bùi Thị Thu Giang	TS.Trần Điệp Thành	Khái niệm về quyền lực mềm. Vai trò của quyền lực mềm đối với CHLB Đức. Làm sáng tỏ thực tiễn của hiệu quả sử dụng quyền lực mềm của CHLB Đức trong giai đoạn 2005 – 2020 qua một số lĩnh vực là chính sách đối ngoại, văn hóa, giáo dục và khoa học – kỹ thuật. Những thành tựu mà Thủ tướng Angela Merkel và CHLB Đức đạt trong giai đoạn này và triển vọng quyền lực mềm của CHLB Đức trong tương lai.
3.17	Đại học	CHÍNH SÁCH CỦA HOA KỲ VỚI VẤN ĐỀ HẠT NHÂN TRIỀU TIÊN, IRAN (2017 – 2020) VÀ MỘT SỐ SO SÁNH	Nguyễn Thị Thanh	PGS.TS.Nguyễn Thị Thanh Thủy	phân tích chính sách của Hoa Kỳ đối với chương trình hạt nhân của CHDCND Triều Tiên và Iran dưới thời Tổng thống Donald Trump. Từ đó có thể đưa ra so sánh sự tương đồng cũng như sự khác nhau giữa chính sách của Tổng thống Donald Trump đối với hai nước và giải thích những nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng và khác biệt đó.
3.18	Đại học	Trừng phạt kinh tế trong quan hệ quốc tế - Trường hợp của Nga (2014-2020)”	Bùi Thị Hồng Hiệp	ThS.Nguyễn Thùy Chi	khóa luận sẽ đi từ việc phân tích lý thuyết về trừng phạt kinh tế trong quan hệ quốc tế rồi đi vào xem xét thực tế trường hợp của Nga khi bị Mỹ và các nước phương Tây áp đặt các lệnh trừng phạt. Sau đó, từ thực tế trường hợp của Nga để quay trở lại kiểm nghiệm lý thuyết, đưa ra những đánh giá về tính hiệu quả của các biện pháp trừng phạt kinh tế trong quan hệ quốc tế.
3.19	Đại học	ẢNH HƯỞNG CỦA THẦN THOẠI BẮC ÂU TỚI VĂN HÓA ĐẠI CHÚNG CỦA ANH TỪ NĂM 2000 - 2020	Nguyễn Thị Trà My	TS.Nguyễn Thu Hằng	đề tài làm rõ tác động của Thần thoại Bắc Âu đối với các sản phẩm văn hóa đại chúng của Anh từ năm 2000 - 2020.
3.20	Đại học	ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN LỐI SỐNG CHÂU ÂU	Đoàn Thị Hiền	TS.Nguyễn Thu Hằng	Thứ nhất, phân tích và làm rõ khái niệm, phạm vi của lối sống nói chung, lối sống của người dân châu Âu trước khi đại dịch COVID-19 xuất hiện nói riêng. Thứ hai, chỉ ra sự tác động của đại dịch COVID-19 tới từng khía cạnh trong lối sống của người dân châu Âu, chỉ ra các mức độ ảnh hưởng và đánh giá xu hướng duy trì lối sống trong tương lai. Thứ ba, đánh giá tác động của xu hướng thay đổi lối sống đến công tác phòng chống và kiểm soát dịch bệnh.

3.21	Đại học	Vietnam Grand Strategy in the period of 2011-2021	Vũ Phúc Khang	TS.Vũ Văn Anh	The thesis aims to elucidate Vietnam's Grand strategy from 2011 to 2021 by examining and connecting its policy documents regarding specific fields including diplomacy, military, economics, and socio-culture, thus, determining whether Vietnam possesses a Grand Strategy.
3.22	Đại học	THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH TRANH CỬ CỦA TỔNG THỐNG DONALD TRUMP (2016-2020)	Nguyễn Thị Thắm	TS.Phạm Thị Thu Huyền	Tìm hiểu khái quát về cương lĩnh tranh cử của Ứng cử viên Tổng thống Trump ; Tìm hiểu quá trình thực hiện cương lĩnh tranh cử của Ứng cử viên Tổng thống Donald Trump trên một số lĩnh vực: kinh tế; việc làm; nhập cư; đối ngoại. Đánh giá quá trình thực hiện cương lĩnh tranh cử của Ứng cử viên Tổng thống Donald Trump trên một số lĩnh vực.
3.23	Đại học	ẢNH HƯỞNG CỦA VẬN ĐỘNG HÀNH LANG TRONG VIỆC THU HỒI SẢN PHẨM XE CƠ GIỚI TẠI HOA KỲ	Cao Thùy Anh	TS.Phạm Thị Thu Huyền	Bảng nghiên cứu, đánh giá những chiến dịch vận động hành lang có ảnh hưởng đến việc thu hồi sản phẩm xe cơ giới của một số doanh nghiệp nổi tiếng và đại lý bán xe ô tô đã qua sử dụng tại Hoa Kỳ. Việc vận động hành lang có ảnh hưởng đến việc thu hồi bắt buộc của các cơ quan công quyền (tức là các cơ quan quản lý, NHSTA trong trường hợp ô tô) không? Trong một môi trường mà chất lượng sản phẩm khách quan phải là yếu tố duy nhất ảnh hưởng đến việc thu hồi sản phẩm, vận động hành lang không được ảnh hưởng đến quyết định thu hồi vì vận động hành lang không làm thay đổi chất lượng sản phẩm. Việc nghiên cứu liệu có mối quan hệ giữa vận động hành lang và thu hồi sản phẩm (tự nguyện và bắt buộc) hay không là điều quan trọng từ quan điểm tiếp thị chiến lược và chính sách công tại Hoa Kỳ.
3.24	Đại học	SỰ BÀNH TRƯỚNG QUÁ KHỔ CỦA CƯỜNG QUỐC: TRƯỜNG HỢP TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2010 - 2020	Lê Anh Phúc	GS.TS.Hoàng Khắc Nam TS.Vũ Văn Anh	Mục tiêu nghiên cứu của khóa luận: là nhằm đánh giá mở rộng quyền lực của Trung Quốc giai đoạn 2010-2020 thông qua các lập luận về sự bành trướng quá khổ của Paul Kennedy.

13. Khoa Khoa học quản lý

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
1.1		Hoàn thiện chức năng nghiên cứu khoa học của các trường đại học quân đội nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ quân sự trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Nguyễn Thị Gấm	PGS.TS Phạm Huy Tiến TS Nguyễn Như Quỳnh	•

1.2		Chính sách phát triển hệ thống thông tin khoa học và công nghệ trong lĩnh vực hàng hải Việt Nam	Vũ Huy Thắng	PGS.TS Trần Thị Quý	
1.3		Chính sách phát triển quỹ đầu tư mạo hiểm nhằm thúc đẩy đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp (nghiên cứu trường hợp các doanh nghiệp cơ khí chế tạo tại thành phố Hồ Chí Minh)	Phạm Duy Hiếu	PGS.TS Trần Văn Hải	
1.4		Chính sách thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp các tỉnh khu vực Đông Bắc (nghiên cứu trường hợp tại Bắc Kạn)	Dương Hữu Bường	GS Nguyễn Đình Tấn TS Phạm Hồng Quát	
1.5		Chính sách thị trường kéo thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và triển khai	Nguyễn Thị Thúy Hiền	PGS.TS Phạm Huy Tiến TS Phạm Hồng Quát	
2	Thạc sĩ				
2.1		Chính sách thúc đẩy ứng dụng công nghệ phù hợp trong lĩnh vực nông nghiệp (nghiên cứu trường hợp sản xuất giống và hoa lan kiếm thương phẩm tại thành phố Phù Lý, tỉnh Hà Nam)	Trần Thị Lan Anh	TS Nguyễn Mạnh Tiến	
2.1		Phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học của đội ngũ bác sỹ và điều dưỡng trong các bệnh viện (Nghiên cứu trường hợp Bệnh viện Đại học Y Hà Nội)	Nguyễn Thị Thùy Dung	Trịnh Ngọc Thạch	
2.3		Chính sách tạo động lực tự đào tạo, bồi dưỡng cho nhân lực KH&CN trẻ trong các viện nghiên cứu (Nghiên cứu trường hợp của Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam)	Trần Thị Thu Cúc	PGS.TS Phạm Huy Tiến	
2.4		Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến xác định chuẩn nghèo trong chính sách giảm nghèo đô thị và đề xuất chuẩn nghèo đô thị	Phạm Tuấn Anh	TS Nguyễn Thị Kim Chi	
2.5		Nhận diện văn hóa tổ chức của trường đại học dựa trên bộ công cụ đánh giá văn hóa tổ chức OCAI (nghiên cứu trường hợp Trường đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội)	Trần Trí Thành	PGS.TS Phạm Ngọc Thanh	

2.6		“Nhận diện rào cản trong thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa” (Nghiên cứu trường hợp trường huyện Chương Mỹ - Thành phố Hà Nội)	Nguyễn Thị Đức Hạnh	PGS.TS.Vũ Cao Đàm	
3	Đại học				
3.1	Đại học	Phát huy vai trò của Trưởng thôn và Đoàn thanh niên trong tuyên truyền kết hợp tu vấn chính sách nhằm nâng cao hiệu quả thực thi chính sách bảo hiểm y tế đối với người dân tộc thiểu số tại địa bàn miền núi (Nghiên cứu trường hợp xã Kim Ngọc, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang)			
3.2	Đại học	Phát huy vai trò của các câu lạc bộ nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo dân ca Ví, Giặm tại các trường học trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện nay.			
3.3	Đại học	Công tác tổ chức, quản lý lễ hội truyền thống tại phường Thọ Xương - Thành phố Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang			
3.4	Đại học	Đánh giá hiệu quả thực thi "cơ chế một cửa, một cửa liên thông" trong giải quyết thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang			
3.5	Đại học	Hoàn Thiện cơ chế " một cửa" nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính tại UBND Phường Thọ Xương, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.	Nguyễn Thị Thảo	Ths Tạ Thị Bích Ngọc	
3.6	Đại học	Cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND xã Bắc Sơn - TP Móng Cái - Quảng Ninh	Ninh Móc Thịm	ThS Hoàng Lan Phương	
3.7	Đại học	Giải pháp thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tại Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh, Thành Phố Hà Nội	Nguyễn Thế Anh	PGS.TS Trần Văn Hải TS Trần Thị Hải Yến	
3.8	Đại học	Sử dụng chính sách đào tạo nhằm thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong các trường đại học ở Việt Nam (Nghiên cứu trường hợp Trường ĐHKHH&NV - ĐHQGHN)	Lộc Thị Bích	ThS Nguyễn Thị Ngọc Anh	

3.9	Đại học	Áp dụng mô hình Blended Learning trong đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ thích ứng với bối cảnh Covid 19 (Nghiên cứu trường hợp công ty Cổ phần Iliat toàn cầu)	Đỗ Thị Bình	ThS Nguyễn Thị Quỳnh Anh	
3.10	Đại học	Chính sách thúc đẩy quá trình thương mại hóa sáng chế trong lĩnh vực nông nghiệp	Phan Khánh Huyền	TS Nguyễn Hữu Xuyên	
3.11	Đại học	Hoàn thiện hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học cho các đề tài nghiên cứu tại tỉnh Vĩnh Phúc	Doanh Phạm Huyền Ngọc	PGS.TS Đào Thanh Trường	
3.12	Đại học	Phân tích tác động của quyết định 855/QĐ-BKH-CN về tái cơ cấu tổ chức hoạt động đến di động xã hội của nhân lực Viện Chiến lược và Chính sách khoa học công nghệ	Đinh Thị Hồng Nhiên	ThS Vũ Hải Trang	
3.13	Đại học	Nhận diện một số loại hình di động xã hội phi truyền thống nguồn nhân lực KH&CN tại Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn trong bối cảnh đại dịch Covid-19	Phan Cảnh Sơn	TS Đinh Thanh Hà	
3.14	Đại học	Tăng cường mối liên kết giữa hoạt động nghiên cứu và triển khai và hoạt động sản xuất tại các Viện nghiên cứu (Nghiên cứu trường hợp Viện nghiên cứu Da - Giày)	Vũ Thị Tiên	TS Trần Hậu Ngọc	
3.15	Đại học	Nhận diện rào cản trong thực thi quyết định số 2366/QĐ-UBND về việc Phê duyệt đề án Chương trình "Mỗi xã, phường một sản phẩm tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2017-2020" nhằm thúc đẩy thương mại hoá sản phẩm chủ lực của địa phương (Nghiên cứu trường hợp huyện Cô Tô-tỉnh Quảng Ninh)	Hoàng Phương Trang	ThS Nguyễn Thị Quỳnh Anh	
3.16	Đại học	Đề xuất một số giải pháp về hoạt động đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	Vũ Thị Kiều Trang	TS Đoàn Văn Khoa	
3.17	Đại học	Xây dựng giải pháp tài chính nhằm hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại Việt Nam thực hiện cơ chế tự chủ (Nghiên cứu trường hợp tại Trung tâm Đào tạo và Hỗ trợ phát triển thị trường công	Bé Thu Trang	ThS Nguyễn Thị Ngọc Anh	

		nghệ - Cục phát triển Thị trường và Doanh nghiệp khoa học và công nghệ			
3.18	Đại học	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng quy định, tiêu chí phân loại thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập	Đỗ Thị Quỳnh Hoa	PGS.TS Đào Thanh Trường	
3.19	Đại học	Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tới sự biến đổi trong phương pháp học tập của sinh viên hiện nay (Nghiên cứu trường hợp sinh viên Trường Đại học KHXH&NV)	Lê Thị Phương Thảo	PGS.TS Đào Thanh Trường	
3.20	Đại học	Nâng cao mức độ gắn kết của nhân viên tại công ty cổ phần đầu tư 6789.	Nguyễn Nhật An	TS Bùi Trang Hương	
3.21	Đại học	Văn hóa trong quy trình tuyển dụng của Công ty Cổ phần MISA	Nguyễn Thị Kim Dung	PGS.TS Hoàng Văn Luân	
3.22	Đại học	Đánh giá quy trình tuyển dụng của Công ty Cổ phần MISA khi áp dụng Chuyển đổi số (Giai đoạn năm 2015-2020)	Ngô Thị Khánh Hoài	ThS Vũ Thị Cẩm Thanh	
3.23	Đại học	Nâng cao hiệu quả tuyển dụng nhân lực tại công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ 30Shine	Lênh Thị Kiều	ThS Trương Thu Hà	
3.24	Đại học	Ảnh hưởng của tiêu chuẩn tuyển dụng lên hoạt động tuyển dụng của công ty Cổ phần Đào tạo và Cung ứng Nhân lực Việt Nam (VHR)	Triệu Mùi Nhậ	TS Nguyễn Anh Thư	
3.25	Đại học	Nhận diện kênh tuyển dụng ở công ty Cổ phần Mỹ phẩm Salonzo	Nông Đình Vũ	ThS Trương Thu Hà	
3.26	Đại học	Thực trạng Công tác đào tạo nhân lực tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG - Thái Nguyên	Dương Thị Ngọc Hà	PGS.TS Hoàng Văn Luân	
3.27	Đại học	Nhảy việc và tác động của nhảy việc đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Ominext và hàm ý chính sách	Lê Thúy Hậu	PGS.TS Hoàng Văn Luân	
3.28	Đại học	Đánh giá thực trạng tuyển dụng nhân lực tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Golf Quốc Gia Việt Nam GolfGroup.	Đông Quỳnh Hương	TS Bùi Trang Hương	
3.29	Đại học	Đánh giá quy trình tuyển dụng nhân sự tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Vũ Thảo Linh	TS Bùi Trang Hương	

3.30	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng trong công việc của nhân viên tại chi nhánh Miền Bắc Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	Nguyễn Thảo Nhi	TS. Nguyễn Thị Kim Chi	
3.31	Đại học	Nhận diện những thay đổi trong hoạt động tuyển dụng nhân lực khi ứng dụng chuyển đổi số tại Công ty Cổ phần NTQ SOLUTION	Nguyễn Thảo Nhi	TS. Nguyễn Thị Kim Chi	
3.32	Đại học	Nhận diện và đánh giá các khóa đào tạo của doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất (Nghiên cứu trường hợp công ty LuxShare ICT Nghệ An)	Đặng Thị Thanh	TS. Nguyễn Thị Kim Chi	
3.33	Đại học	Nhận diện và đánh giá Chính sách Đào tạo tại Trường học Công nghệ MindX	Nguyễn Mạnh Vượng	TS. Nguyễn Thị Kim Chi	
3.34	Đại học	Bảo Hộ Nhân Hiệu và Tên Thương Mại Trong Thương Mại Điện Tử	Lục Thị Hằng	TS Hà Thị Nguyệt Thu	
3.35	Đại học	Sự giao thoa trong bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và tác phẩm mỹ thuật ứng dụng	Kiều Thị Hương	ThS Hoàng Lan Phương	
3.36	Đại học	So sánh bảo hộ kiểu dáng công nghiệp riêng phần ở Nhật Bản và bảo hộ kiểu dáng công nghiệp riêng phần ở Hoa Kỳ	Phạm Thị Khánh	ThS Nguyễn Quang Tuấn	
3.37	Đại học	Nhận diện tầm quan trọng của nhân hiệu tập thể đối với sự phát triển của hợp tác xã chè La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.	ThS Hoàng Thị Hải Yến	Hoàng Văn Thắng	
3.38	Đại học	Chồng lấn giữa nhãn hiệu ba chiều và kiểu dáng công nghiệp trong pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ	Lê Minh Thuận	PGS.TS Trần Văn Hải	
3.39	Đại học	Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp riêng phần và yêu cầu thực tiễn đối với đối tượng này trong lĩnh vực Quản lý Sở hữu trí tuệ	Nguyễn Thị Thùy	ThS Nguyễn Quang Tuấn	
3.40	Đại học	Xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể Bánh đa Ké của phường Đình Ké, thành phố Bắc Giang	Trần Thụy Ngọc Trang	TS Nguyễn Phương Thúy	
3.41	Đại học	Nhận diện tầm quan trọng của sáng chế trong lĩnh vực y học	Nguyễn Thanh Tùng	PGS.TS Trần Văn Hải	

3.41	Đại học	Nhận diện các khía cạnh về sở hữu trí tuệ trong Hiệp định EVFTA tác động tới doanh nghiệp Việt Nam	Đinh Thị Uyên	ThS Hoàng Thị Hải Yến	
3.43	Đại học	Thực trạng bảo hộ tên Thương mại tại Việt Nam hiện nay	Nguy Thị Yến	TS Nguyễn Phương Thúy	

14. Khoa Khoa học chính trị

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
3	Đại học				
3.1		Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang (2016-2020)	Đàm Văn Cần	PGS.TS. Đinh Xuân Lý	Khóa luận nghiên cứu việc Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang (2016-2020)
3.2		Vai trò của hệ thống chính trị Việt Nam trong cuộc chiến chống đại dịch Covid-19	Phạm Hồng Sơn	PGS.TS. Đinh Xuân Lý	Khóa luận nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị Việt Nam trong cuộc chiến chống đại dịch Covid-19
3.3		Chính sách giữ gìn và phát huy giá trị của di sản văn hóa - thiên nhiên thế giới Tràng An	Nguyễn Bá Thành	TS. Phùng Chí Kiên	Khóa luận nghiên cứu chính sách giữ gìn và phát huy giá trị của di sản văn hóa - thiên nhiên thế giới Tràng An
3.4		Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Kháng - nhìn từ góc độ chính quyền (bản Thuận Ôn, xã Mường Khiêng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La)	Lò Văn Nguyên	PGS.TS. Nguyễn Linh Khiếu	Khóa luận nghiên cứu vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Kháng - nhìn từ góc độ chính quyền (bản Thuận Ôn, xã Mường Khiêng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La)
3.5		Thực hiện chương trình 30a/NQ-CP trên địa bàn xã Bản Mù, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2016-2021	Trang A Hồ	ThS. Đặng Anh Dũng	Khóa luận làm rõ vấn đề thực hiện chương trình 30a/NQ-CP trên địa bàn xã Bản Mù, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2016-2021
3.6		Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về cần, kiệm, liêm, chính trong công tác xây dựng đạo đức cho đội ngũ cán bộ đảng viên tỉnh Sơn La hiện nay	Nguyễn Thị Khánh Hà	ThS. Nguyễn Ngọc Diệp	Khóa luận nghiên cứu việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về cần, kiệm, liêm, chính trong công tác xây dựng đạo đức cho đội ngũ cán bộ đảng viên tỉnh Sơn La hiện nay
3.7		Vận dụng tư tưởng HCM về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ huyện Gia Lâm	Đinh Thị Hương	TS. Trần Thị Quang Hoa	Khóa luận nghiên cứu vấn đề vận dụng tư tưởng HCM về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ huyện Gia Lâm

3.8		Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp tỉnh trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Hải Dương	Nguyễn Thanh Lam	TS. Trần Thị Quang Hoa	Khóa luận làm rõ vấn đề phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp tỉnh trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Hải Dương
3.9		Cạnh tranh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc ở Biển Đông	Hoàng Văn Lư	PGS.TS. Nguyễn Anh Cường	Khóa luận làm rõ vấn đề cạnh tranh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc ở Biển Đông
3.10		Một số đặc điểm trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Đông Nam Á từ năm 2013 đến nay	Đào Quang Trung	PGS.TS. Nguyễn Anh Cường	Khóa luận làm rõ một số đặc điểm trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Đông Nam Á từ năm 2013 đến nay
3.11		Vận dụng tư tưởng HCM về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong đại dịch Covid-19 năm 2020	Đinh Thị Ngọc Anh	ThS. Nguyễn Ngọc Diệp	Khóa luận nghiên cứu vấn đề vận dụng tư tưởng HCM về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong đại dịch Covid-19 năm 2020
3.12		Chính sách của vua Minh Mạng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Công giáo	Cao Tiến Toàn	TS. Đỗ Thị Ngọc Anh	Khóa luận nghiên cứu vấn đề chính sách của vua Minh Mạng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Công giáo
3.13		Công tác bồi dưỡng cán bộ chủ chốt trên địa bàn thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (2016-2021)	Từ Thị Thúy	ThS. Nguyễn Thị Kim Hoa	Khóa luận nghiên cứu vấn đề công tác bồi dưỡng cán bộ chủ chốt trên địa bàn thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (2016-2021)
3.14		Việt Nam với cộng đồng kinh tế ASEAN	Hà Văn Hưng	ThS. Nguyễn Thị Kim Hoa	Khóa luận nghiên cứu vai trò của Việt Nam với cộng đồng kinh tế ASEAN
3.15		Tác động của nhập cư trái phép tới xã hội Hoa Kỳ trong khoảng thời gian 2017-2021 và kinh nghiệm cho Việt Nam	Dương Hoàng Linh	ThS. Phạm Quỳnh Hương	Khóa luận tầm hiểu tác động của nhập cư trái phép tới xã hội Hoa Kỳ trong khoảng thời gian 2017-2021 và kinh nghiệm cho Việt Nam
3.16		Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực nhà nước vào việc xây dựng bộ máy chính quyền nhân tỉnh Tuyên Quang	Nguyễn Khánh Huyền	TS. Nguyễn Thanh Tùng	Khóa luận nghiên cứu việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực nhà nước vào việc xây dựng bộ máy chính quyền nhân tỉnh Tuyên Quang
3.17		Chính sách quản lý khai thác đá trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An	Đào Thị Hồng Phượng	TS. Phùng Chí Kiên	Khóa luận nghiên cứu việc chính sách quản lý khai thác đá trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
3.18		Nhận thức của sinh viên Hà Nội với Fake News	Nguyễn Thị Thùy Linh	ThS. Nguyễn Văn Thắng	Khóa luận nghiên cứu vấn đề nhận thức của sinh viên Hà Nội với Fake News
3.19		Nhận thức của sinh viên về bầu cử ở Việt Nam 2021	Tạ Thị Ngân	ThS. Nguyễn Văn Thắng	Khóa luận nghiên cứu vaabs đề nhận thức của sinh viên về bầu cử ở Việt Nam 2021
3.20		Thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Ma Xuân Bộ	TS. Nguyễn Duy Quỳnh	Khóa luận nghiên cứu việc thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên

3.21		Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trên địa bàn huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	Sùng Thị Ngọc Tuấn	TS. Nguyễn Duy Quỳnh	Khóa luận nghiên cứu việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trên địa bàn huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang
3.22		Vai trò ngoại giao của sông Mekong giữa Lào - Trung Quốc và bài học cho Việt Nam	Phạm Thị Phương	ThS. Nguyễn Phú Hải	Khóa luận nghiên cứu vai trò ngoại giao của sông Mekong giữa Lào - Trung Quốc và bài học cho Việt Nam
3.23		Công tác truyền thông về việc phòng, chống dịch bệnh Covid-19 cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao (nghiên cứu trường hợp tại huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên)	Phan Thành Tuấn	TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng	Khóa luận nghiên cứu việc công tác truyền thông về việc phòng, chống dịch bệnh Covid-19 cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao (nghiên cứu trường hợp tại huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên)
3.24		Giữ gìn và phát huy văn hóa làng nghề gốm Chu Đậu hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Triệu Thị Nga	TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng	Khóa luận nghiên cứu việc giữ gìn và phát huy văn hóa làng nghề gốm Chu Đậu hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh
3.25		Xây dựng quyền lực mềm quốc gia trong cuộc chiến chống đại dịch Covid-19 ở Việt Nam	Lê Hoàn	TS. Lưu Minh Văn	Khóa luận nghiên cứu việc xây dựng quyền lực mềm quốc gia trong cuộc chiến chống đại dịch Covid-19 ở Việt Nam
3.26		Nhân tố Campuchia trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc sau Đại hội XIX	Phạm Minh Khương	TS. Nguyễn Thu Hồng	Nhân tố Campuchia trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc sau Đại hội XIX
3.27		Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc Xã Hội Chủ Nghĩa - nội dung và giá trị	Nguyễn Ngọc Linh	TS. Nguyễn Thu Hồng	Khóa luận nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc Xã Hội Chủ Nghĩa - nội dung và giá trị
3.28		Đào chính quân sự ở Myanmar 2021: thực trạng, nguyên nhân, dự báo và bài học cho Việt Nam	Trần Văn Huy	TS. Trần Bách Hiếu	Khóa luận nghiên cứu vấn đề đào chính quân sự ở Myanmar 2021: thực trạng, nguyên nhân, dự báo và bài học cho Việt Nam
3.29		Quan hệ giữa các cường quốc qua nghiên cứu trường hợp cuộc nội chiến Syria từ năm 2011 đến nay	Trần Hoàng Quân	TS. Trần Bách Hiếu	Khóa luận nghiên cứu quan hệ giữa các cường quốc qua nghiên cứu trường hợp cuộc nội chiến Syria từ năm 2011 đến nay
3.30		Thực hiện giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở tỉnh Điện Biên	Sùng Thị Pà	TS. Nguyễn Thị Châu Loan	Khóa luận nghiên cứu việc thực hiện giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở tỉnh Điện Biên
3.31		Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Hải Dương hiện nay	Nguyễn Thị Uyên	TS. Nguyễn Thị Châu Loan	Khóa luận nghiên cứu việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Hải Dương hiện nay

15. Khoa Du lịch

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
3	Đại học				
3.1		Những ảnh hưởng của Đại dịch Covid 19 đến hoạt động kinh doanh của khách sạn JW Marriot Hà Nội và một số biện pháp phát triển trở lại"	Đới Thị Vân Anh	PGS.TS.Trần Thị Minh Hòa	Đề tài đã chỉ ra được những ảnh hưởng, tác động của dịch bệnh COVID - 19 đến hoạt động kinh doanh của khách sạn JW Marriott Hà Nội nói riêng, hoạt động kinh doanh lĩnh vực lưu trú và ngành du lịch nói chung. Từ đó để thấy rằng, du lịch tuy là một ngành kinh tế mũi nhọn nhưng cũng là ngành chịu ảnh hưởng nề của dịch COVID - 19. Chính vì vậy, đề tài cũng đưa ra một số kiến nghị với các cơ quan ban ngành Nhà nước, với Tổng cục Du lịch đưa ra những biện pháp mới để phục hồi ngành du lịch, phục hồi hoạt động kinh doanh lưu trú, ăn uống; và đưa ra những chính sách về giá, về sản phẩm để kích cầu du lịch
3.2		Văn hóa ứng xử trong kinh doanh khách sạn - nghiên cứu tại khách sạn InterContinental Hanoi Landmark 72 và khách sạn Mường Thanh Hà Nội Center	Lô Thị Diệu Bình	TS. Nguyễn Ngọc Dung	Bài nghiên cứu làm rõ được cơ sở lý luận về văn hóa ứng xử nói chung và cụ thể trong kinh doanh khách sạn nói riêng, Phân tích thực trạng văn hóa ứng xử tại hai khách sạn InterContinental Hanoi Landmark 72 và khách sạn Mường Thanh Grand Hà Nội Centre, qua đó đưa ra những đề xuất giải pháp nhằm nâng cao văn hóa ứng xử của nhân viên trong hoạt động kinh doanh khách sạn.
3.3		Áp dụng công nghệ 4.0 trong kinh doanh khách sạn tại Hà Nội - nghiên cứu tại khách sạn InterContinental Hanoi Landmark 72, khách sạn Novotel Hanoi Thái Hà và khách sạn Thẻ Thao	Nguyễn Thị Thu Hà	TS. Nguyễn Ngọc Dung	Bài viết tập trung nghiên cứu về lịch sử hình thành, phát triển và sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trên tất cả các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa-xã hội... và đặc biệt là trong hoạt động kinh doanh khách sạn tại khu vực Hà Nội – thủ đô của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của cả nước , nơi có du lịch phát triển mạnh mẽ, tập trung nhiều khách sạn. Bước vào đầu thế kỉ XXI, khi đời sống vật chất của con người được nâng cao, con người cũng muốn cải thiện về đời sống tinh thần trong đó du lịch, du lịch phát triển và được kết hợp với nhiều mục đích khác nhau. Điều này đã làm gia tăng nhu cầu về nơi lưu trú, nhiều loại hình mới ra đời nhưng nhiều nhất và đặc trưng nhất vẫn là các khách sạn. Khách sạn không chỉ được hiểu theo nghĩa hẹp là cung cấp nơi lưu trú thông thường mà còn hướng đến sự phục vụ tiện nghi hiện đại và tạo ra các trải nghiệm mới cho khách hàng nhờ vào ứng dụng công nghệ 4.0 - nghiên cứu cụ thể tại 3 khách sạn tại Hà Nội như: InterContinental Hanoi Landmark 72, khách sạn Novotel Hanoi Thái Hà và khách sạn Thẻ Thao. Bài viết sử dụng các phương pháp như: thu thập và xử lý thông tin, thống kê, phân tích và tổng hợp, so sánh, quan sát kết hợp phỏng vấn sâu để phân tích hoạt động kinh doanh trong thời đại công nghệ 4.0, sự khác biệt về mức độ và qui mô áp dụng giữa ba khách sạn InterContinental Hanoi Landmark 72, khách sạn Novotel Hanoi Thai Ha và khách sạn Thẻ Thao. Qua đó, tác giả rút ra được những thành công cơ bản và những tồn tại cần khắc phục, đồng thời thông qua việc dựa trên những chỉ số dự báo phát triển của ngành du lịch –khách sạn trong một vài năm

					tối, đưa ra các đề xuất về giải pháp chung cũng như các giải pháp riêng với từng khách sạn để quá trình áp dụng công nghệ 4.0 đạt hiệu quả tối ưu.
3.4		Nghiên cứu vấn đề nâng cao chất lượng dịch vụ tại bộ phận Banquet - Khách sạn JW Marriot Hà Nội	Phạm Thanh Nguyên	Th.s.Đình Nhật Lê	<p>Về cơ bản, luận văn đã đạt được những kết quả nghiên cứu chính sau:</p> <p>Một là, đề tài đã hệ thống hóa được các vấn đề lý luận về khách hàng, trải nghiệm khách hàng, phân loại khách hàng, hành trình khách hàng, các giai đoạn của vòng đời khách hàng, các yếu tố ảnh hưởng đến trải nghiệm khách hàng, nguyên tắc xây dựng, quản lý trải nghiệm khách hàng; các cơ sở lý luận về nhà hàng, chuỗi nhà hàng, đặc điểm kinh doanh chuỗi nhà hàng, những lưu ý khi kinh doanh chuỗi nhà hàng cũng như vai trò của việc quản lý trải nghiệm khách hàng đối với kết quả kinh doanh của nhà hàng.</p> <p>Hai là, luận văn đã tổng quan được các thông tin cơ bản về chuỗi nhà hàng Haidilao, bao gồm: lịch sử hình thành và phát triển, sứ mệnh, trách nhiệm với xã hội, an toàn thực phẩm, phân tích SWOT; mô tả được thực trạng kinh doanh, các chính sách xây dựng và quản lý trải nghiệm khách hàng của chuỗi nhà hàng này, đồng thời đánh giá kết quả và hạn chế của những chính sách đó</p> <p>Ba là, dựa trên nghiên cứu điển hình, luận văn đưa ra những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng và quản lý trải nghiệm khách hàng cho các chuỗi nhà hàng trên địa bàn Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung</p>
3.5		Quản lý trải nghiệm khách hàng trong kinh doanh chuỗi nhà hàng ở Hà Nội, nghiên cứu điển hình chuỗi nhà hàng Haidilao.	Nguyễn Thị Xuân	Th.s. Tô Quang Long	<p>Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, doanh nghiệp hoạt động trong bất kỳ một lĩnh vực nào muốn tồn tại và phát triển thì sản phẩm mà doanh nghiệp kinh doanh phải được khách hàng chấp nhận. Muốn vậy, doanh nghiệp phải không ngừng hoàn thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm của mình. Đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh Du lịch - Khách sạn, sản phẩm là dịch vụ. Có thể nói chất lượng dịch vụ chính là một trong những yếu tố sống còn của ngành kinh doanh Du lịch – Khách sạn nói chung và kinh doanh nhà hàng nói riêng. Bộ phận Banquet – Khách sạn JW Marriot Hà Nội đã đạt được những thành công nhất định trong việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, khẳng định vị thế của bộ phận cũng như của khách sạn trên thị trường. Để được khách hàng ghi nhận, đánh giá cao, bộ phận vẫn cần không ngừng cố gắng cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ. Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Nghiên cứu vấn đề nâng cao chất lượng dịch vụ tại bộ phận Banquet - Khách sạn JW Marriot Hà Nội” đã đi sâu vào nghiên cứu vấn đề chất lượng dịch vụ tại bộ phận Banquet nhằm để phân tích mặt mạnh, yếu để từ đó có những biện pháp giải quyết nhằm đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất. Vấn đề nâng cao chất lượng dịch vụ tại bộ phận đóng vai trò quan trọng việc mang lại doanh thu lớn cho khách sạn đồng thời khẳng định văn hóa và nét đặc trưng của khách sạn trong mắt khách hàng.</p>
3.6		Nghiên cứu hoạt động tổ chức sự kiện chạy bộ thể thao ở Việt Nam qua khảo sát trường hợp VnExpress Marathon	Vũ Quỳnh Anh	TS. Đặng Thị Phương Anh	<p>Chạy bộ đang là một xu hướng có thật trên thế giới. Ở Việt Nam, chưa có con số thống kê chính thức về số lượng người thường xuyên chạy bộ. Tuy nhiên, việc có tới hàng trăm giải chạy bộ lớn - nhỏ, ảo – thực tế được tổ</p>

					<p>chức khắp cả nước trong những năm vừa qua với hàng chục nghìn người tham dự là minh chứng sống động cho sự hấp dẫn của môn thể thao này. Nhờ sự phổ biến và được đón nhận rộng rãi từ công chúng, hoạt động tổ chức các sự kiện chạy bộ đang trở thành một thị trường tiềm năng, thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư tổ chức.</p> <p>Với mục đích nghiên cứu hoạt động tổ chức sự kiện chạy bộ thể thao ở Việt Nam qua trường hợp VnExpress Marathon, tác giả xác định những nhiệm vụ nghiên cứu như sau:</p> <p>1. Nghiên cứu hệ thống hóa khái niệm liên quan đến loại hình sự kiện chạy bộ thể thao; 2. Đánh giá tiềm năng phát triển hoạt động tổ chức sự kiện chạy bộ thể thao; 3. Nghiên cứu thực trạng hoạt động tổ chức sự kiện chạy bộ thể thao tại Việt Nam thông qua khảo sát từ các bên: Vận động viên tham gia, Ban Tổ chức các giải chạy bộ và tham khảo ý kiến các đơn vị quản lý du lịch địa phương từ nhiều nguồn thông tin khác nhau để đưa ra thực trạng hoạt động tổ chức sự kiện chạy bộ thể thao. 4. Đề xuất một số khuyến nghị đối với các bên liên quan nhằm phát triển hoạt động tổ chức sự kiện chạy bộ thể thao.</p> <p>Trong quá trình nghiên cứu, việc áp dụng những phương pháp nghiên cứu và đánh giá tình hình thực tế, đồng thời dựa vào những kiến thức và thông tin quan sát, tổng hợp tác giả đã làm rõ những vấn đề sau: Cung cấp cơ sở lý luận về sự kiện chạy bộ thể thao, tổ chức sự kiện chạy bộ thể thao để giải quyết vấn đề nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được nhu cầu của vận động viên với các yếu tố trong một sự kiện chạy bộ thể thao - Nêu thực trạng của hoạt động tổ chức sự kiện chạy bộ thể thao ở Việt Nam qua sự kết hợp với các bên liên quan - Đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của người tham dự của đơn vị tổ chức sự kiện chạy bộ thể thao - Đưa ra kiến nghị, đề xuất cho các bên liên quan với mục đích nâng cao chất lượng của hoạt động tổ chức sự kiện thể thao ở Việt Nam
3.7		Phát triển du lịch hoài niệm tại khu di tích lịch sử ATK Tân Trào (Tuyên Quang)	Nguyễn Thị Thùy Linh	Th.s Nguyễn Hoàng Phương	<p>Khu di tích lịch sử ATK Tân Trào năm trong 23 di tích lịch sử đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ công nhận vào năm 2012. Đây từng là thủ đô kháng chiến của cả dân tộc và hầu như chưa bị chiến tranh tàn phá quá nhiều. Qua công tác tu bổ và tôn tạo, xây dựng thêm nhà truyền thống, khu tưởng niệm, nhà thờ... thì khu di tích ATK Tân Trào là nơi có tiềm năng rất lớn trong việc phát triển du lịch hoài niệm.</p> <p>Tuy nhiên, công tác phát triển du lịch hoài niệm ở đây còn quá mờ nhạt, chưa được chú trọng phát triển và đầu tư nên hình ảnh khu di tích trong mắt du khách còn hạn chế, chưa nhiều du khách biết đến. Thêm vào đó, công tác quản lý chưa xác định rõ đối tượng mục tiêu, khiến thực trạng quy hoạch khu di tích còn thiếu đồng bộ dẫn tới kém phát triển du lịch hoài niệm.</p>

					Chính vì vậy, khóa luận này được thực hiện với mong muốn nêu lên thực trạng, những việc đã làm được hay chưa làm được của khu di tích. Từ đó nêu lên các giải pháp đề xuất cho các bên liên quan như: chính quyền, ban quản lí, doanh nghiệp, người lao động, du khách... Để công tác phát triển du lịch hoài niệm tiến nhanh và xa hơn, góp phần vào sự phát triển du lịch nước nhà.
3.8		Xây dựng hình ảnh điểm đến du lịch Tuyên Quang thông qua “Lễ hội Thành Tuyên”	Nguyễn Thùy Linh	Nguyễn Thu Thủy	<p>Tuyên Quang – một tỉnh giàu truyền thống cách mạng; nơi có phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp với những thắng cảnh kỳ thú, độc đáo và hấp dẫn. Có sự khởi phát, hội tụ và giao thoa sắc thái văn hóa của các dân tộc vùng núi phía Bắc với nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể vô cùng quý giá của cộng đồng dân tộc sinh sống từ lâu đời. Tất cả yếu tố đó đã tạo nên nguồn tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng để Tuyên Quang tập trung khai thác, phát triển du lịch. Tuy nhiên du lịch nơi đây lại chưa thực sự được chú trọng, chưa nhiều người biết tới. Sự khởi sắc có lẽ bắt nguồn từ khi xuất hiện Lễ hội Thành Tuyên.</p> <p>Việc xây dựng hình ảnh điểm đến có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình tạo ấn tượng trong lòng du khách, tác động trực tiếp tới việc quyết định có những trải nghiệm khác hay ý định quay trở lại địa điểm hay không. Chính vì lý do đó, đề tài “Xây dựng hình ảnh điểm đến du lịch Tuyên Quang thông qua Lễ hội Thành Tuyên” sẽ giúp có cái nhìn tổng quát về du lịch Tuyên Quang, đồng thời nhìn nhận những ưu điểm, hạn chế của điểm đến để giúp các nhà quản lý đưa ra những phương án phát triển</p> <p>Nội dung chính là việc xây dựng hình ảnh điểm đến Tuyên Quang: Nhiều tiềm năng du lịch, nhiều địa điểm nổi tiếng, có bản sắc văn hóa độc đáo, có nhiều trải nghiệm. Con người đất Tuyên cũng rất hiếu khách, thân thiện; chi phí tiêu dùng rẻ, nhiều thể loại,...</p> <p>Sau những tài liệu thu thập được từ các ban ngành du lịch ở Tuyên Quang, những nghiên cứu trong và ngoài nước, tác giả đã sơ lược một số ưu, khuyết điểm trong vấn đề phát triển du lịch, đồng thời có những giải pháp, khuyến nghị với hoạt động quảng bá, xây dựng hình ảnh; các chính sách, cơ chế để đóng góp cho sự phát triển du lịch tỉnh.</p>
3.9		Ứng dụng Công nghệ trong Tổ chức sự kiện tại Việt Nam	Đỗ Thị Ngân	TS. Nguyễn Thu Thủy	<p>Nội dung chính của khóa luận được chia thành 3 chương, chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn ứng dụng công nghệ trong tổ chức sự kiện. Chương này ngoài cung cấp thông tin lý luận chung thì còn phân loại công nghệ vào các nhóm khác nhau để thuận lợi cho việc phân tích ảnh hưởng sau này.</p> <p>Chương 2: Nội dung nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu; Chương 3: Kết quả nghiên cứu, bao gồm: Kết quả nghiên cứu vai trò của việc ứng dụng công nghệ trong tổ chức sự kiện đối với nhà tổ chức và Kết quả đối với người tiêu dùng; Đưa ra những kiến nghị đề công nghệ cũng sẽ phát triển mạnh mẽ hơn và tác động nhiều hơn tới toàn bộ các lĩnh vực KT-XH khác chứ không riêng Sự kiện.</p>

					Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong chương 3. Kết quả cho thấy các công nghệ được ứng dụng rộng rãi trong tổ chức sự kiện tại Việt Nam. Tuy nhiên phổ biến hơn cả vẫn là các công nghệ về vật liệu, sản xuất thi công. Các công nghệ hiện đại đã được chia thành 4 nhóm chính, cho thấy sự ứng dụng khá rộng rãi trong các sự kiện tại Việt Nam và đã để lại ấn tượng khá tốt với khán giả. Tuy nhiên vẫn còn những tác động ngược chiều trong việc ứng dụng công nghệ vào tổ chức sự kiện với cả 2 nhóm nhà tổ chức sản xuất sự kiện và khán giả tham dự sự kiện tại Việt Nam. Chính vì vậy, tác giả đã tổng kết kết quả nghiên cứu, từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng các chương trình, sự kiện có ứng dụng công nghệ, đẩy mạnh vai trò và khắc phục những yếu điểm, hạn chế.
3.10		Vận dụng thuyết các bên liên quan trong nghiên cứu phát triển du lịch homestay tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Hà Phương Thảo	TS.Trịnh Lê Anh	Dựa trên Thuyết các bên liên quan (Stakeholder Theory) và kết quả nghiên cứu có thể thấy hoạt động du lịch homestay ở Phù Yên, Sơn La chịu tác động rõ rệt nhất của bốn bên liên quan là: Người dân địa phương, khách du lịch, cơ sở cung ứng du lịch homestay, chính quyền và cơ quan quản lý địa phương. Các bên liên quan khác trong phát triển du lịch, làm rõ vai trò và thực trạng sự tham gia của các bên liên quan trong việc phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Phù Yên tỉnh Sơn La, nhận xét và đưa ra được những hạn chế, tồn tại về sự tham gia của các bên liên quan trong hoạt động du lịch. Tác giả cũng đã đưa ra một số nhận định thực tiễn về hiện trạng phát triển du lịch homestay tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La dựa trên cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về du lịch homestay, Các bên liên quan trong phát triển du lịch homestay. Từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm định hướng và phát triển Du lịch homestay tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La dựa trên những lợi thế về tài nguyên du lịch có sẵn trên địa bàn huyện.
3.11		Nghiên cứu xu hướng lựa chọn cơ sở lưu trú của khách thanh niên khi đi du lịch tại huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Vũ Thị Thu Hà	Th.S Vũ Hương Lan	Trình bày cơ sở lý luận về lưu trú, cơ sở lưu trú, và những khái quát về huyện Hoa Lư và cơ sở lưu trú ở địa phương. - Thu thập những ý kiến đánh giá của khách thanh niên đã sử dụng cơ sở lưu trú tại huyện Hoa Lư và khách thanh niên tiềm năng. - Đưa ra được một số nhận định về xu hướng lựa chọn cơ sở lưu trú của khách thanh niên như phụ thuộc vào giá cả, lựa chọn thông qua sự đánh giá về cơ sở lưu trú trên diễn đàn mạng xã hội, hay các tiện ích đi kèm - Đề xuất một số giải pháp nhằm thu hút khách thanh niên và phát triển cơ sở lưu trú tại huyện Hoa Lư căn cứ vào kết quả khảo sát và những quy hoạch, định hướng của chính quyền các cấp.
3.12		Nghiên cứu ảnh hưởng của Instagram đến quyết định lựa chọn điểm đến du lịch Đà Lạt của khách du lịch trẻ tuổi	Nguyễn Thị Mai	TS. Đỗ Hải Yến	Các kết quả đã đạt được : Trình bày được cơ sở lý luận về mạng xã hội, nền tảng Instagram, điểm đến du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến, khách du lịch trẻ tuổi. Thu thập được các kết quả khảo sát cũng như các câu trả lời phỏng vấn các bạn trẻ đã sử dụng nền tảng IG và đã từng đi du lịch Đà Lạt. Đưa ra được các nhận định và đánh giá, phân tích về kết quả khảo sát và từ quan sát thực tế về sự ảnh hưởng của

					Instagram đến quyết định lựa chọn Đà Lạt là điểm đến du lịch của giới trẻ Việt Nam. Đề xuất một số giải pháp giúp cải thiện chất lượng bài đăng, giúp điểm đến nâng cao được hình ảnh trong mắt của khách du lịch
3.13		Đánh giá mức độ tác động trào lưu du lịch nhiếp ảnh của thế hệ Z đến hình ảnh điểm đến Hà Giang	Phan Thị Quỳnh	PGS.TS. Phạm Hồng Long	<p>Hiện nay, Hà Giang là điểm đến ưa thích của giới trẻ thích khám phá và trải nghiệm đặc biệt là thế hệ Z. Với những nhu cầu, hành vi du lịch của mình, thế hệ Z đã và đang sử dụng nhiếp ảnh để quảng bá, lan tỏa, chia sẻ về hình ảnh điểm đến Hà Giang. Nhận thấy có sự tác động, ảnh hưởng lớn giữa du lịch nhiếp ảnh và hình ảnh điểm đến trong tâm trí khách du lịch. Hơn hết muốn biết yếu tố nào của trào lưu du lịch nhiếp ảnh tác động nhiều hay ít đến hình ảnh điểm đến nên tác giả lựa chọn đề nghiên cứu với mục đích nhằm “đánh giá mức độ tác động trào lưu du lịch nhiếp ảnh của thế hệ Z đến hình ảnh điểm đến Hà Giang”. Từ đó đưa ra những giải pháp, khuyến nghị để cải thiện, nâng cao hình ảnh điểm đến và phát triển du lịch tại Hà Giang.</p> <p>Nghiên cứu bao gồm 5 chương. Chương 1: Mở đầu. Chương 2: Cơ sở lý luận. Trình bày các cơ sở lý luận về khái niệm thế hệ Z, du lịch nhiếp ảnh, hình ảnh điểm đến; mô hình và nghiên cứu. Chương 3: Mô tả điểm đến và phương pháp nghiên cứu. Chương 4: Kết quả nghiên cứu. Chương 5: Kết luận – Kiến nghị.</p> <p>Kết quả nghiên cứu được trình bày cụ thể ở chương 4, thang đo có độ tin cậy và giá trị cao. Kết quả cho thấy các yếu tố chủ quan, khách quan của thế hệ Z đều tác động tích cực (thuận chiều) đến hình ảnh điểm đến Hà Giang khách du lịch đồng ý và rất đồng ý 5/6 yếu tố, 1 yếu tố trung lập. Như vậy, du lịch nhiếp ảnh tác động tích cực đến hình ảnh điểm đến Hà Giang. Tác giả đã tổng kết kết quả nghiên cứu, từ đó đưa ra các đề xuất giải pháp - khuyến nghị nâng cao hình ảnh điểm đến Hà Giang trong tâm trí du khách, tăng hiệu quả khai thác du lịch Hà Giang.</p>
3.14		Ảnh hưởng của các điểm check in tới quyết định lựa chọn điểm đến của khách du lịch nội địa đến Sa pa	Đặng Thị Thanh Thanh	TS. Nguyễn Quang Vinh	<p>Hệ thống hóa được các cơ sở lý luận cần thiết, liên quan trực tiếp đến đề tài như lý thuyết về quyết định lựa chọn ĐĐDL, xây dựng lý thuyết “Điểm check in du lịch” với hệ thống khái niệm, phân loại, thuộc tính của một điểm check in du lịch. Khái quát địa điểm nghiên cứu Sa Pa với các thông tin cơ bản về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, dân cư – xã hội; tài nguyên du lịch và các hoạt động du lịch của địa phương. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã cho thấy đặc điểm nhân khẩu học của nhóm khách du lịch nội địa đến Sa Pa, đặc biệt là nhóm khách thích du lịch check in. Nghiên cứu đã khẳng định được các điểm check in có ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn điểm đến của khách du lịch cụ thể là KDL nội địa đến điểm du lịch Sa Pa. Tác giả nhận ra rằng có 3 yếu tố trong tổng số 6 yếu tố được phân tích thuộc điểm check in có ảnh hưởng mạnh mẽ tới quyết định lựa chọn điểm đến, sắp xếp theo mức độ ảnh hưởng từ cao xuống thấp, ta có: Mức độ nổi tiếng của điểm check in; giá cả và các dịch vụ- tiện ích phụ trợ của một điểm check in du lịch</p>

3.15		Đánh giá tài sản thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải từ quan điểm của khách du lịch nội địa	Nguyễn Công Toại	PGS.TS. Phạm Hồng Long	<p>đề tài nghiên cứu với mục đích nhằm đánh giá tài sản thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải từ quan điểm của khách du lịch nội địa. Từ đó đưa ra những giải pháp, khuyến nghị để cải thiện và phát triển thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải.</p> <p>Kết quả nghiên cứu được trình bày cụ thể ở chương 4, thang đo có độ tin cậy và giá trị cao. Kết quả cho thấy có bốn thành tố cấu thành nên Tài sản thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải bao gồm: Nhận biết thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải, Chất lượng cảm nhận thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải, Hình ảnh thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải và Sự trung thành với thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải. Trong đó, Hình ảnh thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải có hệ số tác động đến Tài sản thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải lớn nhất và Sự trung thành với thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải có hệ số tác động nhỏ nhất. Ngoài ra khi kiểm định sự đồng ý và sự khác biệt trong đánh giá của khách du lịch nội địa với các yếu tố cấu thành nên tài sản thương hiệu điểm đến và Tài sản thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải thì Chất lượng cảm nhận thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải, Hình ảnh thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải được khách du lịch đánh giá khá thấp. Đặc biệt trong một số yếu tố có xảy ra sự khác biệt trong các đánh giá. Chính vì vậy, tác giả đã tổng kết kết quả nghiên cứu, từ đó đưa ra các đề xuất giải pháp - khuyến nghị nhằm nâng cao Tài sản thương hiệu điểm đến Mù Cang Chải cũng như nâng cao hiệu quả khai thác du lịch, tăng sự hài lòng của khách du lịch với điểm đến Mù Cang Chải.</p>
------	--	---	------------------	------------------------	--

16. Tôn giáo học

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
1.1	Tiến sĩ	Tổ chức và hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay	Trần Thị Hằng	PGS.TS. Trần Thị Kim Oanh	Luận án chỉ ra thực trạng kết cấu tổ chức và hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chỉ ra một số vấn đề còn tồn tại và đưa ra một số giải pháp, khuyến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của GHPGVN
2	Thạc sĩ				
2.1		Tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực ở Tỉnh Kiên Giang hiện nay	Huỳnh Quốc Huy	TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phân tích quá trình hình thành và thực hành tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực ở Kiên Giang hiện nay. Chỉ ra một số biến đổi của việc thực hành tín ngưỡng này và đề xuất một số khuyến nghị nhằm hạn chế, khắc phục một số bất cập hiện nay.
2.2		Việc thực hiện quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước trên địa bàn	Võ Văn Lập	PGS.TS. Đỗ Thị Hòa Hới	Phân tích thực trạng và những giải pháp của việc thực hiện quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

		huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang hiện nay: thực trạng và giải pháp			hiện nay. Đưa ra những dự báo chung về tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận hiện nay và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này.
2.3		Địa chính trị tôn giáo: Trường hợp Phật giáo Việt Nam tại lục địa Đông Nam Á	Nguyễn Thị Giang	TS. Võ Minh Tuấn	Đề tài nghiên cứu của luận văn là Phật giáo Việt Nam thế kỷ 10 - 14 trong tương quan với Phật giáo lục địa Đông Nam Á từ hệ quy chiếu địa chính trị học. Cho nên trong công trình nghiên cứu này, tập trung khảo cứu những đặc điểm nổi bật của Phật giáo trong giai đoạn này với vai trò là một tôn giáo đại diện quốc gia trong khu vực lục địa Đông Nam Á, để từ đó có mối liên hệ với Phật giáo Việt Nam đương thời. Với điểm nhìn địa chính trị học, Phật giáo Việt Nam đồng dạng mà cũng dị biệt trong bức tranh toàn cảnh Phật giáo khu vực. Từ đây, phần nào tìm được những lời giải đáp cho bức màn địa chính trị Phật giáo khu vực thời trung đại.
2.4		Công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo đối với các di tích Phật giáo huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Dương Thị Đào	TS. Bùi Thị Ánh Vân	Luận văn phân tích về thực trạng hoạt động quản lý Nhà nước về tôn giáo đối với di tích Phật giáo tại huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.
2.5		Tư tưởng bác ái trong sống đạo của người Công giáo hiện nay” (Qua khảo sát một số giáo xứ Công giáo tại Tp. HCM)	Nguyễn Thị Xuân Mai	PGS.TS. Nguyễn Thị Xuân Mai	Nêu lên các điểm liên quan trong đời sống sinh hoạt đạo của hai giáo xứ Công giáo tại Tp. HCM với những nét riêng biệt liên quan đến đề tài nghiên cứu. Hệ thống hoá và phân tích về nội dung tư tưởng bác ái qua các mối quan hệ trong sống đạo và thực hành hoạt động bác ái xã hội của người Công giáo tại hai giáo xứ. - Nêu lên một số thách thức và một số khuyến nghị giúp ứng dụng vào việc phát huy đời sống đạo đức bác ái trong tư tưởng và hiện thực hoá các hành vi bác ái trong đời sống thực tế.
2.6		Hoạt động hướng dẫn Phật tử của Phật giáo ở Hà Nội hiện nay (Nghiên cứu trường hợp chùa Hòe Nhai, quận Ba Đình và chùa Long Hưng, huyện Đông Anh)	Nguyễn Thị Trang	TS. Hoàng Văn Chung	Luận văn đã phân tích thực trạng hoạt động hướng dẫn Phật tử, chỉ ra một số đổi mới trong hoạt động hướng dẫn Phật tử của Phật giáo ở Hà Nội.
2.7		Tư tưởng Thiền học của Thiền sư Minh Châu Hương Hải và giá trị đối với Phật giáo thời Hậu Lê	Nguyễn Văn Tuyên	TS. Vũ Văn Chung	Khái lược về bối cảnh Phật giáo thời Hậu Lê cũng như cuộc đời, sự nghiệp và một số tác phẩm tiêu biểu của Thiền sư Minh Châu Hương Hải và đưa ra những nhận định, đánh giá, được
2.8		Lễ hội Vu Lan Bồn Phật giáo tại tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay (Qua khảo sát một số ngôi chùa thại thành phố Huế)	Đoàn Văn Đương	PGS.TS. Đỗ Thị Hòa Hới	Phân tích được nguồn gốc, nội dung của ngày lễ Vu Lan Bồn trong truyền thống và ngày lễ Vu Lan tại Huế hiện nay. Qua đó chỉ ra những chuyển biến trong lễ hội theo thời gian, những điểm chung thống nhất trong lễ Vu Lan trên toàn quốc và những đặc điểm đặc trưng của lễ hội Vu Lan Bồn của Phật giáo tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Tìm hiểu được các nghi lễ được tổ chức trong lễ Vu Lan Bồn, cũng như một vài nghi lễ được tổ chức trong mùa lễ hội Vu Lan tại tỉnh Thừa Thiên Huế và từ đó chỉ ra được ý nghĩa của các nghi lễ đó. Chỉ ra giá trị vật chất, tinh thần cũng như làm rõ một số bất cập của mùa lễ hội Vu Lan tại Thừa Thiên Huế hiện nay, qua đó đề ra những giải pháp để khắc phục hoặc ít nhất là giảm thiểu những bất cập đó đến mức tối thiểu.

17. Khoa Lịch sử

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
3	Đại học				
3.1	Đại học	Vật liệu kiến trúc qua tư liệu khảo sát, khai quật di tích Vạn Lại - Yên Trường (Thanh Hóa) năm 2021	Lương Thị Mai Anh	TS Nguyễn Hữu Mạnh	
3.2	Đại học	Báo cáo kết quả khai quật di tích Đám Trì (Bắc Giang), năm 2021	Tạ Minh Đức	TS Nguyễn Văn Anh	
3.3	Đại học	Hiện vật văn hoá Hạ Long lưu giữ tại Bảo tàng Quảng Ninh	Phạm Vũ Hải	ThS Hoàng Văn Diệp	
3.4	Đại học	Di vật tùy táng trong mộ gạch trên địa bàn Quảng Ninh	Vũ Ngọc Thắng	PGS.TS Đặng Hồng Sơn	
3.5	Đại học	Thủy quân Đại Việt thời Lê Trung Hưng	Trịnh Quỳnh Châu	ThS Nguyễn Ngọc Phúc	
3.6	Đại học	Đền thánh Đức Mẹ Mân Côi Ninh Cường (Nam Định): lịch sử và kiến trúc	Nguyễn Minh Đức	TS Hồ Thành Tâm	
3.7	Đại học	Quảng cáo trên báo Phong hóa và Ngày nay	Lê Thu Hường	TS Trương Thị Bích Hạnh	
3.8	Đại học	Từ Lê Duy Mật đến Lê Duy Lương: Miền thượng du trong các cuộc nổi dậy của hậu duệ nhà Lê thế kỷ XVIII-XIX	Nguyễn Thị Thu	TS Đỗ Thị Thùy Lan	
3.9	Đại học	Chính quyền thực dân và y học phương Tây: So sánh chính sách y tế của Pháp ở Đông Dương (1902-1945) và chính sách y tế của Hà Lan ở Đông Ấn (1901-1942)	Trịnh Hoàng Mỹ Dương	PGS.TS Phạm Văn Thủy	
3.10	Đại học	Hoạt động giao thương quốc tế của Ốc Eo – Phù Nam (thế kỷ I-thế kỷ VII)	Vũ Hoàng Long	GS.TS Nguyễn Văn Kim	
3.11	Đại học	Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo xây dựng hệ thống tổ chức cơ sở đảng từ năm 1945 đến năm 1975	Trịnh Lê Bảo Hân	TS Phạm Minh Thế	
3.12	Đại học	Đảng bộ thành phố Hà Nội lãnh đạo cải cách hành chính từ năm 2010 đến năm 2020	Trịnh Minh Long	PGS.TS Nguyễn Thị Mai Hoa	

3.13	Đại học	Đảng bộ huyện Việt Yên (tỉnh Bắc Giang) lãnh đạo công tác xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2020	Hoàng Xuân Minh	TS Phạm Minh Thế	
3.14	Đại học	Đảng bộ huyện Ý Yên (tỉnh Nam Định) lãnh đạo thực hiện xóa đói giảm nghèo từ 2010 đến năm 2020	Bùi Thị Thu Thảo	TS Đỗ Hoàng Ánh	
3.15	Đại học	Đảng bộ tỉnh Hoà Bình lãnh đạo công tác thanh niên từ năm 2010 đến năm 2020	Nguyễn Thị Phương Thảo	TS Đỗ Thị Thanh Loan	
3.16	Đại học	Đảng bộ huyện Thái Thụy (tỉnh Thái Bình) lãnh đạo phát triển nông nghiệp từ năm 2005 đến năm 2015	Lương Thị Ngọc Thương	TS Đỗ Thị Thanh Loan	
3.17	Đại học	Bước đầu tìm hiểu ngoại giao tâm công của Đảng từ năm 1945 đến năm 1950	Nguyễn Thị Thu Trang	PGS.TS Lê Văn Thịnh	
3.18	Đại học	Đảng lãnh đạo đạo công tác tư tưởng, lý luận giai đoạn 1991-2001	Trần Đức Trung	TS Lê Thị Quỳnh Nga	
3.19	Đại học	Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo phát triển giáo dục mầm non từ năm 1997 đến năm 2010	Trần Ngọc Tú	PGS.TS Nguyễn Thị Mai Hoa	
3.20	Đại học	Đời sống văn hoá của cộng đồng người Âu ở thành phố Hải Phòng thời cận đại	Phạm Trung Kiên	TS Nguyễn Thị Hoài Phương	
3.21	Đại học	Biến đổi đời sống văn hoá ở làng Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	Phạm Phú Quý	TS Nguyễn Ngọc Minh	
3.22	Đại học	Biểu tượng đô thị: Nghiên cứu trường hợp Nhà máy Dệt, thành phố Nam Định	Mai Thị Vân	TS Nguyễn Thị Bình	

Hà Nội ngày 31 tháng 12 năm 2021
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO